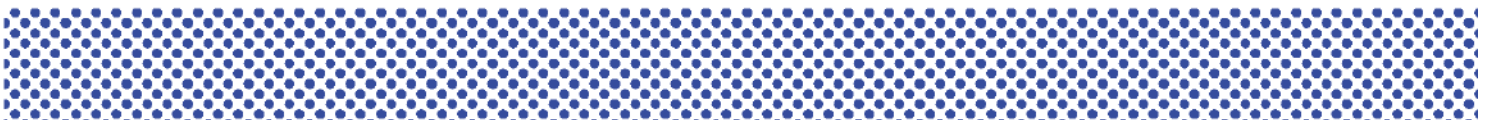


GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



Dịch và lược giải: HT. THÍCH DUY LỰC

KINH LĂNG NGHIÊM



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

KINH LĂNG NGHIỆM



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



Dịch và Lược giải: HT. THÍCH DUY LỰC

KINH LĂNG NGHIÊM

*Tái bản lần thứ tư
có chỉnh sửa*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - PL: 2562 - DL: 2018



LỜI DỊCH GIẢ

Tiếng Hán có văn ngôn và bạch thoại: Văn ngôn đời xưa quá súc tích, thường hay có ý mà chẳng có lời, người xưa nói “Độc chỗ chẳng có chữ” là vậy. Chúng tôi gặp những trường hợp này thì thêm lời vào để sáng tỏ ý nghĩa ẩn trong văn. Những danh từ tiếng Hán mà tiếng Việt ít dùng, lại không thể dịch ra tiếng Việt thì chúng tôi ghi chú; Còn những nghĩa lý thâm sâu khó hiểu thì chúng tôi lược giải thêm.

Chúng tôi muốn tránh chỗ tối nghĩa, để cho người đọc dễ hiểu, nên chẳng chú ý đến sự trau chuốt lời văn, xin độc giả từ bi hoan hỷ cho.





KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN MỘT

Tôi nghe như vậy: Lúc bấy giờ, tại tịnh xá Kỳ Hoàn thành Thất La Phiệt, Đức Phật và chúng Đại Tỳ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là Đại A La Hán, đã ra khỏi luân hồi, đầy đủ oai nghi, giúp Phật hoằng pháp nơi các quốc độ, trì giới thanh tịnh, làm mô phạm cho Tam Giới, ứng hiện vô số thân, hóa độ chúng sanh đến cùng tột vị lai ra khỏi trần lao. Hàng đệ tử được phó chúc trụ trì Phật pháp gồm có: Đại Trí Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Si La, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ni Sa Đà v.v... là bậc thượng thủ và có vô số Bích Chi với môn đồ đồng đến nơi Phật cùng các Tỳ Kheo mãn hạ tự tứ. Khi ấy, mười phương Bồ Tát tuân theo lời Phật sẽ cầu Mật nghĩa, hỏi đạo để quyết nghi.

Bấy giờ, Như Lai trải tòa ngồi yên vì Đại chúng trong Hội khai thị pháp chưa từng có, nghĩa lý thâm sâu, diệu âm thuyết pháp vang khắp mười phương thế giới, hàng sa Bồ Tát đều đến tụ hợp, trong đó Văn Thù Sư Lợi là bậc Thượng Thủ.

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc nhân ngày giỗ của phụ vương làm lễ trai tăng, sắm đủ các món ăn quý báu, đích thân đến thỉnh Phật và chư Đại Bồ Tát vào cung thọ trai. Trong thành còn có nhiều trưởng giả, cư sĩ khác cũng cùng ngày thiết lễ trai tăng, thỉnh Phật đến thọ cúng dường. Phật sai Văn Thù dẫn đầu chư Bồ Tát và A La Hán, chia thành nhiều nhóm, ứng lời mời đến thọ trai nơi các trai chủ. Chỉ có A Nan được vị khác mời riêng, đi xa chưa về, không kịp cùng dự với Tăng chúng.

Lúc ấy, trên đường trở về, một mình A Nan chẳng có Thượng Tọa và A Xà Lê cùng đi, ngày đó lại không ai mời đi cúng dường, trong tâm mong cầu gặp được vị trai chủ sau cùng. Trước kia, A Nan đã từng nghe Phật quở Tu Bồ Đề và Đại Ca Diếp là bậc A La Hán mà người chuyên chọn khát thực nhà giàu, người chuyên chọn khát thực nhà nghèo, tâm chẳng bình đẳng, quyết tuân theo pháp bình đẳng bất nhị của Như Lai, để tránh mọi sự chê bai và nghi hoặc, trong tâm cho rằng: Đối với trai chủ, chẳng kể quý tộc hay hèn hạ, thức ăn dơ sạch, phát tâm từ bi bình đẳng để thành tựu cho tất cả chúng sanh đều được gieo trồng vô lượng công đức. Vừa nghĩ như vậy, tay ôm bình bát, đi từng nhà dọc theo đường phố, oai nghi nghiêm chỉnh, đúng pháp khát thực.

Lúc A Nan đang khát thực đi ngang nhà dâm, bị nàng huyền thuật Ma Đăng Già dùng tà chú Phạm Thiên của ngoại đạo tóc vàng nhiếp vào nhà dâm, vuốt ve cám dỗ, sắp bị hoại giới thể.

Phật đã biết trước việc này, thọ trai xong liền về, vua và đại thần, Trưởng giả cư sĩ, đều đi theo Phật, xin nghe pháp yếu.

Bấy giờ, đánh đầu Thế Tôn phóng ra hào quang bách bửu vô úy, trong hào quang nở ra bửu liên hoa ngàn cánh, trên đó có hóa thân Phật ngồi kiết già thuyết thần chú, sai Văn Thù đem chú đến cứu hộ, tà chú tiêu diệt, đất A Nan và Ma Đăng Già về nơi Phật ở.

A Nan gặp Phật, đánh lễ rơi lệ, hối hận xưa nay chỉ ham học rộng nghe nhiều, chưa tròn đạo lực, nay ân cần thỉnh hỏi Như Lai về phương tiện đầu tiên của ba thứ thiền quán: Sa Ma Tha⁽¹⁾, Tam Ma⁽²⁾ và Thiền Na⁽³⁾, mà mười phương Như Lai đã tu được thành chánh giác. Khi đó, có hằng sa Bồ Tát và các bậc Đại A La Hán, Bích Chi Phật nơi mười phương đều xin cùng nghe, im lặng ngồi yên để lãnh thọ pháp yếu của Phật.

Khi ấy, Thế Tôn giơ tay dịu dàng rờ đầu A Nan, nói với A Nan và đại chúng:

- Có pháp Tam Ma Đề, gọi là ĐẠI PHẬT ĐÁNH THỦ LĂNG NGHIÊM VƯƠNG, bao hàm vạn hạnh, là đường lối vi diệu trang nghiêm, cũng là pháp môn đưa đến giải thoát cuối cùng của mười phương Như Lai, nay Người hãy chú ý nghe.

(1): Sa Ma Tha: Thiền Định cực tịnh đồng như không quán.

(2): Tam Ma Đề: Thiền Định phát dụng biến hóa, đồng như giả quán.

(3): Thiền Na: Thiền Định tịch diệt, lìa năng sở đối đãi, đồng như trung đạo quán.

A Nan đành lễ, kính vâng lời Phật dạy.

Phật bảo A Nan: Người và Ta là anh em, cùng một giống nòi, chẳng biết lúc mới phát tâm, ở nơi pháp Ta, Người thấy tướng thù thắng gì liền xả ân ái sâu nặng của thế gian?

A Nan bạch Phật: Con thấy ba mươi hai tướng thù thắng tuyệt diệu của Như Lai, hình thể trong sáng như lưu ly, thường tự nghĩ tướng này chẳng phải do dục ái sanh ra. Tại sao? Vì dục ái ô nhiễm xấu xa, cấu kết tinh huyết như bản chẳng thể sanh ra diệu tướng quang minh, thanh tịnh thù thắng như thế, do đó nên hâm mộ theo Phật xuất gia.

Phật nói: Lành thay! A Nan, các Người nên biết, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sanh tử liên tục, chỉ vì chẳng biết chơn tâm thường trụ, thể tánh trong sạch sáng tỏ, lại nương theo vọng tưởng, vọng tưởng chẳng chơn nên có luân hồi. Mười phương chư Phật cùng một đạo lìa khỏi sanh tử đều do trực tâm, vì tâm hạnh và lời nói ngay thẳng, như thế từ đầu đến cuối, cho đến các ngôi bậc, ở khoảng giữa chẳng có các tướng quanh co.

Nay Người muốn tham cứu vô thượng Bồ Đề, phát minh chơn tánh, hãy thực tâm mà trả lời câu hỏi của Ta. A Nan, nay Ta hỏi Người: Lúc Người phát tâm duyên theo ba mươi hai tướng của Như Lai, lấy gì để thấy? Ai biết sự ham thích?

- Bạch Thế Tôn, dùng tâm và mắt của con thấy tướng thù thắng của Như Lai, sanh lòng ham thích nên phát tâm, nguyện xả bỏ sanh tử.

Phật bảo: Như Người vừa nói, sự ham thích do nơi tâm và mắt. Nếu chẳng biết tâm và mắt ở đâu thì chẳng thể hàng phục được trần lao; Ví như đất nước có giặc, vua sai binh dẹp trừ, binh lính tất phải biết sào huyệt của giặc. Khiến Người bị luân chuyển ấy là lỗi tại tâm và mắt. Ta hỏi Người: Tâm và mắt của Người hiện đang ở đâu?



BẢY CHỖ GẶP HỎI TÌM TÂM PHÁ CHẤP TÂM Ở TRONG THÂN

- Bạch Thế Tôn! Tất cả mười loại chúng sanh trên thế gian đều cho tâm thức ở trong thân. Nay con nhận được mắt con ở trên mặt con và tâm thức ở trong thân, như mắt Thanh Liên Hoa của Như Lai ở trên mặt Như Lai vậy.

Phật bảo: A Nan! Nay Người ngồi trong giảng đường của Như Lai, nhìn thấy rừng Kỳ Đà ở chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn! Giảng đường rộng rãi thanh tịnh này trong vườn Cấp Cô Độc, còn rừng Kỳ Đà thì ở ngoài giảng đường.

- A Nan! Bây giờ Người ở trong giảng đường trước tiên thấy gì?

- Bạch Thế Tôn! Con ở trong giảng đường trước thấy Như Lai, sau thấy đại chúng, rồi nhìn ra ngoài mới thấy rừng cây.

- A Nan! Người thấy rừng cây, do nhân nào được thấy?

- Bạch Thế Tôn! Vì cửa sổ giảng đường mở trống nên con ở trong thấy suốt bên ngoài.

Phật bảo A Nan:

- Như Người vừa nói, thân ở trong giảng đường, nhờ cửa mở trống nên thấy rừng cây; Mà có chúng sanh nào ở trong giảng đường chẳng thấy Như Lai, lại thấy rừng cây bên ngoài chăng?

- Bạch Thế Tôn! Ở trong giảng đường chẳng thấy Như Lai, lại thấy rừng cây bên ngoài thì chẳng đúng.

- A Nan! Người cũng như vậy, linh tâm của Người tất cả sáng tỏ, nếu tâm sáng tỏ hiện tiền của Người thật ở trong thân thì trước tiên phải thấy rõ trong thân. Vậy có chúng sanh nào trước thấy trong thân rồi sau mới thấy vật bên ngoài chăng? Dẫu chẳng thấy được tim, gan, tỳ, vị, thì các chỗ: Móng ra, tóc dài, gân chuyển cũng phải thấy chứ, sao lại chẳng thấy? Nếu trong thân còn chẳng thấy thì làm sao thấy vật bên ngoài? Cho nên Người nói “*Cái tâm giác tri trụ ở trong thân*” là chẳng đúng. (*Tự tánh bất nhị, vốn chẳng có nghĩa đúng và chẳng đúng, chỉ vì trị bệnh chấp thật nên nói CHẲNG ĐÚNG*).

PHÁ CHẤP TÂM Ở NGOÀI THÂN

A Nan cúi đầu bạch Phật:

- Con nghe lời dạy của Như Lai, ngộ được tâm con thật ở ngoài thân. Tại sao? Ví như đèn thắp trong phòng thì trước phải chiếu sáng trong phòng, rồi sau mới từ cửa rọi ra ngoài sân. Tất cả chúng sanh chẳng thấy trong thân, chỉ thấy ngoài thân, cũng như ngọn đèn ở ngoài phòng chẳng thể chiếu sáng trong phòng, nghĩa này rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ, vậy so với nghĩa lý rốt ráo của Phật chẳng sai ư?

Phật bảo A Nan:

- Các Tỳ Kheo vừa theo Ta khát thực trong thành rồi trở về rừng Kỳ Đà. Ta đã thọ trai xong, Người thử nghĩ, trong số Tỳ Kheo, chỉ một người ăn mà các vị khác được no chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ! Tại sao? Dù các Tỳ Kheo đều là bậc A La Hán, nhưng cơ thể chẳng đồng, đâu thể một người ăn mà khiến cả chúng đều no.

- A Nan! Nếu tâm giác tri của Người thật ở ngoài thân thì trong ngoài khác nhau, chẳng có liên quan, hễ tâm biết thì thân chẳng biết, thân biết thì tâm chẳng biết. Nay ta đưa tay cho Người xem, trong lúc mắt thấy, tâm người biết được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Vâng biết.

- A Nan! Nếu thân và tâm cùng biết một lượt thì sao lại nói tâm ở ngoài thân? Nên biết, Người nói *“Tâm giác tri trụ ở ngoài thân”* là chẳng đúng.

PHÁ CHẤP TÂM ẨN NÚP SAU CON MẮT

- Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, chẳng thấy bên trong nên chẳng ở trong thân; Thân tâm cùng biết một lượt chẳng thể rời nhau nên chẳng ở ngoài thân, nay con thiết nghĩ tâm ở một chỗ.

- Ở chỗ nào?

- Tâm giác tri này đã chẳng biết trong mà thấy bên ngoài, theo con nghĩ là nó ẩn núp sau con mắt. Ví như có người lấy chén lưu ly úp vào hai mắt (*Ngày nay có thể nói là đeo kính*), tuy có vật úp ở ngoài mà chẳng ngại nhãn căn, tùy sự thấy liền phân biệt được. Tâm giác tri của con chẳng thấy bên trong vì ở nơi con mắt, thấy rõ ràng bên ngoài vì ẩn núp sau con mắt.

Phật bảo A Nan:

- Theo lời Người nói, tâm núp sau con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly, vậy thì lúc thấy núi sông, mắt thấy chén lưu ly chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Thật thấy chén lưu ly.

- A Nan, con mắt núp sau chén lưu ly thì thấy được chén lưu ly; Còn tâm núp sau con mắt sao chẳng thấy mắt? Dù cho là thấy mắt, mắt tức là cảnh, cảnh làm sao thấy cảnh? Nếu chẳng thấy mắt thì Người nói "*Tâm giác tri ẩn núp sau con mắt*" là chẳng đúng.

PHÁ CHẤP NHẢM MẮT THẤY TỐI LÀ THẤY TRONG THÂN

- Bạch Thế Tôn! Nay con lại thiết nghĩ rằng, thân thể của chúng sanh, tạng phủ ở trong, khiếu huyết (*Ngũ căn*) ở ngoài, nơi tạng thì tối, nơi khiếu thì sáng. Nay con ở trước mặt Phật, mở mắt thấy sáng gọi là thấy bên ngoài, nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong thân, nghĩa này thế nào?

Phật bảo A Nan:

Khi người nhắm mắt thấy tối, cái cảnh tối ấy là đối với mắt hay chẳng đối với mắt?

Nếu đối với mắt thì tối ở trước mắt, tức ở ngoài thân, sao nói ở trong thân? Giả sử cho tối là trong thân thì lúc trong phòng tối chẳng có ánh sáng, những gì trong phòng tối đều là tạng phủ của Người sao?

Nếu chẳng đối với mắt thì làm sao được thấy? Nếu là sự thấy bên ngoài, thành lập sự thấy đối vào trong, khi nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong thân; Vậy khi mở mắt thấy sáng sao chẳng thấy mặt?

Lại, nếu chẳng thấy mặt thì cái nghĩa “*Con mắt đối vào trong*” chẳng thể thành lập: Nếu thấy mặt thì tâm giác tri và nhãn căn đều ở tại hư không, làm sao nói ở trong?

Lại, nếu ở ngoài hư không thì chẳng phải thân Người, tức hiện nay Như Lai thấy mặt Người cũng là thân Người sao? Vậy mắt Người thấy biết thì thân Người chẳng biết. Nếu Người cho thân và mắt cùng biết một lượt, thì phải có hai cái biết, tức một thân Người phải thành hai Phật! Nên biết Người nói *“Thấy tối gọi là thấy trong thân”* là chẳng đúng.

PHÁ CHẤP SỰ SUY NGHĨ LÀ TÂM

- Con đã từng nghe Phật khai thị tứ chúng rằng: Tâm sanh nên các pháp sanh, pháp sanh nên các tâm sanh. Nay con suy nghĩ, chính cái suy nghĩ ấy là tâm của con; Tùy sự suy nghĩ tâm liền có, cũng chẳng ở trong, ngoài và chính giữa.

- A Nan, Người nói pháp sanh nên các tâm sanh, tùy sự suy nghĩ tâm liền có. Tâm chẳng có tự thể thì chẳng thể suy nghĩ; Nếu chẳng có tự thể mà suy nghĩ được thì vô căn phải thấy được vô trần, nghĩa này chẳng đúng.

Nếu có tự thể thì Người thử dùng tay tự búng thân mình xem, cái tâm biết của Người là từ trong thân ra hay từ bên ngoài ra? Nếu từ bên trong ra thì phải thấy trong thân; Nếu từ bên ngoài ra thì trước tiên phải thấy mặt.

Mắt chủ sự thấy, tâm chủ sự biết, tâm không phải như mắt, nói tâm thấy là chẳng đúng nghĩa.

Phật bảo A Nan:

Nếu thấy là con mắt thì Người ở trong phòng, cửa biết thấy chẳng? (*Phòng dụ cho thân, cửa dụ cho mắt*). Như kẻ đã chết con mắt vẫn còn, lẽ ra phải thấy được vật; Nếu thấy được vật thì sao gọi là chết?

Lại, tâm hay biết của Người nếu thật có tự thể, là một thể hay nhiều thể? Nay nơi thân Người, tâm cùng khắp cơ thể hay chẳng cùng khắp?

Nếu nói một thể, khi tay Người búng một chi, lẽ ra tứ chi đều biết, nếu đều biết thì chỗ búng chẳng có, nếu có chỗ búng thì chẳng phải một thể. Nếu như nhiều thể thì thành nhiều người, vậy thể nào là của Người?

Nếu nói khắp cả cơ thể thì đồng như sự búng kể trên, nếu chẳng khắp thì khi Người sờ đầu và chân, đầu có biết chân phải không biết, nhưng hiện nay Người lại chẳng phải như vậy. Nên biết Người nói: “*Tùy sự suy nghĩ tâm liền có*” là chẳng đúng.

PHÁ CHẤP TÂM Ở CHẶN GIỮA

- Bạch Thế Tôn! Khi Phật với Văn Thù và các Pháp Vương Tử luận về thật tướng, con cũng nghe Phật nói tâm chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài. Theo như con nghĩ, vì chẳng biết trong nên chẳng phải ở trong, thân tâm cùng biết một lượt nên chẳng phải ở ngoài, nay cùng biết một lượt mà chẳng thấy bên trong, tất phải ở giữa.

- Người nói “*Ở giữa*” thì cái chính giữa ấy phải rõ ràng, chẳng phải không chỗ. Theo Người suy xét, giữa ở chỗ nào? Ở nơi xứ (*12 xứ, gồm cả lục căn, lục trần*) hay ở nơi thân?

Nếu ở nơi thân, nơi ngoài da thì chẳng phải là giữa; Ở giữa thì đồng như ở trong. Nếu ở nơi xứ, là có thể nêu ra hay chẳng thể nêu ra? Nếu chẳng thể nêu ra thì đồng như không có; Nếu có thể nêu ra lại chẳng định được chỗ nào. Tại sao? Ví như có người cắm cây nêu làm chính giữa, nhìn từ phương Đông thì cho cây nêu ở phương Tây, nhìn từ phương Nam thì cho cây nêu ở phương Bắc, cái thể giữa được nêu ra đã lẫn lộn thì tâm cũng thành rối loạn, chẳng rõ ở đâu.

A Nan thưa:

- Con nói “*Chính giữa*” chẳng phải hai thứ này. Như Thế Tôn nói: Nhãn căn và sắc trần duyên nhau sanh ra nhãn thức. Nhãn căn phân biệt, sắc trần vô tri, thức sanh nơi giữa, tức là tâm vậy.

Phật bảo:

- Nếu tâm Người ở giữa căn trần, vậy tâm thể này gồm cả hai hay chẳng gồm? Nếu gồm cả hai thì vật và thể xen lộn, vật thì vô tri, thể thì có biết, thành hai thứ đối địch, lấy gì làm giữa? Nếu là biết (*Căn*) và không biết (*Trần*) thì chẳng có thể tánh, vậy lấy tướng nào làm chính giữa? Nên biết Người nói “*Tâm ở chính giữa*” là chẳng đúng.

PHÁ CHẤP “TẤT CẢ VÔ TRƯỚC” LÀ TÂM

- Bạch Thế Tôn! Khi xưa con thấy Phật với bốn đại đệ tử (*Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lâu Na và Xá Lợi Phất*) cùng chuyển pháp luân, thường nói “*Cái tâm giác tri chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở giữa, chẳng ở chỗ nào cả, tất cả vô trước gọi là Tâm*”. Vậy con vô trước, được gọi là tâm chăng?

Phật bảo A Nan:

- Người nói cái tâm giác tri chẳng ở chỗ nào cả, vậy như các loài bay trên hư không, ở dưới nước và trên bờ, gọi là tất cả vật tượng nơi thế gian mà Người vô trước đó, là có hay không? Không thì đồng như lông rùa sừng thỏ, nói gì vô trước? Nếu có sự vô trước thì chẳng thể gọi là không. Không tướng mới không, chẳng không thì có tướng, tâm đã chấp có tướng, thì còn nói gì vô trước? Nên biết, nói “*Tất cả vô trước gọi là Tâm Giác Tri*” là chẳng đúng.

LƯỢC GIẢI

Ở đây nêu ra bảy chỗ gạn hỏi, ý Phật là muốn đưa A Nan thẳng đến chỗ tự ngộ, lời Phật chẳng phải chơn lý. Phật chỉ dùng thuốc giả để trị bệnh giả của A Nan. Tại sao nói là bệnh giả? Vì những kiến chấp của A Nan vốn chẳng thật. Tại sao nói thuốc giả? Vì lời phá chấp của Phật cũng chẳng thật.

Cũng như A Nan nói tâm ở trong thân, ở ngoài thân, cho đến nói vô trước là tâm, kỳ thật không phải có chỗ chẳng đúng hay chẳng sai, vì chấp nhất định ở một chỗ, nên Phật nói chẳng đúng. Nếu bệnh chấp chưa hết thì có thể nêu ra vô số chỗ, chứ đâu phải chỉ có bảy chỗ ư? Nếu bệnh chấp đã hết thì một chỗ cũng chẳng có, nói gì đến bảy chỗ!

Tự tánh vốn bất nhị, nếu chấp theo lời Phật, cho “Thật chẳng ở trong” là nhị, cho “Thật chẳng ở ngoài” cũng là nhị, cho đến bất cứ có ở một chỗ nào, hay chẳng ở một chỗ nào đều là nhị. Tại sao? Vì nếu có ở một chỗ này thì những chỗ kia không có, chỗ có chỗ không tức là nhị. Nên Phật nói: Phạm hữu ngôn thuyết, giai phi thật nghĩa (Phạm có lời nói đều chẳng phải nghĩa thật).

Bấy giờ, A Nan ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo tay phải, quỳ gối chân phải, chấp tay cung kính bạch Phật:

- Con là em út của Như Lai, được Phật thương mến, nay dù xuất gia nhưng còn y lại nơi lòng thương yêu của Phật, chỉ ham học rộng nghe nhiều, chưa được vô lậu, chẳng uốn dẹp được tà chú, bị nhiếp vào nhà dâm, chỉ vì chẳng biết chỗ đến của Chơn Thật, kính mong Thế Tôn từ bi thương xót, khai thị cho chúng con đường lối tu thiền quán Sa Ma Tha, khiến kẻ Xiển đề xóa bỏ ác kiến.

Nói xong đánh lễ, năm vóc gieo sát đất, cùng đại chúng khao khát kính nghe chỉ dạy.

Lúc ấy, Thế Tôn từ trên mặt phóng ra đủ thứ hào quang, xán lạn như trăm ngàn mặt trời, chiếu khắp các thế giới Phật, khiến thành sáu thứ rung động, mười phương vô số quốc độ đồng thời hiện ra. Oai thần của Phật khiến các thế giới hợp thành một thế giới, tất cả chư Đại Bồ Tát trong thế giới đều an trụ nơi quốc độ của mình, chấp tay lắng nghe.

Phật bảo A Nan:

- Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, đủ thứ điên đảo tạo thành giống nghiệp, kết tụ nghiệp nhân thành quả luân hồi. Những người tu hành chẳng được chứng quả vô thượng Bồ Đề, trở thành Thanh Văn, Duyên Giác hoặc thành cõi Trời ngoại đạo, ma vương và quyến thuộc ma, đều do chẳng biết hai thứ căn bản, tu tập sai lầm, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dầu cho trải qua nhiều kiếp cũng chẳng đắc đạo.

Thế nào là hai thứ căn bản?

- Một là căn bản của sanh tử từ vô thủy, tức là nay nhận tâm phân duyên làm tự tánh của Người và chúng sanh.

- Hai là Bản Thể vốn thanh tịnh của Bồ Đề Niết Bàn từ vô thủy, tức là cái Bản Thức⁽⁴⁾ vốn sáng tỏ, hay sanh các duyên mà bị các duyên che khuất thành lạc mất của Người. Vì chúng sanh lạc mất Bản Thức sáng tỏ, dù hàng ngày sống trong bản thức mà chẳng tự biết, oan uổng vào lục đạo.

(4): Bản thức: Bản tâm, Bản kiến, Bản văn, Bản giác, Bản tri đều là biệt danh của Tự Tánh.

A Nan, nay Người muốn biết đường tu thiền quán Sa Ma Tha, mong ra khỏi sanh tử, vậy Ta hỏi Người.

Liền đó, Như Lai giơ cánh tay sắc vàng co năm ngón tay, bảo A Nan: - Người có thấy chăng?

A Nan đáp: - Thấy.

Phật bảo: - Người thấy cái gì?

A Nan đáp: - Con thấy Như Lai giơ tay, co ngón tay thành nắm tay sáng ngời, chói tâm và mắt con.

Phật bảo: - Người dùng cái gì để thấy?

- Con và đại chúng đều dùng mắt thấy.

Phật bảo A Nan:

- Theo lời Người đáp, Như Lai co ngón tay thành nắm tay sáng ngời, chói tâm mắt của Người, vậy lúc nắm tay Ta chói rọi, mắt Người thấy được, lấy gì làm tâm?

A Nan đáp:

- Nay Như Lai gạn hỏi tâm ở chỗ nào, con dùng tư tưởng suy tìm, thì cái hay suy tìm ấy, con cho là tâm.

Phật bảo:

- Sai rồi, A Nan! Cái ấy chẳng phải tâm Người.

A Nan giật mình đứng dậy, chắp tay bạch Phật rằng:
“Cái ấy chẳng phải tâm con thì gọi là cái gì?”.

Phật bảo A Nan:

- Ấy là tướng vọng tưởng của tiền trần, mê hoặc chơn tánh của Người. Do Người xưa nay nhận giác làm con, lạc mất Bản Thức chơn thường, nên bị luân chuyển.

- Bạch Thế Tôn! Con là em cung của Phật, vì mến Phật nên xuất gia. Tâm con chẳng những cúng dường Như Lai, mà còn muốn trải khắp hàng sa quốc độ, phụng sự chư Phật và thiện tri thức, phát tâm dũng mãnh, làm những Phật sự khó làm, đều dùng tâm này; Dẫu cho báng pháp, bỏ hẳn thiện căn cũng vì tâm này. Nếu Thế Tôn phát minh cái ấy chẳng phải tâm, vậy con thành không có tâm, đồng như đất gỗ, lìa giác tri này chẳng còn gì cả, sao Như Lai nói cái ấy chẳng phải tâm? Con thật kinh sợ, và cả đại chúng đều chẳng khỏi nghi hoặc, kính mong Thế Tôn rủ lòng từ bi, khai thị cho kẻ chưa ngộ.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn cho A Nan và đại chúng đều được chứng nhập vô sanh pháp nhẫn, nơi tòa sư tử, xoa đầu A Nan khai thị rằng:

- Như Lai thường nói: Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện. Tất cả nhân quả, thế giới vi trần đều do tâm này mới thành có thể tánh. A Nan, tất cả sự vật trên thế gian, cho đến cỏ, lá, chỉ mảnh, cứu xét cội gốc đều có thể tánh, dẫu cho hư không cũng có danh hiệu, hướng là cái tánh trong sạch sáng tỏ của tất cả tâm lại chẳng có tự thể ư? Nếu Người chấp thật cái tánh

giác tri phân biệt cho là tâm, thì tâm này là tất cả sự vật lục trần phải riêng có tự thể (*Chẳng theo cảnh trần sanh diệt*). Như Người hiện nay đang nghe thuyết pháp, là do âm thanh nên có phân biệt; Dầu cho diệt hết tất cả kiến, văn, giác, tri, trong giữ u nhân, cũng còn là bóng phân biệt của pháp trần.

Ta chẳng bảo Người chấp thật phi tâm, nhưng Người hãy xét kỹ nơi tâm: Nếu là tiền trần mà có tự thể của tánh phân biệt, tức là chơn tâm của Người. Nếu tánh phân biệt là trần chẳng có tự thể, ấy là bóng phân biệt của tiền trần. Trần chẳng thường trụ, khi biến diệt thì tâm này đồng như lông rùa, sừng thỏ, vậy pháp thân của người thành ra đoạn diệt, còn ai tu chứng vô sanh pháp nhẫn? (*Cảnh trần có hai loại: Đối với ngũ căn gọi là tiền trần, đối với ý căn gọi là Pháp Trần*).

Tức thời, A Nan cùng đại chúng im lặng ngơ ngác, chẳng còn lý lẽ gì để nói nữa.

Phật bảo A Nan:

- Tất cả người tu học trên thế gian, vì chưa dứt sạch tập khí phiền não, dù đã tu đến chín bậc thiền định, chẳng thành quả A La Hán, đều do chấp trước sanh tử vọng tưởng, cho là chơn thật, nên Người dầu được học rộng nghe nhiều, chẳng chứng Thánh quả.

A Nan nghe rồi, lại đau xót rơi lệ, nắm vóc gieo sát đất, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng:

- Từ khi con phát tâm xuất gia, ỷ cậy oai thần của Phật, thường nghĩ rằng chẳng nhọc tự tu, cho rằng Như Lai sẽ ban cho tam muội, không biết thân tâm vốn chẳng thể thay thế nhau được, nên lạc mất Bản Tâm; Thân dù xuất gia, tâm chẳng nhập đạo, như đứa con nghèo bỏ cha chạy trốn. Đến nay mới biết, dầu cho học rộng nghe nhiều, nếu chẳng tu hành⁽⁵⁾ thì khác gì người chẳng nghe! Cũng như nói ăn mà không ăn thì làm sao được no!

Thế Tôn, hiện nay chúng con bị hai chướng ràng buộc (*Phiền não chướng và sở tri chướng*), vì chẳng biết tự tánh thường tịch, mong Như Lai thương xót kẻ khốn cùng, khai phát Diệu Tâm, sáng tỏ đạo nhãn cho chúng con.

Lúc ấy, Như Lai từ chũ (*Vạn*) trước ngực phóng ra hào quang, rực rỡ trăm ngàn màu sắc, đồng thời chiếu khắp mười phương vô số quốc độ Phật, soi khắp đỉnh đầu tất cả Như Lai trong mười phương bửu sát, rồi xoay về soi cả đầu A Nan cùng đại chúng, bảo A Nan rằng:

- Nay Ta vì Người dựng đại pháp tràng, khiến mười phương chúng sanh đều được Diệu Tâm sáng tỏ, pháp nhãn thanh tịnh. A Nan, trước Người trả lời thấy nắm tay chói sáng, vậy cái nắm tay này do đâu mà có? Làm sao thành nắm tay? Người lấy gì để thấy?

(5): Theo đúng pháp môn thực hành, có tu có chứng, mới được gọi là tu hành.

A Nan đáp:

- Do tánh thanh tịnh sáng ngời như núi báu của thân Phật sanh ra hào quang, ngón tay Phật co nắm lại thành nắm tay, chính mắt con thấy tướng nắm tay vậy.

Phật bảo A Nan:

- Hôm nay Ta nói thật cho nghe: Những người có trí cũng phải nhờ thí dụ mới được khai ngộ. A Nan, ví như cái nắm tay của Ta, nếu chẳng có cánh tay thì chẳng thành nắm tay của Ta, nếu chẳng có con mắt Người thì chẳng thành sự thấy của người. Vậy lấy nhãn căn của Người so với nắm tay của Ta, hai nghĩa giống nhau chăng?

- Bạch Thế Tôn! Vâng giống. Nếu chẳng có con mắt thì chẳng thành sự thấy của con, vậy đem nhãn căn của con so với nắm tay của Như Lai, hai nghĩa giống nhau.

Phật bảo A Nan:

- Người nói giống nhau, nghĩa này chẳng đúng. Tại sao? Như người không có cánh tay thì tuyệt nhiên chẳng có nắm tay, nhưng người không có mắt thì chẳng phải không thấy. Vì sao? Người thử hỏi người mù có thấy gì chăng? Người ấy ắt sẽ trả lời: *“Nay trước mắt tôi chỉ thấy tối đen, chẳng còn thấy gì khác”*. Xét theo nghĩa này thì tiền trần tự tối, sự thấy đâu có giảm bớt!

A Nan nói:

- Những người mù trước mắt chỉ thấy tối đen, sao gọi là thấy?

Phật bảo A Nan:

- Người mù không có mắt, chỉ thấy tối đen, so với người có mắt ở trong phòng tối, cũng chỉ thấy tối đen, hai thứ tối đen ấy có khác hay chẳng khác?

- Bạch Thế Tôn! Thật chẳng có khác.

- A Nan, nếu người không có mắt, thấy toàn tối đen, bỗng được mắt sáng, liền thấy các sắc tướng trước mắt, gọi là “*Mắt thấy*”, người ở trong phòng tối cũng toàn thấy tối đen, bỗng được đèn sáng, cũng thấy các sắc tướng trước mắt, thì phải gọi là “*Đèn thấy*”. Nếu đèn có thấy thì chẳng được gọi là đèn, lại đèn thấy thì có dính dáng gì đến Người? Vậy biết, đèn chỉ có tác dụng hiển hiện sắc tướng, sự thấy là mắt, chẳng phải đèn; Mắt chỉ có tác dụng hiển hiện sắc tướng, sự thấy là tâm, chẳng phải mắt.

A Nan và đại chúng dù nghe lời Phật nói vậy, miệng tuy im lặng, nhưng tâm vẫn chưa ngộ, mong được giảng rõ thêm, nên thành tâm chấp tay, đợi Phật dạy bảo.

Bấy giờ, Thế Tôn duỗi cánh tay sáng ngời, mở năm ngón tay, bảo A Nan và đại chúng:

- Lúc Ta mới thành đạo nơi Lộc Viên, có nói với năm vị Tỳ Kheo và tứ chúng rằng: Tất cả chúng sanh chẳng thành Bồ Đề và chứng quả A La Hán, đều tại lầm theo phiền não khách trần. Lúc đó, các Người do đâu được khai ngộ, nay chứng Thánh quả?

Khi ấy, Kiều Trần Như đứng dậy bạch Phật:

- Con là bậc Trưởng lão trong chúng được gọi là hiểu rộng biết nhiều, vì ngộ hai chữ KHÁCH TRẦN nên được chứng quả. Thế Tôn, ví như người đi đường vào nghỉ ở khách sạn, ăn ngủ xong rồi lên đường đi tiếp, chẳng thể ở lại, còn người chủ thì cư trú tại đó, chẳng cần đi đâu. Vậy chẳng trụ là khách, trụ gọi là chủ, nên lấy sự “*Chẳng trụ*” làm nghĩa chữ KHÁCH.

Cũng như mưa mới tạnh, ánh sáng mặt trời rọi qua kẽ hở, thấy rõ tướng bụi trần lặn xăng nơi hư không. TRẦN thì lay động. HƯ KHÔNG tịch nhiên. Vậy tịch lặng gọi là Không, lay động gọi là Trần, nên lấy sự “*Lay động*” làm nghĩa chữ TRẦN.

Phật nói: - Đúng thế!

Tức thời Như Lai ở trong đại chúng co năm ngón tay, nắm rồi lại mở, mở rồi lại nắm, hỏi A Nan:

- Nay Người thấy gì?

A Nan đáp:

- Con thấy bàn tay của A Nan lúc mở lúc nắm.

Phật bảo A Nan:

- Người thấy tay Ta mở nắm, là tay Ta có mở có nắm, hay cái thấy của Người có mở có nắm?

A Nan đáp:

- Bàn tay của Như Lai tự mở nắm, chứ chẳng phải tánh thấy của con có mở nắm.

Phật hỏi: - Cái nào động, cái nào tịnh?

A Nan đáp:

- Tay Phật chẳng trụ, tánh thấy của con tịnh còn chẳng có, làm sao có động! (*Bản Kiến bất nhị, Động Tịnh đều chẳng nhiễm*).

Phật nói: - Đúng thế!

Liền đó, Như Lai từ trong bàn tay phóng ra một tia hào quang rọi bên phải A Nan. A Nan liền quay đầu nhìn bên phải, Phật lại phóng một tia hào quang rọi bên trái A Nan, A Nan lại quay đầu nhìn bên trái, Phật bảo A Nan:

- Đầu Người vì sao lại lay động?

A Nan đáp:

- Con thấy Như Lai phóng hào quang đến hai bên cạnh con, nên theo đó nhìn qua nhìn lại, đầu tự lay động.

- A Nan, Người nhìn theo hào quang lay động là đầu người động hay cái thấy động?

- Bạch Thế Tôn! Đầu con tự động, tánh thấy của con ngưng còn chẳng có, nói gì lay động! (*Bản Kiến không đối đãi; Động và Chẳng Động đều chẳng dính dáng*).

Phật nói: - Đúng thế!

Do đó, Phật bảo đại chúng rằng: Nếu chúng sanh cho “*Lay động*” là Trần, “*Chẳng trụ*” là Khách, các người hãy xem, như A Nan đầu tự lay động mà tánh thấy chẳng động; Lại tay Ta tự mở nắm mà tánh thấy chẳng mở nắm. Vậy sao các Người hiện nay lại cho Động là Thân, cho Động là Cảnh, từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt, lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo. Vì tâm tánh chẳng chơn, nhận vật làm mình, tự trôi lăn theo dòng sanh tử, cam chịu luân hồi!

HẾT QUYỂN MỘT

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN HAI

Lúc bấy giờ, A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thủy đến nay, lạc mất Bản Tâm, lầm nhận bóng phân biệt của nhân duyên căn trần, hôm nay khai ngộ, như đứa bé khát sữa bỗng được gặp mẹ, chấp tay lễ Phật, mong được nghe Như Lai hiển bày chỗ chơn vọng hư thật của thân tâm, phát minh hai tánh sanh diệt và chẳng sanh diệt ngay trước mắt.

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch Phật:

- Xưa kia con chưa được nghe lời dạy của Phật, thấy bọn ngoại đạo Ca Chiên Diên (*Chấp các pháp cũng có cũng không*) và Tỳ La Chi Tử (*Chấp mãi kiếp tự nhiên đặc đạo*), đều nói thân này sau khi chết đoạn diệt gọi là Niết Bàn. Nay dù gặp Phật nhưng vẫn còn hồ nghi, chẳng biết làm thế nào mới được chứng tỏ chỗ chẳng sanh diệt của tâm này, hiện nay hàng hữu lậu trong chúng đều mong cùng nghe.

Phật nói với vua:

- Thân ông ở đây, nay Ta hỏi ông, cái nhục thân này là đồng như kim cang, thường trụ chẳng hoại hay có biến diệt?

- Bạch Thế Tôn! Thân con rốt cuộc sẽ phải biến diệt.

Phật hỏi:

- Ông chưa từng diệt, sao biết phải diệt?

- Bạch Thế Tôn! Cái thân vô thường biến hoại của con dù chưa từng diệt, nhưng con xét thấy trước mắt niệm niệm dời đổi, mãi mãi không thôi, dần dần tiêu mòn, như lửa thành tro, sự tiêu mòn chẳng ngừng, nên biết chắc chắn thân này rồi sẽ diệt mất.

Phật nói:

- Đúng thế, Đại Vương! Tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt mày so với thuở nhỏ như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Xưa con còn nhỏ, da thịt mịn mơn, đến khi trưởng thành, khí huyết sung túc, nay thì tuổi già, ngày thêm suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần mệt mỏi, tóc bạc mặt nhăn, sự sống chẳng còn bao lâu nữa, làm sao so bằng lúc trẻ mạnh!

Phật nói:

- Hình thể của ông đâu phải bỗng nhiên biến hoại!

- Bạch Thế Tôn! Sự biến hóa âm thầm dời đổi, con thật chẳng hay, mùa đông mùa hạ thấm thoát trôi qua, dần dần đến thế này. Tại sao? Khi hai mươi tuổi, dù gọi là trẻ, nhưng mặt mày đã già hơn lúc lên mười, khi ba mươi tuổi lại sứt hơn lúc hai mươi, đến nay đã

sáu mươi hai, so với lúc năm mươi thì suy yếu hơn nhiều. Thế Tôn, con cảm thấy sự dời đổi âm thầm trôi chảy theo kỳ hạn mười năm, nhưng nếu suy xét tỉ mỉ thì cái biến đổi ấy đâu phải từng 10 năm! Thật ra thì mỗi năm mỗi đổi, cho đến mỗi tháng, mỗi ngày, mỗi giờ, trong mỗi sát na niệm niệm biến đổi chẳng ngừng, nên biết thân này chung quy biến diệt vậy.

Phật nói:

- Ông thấy biến hóa dời đổi chẳng ngừng, ngộ biết phải diệt. Vậy trong lúc diệt, ông còn biết trong thân có cái gì chẳng diệt chẳng?

Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật:

- Con thật chẳng biết!

Phật nói:

- Nay Ta chỉ cho ông cái tánh chẳng sanh diệt. Đại Vương, ông thấy nước sông Hằng hồi mấy tuổi?

Vua đáp:

- Lúc lên ba, mẹ con dắt đi yết lễ thần Tỳ Bà Thiên, đi qua sông này, khi ấy đã biết sông Hằng.

Phật nói:

- Như lời ông nói, lúc hai mươi tuổi thì sút hơn lúc lên mười, cho đến sáu mươi niệm niệm dời đổi theo từng ngày giờ. Vậy khi ông ba tuổi thấy nước sông, rồi đến năm mười ba, thấy nước sông, tánh thấy như thế nào?

Vua đáp:

- Tánh thấy cũng giống như khi ba tuổi, cho đến năm nay đã sáu mươi hai cũng chẳng có khác (*Bản Kiến vốn chẳng sanh diệt biến đổi*).

Phật nói:

- Nay ông tự than đã già, mặt ông chắc phải nhăn hơn lúc trẻ, vậy hiện nay thấy sông Hằng với lúc nhỏ thấy sông Hằng, cái tánh thấy có già trẻ gì chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ!

Phật nói:

- Mặt ông dù nhăn mà cái tánh của kiến tinh (*Năng thấy*) chưa từng nhăn, có nhăn là biến, chẳng nhăn thì bất biến; Biến ắt phải diệt, bất biến vốn chẳng sanh diệt. Vậy lấy gì để thọ nhận sanh tử cho ông? Mà còn đem tà thuyết của bọn Mạt Già Lê kia, cho là thân này sau khi chết đoạn diệt!

Vua nghe Phật dạy, tin biết BỔN KIẾN thật chẳng đoạn diệt, bỏ thân này sẽ được thân khác, nên cùng đại chúng vui mừng được pháp chưa từng có.

Ngay đó, A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay đánh lễ, quỳ gối bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu cái tánh thấy nghe này thật chẳng sanh diệt, sao Thế Tôn lại nói chúng con lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo? Xin Phật từ bi, rửa sạch trần cấu cho chúng con.

Tức thời, Như Lai duỗi cánh tay sắc vàng, ngón tay chỉ xuống, bảo với A Nan:

- Nay Người thấy tay Ta là chánh hay đảo?

A Nan đáp:

- Chúng sanh thế gian cho đây là đảo, mà con thì chẳng biết thế nào chánh, thế nào đảo?

Phật bảo A Nan:

- Nếu người thế gian cho đây là đảo thì lấy gì làm chánh?

A Nan đáp:

- Như Lai đưa cánh tay chỉ lên trời gọi là chánh.

Phật liền giơ cánh tay lên, bảo rằng:

- Theo tánh thấy là chánh, theo cảnh trần là đảo; Tánh thấy chẳng có chánh, đảo, cảnh trần mới có chánh, đảo, nay chẳng theo tánh thấy mà duyên theo cảnh trần, đã là một lớp điên đảo. Lại, theo lý lẽ thường, cánh tay chỉ xuống thuận theo thân là chánh, cánh tay chỉ lên nghịch với thân là đảo; Nay người thế gian đầu đuôi đổi nhau, cho thuận là đảo, cho nghịch là chánh, thành điên đảo bội phần. Vậy đem thân Người so với pháp thân thanh tịnh của Như Lai thì được biết rõ, thân Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, thân các Người gọi là Tánh Diên Đảo. Người hãy quán xét kỹ giữa thân người và thân Phật, cái cho là điên đảo ấy, ở chỗ nào gọi là Diên Đảo?



LƯỢC GIẢI

Thanh tịnh pháp thân tức Diệu Tâm sáng tỏ chơn thật (Gốc), kiến văn giác tri tức là vật do Diệu Tâm hiện ra (Ngọn); Về gốc là chánh, theo ngọn là đảo, ví như bọt nổi nơi biển, nhận biển là chánh, nhận bọt là đảo. Phật hỏi A Nan: Người thấy tay Ta là Chánh hay Đảo? Khi đó A Nan nên ở nơi Tánh Thấy của mình trực ngộ thể nào Chánh, thể nào Đảo, chẳng nên nơi tay Như Lai cho là Chánh, là Đảo. Cũng như Tu Bồ Đề tĩnh tọa trong hang, chẳng nhờ căn thức được thấy Pháp thân Như Lai, gọi là Chánh Biến Tri. Dùng mắt A Nan để thấy tay Như Lai, lại ở nơi tay phân biệt Chánh hay Đảo, ấy là duyên theo lục thức, bỏ gốc theo ngọn, đã lìa ngôi chánh nên gọi là Tánh Điên Đảo.

Khi ấy A Nan và đại chúng ngẩn ngơ nhìn Phật không nháy mắt, chẳng biết chỗ thân tâm điên đảo, Phật mở lòng từ bi thương xót A Nan và đại chúng, phát hải triều âm bảo khắp trong Hội rằng:

- Các thiện nam tử! Ta thường nói: Các duyên tâm và sắc với các tâm sở (*Buồn, vui, yêu, ghét v.v...*) các pháp sở duyên (*Cảnh trần*) đều do tâm biến hiện, thân tâm của Người cũng là vật do Diệu Tâm hiện ra, vậy sao các Người lại lạc mất Cái Bản tánh vốn tròn đầy sáng tỏ của Diệu Tâm, nhận lầm cái mê (*Vọng tâm*) nơi ngộ (*Diệu tâm*) cho là tâm tánh,

bền mê diệu minh (*Diệu tâm sáng tỏ*) trở thành vô minh, từ vô minh biến thành ngoan không, vô minh là năng biến, ngoan không là sở biến, năng sở hòa hợp biến ra tứ đại, là ngoại sắc của y báo, sắc lẫn lộn với tâm vọng tưởng thành có chúng sanh, là nội sắc của chánh báo, tưởng (*Vọng tưởng*), tướng (*Vọng sắc*) làm thân, nhiếp trì thân tâm là thức thứ tám, tụ duyên lay động bên trong là thức thứ bảy, rong ruổi theo cảnh bên ngoài là thức thứ sáu, từ vô minh biến khởi vọng duyên vọng trần, mà nhận tướng nhiều loạn lăng xăng này, mê muội cho là tự tâm ở trong sắc thân, chẳng biết sắc thân, núi sông, đất đai cho đến hư không đều là vật do Diệu Tâm biến hiện, ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn, chỉ nhận một bọt nước cho đó là bao gồm tất cả nước biển, cũng như các người, tự bỏ BẢN KIẾN, lại ở nơi tay Ta phân biệt chánh, đảo, thật là mê lại thêm mê. Như Lai nói là kẻ đáng thương xót vậy.

A Nan thọ nhận lòng từ bi dạy bảo thâm sâu của Phật, rơi lệ chấp tay bạch Phật rằng:

- Con dù được nghe diệu âm, ngộ biết chỗ Bản Lai thường trụ viên mãn của Diệu Tâm mà con hiện nay dùng tâm phan duyên nghe tiếng thuyết pháp của Phật, dấu ngộ được tâm này, nhưng chưa dám cho là Bản Tâm, mong Phật thương xót khai thị diệu pháp, nhổ trừ gốc nghi ngờ của con, để được đến đạo Vô Thượng.

Phật bảo A Nan:

- Các Người nay còn dùng tâm phan duyên để nghe pháp, vậy pháp này cũng là duyên, chẳng hợp pháp tánh. Cũng như có người dùng tay chỉ mặt trăng cho người khác xem, người ấy nên nhờ ngón tay để thấy mặt trăng; Nếu nhìn ngón tay cho là mặt trăng thì chẳng những bỏ mất mặt trăng, cũng chẳng biết ngón tay. Tại sao? Vì cho ngón tay là mặt trăng, chẳng những không biết ngón tay, lại cũng chẳng phân biệt được sáng tối. Tại sao? Vì cho cái Bản Thể của ngón tay là tánh sáng của mặt trăng, chẳng rõ được hai tướng sáng tối vậy. Các Người cũng thế, nếu dùng ý thức phân biệt tiếng thuyết pháp của Ta, cho là tâm của các Người, thì tâm này phải lìa sự phân biệt âm thanh, riêng có tánh phân biệt. Ví như người đi đường ở lại khách sạn, nghỉ tạm rồi đi, chẳng được thường trú, còn người giám đốc khách sạn thì khỏi phải đi đâu cả, nên gọi là chủ. Nay cũng như thế, nếu là chơn tâm (*Chủ*) của Người thì khỏi cần đi đâu, sao lại lìa âm thanh chẳng có tự thể của tánh phân biệt? Thế thì, cái tâm phân biệt âm thanh dung mạo này, lìa các sắc tướng chẳng có tự thể của tánh phân biệt cho đến sự phân biệt cũng chẳng có, phi sắc phi không, mà bọn ngoại đạo Câu Xá Ly mê muội cho là Minh Đế (*Thần ngã*). Nếu lìa các pháp nhân duyên chẳng có tự thể của tánh phân biệt thì tâm tánh các Người đều có chỗ trả về, lấy gì làm chủ?

A Nan nói:

- Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trả về, thì cái Diệu Tâm sáng tỏ của Như Lai nói, sao chẳng có chỗ trả về? Xin Phật thương xót, khai thị cho con.

Phật bảo A Nan:

- Nay Người thấy được Ta là do cái kiến tinh sáng tỏ (*Đệ Nhị Nguyệt*), kiến tinh này chẳng phải là Diệu Tâm sáng tỏ (*Đệ Nhất Nguyệt*), gương nói như mặt trăng thứ hai, cũng chẳng phải bóng của mặt trăng thứ nhất vậy. Người hãy chú ý nghe, bây giờ Ta sẽ chỉ rõ chỗ chẳng thể trả về. A Nan, như đây, giảng đường mở cửa bên đông, mặt trời mọc lên thì sáng, nửa đêm không trăng thì tối; Chỗ có cửa nẻo thì thông, chỗ có vách tường thì nghẽn, chỗ phân biệt là duyên, nơi hư không là trống rỗng, bụi trần nổi lên thì thấy mịt mù, mưa tạnh trời thanh thì thấy sáng sủa. A Nan! Người xem các tướng biến hóa này, nay Ta trả về chỗ Bản Nhân của nó! Sao gọi là Bản Nhân? Các tướng biến hóa này, sáng trả về mặt trời, tại sao? Vì không mặt trời thì chẳng sáng, sáng thuộc mặt trời, nên trả về mặt trời, tối trả về đêm không trăng, thông trả về cửa nẻo, nghẽn trả về vách tường, duyên trả về phân biệt, trống rỗng trả về hư không, mịt mù trả về bụi trần, sáng sủa trả về mưa tạnh, tất cả việc thế gian không ngoài những loại này, vậy còn kiến tinh thấy được tám thứ kể trên đó, người định trả về đâu? Nếu trả cho sáng

thì lúc không sáng chẳng thể thấy tối, thế thì sáng tối chẳng thể phân biệt, còn bảy thứ kia cũng giống như vậy. Những cái trả về được tất nhiên chẳng phải Người, cái không thể trả về, chẳng phải Người là ai? Vậy biết tâm Người vốn diệu minh trong sạch, Người tự mê muội lạc mất BẢN TÂM, cam chịu luân hồi, thường bị trôi lăn trong vòng sanh tử, nên Như Lai nói là đáng thương xót!

A Nan nói:

- Con dù biết tánh kiến này chẳng thể trả về, nhưng làm sao biết là chân tánh của con?

Phật bảo A Nan:

- Ta hỏi Người, nay Người chưa đắc quả vô lậu, nhờ thần lực của Phật, được thấy cõi sơ thiên chẳng có ngăn ngại, mà A Na Luật thấy cõi Ta Bà như xem trái Yêm Ma La trong bàn tay, các Bồ Tát thấy trăm ngàn cõi, mười phương Như Lai cùng tột vô số quốc độ Phật, chẳng chỗ nào không thấy khắp, mà sức thấy của chúng sanh thì chẳng quá vài dặm. A Nan, nay Ta cùng Người xem cung điện của Tứ Thiên Vương, từ đó trở xuống, xem tất cả hình tượng sáng tối khắp hư không, dưới nước và trên bờ, đều bị chướng ngại nơi tiền trần phân biệt, nay Ta cho Người phân biệt trong sự thấy, xét xem cái nào là tự thể của tánh thấy,

cái nào là vật tượng? A Nan, cùng tột sức thấy của Người, từ cung trăng cho đến Thất Kim Sơn, quán xét cùng khắp, dù có đủ thứ ánh sáng cũng đều là vật chứ chẳng phải Người, dần dần xem đến mây bay, chim hót, gió động, bụi nổi, cho đến núi sông, đất đai, người thú, cỏ lá... đều là vật chứ chẳng phải Người. A Nan, các tánh vật xa gần dù có khác biệt, nhưng đều do kiến tinh trong sạch của Người mà nhìn thấy. Vậy thì các loài vật tự có sai biệt mà tánh kiến chẳng khác, cái kiến tinh Diệu Minh này chính là tánh thấy của Người.

- Nếu kiến tinh là vật thì Người cũng có thể thấy kiến tinh của Ta, nếu cùng thấy gọi là thấy kiến tinh Ta, thì lúc Ta chẳng thấy, sao Người không thấy chỗ chẳng thấy của Ta? Nếu thấy được chỗ chẳng thấy của Ta thì chẳng phải cái tướng chẳng thấy; Nếu không thấy chỗ chẳng thấy của Ta, thì kiến tinh tất nhiên phi vật, sao lại chẳng phải Người?

- Nếu kiến tinh là vật, thì vật cũng có tánh thấy, lúc Người thấy vật, vật cũng thấy Người, thể tánh lẫn lộn thì Người và Ta với tất cả thế gian chẳng thể an lập. A Nan, nếu lúc Người thấy là Người chẳng phải Ta thấy, thì cái tánh thấy cùng khắp đó không phải Người là ai? Sao lại tự nghi chơn tánh của Người cho là chẳng chơn, mà cầu sự thật nơi Ta?

LƯỢC GIẢI

Tại sao nói kiến tinh này là Người chẳng phải vật? Nếu kiến tinh là vật thì kiến tinh của Ta Người cũng thấy được, nhưng sự thật thì kiến tinh của Ta Người chẳng thể thấy.

Nếu nói Ta thấy Người thấy, lúc cùng thấy tức là thấy kiến tinh của Ta, vậy thì lúc Ta thấy, Người đã thấy được rồi, lúc Ta chẳng thấy, Người cũng phải thấy được chứ, mà sự thật lại chẳng như thế.

Nếu nói lúc thấy là dùng cái THẤY để thấy, lúc chẳng thấy là dùng cái CHẲNG THẤY để thấy, gọi là thấy CHỖ CHẲNG THẤY CỦA TA, vậy đã chẳng tự thấy, lấy gì để thấy cái tướng chẳng thấy kia? Nếu cái tướng chẳng thấy kia cho Người thấy được, tức là tướng thấy, lại chẳng phải tướng chẳng thấy. Vậy biết: Chỗ chẳng thấy của Ta, Người nhất định chẳng thể thấy được; Lúc Ta chẳng thấy, Người đã chẳng thể thấy được thì lúc cùng thấy cũng chẳng thể thấy, thấy và chẳng thấy đều chẳng thể chỉ ra kiến tinh, vậy kiến tinh của Ta rõ ràng phi vật. Kiến tinh của Ta phi vật thì kiến tinh của Người cũng là phi vật vậy. Kiến tinh của Người đã phi vật thì chẳng thuộc nơi vật, làm sao chẳng phải Người? Đây là dùng cái nghĩa CHẲNG THỂ THẤY để sáng tỏ kiến tinh phi vật. Nếu kiến tinh có thể thấy được thì kiến tinh cũng là vật vậy, làm sao được làm chủ vạn tượng mà an lập cõi thế gian?

- Bạch Thế Tôn! Nếu tánh thấy này chắc là con chứ chẳng phải ai khác, thì khi con và Như Lai xem cung điện của Tứ Thiên Vương và cung trăng, tánh thấy này cùng khắp cõi Ta Bà, khi lui về tịnh xá, chỉ thấy vườn chùa, trước cửa giảng đường chỉ thấy hành lang. Thế Tôn, tánh thấy như vậy, Bản Thể vốn cùng khắp một cõi, nay ở trong phòng thì chỉ khắp một phòng, vậy là do tánh thấy rút lớn thành nhỏ, hay do vách tường làm cho ngăn cách? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, mong Phật từ bi giảng rõ.

Phật bảo A Nan:

- Tất cả sự vật lớn, nhỏ trong, ngoài trên thế gian đều thuộc về tiền trần, chẳng nên nói rằng cái thấy có co giãn, ví như trong khuôn vuông thấy có hư không vuông, Ta lại hỏi Người: Hư không vuông ở trong khuôn vuông này là vuông nhất định hay chẳng nhất định? Nếu vuông nhất định, đặt lại khuôn tròn thì hư không ấy chẳng thể tròn; Nếu chẳng nhất định thì trong khuôn vuông chẳng có hư không vuông. Người nói chẳng biết nghĩa này thế nào, nghĩa tánh như thế, đâu còn thế nào nữa! A Nan, nếu muốn hiển bày chẳng có vuông tròn, chỉ cần trừ bỏ khuôn vuông, hư không vốn chẳng có hình thể vuông tròn, chớ nên nói *“Trừ bỏ tướng vuông của hư không”* (Khuôn dụ cho vọng thức phân biệt, hư không dụ cho Bản Tâm).

Cũng như Người hỏi:

- Khi vào phòng rút cái thấy cho nhỏ lại, vậy khi nhìn mặt trời thì phải kéo cái thấy cho bằng với mặt trời sao? Nếu xây vách tường làm cho cái thấy bị ngăn cách, vậy khi đục một lỗ nhỏ, sao chẳng thấy dấu tích nối liền của sự thấy? Nghĩa này chẳng đúng. Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, mê mình là vật, lạc mất BẢN TÂM, tùy vật xoay chuyển, nên thấy lớn thấy nhỏ. Nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai, ngồi bất động đạo tràng, thân tâm tròn đầy sáng tỏ, gồm mười phương quốc độ trên đầu một mảy lông.

- Bạch Thế Tôn! Nếu kiến tinh này là Diệu Tánh của con, thì Diệu Tánh nay ở ngay trước mắt; Diệu Tánh đã là con thì thân tâm con lại là vật gì?

- Nếu nói thân tâm chẳng phải Diệu Tánh thì nay thân tâm thật hay phân biệt sự vật; Nếu nói trước mắt đều là Diệu Tánh, thì cái kiến tinh kia sao lại chẳng phân biệt được thân con?

- Nếu nói kiến tinh vô hình, mà có tự thể đồng như các vật, có cảm ứng mới sanh khởi sự dụng kia, thật là Bản Tâm của con thì phải cho con thấy ngay, vậy kiến tinh trước mắt là thật con, còn thân này thì chẳng phải con, thế thì kiến tinh đã ở bên ngoài thân, sao được gọi là Diệu Tánh của con? Có khác gì Như Lai trước kia đã hỏi gạn rằng: “*Vật thấy được con?*”. Mong Phật từ bi khai thị cho kẻ chưa ngộ.

Phật bảo A Nan:

- Nay Người nói kiến tinh ở trước mắt Người, nghĩa này chẳng đúng. Nếu thật ở trước mắt Người mà người thật thấy được, thì kiến tinh này đã có phương sở, chẳng phải không chỉ ra được. Nay Ta cùng Người ngồi trong rừng Kỳ Đà, xem khắp rừng suối và điện đường, trên từ nhật nguyệt, dưới đến sông Hằng, Người hãy ở trước tòa Sư Tử của Ta, dùng tay chỉ rõ đủ thứ tướng ấy, chỗ mát là rừng, sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông là hư không, cho đến cỏ cây, chỉ mảnh, lớn nhỏ dù khác, hễ có hình tướng thì đều chỉ ra được. Nếu kiến tinh thật ở trước mắt Người, thì Người phải dùng tay xác thật chỉ rõ cái nào là kiến tinh. A Nan nên biết, nếu hư không là kiến tinh thì cái nào là hư không? Nếu vật là kiến tinh thì cái nào là vật? Người hãy ở nơi vạn tượng phân tích kỹ càng, chỉ cho Ta xem cái kiến tinh sáng tỏ ấy, rõ ràng đồng như các vật, chẳng được lầm lẫn!

A Nan nói:

- Nay con ở giảng đường này; Nhìn ra từ sông Hằng, trên đến nhật nguyệt, tùy nơi tay chỉ mắt nhìn, những gì chỉ được đều là vật chứ chẳng phải kiến tinh. Thế Tôn, như lời Phật vừa nói; Chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh Văn như chúng con, cho đến Bồ Tát, cũng chẳng thể ở nơi vạn tượng chỉ ra cái kiến tinh lìa tất cả vật riêng có tự tánh.

Phật nói: - Đúng thế! Đúng thế!

Phật lại bảo A Nan:

- Như lời Người nói, chẳng có kiến tinh là tất cả vật riêng có tự tánh, vậy thì trong các vật mà Người chỉ, chẳng có cái nào là kiến tinh. Nay Ta lại bảo Người: Người và Như Lai ngồi trong rừng Kỳ Đà, xem từ rừng cây cho đến nhật nguyệt, đủ thứ hình tướng sai biệt, nhất định chẳng có kiến tinh cho Người chỉ, Người hãy phát minh nơi những vật kể trên cái nào chẳng phải kiến tinh?

A Nan đáp:

- Con xem khắp cả rừng Kỳ Đà, thật chẳng biết trong đó cái nào chẳng phải kiến tinh. Tại sao? Nếu cây chẳng phải kiến tinh thì sao lại thấy cây? Nếu cây là kiến tinh thì chẳng nên gọi là cây; Như vậy cho đến nếu hư không chẳng phải kiến tinh thì sao lại thấy hư không? Nếu hư không là kiến tinh thì chẳng nên gọi là hư không. Con lại suy xét kỹ càng, phát minh trong vạn tượng không vật nào chẳng phải kiến tinh cả.

Phật nói: - Đúng thế! Đúng thế!

Bấy giờ, những người chưa đến bậc vô học trong chúng nghe Phật nói vậy, ngơ ngác chẳng hiểu đầu đuôi của nghĩa này, đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay, bỗng nhiên cảm thấy run sợ, Như Lai biết họ băn khoăn lo sợ, sanh lòng thương xót, an ủi A Nan và đại chúng:

- Các thiện nam tử, lời chơn thật của Vô Thượng Pháp Vương chẳng đối chẳng vọng, như sở như thuyết, chẳng phải như bốn thứ tà thuyết càn loạn bất tử của bọn Mạc Già Lê, các Người hãy suy xét kỹ, chớ nên làm mất lòng tự tin!

LƯỢC GIẢI

Tại sao ngộ ngác chẳng biết đầu đuôi của nghĩa này? Vì trước thì nói kiến tinh chẳng phải vật, sau lại nói kiến tinh đều là vật; Trước nói Diệu Tánh hiện tiền, sau lại nói chẳng thể chỉ ra, nên ngộ ngác đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay vậy.

“Nói lời chơn thật, như sở như thuyết” v.v... tức NGŨ NGŨ trong Kinh Kim Cang. Phật thuyết CHƠN NGŨ là nghĩa chung với nhị thừa (Có sanh tử để diệt, có Niết Bàn để chứng); THẬT NGŨ là nghĩa chung với Bồ Tát (Nghĩa Đại thừa, sanh tử và Niết Bàn đều như hoa đốm trên không); NHƯ NGŨ là nghĩa chẳng chung với tam thừa (Trí huệ chẳng thể suy lường, lời nói chẳng thể diễn tả); Vô thật vô hư; Vô hư nên BẤT CUỐNG NGŨ (Chẳng đối), vô thật nên BẤT DỊ NGŨ (Thấy trước việc chưa đến gọi là Bất Dị). Ở đây chỉ dùng hai chữ “Chẳng vọng” để bao gồm.

Bà Sa Luận nói: Ngoại đạo chấp côi trời thường trụ gọi là Bất tử, cho “Chẳng đáp càn” được sanh côi trời ấy, nếu thật chẳng biết mà đáp càn, sợ thành càn loạn, nên có ai hỏi thì đáp rằng “Lời bí mật chẳng nên nói hết”, hoặc đáp chẳng định. Phật quả rằng: Họ thật là kẻ càn loạn vậy.

Lúc ấy, Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi thương xót tứ chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

- Đại chúng trong Hội này chẳng ngộ hai nghĩa THỊ, PHI THỊ với KIẾN TINH và SẮC KHÔNG của NHƯ LAI vừa hiển bày. Thế Tôn, những hiện tượng sắc không nơi trước mắt, nếu là kiến tinh thì phải chỉ ra được, nếu chẳng phải kiến tinh thì chẳng thể thấy. Nay chẳng biết nghĩa ấy do đâu, nên có kinh sợ chứ chẳng phải vì xưa kia thiện căn thiếu kém, mong Như Lai từ bi, phát minh những vật tượng và kiến tinh, trong đó chẳng có Thị và PHI THỊ kia vốn là vật gì?

Phật bảo Văn Thù và Đại Chúng:

- Mười phương Như Lai và Đại Bồ Tát tự trụ nơi chánh định, thoát khỏi căn trần, kiến tinh (*Năng kiến*) với sắc không (*Sở kiến*), ý năng tưởng, tướng sở tưởng vốn chẳng thật có, cũng như hoa đốm trên không, vậy kiến tinh và sắc không vốn là diệu thể trong sạch sáng tỏ của Vô Thượng Bồ Đề, sao lại có THỊ hay PHI THỊ ở trong đó? Văn Thù, nay Ta hỏi Người, như Người là Văn Thù, lại có Văn Thù nào THỊ VĂN THÙ hay PHI THỊ VĂN THÙ chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Đúng thế, con là chơn Văn Thù, chẳng THỊ VĂN THÙ. Tại sao? Nếu có THỊ tức là có hai Văn Thù, mà nay chẳng phải không có Văn Thù, trong đó thật chẳng có hai tướng THỊ và PHI.

Phật nói:

- Bản kiến diệu minh với hư không và Lục Trần cũng đều như thế, vốn là chơn tâm sáng tỏ, tròn đầy trong sạch của Vô Thượng Bồ Đề, vọng thành sắc không và kiến văn, như đệ nhị nguyệt, vậy cái nào là THỊ Nguyệt, cái nào là PHI Nguyệt? Văn Thù, chỉ một chơn nguyệt, trong đó vốn chẳng THỊ Nguyệt PHI Nguyệt. Cho nên nay Người phát minh đủ thứ kiến tinh và cảnh trần, gọi là vọng tưởng, chẳng thể chỉ ra THỊ hay PHI THỊ. Vì giác tánh tinh diệu sáng suốt, nên khiến Người được vượt khỏi “*Chi và Phi Chi*” vậy.

A Nan bạch Phật rằng: Đúng như Pháp Vương nói, BẢN GIÁC khắp mười phương thế giới, trạm nhiên thường trụ, tánh chẳng sanh diệt. Vậy với cái chấp Minh Đế của bọn Sa Tỳ Ca La và những ngoại đạo nói có Chơn Ngã cùng khắp mười phương có gì sai biệt? Thế Tôn đã từng ở núi Lăng Già giảng dạy nghĩa này cho Đại Huệ rằng: “*Bọn ngoại đạo thường nói tự nhiên, Ta thuyết nhân duyên, chẳng phải cảnh giới của họ*”. Nay con xét thấy cái giác tánh tự nhiên này phi sanh phi diệt, xa lìa tất cả hư vọng điên đảo, hình như chẳng phải nhân duyên, vậy so với cái thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo như thế nào? Xin Phật khai thị để cho chúng con khỏi lọt vào bọn tà, được giác tánh chơn thật sáng tỏ của Diệu Tâm.

Phật bảo A Nan:

- Nay Ta dùng phương tiện chơn thật như vậy khai thị cho Người, Người còn chưa ngộ, lại lầm cho là tự nhiên. A Nan, nếu chắc là tự nhiên thì tự phải xét rõ cái thể của tự nhiên, Người hãy quán xét trong Bản Kiến Diệu Minh này, lấy gì làm tự thể? Lấy sáng làm tự thể hay lấy tối làm tự thể? Lấy rỗng không làm tự thể hay lấy ngăn bít làm tự thể? Nếu sáng là tự thể thì chẳng thể thấy tối, nếu rỗng không là tự thể thì chẳng thể thấy ngăn bít, như vậy cho đến nếu lấy tướng tối làm tự thể, thì khi sáng, tánh thấy đã đoạn diệt, sao lại thấy sáng?

A Nan nói:

- Nếu Bản Tánh Diệu Kiến này chẳng phải tự nhiên, nay con phát minh là do nhân duyên sanh, nhưng tâm còn chưa rõ. Xin hỏi Như Lai: Nghĩa này như thế nào mới hợp với tánh nhân duyên?

Phật bảo:

- Người nói nhân duyên, Ta lại hỏi Người, nay người nhân kiến tinh mà có tánh thấy hiện tiền, vậy cái thấy này nhân sáng có thấy hay nhân tối có thấy? Nhân rỗng không có thấy hay nhân ngăn bít có thấy?

- A Nan, nếu nhân sáng có thấy thì chẳng thể thấy tối; Nếu nhân tối có thấy thì chẳng thể thấy sáng. Như vậy cho đến nhân rỗng không, nhân ngăn bít, đều đồng như sáng tối.

- Lại nữa, A Nan, kiến tinh này duyên sáng có thấy hay duyên tối có thấy? Duyên rỗng không có thấy hay duyên ngăn bít có thấy?

- A Nan, nếu duyên rỗng không có thấy thì chẳng thể thấy ngăn bít; Nếu duyên ngăn bít có thấy thì chẳng thể thấy rỗng không. Như vậy cho đến duyên sáng duyên tối, đều đồng như rỗng không và ngăn bít.

- Nên biết cái Bản Giác Diệu Minh này phi nhân duyên, phi tự nhiên, phi bất tự nhiên. VÔ PHI và BẤT PHI, VÔ THỊ và PHI THỊ, là tất cả tướng, là tất cả pháp. Nay Người sao lại ở trong đó dùng chấp tâm đuổi theo những danh tướng hí luận của thế gian, vọng khởi phân biệt, cũng như dùng tay nắm bắt hư không, chỉ tự lao nhọc, hư không làm sao cho Người bắt được?

- Bạch Thế Tôn! Nếu Bản Kiến Diệu Minh phi nhân duyên, tại sao Thế Tôn thường nói với các Tỳ Kheo rằng: Tánh thấy gồm đủ bốn thứ nhân duyên, tức là nhân không, nhân sáng, nhân tâm, nhân mắt, vậy nghĩa này thế nào?

Phật nói:

- Ta thuyết những tướng nhân duyên của thế gian chẳng phải đệ nhất nghĩa. A Nan, Ta lại hỏi Người: Người thế gian nói “*Tôi thấy*”, vậy cho thế nào gọi là thấy, thế nào gọi là chẳng thấy?

A Nan đáp:

- Người thế gian nhờ ánh sáng nhật nguyệt và đèn, thấy tất cả tướng gọi là thấy, nếu không có ba thứ ánh sáng này thì chẳng thể thấy.

- A Nan, nếu lúc không sáng gọi là chẳng thấy, thì chẳng thể thấy tối, nếu thấy tối chỉ là không sáng thì sao gọi là chẳng thấy?

- A Nan, nếu lúc tối chẳng thấy sáng gọi là chẳng thấy; Mà lúc sáng chẳng thấy tối cũng phải gọi là chẳng thấy, vậy thì hai tướng sáng tối đều gọi là chẳng thấy.

- Do hai tướng sáng tối tự đoạt mất nhau, chẳng phải tánh thấy của Người tạm thời không có. Vậy thì cả hai đều gọi là thấy, sao nói chẳng thấy?

- A Nan nên biết, trong lúc thấy sáng, kiến tinh chẳng phải sáng; Trong lúc thấy tối, kiến tinh chẳng phải tối; Trong lúc thấy rõ không kiến tinh chẳng phải rõ không; Trong lúc thấy ngăn bít, kiến tinh chẳng phải ngăn bít, bốn thứ nghĩa này vốn sẵn như vậy.

Lại Người nên biết: KIẾN KIẾN CHI THỜI, KIẾN PHI THỊ KIẾN, KIẾN DO LY KIẾN, KIẾN BẤT NĂNG CẬP, tại sao lại nói nhân duyên, tự nhiên và tướng hòa hợp? Hàng Thanh Văn như các người trí kém tâm hẹp, chẳng thông đạt thật tướng trong sạch, nay Ta dạy Người nên khéo suy tư, hãy siêng năng tinh tấn, thẳng vào diệu đạo Bồ Đề.

LƯỢC GIẢI

Hai chữ KIẾN KIẾN tức là BẢN KIẾN tự hiện, chẳng có năng kiến, sở kiến, Phật đã giải thích kỹ càng trong quyển nhì này; Nếu có năng sở, đều là kiến bệnh đã thành từ vô thủy, có năng kiến năng giác đều là bệnh. Vì Bản Kiến Bản Giác chẳng ở trong bệnh mới gọi là KIẾN KIẾN, tức là Kiến Tánh. Tự Tánh chẳng phải sở kiến, nên cũng chẳng có năng kiến để kiến tự tánh, vậy lúc kiến kiến (KIẾN KIẾN CHI THỜI), dù nói KIẾN nhưng chẳng phải là kiến (KIẾN PHI THỊ KIẾN), vì chẳng có năng kiến và sở kiến, cho nên nói kiến còn phải LÀ KIẾN (KIẾN DO LY KIẾN), vì Năng kiến chẳng thể thấy đến, nên nói KIẾN BẤT NĂNG CẬP.

- Bạch Thế Tôn! Phật vì chúng con hiển bày các tướng nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp và chẳng hòa hợp, tâm còn chưa rõ, nay lại nghe nói Kiến Kiến Phi Kiến, khiến con càng thêm mê muội, cúi xin Phật mở lòng từ bi, khai thị cho chúng con được Diệu Tâm sáng tỏ trong sạch.

Nói xong, rơi lệ đánh lễ, kính nghe lời dạy của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn thương xót A Nan và đại chúng, khai giảng pháp tổng trì (*Tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa*), những đường tu vi diệu của các thiền quán Tam Ma Đề, bảo A Nan rằng:

- Người dù nhớ hay, nhưng chỉ thêm phần học rộng nghe nhiều, đối với sự quán chiếu vi diệu của pháp Sa Ma Tha, tâm còn chưa rõ, nay Người hãy chú ý nghe, Ta sẽ vì Người khai thị từng lớp một, cũng khiến hàng hữu lậu tương lai sẽ được chứng quả Bồ Đề.

- A Nan, tất cả chúng sanh cam chịu luân hồi, là do hai thứ vọng kiến điên đảo phân biệt, ngay đó phát sanh, ngay đó theo nghiệp luân chuyển. Thế nào là hai thứ vọng kiến?

- Một là vọng kiến Biệt Nghiệp của chúng sanh.

- Hai là vọng kiến Đồng Phận của chúng sanh.

- Sao gọi là vọng kiến Biệt Nghiệp?

- A Nan! Như người thế gian con mắt bị nhặm, ban đêm thấy ánh đèn, riêng có bóng tròn ngũ sắc bao phủ. Ý Người thế nào? Cái bóng tròn hiện nơi ánh đèn này là màu sắc của ngọn đèn hay là màu sắc của kiến tinh?

- Nếu là màu sắc của ngọn đèn, thì người không nhặm sao chẳng cùng thấy, mà chỉ có người nhặm mới thấy bóng tròn này? Nếu là màu sắc của kiến tinh, kiến tinh đã thành màu sắc, thì người nhặm thấy bóng tròn kia gọi là cái gì?

- Lại nữa A Nan! Nếu là ngọn đèn riêng có bóng tròn này, thì khi nhìn qua bình phong, bàn ghế, phải có bóng tròn hiện ra, nếu là kiến tinh riêng có bóng tròn thì chẳng phải mắt thấy, vậy sao người nhặm lại thấy bóng tròn?

- Nên biết, màu sắc ở nơi đèn, do mắt bị bệnh mới thấy bóng tròn, bóng tròn và cái thấy đều là bệnh nhậm, kẻ thấy được nhậm thì chẳng phải bệnh; Chớ nên nói bóng tròn là đèn, là thấy, hoặc nói chẳng phải ngọn đèn chẳng phải cái thấy.

- Ví như đệ nhị nguyệt chẳng phải Bản Thể, cũng chẳng phải bóng của đệ nhất nguyệt. Tại sao? Vì do dục mắt mới thành có đệ nhị nguyệt. Người trí chẳng cần truy cứu cái đệ nhị nguyệt này là hình bóng hay chẳng phải hình bóng, là kiến tinh hay chẳng phải kiến tinh, vì đó là do dục mắt sanh ra, thế thì cái bóng tròn này cũng vậy, do mắt nhậm mà thành, nay muốn gọi cái nào là màu sắc của ngọn đèn, cái nào là màu sắc của kiến tinh? Huống còn vọng sanh phân biệt, cho là chẳng phải màu sắc của ngọn đèn, chẳng phải màu sắc của kiến tinh ư?

Sao gọi là vọng kiến Đồng Phận?

- A Nan! Ở cõi Ta Bà này, trừ biển cả ra, phần đất bằng gồm có ba ngàn châu, ở giữa là đại châu, Đông Tây bao gồm hai ngàn ba trăm nước, ngoài ra các tiểu châu ở giữa biển hoặc có từ hai trăm đến ba trăm nước, hoặc có từ một, hai cho đến bốn mươi, năm mươi nước. A Nan, ví như trong đó có một tiểu châu, chỉ có hai nước, dân một nước thì đồng cảm ác duyên, khiến cả nước cùng thấy tất cả cảnh giới chẳng lành, như những ác tướng do nhật nguyệt, tinh tú và khí trời hiện ra v.v... chỉ cả nước này thấy đủ thứ ác tướng như vậy, còn dân nước kia lại chẳng hề thấy nghe những ác tướng đó.

- A Nan, nay Ta vì Người đem hai việc kể trên so sánh cho rõ: Như chúng sanh kia vọng kiến biệt nghiệp, thấy bóng tròn hiện nơi ánh đèn, dù hình như có cảnh tượng trước mắt, nhưng cái thấy ấy vốn do mắt nhậm mà thành, nhậm tức là kiến bệnh, chẳng phải màu sắc sở tạo, nhưng người thấy được nhậm thì chẳng có kiến bệnh (*Biết có Phật tánh vẫn là bệnh, phải được thấy Phật tánh mới hết bệnh*).

- Như Người hôm nay, dùng con mắt thấy núi sông đất đai và chúng sanh, đều là cái kiến bệnh đã thành từ vô thủy. Tại sao? Vì có năng thấy và sở thấy, nên tựa như cảnh tượng hiện ra trước mắt, vốn cái Giác Minh của người duyên cái sở thấy thành nhậm.

- Bản giác có năng thấy tức là nhậm, “*Bốn giác minh tâm*” là Tự Tánh, cái giác ấy vốn chẳng phải bệnh, có năng giác sở giác mới thành bệnh. Nếu Bốn Giác không ở trong bệnh, đó mới thật là KIẾN KIẾN (*Tức là Kiến Tánh*). Đã được kiến tánh thì đâu còn tên gọi là KIẾN, VẮN, GIÁC, TRI nữa!

Cho nên, Người hôm nay thấy Ta, thấy Người và thấy tất cả chúng sanh đều do kiến bệnh, nếu chẳng phải kẻ có kiến bệnh, thì cái kiến ấy chơn thật, thể tánh chẳng bệnh nên chẳng gọi là KIẾN.

- A Nan! Vọng kiến Đồng Phận của cả nước, cũng như vọng kiến Biệt Nghiệp của một người. Người mắt nhắm thấy bóng tròn kia là do biệt nghiệp sở sanh; Cả nước đồng phận sở dĩ thấy tướng chẳng lành này là do cộng nghiệp tạo nên. Cả hai đều là kiến bệnh đã thành từ vô thủy.

Tất cả chúng sanh cõi Ta Bà, cho đến mười phương các nước hữu lậu, đều vì đem cái sáng tỏ vô lậu của Diệu Tâm, cùng với bệnh duyên hư vọng của kiến, văn, giác, tri, hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử. Nếu được xa lìa các duyên hòa hợp và chẳng hòa hợp, thì diệt trừ được những cái nhân sanh tử, tự hiện tánh đầy đủ chẳng sanh diệt của Bồ Đề, nên được Bản Tâm trong sạch Bản Giác thường trụ.

- A Nan! Người dù đã ngộ Bản Giác Diệu Minh, thể tánh phi nhân duyên phi tự nhiên, nhưng còn chưa rõ Bản Giác này chẳng phải do hòa hợp sanh, cũng chẳng phải không hòa hợp. A Nan, Ta dùng sự tiền trần hỏi Người, nay Người còn bị những tánh nhân duyên vọng tưởng hòa hợp của thế gian mà tự nghi hoặc, lại cho sự chứng tâm Bồ Đề là do hòa hợp sanh khởi. Vậy thì cái kiến tinh vi diệu trong sạch này là hòa với sáng hay hòa với tối? Hòa với thông hay hòa với nghẽn?

Nếu hòa với sáng, thì khi Người thấy sáng hiện tiền, kiến tinh xen lộn ở đâu? Tướng thấy còn có thể phân biệt, cái hình tướng xen lộn là như thế nào?

- Nếu chẳng phải kiến tinh thì làm sao thấy sáng? Nếu là kiến tinh thì làm sao kiến tinh lại thấy kiến tinh?

- Nếu kiến tinh đầy khắp thì còn chỗ nào hòa với sáng? Nếu sáng đầy khắp thì còn chỗ nào để hòa với kiến tinh. Kiến tinh phải khác với sáng, khi xen lộn thì làm mất tánh sáng, nếu mất tánh sáng, nói hòa với sáng là chẳng đúng. Hòa tối, hòa thông, hòa nghên nghĩa cũng như vậy.

- Lại nữa, A Nan! Kiến tinh của Người là hợp với sáng hay hợp với tối. Hợp với thông hay hợp với nghên?

- Nếu hợp với sáng, thì khi tối, tướng sáng đã diệt, thì kiến tinh này chẳng thể hợp với tối, làm sao thấy tối? Nếu lúc thấy tối chẳng hợp với tối, thì khi hợp với sáng cũng chẳng phải thấy sáng. Đã chẳng thấy sáng, sao nói hợp với sáng, và biết cái sáng chẳng phải tối? Hợp tối, hợp thông, hợp nghên nghĩa cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn! Theo con suy nghĩ, cái Bản Giác này với các cảnh trần và cái tâm niệm tưởng là chẳng hòa hợp.

Phật bảo:

- Nay Người lại cho là chẳng hòa hợp, Ta lại hỏi Người, cái kiến tinh này nếu chẳng hòa hợp, là chẳng hòa với sáng hay chẳng hòa với tối? Chẳng hòa với thông hay chẳng hòa với nghên?

- Nếu chẳng hòa với sáng, thì kiến tinh với cái sáng phải có ranh giới, vậy Người hãy xét xem chỗ nào là sáng? Chỗ nào là kiến tinh? Giữa kiến tinh với sáng, ranh giới ở đâu?

- A Nan! Nếu ở nơi sáng chẳng có kiến tinh thì sáng và kiến tinh chẳng tiếp xúc nhau, làm sao thấy được tướng sáng để thành lập ranh giới? Hòa tối, hòa thông, hòa nghên nghĩa cũng như vậy.

- Lại nữa, kiến tinh của Người nếu chẳng hòa hợp, là chẳng hòa hợp với sáng hay chẳng hòa hợp với tối? Chẳng hợp với thông hay chẳng hợp với nghên?

Nếu chẳng hợp với sáng, thì kiến tinh với sáng hai tánh trái ngược nhau, cũng như lỗ tai với sáng chẳng thể tiếp xúc, thế thì cái thấy còn chẳng biết chỗ của tướng sáng, làm sao xét rõ cái lý hợp hay chẳng hợp? Hợp tối, hợp thông, hợp nghên nghĩa cũng như vậy.

- A Nan! Người còn chưa rõ tất cả tướng huyền hóa nơi tiền trần, tùy nơi nhân duyên sanh ra, theo nơi nhân duyên diệt mất, thể tánh của tướng huyền hóa hư vọng này vốn là Diệu Giác sáng tỏ, như vậy cho đến Ngũ Âm, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, vì nhân duyên hòa hợp, hư vọng cho là có sanh, nhân duyên tan rã, hư vọng cho là có diệt, mà chẳng biết sanh diệt khứ lai vốn là Như Lai Tạng, cũng gọi là Diệu Minh Thường Trụ, bất động chu viên (*Cùng khắp không gian*), diệu tánh chơn như, nơi tánh chơn thường tìm sự khứ lai, mê ngộ, sanh diệt đều bất khả đắc.

NGŨ ẤM VỐN VÔ SANH

Sao nói NGŨ ẤM vốn là NHƯ LAI TẠNG, cũng là DIỆU TÁNH CHƠN NHƯ?

I. SẮC ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người dùng con mắt trong sạch, nhìn hư không sáng sủa chỉ có trống rỗng, hẳn không thấy gì, người ấy khi không ngó hẳn một chỗ chẳng nháy mắt, ngó lâu mắt mỏi thì thấy hoa đốm hiện nơi hư không (*Hoa đốm dụ cho sắc ấm*), hoặc thấy những tướng lăng xăng giả dối. Nên biết SẮC ẤM cũng vậy.

- A Nan! Những hoa đốm này chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ mắt ra. Nếu từ hư không ra, ắt phải trở vào hư không, nếu có ra vào thì chẳng phải hư không. Nếu hư không chẳng phải hư không thì tự nhiên chẳng thể dung nạp tướng hoa đốm sanh diệt trong đó, cũng như thân thể A Nan chẳng dung nạp được một A Nan nữa.

- Nếu hoa đốm từ con mắt ra thì phải trở vào con mắt; nếu từ mắt ra, ắt phải có tánh thấy, nếu có tánh thấy thì khi xoay về, lẽ ra phải thấy mắt. Nếu chẳng có tánh thấy, khi ra đã che mờ hư không thì khi về phải che mờ con mắt. Lại, khi thấy hoa đốm, lẽ ra mắt phải không mờ, vậy sao nói thấy hư không sáng sủa mới gọi là con mắt trong sạch? Nên biết Sắc Ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

2. THỌ ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người tay chân khỏe mạnh, thân thể điều hòa, cuộc sống yên ổn, quên hẳn sự thuận nghịch, người ấy vô có hai bàn tay xoa nhau, vọng sanh các tướng trơn, rít, lạnh, nóng nơi hai bàn tay. Nên biết THỌ ẤM cũng vậy.

- A Nan! Những xúc giác huyền hóa này (*Xúc giác dụ cho thọ ấm*), chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ bàn tay ra. A Nan, nếu từ hư không ra, đã tiếp xúc với bàn tay, sao chẳng tiếp xúc với thân thể? Chẳng lẽ hư không lại biết lựa chỗ để tiếp xúc ư?

- Nếu từ bàn tay ra thì chẳng cần đợi hai bàn tay hợp lại mới có xúc giác; Lại, đã từ bàn tay ra, lúc hai tay hợp lại biết có xúc giác, lúc hai tay rời ra thì xúc giác phải chạy vào, vậy xương tủy, cánh tay cũng phải biết được cái dấu tích của xúc giác khi vào. Nếu có tâm biết ra biết vào, thì phải có một vật đi lại trong thân, đâu cần đợi hai tay hợp rồi mới gọi là tiếp xúc!

Nên biết Thọ Ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

3. TƯỚNG ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như nghe người nói đến trái mơ chua thì tiết ra nước miếng, nghĩ đến leo dốc cao thì lòng bàn chân ghê rợn, (*Nước miếng và ghê rợn dụ cho tướng ấm*), nên biết TƯỚNG ẤM cũng vậy.

- A Nan! Cái tiếng chua này chẳng từ trái mớ ra, cũng chẳng từ miệng ra. Nếu từ trái mớ ra thì trái mớ tự biết nói, đâu cần đợi người nói? Nếu từ miệng ra thì miệng phải tự nghe tiếng, đâu cần đợi tai nghe? Nếu chỉ riêng tai có nghe thì nước miếng sao chẳng từ tai chảy ra? Tưởng tượng mình leo dốc thì cũng như vậy. Nên biết tưởng âm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

4. HÀNH ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như dòng nước chảy mạnh (*Dòng nước dụ cho Hành Ấm*), làn sóng nối tiếp, lớp trước lớp sau chẳng vượt khỏi nhau, nên biết HÀNH ẤM cũng vậy.

- A Nan! Tánh dòng nước như thế chẳng do hư không sanh ra, chẳng do nước mà có, chẳng phải tánh của nước, cũng chẳng là hư không và nước.

- Nếu do hư không sanh ra thì mười phương vô tận hư không đều thành dòng nước vô tận, và tự nhiên thế giới đều bị chìm đắm cả. Nếu do nước mà có thì nước là năng có, dòng nước là sở có, hai tướng khác nhau thì tánh của dòng nước lẽ ra chẳng phải là nước; Nếu dòng nước tức là tánh của nước thì khi nước trong lặng lại chẳng phải tự thể của nước. Nếu là hư không và nước thì hư không vốn chẳng có trong và ngoài, ngoài nước ra chẳng có dòng nước. Nên biết Hành Ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

5. THỨC ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người lấy một cái bình (*Cái bình dụ cho nghiệp thân*), trong đựng đầy hư không (*Hư không dụ cho thức ấm*), bít kín miệng bình đem xa ngàn dặm tặng cho nước khác, nên biết THỨC ẤM cũng vậy.

- A Nan! Hư không này chẳng phải từ phương kia ra, cũng chẳng phải từ phương này vào. Nếu từ phương kia ra, trong bình đã đựng hư không đem đi, thì phương kia phải thiếu hư không. Nếu từ phương này vào, khi mở miệng bình trút ra thì phải thấy hư không ra. Nên biết Thức Ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

LƯỢC GIẢI

Trung Quán Luận có bài kệ rằng:

Các pháp chẳng tự sanh,

Cũng chẳng phải tha sanh,

Chẳng cộng chẳng vô nhân,

Cho nên nói VÔ SANH.

Sao nói các pháp chẳng tự sanh? Vì phải đợi nhân duyên hòa hợp mới được sanh. Sao nói chẳng tha sanh? Vì các duyên đều chẳng có tự tánh. Sao nói chẳng cộng sanh? Vì tự và tha còn chẳng có, lấy gì để cộng? Sao nói chẳng vô nhân sanh? Vì Bản Thể sáng tỏ của Diệu Tâm, phải do tu hành đến giác ngộ mới được hiển bày, chẳng tự nhiên mà thành. Vậy biết tất cả sự vật trên thế gian vốn là VÔ SANH, vì chẳng có lý do nào để sanh vậy.

Nếu ngộ tất cả pháp vô sanh thì SẮC như dụi mắt thấy hoa đốm trên không; THỌ như xoa bàn tay sanh những xúc giác trơn, rít, lạnh, nóng; TUỞNG như nghe nói trái mơ tiết ra nước miếng; HÀNH như dòng nước chảy, chẳng có năng sanh sở sanh (Nước chẳng phải năng sanh, dòng nước chẳng phải sở sanh); THỨC như cái bình đựng đầy hư không, bình dụ cho nghiệp thân, hư không dụ cho vọng thức.

Bản Giác tánh không, cùng khắp pháp giới, hễ mê thành vọng thức thì thành hư không ở trong bình, nhét bít miệng bình dụ cho vọng phân đồng dị, có trong có ngoài, kỳ thật trong bình ngoài bình chỉ cùng một hư không (Dụ cho tánh và thức vốn là một thể), hư không chẳng khứ lai dụ cho tánh chẳng sanh diệt. Bình dụ vọng nghiệp, hư không dụ vọng thức, nghiệp kéo thức chạy theo, như đem bình đựng hư không đi các nước khác, dụ cho đi khắp lục đạo, cam chịu luân hồi.

Lục nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, cho đến Thất Đại ở quyển sau, đều sáng tỏ nghĩa này.

VẠN PHÁP VỐN VÔ SANH

HẾT QUYỂN HAI

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN BA

LỤC NHẬP

*L*ại nữa, A Nan! Sao nói LỤC NHẬP vốn là Như Lai Tạng, cũng là Diệu Tánh chơn như?

1. NHÃN NHẬP VỐN VÔ SANH

- Ví như dùng mắt ngó hẳn một chỗ, lâu tự mỗi một, cả con mắt và cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Sáng và Tối hiện ra cái thấy, thu nạp cảnh trần, gọi là Tánh Thấy; Cái thấy này là Sáng và Tối vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Kiến tinh này chẳng từ sáng, tối ra, chẳng từ con mắt ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ chỗ sáng ra, thì khi tối, kiến tinh đã theo sáng diệt, lẽ ra chẳng thể thấy tối; Nếu từ chỗ tối ra, thì khi sáng, kiến tinh phải theo tối diệt, lẽ ra chẳng thể thấy sáng. Nếu từ con mắt ra thì chẳng có sáng tối, vậy biết kiến tinh vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì nhìn ra ngoài thấy cảnh trần,

xoay về phải thấy con mắt; Lại, hư không tự thấy có liên quan gì chỗ nhập của Người? Vậy biết NHÃN NHẬP hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

2. NHĨ NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai, do lỗ tai mỗi một, trong đầu hóa ra có tiếng; Cả hai tai cùng cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Động và Tĩnh hiện ra cái nghe, thu nạp cảnh trần, gọi là Tánh Nghe; Tánh nghe này lìa Động và Tĩnh, vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Cái nghe này chẳng từ động tịnh ra, chẳng từ tai ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu cái nghe từ chỗ tịnh ra, thì khi động, cái nghe đã theo tịnh diệt, lẽ ra chẳng thể nghe động; Nếu từ chỗ động ra, thì khi tịnh, cái nghe đã theo động diệt, lẽ ra chẳng biết được tịnh. Nếu từ lỗ tai ra thì chẳng có động tịnh, vậy biết cái nghe vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, hư không đã thành tánh nghe thì chẳng phải hư không; Lại hư không tự nghe, có liên quan gì chỗ nhập của Người? Vậy biết Nhĩ Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

3. TỶ NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người hít mạnh hai lỗ mũi, hít lâu mỗi mệ, thì trong lỗ mũi có xúc giác thấy mát. Do xúc giác phân biệt thông, nghẽn, hư, thật, cho đến các mùi thơm thối, cùng lỗ mũi và cái hít lâu mỗi mệ đó, đều là tướng ngó lâu mỗi mệ của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Thông và Nghẽn, hiện ra cái ngửi, thu nạp cảnh trần, gọi là Tánh Ngửi! Cái ngửi này là thông và nghẽn vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Cái ngửi này chẳng từ thông nghẽn ra, chẳng từ lỗ mũi ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ chỗ thông ra, thì khi nghẽn, cái ngửi đã mất, làm sao biết nghẽn? Nếu từ nghẽn ra, thì khi thông, chẳng còn cái ngửi, làm sao biết các mùi thơm thối? Nếu từ lỗ mũi ra, thì chẳng có thông nghẽn, vậy biết cái ngửi vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì hư không phải ngửi lỗ mũi của Người; Lại hư không tự ngửi, có liên quan gì chỗ nhập của Người? Vậy biết Tỷ Nhập hư vọng vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

4. THIỆT NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người dùng lưỡi liếm mệ, liếm mãi mỗi mệ, người có bệnh thấy có vị đắng, người chẳng bệnh thấy có chút vị ngọt, do vị giác thấy ngọt và đắng, tỏ rõ cái lưỡi lúc chưa phát dụng

vốn chẳng có vị giác. Cả cái lưỡi cùng cái mũi, đều là tướng ngó lâu mũi của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Ngọt và Đắng, hiện ra vị giác, thu nạp cảnh trần gọi là Tánh Nếm; Tánh nếm này là ngọt và đắng vốn chẳng có tự thể.

A Nan nên biết! Cái biết đắng biết ngọt này chẳng từ ngọt đắng ra, chẳng từ lưỡi ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ đắng ra, thì khi ngọt, tánh nếm đã diệt, làm sao biết ngọt? Nếu từ ngọt ra, thì khi đắng, tánh nếm đã diệt, làm sao biết đắng? Nếu từ lưỡi ra thì chẳng có ngọt đắng, vậy biết vị giác vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì hư không tự nếm chứ chẳng phải người nếm; Lại, hư không tự nếm, có liên quan gì đến chỗ nhập của Người? Nên biết THIẾT NHẬP hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

5. THÂN NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người dùng bàn tay lạnh tiếp xúc với bàn tay nóng, nếu bên lạnh nhiều hơn thì bên nóng cũng thành lạnh theo; Nếu bên nóng nhiều hơn thì bên lạnh cũng thành nóng theo, cái xúc giác của hai tay hợp lại là nhờ khi hai tay rời ra mới được biết rõ, sở dĩ thế nóng nhiều liền theo nóng, thế lạnh nhiều liền theo lạnh, là do nơi xúc giác mỗi một mà thành.

Cả cái thân và cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Ly và Hợp, hiện ra xúc giác, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh xúc giác; Tánh xúc giác này lia sự ly, hợp, thuận, nghịch vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Xúc giác này chẳng từ ly hợp ra, chẳng từ thuận nghịch ra, chẳng từ thân thể ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ hợp ra, thì khi ly, tánh xúc giác đã diệt, làm sao biết ly? Đối với hai tướng thuận nghịch thì cũng như vậy. Nếu từ thân thể ra thì chẳng có ly, hợp, thuận, nghịch, vậy biết xúc giác của Người vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra thì hư không tự hay biết, có liên quan gì đến chỗ nhập của Người? Nên biết THÂN NHẬP hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

6. Ý NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người mệt nhọc thì ngủ, ngủ đã bèn thức, gặp cảnh thì nhớ, không nhớ thì quên, như cảnh mộng giả dối cho là chơn thật, ấy là điên đảo. Các tướng sanh, trụ, dị, diệt, tùy duyên thay đổi từng sát na, chẳng vượt khỏi nhau. Gom sự hiểu biết trong đó thành tướng mỗi một; Cả ý căn cùng cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề.

- Do hai thứ vọng trần Sanh và Diệt, vọng khởi pháp trần bên trong, thành cái biết của ý căn. Ý căn như dòng nước, sự trước mắt nhờ tai mắt thấy nghe tiền trần bên ngoài là thuận lưu (*Đồng thời ý thức*); Sự tưởng nhớ chẳng nhờ tai mắt được thấy nghe pháp trần bên trong là nghịch lưu (*Độc đầu ý thức*), khi chảy ngược vào chỗ tai mắt chẳng thể đến (*Sự vật đã qua hoặc cách xa*), chỉ có ý căn mới biết, gọi là Tánh hay biết của ý căn; Tánh hay biết này là thức, ngủ, sanh, diệt, vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Cái hay biết của ý căn chẳng từ thức ngủ ra, chẳng từ sanh diệt ra, chẳng từ ý căn ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ thức ra, thì khi ngủ, ý căn đã theo thức diệt, lấy gì để biết ngủ? Nếu từ sanh mà ra, thì khi diệt đồng như không, ai biết sự diệt? Nếu từ diệt ra thì khi sanh đã không có, ai biết sự sanh? Nếu từ ý căn ra thì chẳng có tướng thức, ngủ, vậy cái hay biết của ý căn đồng như hoa đốm trên không, vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì hư không tự biết, có liên quan gì đến chỗ nhập của Ngươi? Nên biết, Ý NHẬP hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.



THẬP NHỊ XỨ

Lại nữa A Nan! Sao nói THẬP NHỊ XỨ vốn là Như Lai Tạng, cũng là diệu tánh Chơn Như?

I. NHÃN CĂN VỚI SẮC TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người hãy xem rừng cây và các suối ao trong vườn Kỳ Đà này, ý Người thế nào? Ấy là sắc trần sanh ra nhãn căn, hay nhãn căn sanh ra sắc tướng?

- A Nan! Nếu nhãn căn sanh ra sắc tướng, vậy khi nhìn hư không chẳng phải sắc tướng, thì tánh sắc phải mất; Hư mất thì tất cả chẳng có, sắc tướng chẳng có thì làm sao rõ được tánh không? Sự không cũng như thế.

Lại, nếu sắc trần sanh ra nhãn căn, thì khi nhìn hư không chẳng phải sắc, nhãn căn liền mất, nhãn căn đã mất thì lấy gì để phân biệt Sắc và Không.

- Nên biết sự thấy và sắc không đều chẳng xứ sở, tức sắc trần và sự thấy, hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

2. NHĨ CĂN VỚI THANH TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người lại nghe trong vườn Kỳ Đà này, khi đến bữa ăn thì đánh trống, khi hợp chúng thì đánh chuông, tiếng chuông tiếng trống trước sau nối nhau. Ý Người thế nào? Ấy là cái tiếng đến bên nhĩ căn, hay nhĩ căn đến chỗ cái tiếng?

- A Nan! Nếu cái tiếng đến bên nhĩ căn, cũng như Ta khát thực trong thành Thất La Phiệt, ở trong rừng Kỳ Đà chẳng có Ta. Cái tiếng này ắt phải đến chỗ nhĩ căn của A Nan, thì Mục Liên, Ca Diếp đều chẳng thể cùng nghe, huống là trong này có 1250 vị Sa Môn, đồng nghe tiếng chuông cùng đến trai đường!

Nếu nhĩ căn của Người đến bên cái tiếng, cũng như Ta đã về rừng Kỳ Đà, trong thành Thất La Phiệt chẳng có Ta. Vậy khi Người nghe tiếng trống, nhĩ căn đã đến chỗ đánh trống rồi, khi ấy tiếng chuông đồng phát ra, thì chẳng thể cùng nghe một lượt, huống là các tiếng voi, ngựa, trâu, dê v.v... Nếu nhĩ căn và cái tiếng chẳng khú lai thì cũng chẳng thể nghe.

Nên biết, sự nghe và âm thanh đều chẳng xứ sở, tức sự nghe và âm thanh hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

3. TỶ CĂN VỚI HƯƠNG TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người hãy ngửi mùi hương chiên đàn trong lư này, hương này nếu đốt đến một thù (*Độ một chỉ*), thì thành Thất La Phiệt trong 40 dặm, đồng thời ngửi được mùi hương. Ý Người thế nào? Mùi hương này từ cây chiên đàn ra, từ tỷ căn ra, hay từ hư không ra?

- Nếu mùi hương này từ tỷ căn của Người ra thì tỷ căn chẳng phải chiên đàn, tại sao trong tỷ căn lại có mùi hương chiên đàn, mà gọi là Người ngửi được mùi hương? Lại trong tỷ căn phát ra mùi hương mà nói là ngửi được thì chẳng đúng nghĩa.

- Nếu từ hư không ra, thì tánh hư không thường còn, mùi hương cũng phải thường có, đâu cần đợi đốt cây chiên đàn trong lư rồi mới có mùi hương?

- Nếu mùi hương từ cây chiên đàn ra, tức là chất hương này do đốt thành khói, tỷ căn ngửi được là nhờ hơi khói, thì tại sao khói ấy bay lên trên hư không chưa được bao xa, mà trong 40 dặm đã ngửi được mùi hương?

- Nên biết mùi hương và cái ngửi đều chẳng xứ sở, tức cái ngửi và mùi hương hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

4. THIẾT CĂN VỚI VỊ TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người thường hai thời ở trong chúng ôm bình bát khát thực, đôi lúc gặp những món tô lạc, đề hồ, gọi là vị ngon, ý Người thế nào? Mùi vị này từ hư không ra, từ thiết căn ra, hay từ đồ ăn ra?

- A Nan! Nếu mùi vị này từ thiết căn của Người ra, thì trong miệng Người chỉ có một thiết căn, thiết căn bấy giờ đã thành vị tô rồi, nếu gặp đường phèn, lẽ ra vị tô chẳng dời đổi; Nếu chẳng dời đổi thì chẳng được nói là biết mùi vị, còn nếu dời đổi thì thiết căn chẳng phải nhiều thể, làm sao một thiết căn lại biết được nhiều mùi vị?

- Nếu từ đồ ăn ra, thì đồ ăn chẳng tri giác, làm sao tự biết được mùi vị? Lại đồ ăn tự biết thì cũng đồng như người khác ăn, có liên quan gì đến Người mà gọi là Tánh Biết vị của Người?

- Nếu từ hư không ra, thì Người hãy nếm thử hư không xem là mùi vị gì? Hư không nếu là vị mặn, thì đã làm mặn thiệt căn của Người, ắt phải làm mặn mặt Người, và mọi người trong cõi này đều như cá biển, đã thường chịu cái mặn, chẳng còn biết thế nào là lạt nữa; Và nếu chẳng biết lạt, thì cũng chẳng phân biệt được mặn. Nếu chẳng biết mặn lạt, thì làm sao gọi là biết mùi vị?

- Nên biết, mùi vị và sự nếm đều chẳng có xứ sở, tức nếm và mùi vị hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải Tánh Nhân Duyên, cũng chẳng phải Tánh Tự Nhiên.

5. THÂN CĂN VỚI XÚC TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người thường buổi sáng lấy tay xoa đầu, ý Người thế nào? Cái xúc giác khi xoa đầu này từ đâu mà ra? Từ nơi tay hay từ nơi đầu?

- Nếu từ nơi tay thì cái đầu chẳng biết, làm sao thành có xúc giác? Nếu từ nơi đầu mà chẳng dùng tay thì làm sao gọi là xúc giác được? Nếu cả hai mỗi mỗi tự có xúc giác, thì một mình Người phải có hai thân.

- Nếu đầu và tay chỉ một xúc giác sanh ra, thì đầu và tay thành một thể; Nếu một thể thì xúc giác ở bên nào? Ở bên năng thì chẳng ở bên sở, ở bên sở thì chẳng ở bên năng, chẳng lẽ hư không và Người mà thành lập được cái xúc giác đó ư?

- Nên biết, xúc giác và thân căn đều chẳng xứ sở, tức cái thân và xúc giác hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

6. Ý CĂN VỚI PHÁP TRẦN VỐN VÔ SANH

A Nan! Người thường dùng ý thức duyên theo ba tánh thiện, ác và vô ký, sanh khởi pháp trần. Vậy pháp trần này từ nơi tâm ra, hay là tâm riêng có phương sở?

- A Nan! Nếu từ tâm ra thì pháp trần chẳng phải cảnh trần, chẳng phải là cái sở duyên của tâm, làm sao thành xứ được?

- Nếu là tâm riêng có phương sở, thì Tự Tánh của pháp trần là biết hay chẳng biết? Biết tức gọi là Tâm, tâm này là tâm Người thì chẳng phải pháp trần của Người biết, đồng như tâm của người khác; Nếu là tâm Người lại còn có tâm biết, thì tâm Người thành hai sao? Nếu chẳng biết thì pháp trần này đã chẳng phải sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì phải ở chỗ nào? Hiện nay nơi sắc, không đều chẳng thể nêu ra, chẳng lẽ trong thế gian lại có cái ở ngoài hư không ư? Lại tâm chẳng phải sở duyên thì xứ từ đâu mà an lập?

- Nên biết, pháp trần và tâm đều chẳng có xứ sở, tức ý căn và pháp trần hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.



THẬP BÁT GIỚI

- Lại nữa A Nan! Sao nói THẬP BÁT GIỚI vốn là Như Lai Tạng, cũng là Diệu Tánh Chơn Như?

I. NHÃN CĂN, SẮC TRẦN, NHÃN THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Như Người đã rõ, Nhãn Căn và Sắc Trần làm duyên với nhau, sanh ra Nhãn Thức. Vậy thức này là từ Nhãn Căn ra, lấy Nhãn Căn làm giới; Hay từ Sắc Trần ra, lấy Sắc Trần làm giới?

- A Nan, nếu từ Nhãn Căn ra mà chẳng có SẮC KHÔNG thì chẳng thể phân biệt, dấu cho có cái thức của Người cũng chẳng dùng được. Sự thấy của Người chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, chẳng thể nêu ra, vậy từ đâu để lập giới?

- Nếu từ sắc trần ra, hư không chẳng phải sắc trần thì thức Người phải diệt, sao được biết tánh hư không? Nếu lúc sắc trần biến đổi, thức Người cũng biết sắc trần biến đổi, mà thức người chẳng biến, vậy giới từ đâu mà an lập? Theo sự biến đổi là biến đổi, giới tướng vốn chẳng có; Chẳng biến đổi thì thường còn, thức đã từ sắc trần ra, lẽ ra chẳng biết được chỗ hư không?

- Nếu do căn trần cộng sanh cái giới ở giữa, khi căn trần hợp lại thì chẳng thể lập giới, tức là Lìa Trung; Khi lìa căn thì phải hợp trần, lìa trần thì phải hợp căn, vậy thể tánh lẫn lộn, làm sao thành giới?

- Nền biết, Nhãn Căn và Sắc Trần làm duyên với nhau, sanh nhãn thức giới, ba chỗ đều không tức nhãn căn, sắc trần và nhãn thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

LƯỢC GIẢI

THẬP BÁT GIỚI này chỉ phá lục thức, nên nói Thức này chẳng từ Nhãn ra để làm giới, vì thức chủ phân biệt, nếu chẳng có Sắc, Không thì chẳng thể phân biệt. Cũng chẳng từ Sắc ra để làm giới, vì sắc có biến diệt, thức chẳng biến đổi, nếu chỉ từ Sắc ra thì chẳng thể phân biệt hư không. Cũng chẳng từ Nhãn và Sắc cộng sanh làm giới, vì nhãn thì có biết, sắc thì vô tri, tri và vô tri hai cái đối nghịch, làm sao mà hợp? Nếu hợp thì từ đâu mà lập giới? Giới chính giữa đã chẳng có, nên nói LÌA TRUNG. Nếu nói lìa căn trần mà sanh thức, thì lìa căn phải hợp với trần, lìa trần phải hợp với căn, vậy thức thuộc bên nào? Nên nói thể tánh lẫn lộn, ba chỗ đều sai, giới làm sao an lập?

2. NHĨ CĂN, THANH TRẦN, NHĨ THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Như người đã rõ, Nhĩ Căn, Thanh Trần làm duyên với nhau, sanh ra nhĩ thức. Vậy thức này từ nhĩ căn ra, lấy nhĩ căn làm giới; Hay từ thanh trần ra, lấy thanh trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ Nhĩ Căn ra, mà chẳng có hai tướng động tịnh thì chẳng thành cái biết của nhĩ căn, tức chẳng có biết, biết còn chẳng có, vậy cái thức là hình tướng gì?

- Nếu do lỗ tai nghe thì lúc chẳng có động tịnh, cái nghe chẳng thành, chỉ có hình tướng của lỗ tai, cũng như sắc trần tiếp xúc với thanh trần, cả hai đều chẳng có thức để phân biệt thì nhĩ thức giới từ đâu mà lập?

- Nếu từ Thanh Trần ra, Nhĩ Thức do thanh trần mà có, thì chẳng liên quan gì đến cái nghe, chẳng nghe thì cũng chẳng biết tướng thanh trần ở đâu. Lại, nếu nhĩ thức từ thanh trần ra đầu cho thanh trần do cái nghe mà có tướng, thì cái nghe phải nghe được nhĩ thức, nếu chẳng nghe được thì chẳng phải là giới, nếu nghe được thì thức cũng đồng như thanh trần, và thức đã là sở nghe thì ai biết nghe cái thức? Còn nếu chẳng biết thì đồng như cỏ cây. Chẳng lẽ thanh trần và cái nghe lẫn lộn, thành giới ở giữa? Giới chính giữa đã chẳng có, tướng trong và ngoài từ đâu mà lập?

- Nên biết, Nhĩ Căn, Thanh Trần làm duyên với nhau, sanh nhĩ thức giới, ba chỗ đều không, tức nhĩ căn, thanh trần và nhĩ thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

3. TỠ CĂN, HƯƠNG TRẦN, TỠ THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan, như Người đã rõ, Tỡ Căn, Hương Trần làm duyên với nhau, sanh ra Tỡ Thức. Vậy thức này từ tỡ căn ra, lấy tỡ căn làm giới; Hay từ hương trần ra, lấy hương trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ Tỡ Căn ra, thì trong tâm Người lấy gì làm tỡ căn? Lấy cái mũi bằng thịt hay lấy tánh ngửi biết?

- Nếu lấy cái mũi bằng thịt này thì chất thịt thuộc thân căn, thân biết tức là xúc giác, gọi là thân thì chẳng phải tỡ căn; Gọi là xúc giác tức là ngoại trần, vậy tỡ căn còn chẳng có tên gọi, làm sao lập giới?

- Nếu lấy tánh ngửi biết làm Tỡ Căn, thì trong tâm Người lấy gì làm cái có ngửi biết? Nếu lấy lỗ mũi bằng thịt này, thì cái biết của da thịt là xúc trần chứ chẳng phải tỡ căn; Nếu lấy hư không làm tánh ngửi biết, thì hư không tự biết, còn da thịt lẽ ra chẳng biết, thế thì hư không là Người, thân Người chẳng có biết thì hiện nay Người cũng chẳng còn ở đây nữa.

- Nếu lấy hương trần làm tánh ngửi biết, thì cái biết thuộc về hương trần, có liên quan gì đến Người?

- Nếu các mùi thơm thối ấ phải từ tỡ căn ra, thì mùi thơm, thối chẳng từ cây y lan và cây chiên đàn ra, khi hai mùi đó chẳng đến, Người tự ngửi tỡ căn

xem là thơm hay thối? Thối thì chẳng thơm, thơm thì chẳng thối, nếu cả hai đều ngửi được, thì một mình Người phải có hai tỷ căn, và nay hỏi đạo với Ta phải có hai A Nan, vậy ai là thể của người? Còn nếu tỷ căn là một, thơm thối không hai, thì thối đã thành thơm, thơm phải thành thối, hai tánh đã chẳng có, giới từ đâu lập?

- Lại như con mắt có thấy mà chẳng tự thấy mắt. Cũng vậy, nếu thức do hương trần ra, thì đáng lẽ chẳng biết được hương trần. Nếu biết được thì chẳng phải do hương trần ra; Nếu chẳng biết thì lại chẳng phải là tỷ thức.

- Hương trần chẳng phải nhờ ngửi biết mới có thì cái giới của hương trần chẳng thành; Thức chẳng biết hương trần thì giới chẳng thể do hương trần mà lập, đã chẳng có giới chính giữa thì chẳng thành trong ngoài, và tất cả những gì ngửi được đều là hư vọng.

- Nên biết, Tỷ Căn, Hương Trần làm duyên với nhau, sanh tỷ thức giới, ba chỗ đều không, tức tỷ căn, hương trần, tỷ thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

4. THIỆT CĂN, VỊ TRẦN, THIỆT THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Như Người đã rõ, Thiệt Căn, Vị Trần làm duyên với nhau, sanh ra Thiệt Thức, vậy thức này từ thiệt căn làm ra, lấy thiệt căn làm giới; Hay từ vị trần ra, lấy vị trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ Thiệt Căn ra, thì các thứ trên thế gian như mía ngọt, mơ chua, hoàng liên đắng, muối mặn, tể tân, gừng, quế thì cay. Tất cả đều chẳng mùi vị, Người tự nếm lưỡi là ngọt hay đắng? Nếu tánh của thiệt căn là đắng thì ai biết nếm thiệt căn? Thiệt căn chẳng tự nếm thì lấy gì để biết? Tánh của thiệt căn chẳng phải đắng, vị trần cũng chẳng tự ra, làm sao lập giới?

- Nếu từ vị trần ra, thức đã là mùi vị thì cũng đồng như thiệt căn, chẳng thể tự nếm, làm sao biết được là mùi vị hay chẳng phải mùi vị? Lại các mùi vị chẳng từ một vật mà ra, mùi vị đã do nhiều thứ sanh ra, thì thức cũng phải có nhiều thể. Thể của thức nếu một, ắt phải do một vị trần sanh ra, thì khi các vị mặn, ngọt, chua, cay hòa hợp cùng sanh, các tướng khác nhau biến đổi thành một mùi vị thì chẳng thể phân biệt; Phân biệt đã không thì chẳng gọi là thức, làm sao còn gọi là thiệt thức giới? Chẳng lẽ hư không lại sanh ra cái thức của Người? Nếu thiệt căn và vị trần hòa hợp mà sanh, nơi giữa vốn chẳng có tự tánh thì giới từ đâu mà lập?

- Nên biết, Thiệt Căn, Vị Trần làm duyên với nhau, sanh thiệt thức giới, ba chỗ đều không, tức Thiệt Căn, Vị Trần, Thiệt Thức Giới, vốn chẳng phải Tánh Nhân Duyên, cũng chẳng phải Tánh Tự Nhiên.

5. THÂN CĂN, XÚC TRẦN, THÂN THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan, như Người đã rõ, Thân Căn, Xúc Trần làm duyên với nhau, sanh ra thân thức. Vậy thức này từ thân căn ra, lấy thân căn làm giới; Hay từ xúc trần ra, lấy xúc trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ Thân Căn ra, ắt chẳng có hai duyên ly và hợp, chẳng có ly hợp thì thân căn làm sao biết được? Nếu từ xúc trần ra, ắt chẳng phải thân căn của Người, vậy có ai chẳng có thân mà biết ly và hợp ư?

- A Nan! Nếu vật chẳng xúc giác, thân biết có xúc, biết thân tức là xúc, biết xúc tức là thân, tức xúc chẳng phải thân, tức thân chẳng phải xúc, hai tướng thân căn và xúc trần vốn chẳng xứ sở, hợp thân tức là tự thể của thân, lìa thân tức như tướng hư không, trong và ngoài chẳng thành thì chính giữa từ đâu lập? Giữa chẳng thể lập thì trong ngoài tánh không, vậy thức Người từ đâu mà lập?

- Nên biết Thân Căn, Xúc Trần làm duyên với nhau, sanh thân thức giới, ba chỗ đều không, tức thân căn, xúc trần và thân thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

6. Ý CĂN, PHÁP TRẦN, Ý THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Như Người đã rõ, Ý Căn, Pháp Trần làm duyên với nhau, sanh ra Ý Thức. Vậy thức này từ ý căn ra, lấy ý căn làm giới; Hay từ pháp trần ra, lấy pháp trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ Ý Căn ra, thì trong ý Người ắt phải có suy tư mới phát minh được ý Người; Nếu chẳng suy tư thì ý chẳng thể sanh, là duyên thì chẳng có hình tướng, vậy thức dùng để làm gì? Thức của Người với sự suy tư và tánh hiểu biết là đồng hay khác? Nếu đồng với ý tức là ý căn, sao nói từ ý căn ra? Nếu khác với ý thì chẳng phải ý căn, chẳng phải ý căn thì không có năng biết, năng không ắt sở cũng không, nếu không có sở biết thì sao nói từ ý căn ra? Nếu có sở biết thì làm sao biết ý căn? Vậy hai tánh đồng và dị đã chẳng có thì giới từ đâu lập?

- Nếu từ pháp trần ra, thì các pháp trong thế gian chẳng ngoài ngũ trần, Người hãy xét xem, các pháp Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc đều có tướng rõ ràng để đối với ngũ căn, chẳng thuộc phạm vi của ý căn, nếu thức Người nhất định từ pháp trần ra, thì Người hãy xét kỹ hình tướng của mỗi pháp như thế nào? Nếu là sắc, không, thông, nghẽn, ly, hợp và sanh, diệt, ngoài các tướng này chẳng có sở đắc, sanh thì các pháp sắc, không cùng sanh, diệt thì các pháp sắc, không cùng diệt, vậy cái nhân sanh ra đã không, làm sao có thức? Thức đã chẳng có, giới từ đâu lập?

- Nên biết Ý Căn, Pháp Trần làm duyên với nhau sanh ra ý thức giới, ba chỗ đều không, tức ý căn, pháp trần, ý thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

A Nan bạch Phật:

- Như Lai thường giảng về nhân duyên hòa hợp rằng: *“Tất cả các thứ biến hóa trên thế gian đều do tứ đại hòa hợp mà sanh”*, sao Như Lai lại bác bỏ cả hai nghĩa nhân duyên và tự nhiên? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, xin Phật thương xót, khai thị pháp liễu nghĩa chẳng hý luận của trung đạo cho con và chúng sanh được rõ.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo A Nan: Trước đây, Người nhầm chán các pháp Tiểu Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác, phát tâm cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề nên Ta vì Người khai thị Đệ Nhất Nghĩa Đế, sao Người lại còn đem những hý luận của thế gian, vọng tưởng cho là nhân duyên mà tự ràng buộc? Người dù học rộng nghe nhiều, như người chỉ dùng miệng nói thuốc, khi thuốc thật hiện tiền thì lại chẳng biết, Như Lai gọi là thật đáng thương xót.

Nay Người hãy nghe kỹ, Ta sẽ vì Người khai thị từng lớp một, cũng khiến những người tu Đại Thừa sau này thông đạt được thật tướng.

A Nan yên lặng kính vâng thánh chỉ của Phật.

- A Nan! Như Người đã nói, tứ đại hòa hợp sanh ra các thứ biến hóa trên thế gian. A Nan, nếu thể tánh của tứ đại chẳng phải hòa hợp thì chẳng thể lẫn lộn nhau, cũng như hư không, chẳng thể hòa hợp với các sắc tướng;

Nếu là hòa hợp thì đồng như biến hóa, đầu đuôi duyên nhau, sanh diệt tương tục, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, sanh sanh diệt diệt như vòng lửa quay tròn. A Nan, cũng như nước thành băng, băng lại thành nước, chẳng hề ngừng nghỉ.

THẤT ĐẠI

I. TÁNH ĐỊA ĐẠI VỐN VÔ SANH

- Người xem tánh ĐỊA, thô là đại địa, tế là vi trần, cho đến cực vi là lân hư trần, là sắc tướng nhỏ tột, nếu phân tách nữa thì thành tánh hư không.

- A Nan, nếu cái lân hư trần đó tách được thành hư không, thì hư không cũng sanh được sắc tướng. Nay Người hỏi rằng, do hòa hợp mà sanh các tướng biến hóa trên thế gian, thì Người hãy xét, cái lân hư trần này phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới có? Chẳng lẽ lân hư trần hợp thành lân hư trần? Lại lân hư trần đã tách thành hư không, thì dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại mới được thành hư không? Nếu lúc hợp sắc, sắc chẳng phải hư không; Nếu lúc hợp không, hư không chẳng phải là sắc, sắc còn có thể tách ra được, chứ hư không làm sao mà hợp?

- Người vốn chẳng biết, trong Như Lai Tạng (*Tự tánh*), tánh Sắc chơn Không (*Thể tánh của Sắc chẳng phải thật, tức là Chơn Không*), tánh Không chơn Sắc (*Thể tánh của Không chẳng phải thật, tức là Chơn Sắc*), tự tánh vốn

thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Người thế gian chẳng biết những hiện tượng đó chỉ là mở mắt chiêm bao, lại mê lầm cho là nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

2. TÁNH HÒA ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh HỎA chẳng có tự thể, nhờ các trợ duyên mà phát sanh. Người xem các nhà, khi muốn nhúm lửa nấu cơm thì cầm tấm kiếng đưa dưới ánh sáng mặt trời mà lấy lửa.

- A Nan! Cái gọi là hòa hợp, cũng như Ta cùng Người và 1250 vị Tỳ Kheo, nay hợp thành một chúng; Chúng dù là một, xét về căn bản thì mỗi người đều có thân riêng biệt, có tên gọi và họ hàng của mình, như Xá Lợi Phất thuộc dòng Bà La Môn, Ưu Lô Tần Loa thuộc dòng Ca Diếp Ba, cho đến Người thì thuộc dòng họ Cù Đàm.

- A Nan! Nếu tánh lửa này do hòa hợp mà có, thì khi người cầm kiếng lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa này từ trong kiếng ra, từ bụi nhùi ra, hay từ mặt trời ra?

- A Nan! Nếu lửa từ mặt trời ra, đốt được bụi nhùi trong tay người ấy, thì những rừng cây mà ánh sáng mặt trời chiếu qua, lẽ ra đều bị đốt cả. Nếu từ trong kiếng ra, có thể đốt cháy bụi nhùi, sao cái kiếng lại không cháy? Cả cái tay người cầm kiếng còn chẳng thấy nóng thì làm sao kiếng lại cháy được? Nếu do bụi nhùi ra thì cần gì ánh sáng mặt trời với kiếng tiếp xúc nhau rồi mới có lửa?

- Người lại xét kỹ, kiếng do tay cầm, mặt trời thì ở trên không, còn bụi nhùi thì từ đất sanh ra, vậy lửa từ phương nào mà đi đến chỗ này? Mặt trời và kiếng cách xa nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ tánh lửa khi không tự có?

- Người vốn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh Hỏa chơn không, tánh không chơn Hỏa, tự tánh vốn thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. A Nan nên biết, người thế gian ở nơi này cầm kiếng thì nơi này bốc lửa; Nếu khắp pháp giới đều cầm kiếng thì khắp pháp giới bốc lửa, lửa cháy khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ tùy theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

3. TÁNH THỦY ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh THỦY chẳng định, ngưng và chảy không chừng. Như trong thành Thất La Phiệt, các ông Ca Tỳ La, Chúc Ca La và các nhà đại huyễn thuật Bát Đầu Ma Ha Tát Đa, khi muốn cầu Thái Âm Tinh để hòa các thuốc huyễn thuật, thì các ông ấy ở giữa đêm trắng sáng, tay cầm hạt châu, hứng nước dưới ánh trăng. Vậy nước này từ hạt châu ra, từ hư không ra, hay từ mặt trăng ra?

- A Nan! Nếu từ mặt trăng ra, ánh trăng đã có thể từ phương xa làm cho hạt châu chảy nước, thì những rừng cây mà ánh trăng chiếu qua, lẽ ra đều phải chảy nước. Nếu chảy nước thì khỏi đợi hạt châu mới có nước chảy; Nếu không chảy nước thì rõ ràng nước chẳng phải từ mặt trăng ra. Nếu từ hạt châu ra, thì trong hạt châu phải thường chảy nước, đâu cần đợi ánh trăng trong lúc nửa đêm? Nếu từ hư không ra thì hư không vô tận, nước cũng vô biên, vậy từ cõi người đến cõi Trời đều bị chìm ngập cả, làm sao lại có các loài ở dưới nước, trên bờ và trên không?

- Người hãy xét kỹ, mặt trăng ở trên trời, hạt châu ở nơi tay, còn mâm đựng hạt châu hứng nước thì do người đặt ra, vậy nước từ phương nào mà chảy đến đây? Mặt trăng và hạt châu cách xa nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ nước khi không tự có?

- Người vốn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh Thủy chơn không, tánh không chơn Thủy, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Hễ nơi này cầm hạt châu thì nơi này chảy nước; Khắp pháp giới cầm hạt châu thì khắp pháp giới chảy nước. Tánh Thủy cùng khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức, của chúng sanh mà biến hiện.

Người thế gian chẳng biết lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

4. TÁNH PHONG ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh PHONG chẳng có tự thể, động tịnh không chừng. Người thường ở nơi chúng mà sửa áo, chéo áo Tăng Già Lê chạm đến người bên cạnh thì có chút gió phát qua mặt người kia, vậy gió này từ chéo áo Cà Sa ra, từ hư không ra, hay từ mặt người kia ra?

- A Nan! Nếu gió từ chéo áo Cà Sa ra thì Người đã mặc luôn cả gió, lẽ ra cái áo phải tung bay ra, rời khỏi thân Người. Nay Ta rũ áo ở trong Hội này, Người hãy xem cái áo của Ta, gió núp ở chỗ nào? Chẳng lẽ trong áo lại có chỗ chứa gió ư?

- Nếu gió từ hư không ra, khi cái áo Người chẳng động, thì sao lại chẳng phát? Tánh hư không thường trụ thì gió phải thường sanh, vậy lúc chẳng gió, hư không phải diệt; Gió diệt còn có thể thấy được, hư không diệt thì là hình tướng gì? Nếu có sanh diệt thì chẳng gọi là hư không, đã gọi là hư không thì làm sao lại có gió ra?

- Nếu gió từ mặt người bị phát sanh ra, thì đã từ mặt người đó ra, lẽ ra phải phát lại Người, sao tự Người sửa áo mà phát ngược lại người kia?

- Người hãy xét kỹ; Sửa áo do Người, cái mặt thì thuộc người kia, hư không thì vắng lặng chẳng lay động, vậy gió từ phương nào rong ruổi đến đây? Tánh gió và tánh hư không khác nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ tánh gió khi không tự có ư?

- Người vốn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh phong chơn không, tánh không chơn phong, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy, biến hiện các cảnh giới hiện hữu. A Nan, như một mình Người hơi động cái áo thì có chút gió ra, khắp pháp giới đều phát thì khắp pháp giới đều ra gió, tánh phong đầy khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

5. TÁNH KHÔNG ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh KHÔNG vô hình, nhờ sắc tướng mới được hiển bày. Như trong thành Thất La Phiệt, chỗ cách xa sông, những dòng Sát Ly, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, Phả La Đọa, Chiên Đà La v.v... khi dựng nhà xong, đào giếng lấy nước, đào ra một thước đất thì có một thước hư không; Như vậy cho đến đào ra một trượng đất thì lại được một trượng hư không, hư không sâu hay cạn là tùy theo đất đào ra được nhiều hay ít. Vậy hư không này từ đào đất ra, do đào mà có, hay vô nhân tự sanh?

- A Nan! Nếu hư không vô nhân tự sanh, thì khi chưa đào đất, sao nơi đó lại chẳng vô chương ngại, mà chỉ thấy đất liền, chẳng thấy trống rỗng?

- Nếu từ đào đất ra, thì khi đất ra, phải thấy hư không vào; Nếu đất ra trước mà không thấy hư không vào, thì sao nói hư không từ đào đất mà ra? Nếu chẳng ra vào thì hư không với đất vốn chẳng có khác, chẳng khác tức là đồng, thì lúc đào đất ra, hư không sao chẳng ra? Nếu do đào mà có, thì phải đào ra hư không, chứ chẳng phải đào ra đất; Nếu chẳng do đào mà có thì tự đào ra đất, làm sao lại thấy hư không?

- Người hãy xét kỹ, đào do tay người vận động, đất theo sự đào mà dời chỗ, vậy hư không từ đâu mà ra? Đào thì có thật chất, hư không thì trống rỗng, chẳng tác dụng với nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ hư không khi không tự ra?

Vậy, tánh hư không cùng khắp, vốn chẳng lay động. Nên biết hiện tiền Địa, Thủy, Hỏa, Phong và Hư Không gọi là Ngũ Đại, tánh thật viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt.

- A Nan! Tâm Người mê muội, chẳng ngộ được tứ đại vốn là Như Lai Tạng, Người hãy xem hư không là ra hay vào; Hoặc chẳng ra vào? Người vốn chẳng biết trong Như Lai Tạng, tánh giác chơn không, tánh không chơn giác, Tự Tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu.

A Nan! Như đào một giếng thì ra một giếng hư không, vậy mười phương hư không cũng như thế, tánh KHÔNG cùng khắp mười phương, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

6. TÁNH KIẾN ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! BỐN KIẾN, BỐN GIÁC vốn chẳng có năng tri sở tri, vì Sắc và Không mới có lập năng sở. Như Người hôm nay ở vườn Kỳ Đà, ngày sáng đêm tối, nếu nửa đêm có trăng thì sáng, không trăng thì tối, do kiến tinh phân biệt nên có sáng và tối. Vậy kiến này

với tướng sáng, tối và hư không, là một thể hay chẳng phải một thể? Hoặc đồng, chẳng đồng? Hoặc khác, chẳng khác?

- A Nan! Nếu cái kiến này cùng với sáng, tối, hư không vốn là một thể, thì sáng và tối hai tướng nghịch nhau, khi sáng chẳng tối, khi tối chẳng sáng. Nếu cùng với tối đồng một thể thì khi sáng, cái kiến biến mất, hề cùng với sáng đồng một thể, thì khi tối, cái kiến ấy phải diệt, đã diệt thì lấy gì để thấy sáng thấy tối? Nếu sáng tối khác nhau, kiến chẳng sanh diệt thì đâu có thể nói là một thể được?

Nếu cái kiến này cùng với sáng tối chẳng phải một thể, thì Người lìa sáng, tối và hư không, phân tách cái kiến tinh xem là hình tướng gì? Lìa sáng, tối và hư không thì kiến tinh đồng như lông rùa sừng thỏ. Sáng, tối, hư không ba thứ đều khác biệt, vậy từ đâu mà lập kiến tinh? Sáng, tối nghịch nhau, làm sao nói đồng được? Lìa ba thứ vốn chẳng có, làm sao nói khác được? Hư không và kiến tinh vốn chẳng có ranh giới, làm sao nói chẳng đồng? Thấy sáng thấy tối, sở kiến thay đổi, làm sao nói chẳng khác?

- Người cần phải xem xét vi tế kỹ càng, xét tới cứu cánh triệt để. Sáng do mặt trời, tối do đêm không trăng, thông thuộc về hư không, nghẽn thuộc về đại địa, kiến tinh có giác, hư không vô tri, chẳng hòa chẳng hợp, vậy kiến tinh từ đâu mà ra? Chẳng lẽ khi không tự ra?

- Nên biết KIẾN, VĂN, GIÁC, TRI, thể tánh viên mãn cùng khắp mọi nơi, vốn chẳng lay động, với hư không vô biên chẳng động và địa, Thủy, Hỏa, Phong, lay động, cùng gọi là Lục Đại, thể tánh viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt.

- A Nan! Người đánh mất Tự Tánh, chẳng ngộ Kiến, Văn, Giác, Tri của Người vốn là Như Lai Tạng. Người hãy xem cái kiến, văn, giác, tri này là Sanh hay Diệt, là Đồng hay Dị, là Chẳng Sanh Diệt hay Chẳng Đồng Dị? Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh kiến giác minh, giác tinh minh kiến (*Cái Bốn Kiến là Tự Tánh vốn Giác vốn Minh, cái tinh thể của bốn giác vốn minh vốn kiến*), vốn tự nhiên thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy mà biến hiện các cảnh giới hiện hữu.

Như một “*Kiến tinh*” thấy cùng pháp giới, cho đến tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân xúc, ý biết, sự diệu dụng rõ ràng viên mãn, cùng khắp mười phương pháp giới, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

7. TÁNH THỨC ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh của TÂM THỨC vốn chẳng có nguồn gốc, duyên theo sáu thứ căn trần hư vọng mà sanh. Nay Người hãy xem khắp Thánh chúng trong hội này khi mới dùng con mắt lướt qua, chưa khởi phân biệt thì thấy chúng chỉ như bóng tượng trong gương, rồi tâm thức của Người theo thứ tự phân biệt đây là Văn Thù, đây là Phú Lâu Na, rồi tới Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Xá Lợi Phất v.v... Vậy sự biết của tâm thức này từ kiến tinh ra, từ sắc tướng ra, từ hư không ra, hay khi không vô nhân mà ra?

- A Nan! Giả sử tâm thức của Người từ kiến tinh ra, nếu chẳng có sáng tối và sắc không, thì chẳng có kiến tinh, kiến tinh còn chẳng có, vậy tâm thức từ đâu mà ra?

Nếu tâm thức của Người từ sắc tướng ra, chẳng từ kiến tinh ra, thì chẳng thấy sáng, cũng chẳng thấy tối, sáng tối đã chẳng thấy tức là chẳng có sắc không, sắc tướng kia còn chẳng có thì tâm thức do đâu mà ra?

Nếu từ hư không ra, chẳng phải sắc tướng, cũng chẳng phải kiến tinh. Nếu chẳng phải kiến tinh thì chẳng thể phân biệt, tự nhiên không thể biết được các tướng sáng tối và sắc không. Nếu chẳng phải sắc tướng thì sở duyên diệt mất, vậy kiến, văn, giác, tri chẳng có chỗ an lập. Giữa hai thứ chẳng phải kể trên, nếu “*Không*” thì tâm thức đồng như chẳng có; Nếu “*Có*” thì tâm thức đồng như các vật, dấu cho có tâm thức của Người cũng thành vô dụng.

LƯỢC GIẢI

Hư không vô hình, vốn chẳng có Bản Thể, nếu tâm thức từ hư không ra thì cũng giống như hư không, chẳng có Bản Thể để nương tựa, tức là tâm thức chẳng phải sắc tướng, cũng chẳng phải kiến tinh. Giữa hai thứ chẳng phải kể trên, nếu cho là “Không Bản Thể” thì tâm thức đồng như không có; Nếu cho là “Có Bản Thể” thì tâm thức đồng như các vật; Vật thì vô tri, chẳng có tánh phân biệt, vậy dấu cho có tâm thức cũng thành vô dụng.

Nếu khi không vô nhân mà ra, thì sao chẳng cho mặt trời là mặt trăng?

- Người hãy suy xét kỹ càng, cái thấy phải nhờ mắt Người, sắc tướng là cảnh của tiền trần; Những gì có tướng mới thành có, chẳng tướng ắt thành không, như vậy tâm thức từ đâu mà ra?

- Tâm thức thì linh động, kiến tinh thì trong lặng, chẳng hòa chẳng hợp, kiến, văn, giác, tri đều như thế, chẳng lẽ tâm thức khi không tự ra?

- Nếu tâm thức này vốn chẳng từ chỗ nào ra, sự dụng của kiến, văn, giác, tri trạm nhiên viên mãn, tánh chẳng năng sở. Vậy Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Hư Không và Bốn Kiến, Bốn Thức, gọi là Thất Đại, thể tánh chơn thật viên dung, ấy đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt.

- A Nan! Tâm Người vọng chấp, chẳng ngộ kiến, văn, giác, tri, vốn là Như Lai Tạng, Người hãy xét sáu chỗ tâm thức này là đồng hay dị, là có hay không, là chẳng đồng dị hay chẳng có không?

- Người vốn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh thức minh tri, giác minh chơn thức (*Tánh của bốn thức rõ ràng chơn tri, không phải như sự hiểu biết của thế gian có đối đãi và phân biệt*), diệu giác trạm nhiên, như như bất động, chẳng thể nghĩ lường được, đầy trùm pháp giới, hiển bày khắp mười phương hư không đâu có xứ sở, tùy theo nghiệp của chúng sanh biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

Bấy giờ, A Nan và đại chúng được sự khai thị vi diệu của Phật, thân tâm phẳng lặng, chẳng còn ngăn ngại, mỗi mỗi tự biết tâm thức cùng khắp mười phương, thấy mười phương hư không như xem các vật trong bàn tay; Tất cả vật tượng trên thế gian đều vốn là tánh Bồ Đề sáng suốt của Diệu Tâm. Tâm tánh tròn đầy, cùng khắp mười phương, xem lại cái thân của cha mẹ sanh ra, như mảy bụi lửng lơ trong mười phương hư không thoát còn thoát mất;

Như một bọt nước trôi trong biển cả, chẳng biết sanh diệt từ đâu. Rõ ràng tự biết được cái Bốn Lai thường trụ chẳng diệt của Diệu Tâm, được pháp chưa từng có, nên chấp tay lễ Phật và nói kệ tán thán Phật rằng:

**Diệu trạm tổng trì bất động tôn,
Thủ Lăng Nghiêm Vương thế hy hữu.
Tiêu ngã ức kiếp điên đảo tướng.
Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân.
Nguyện kim đắc quả thành Bửu Vương
Hườn độ như thị hằng sa chúng.
Tương thử thâm tâm phụng trần sát,
Thị tác danh vi báo Phật ân.
Phục thỉnh Thế Tôn vị chứng minh,
Ngũ trước ác thế đệ tiên nhập.
Như nhất chúng sanh vị thành Phật,
Chung bất ư thử thủ nê hoàn,
Đại hùng đại lực đại từ bi,
Hy cánh thẩm trừ vi tế hoặc.
Linh ngã tảo đặng vô thượng giác,
Ứ thập phương giới tọa đạo tràng,
Thuấn Nhã Đa tánh khả tiêu vong,
Thước Ca Ra tâm vô động chuyển.**

Dịch nghĩa:

Trong lặng vạn năng chẳng động tịnh⁽¹⁾
Lăng Nghiêm Đại Định đời hy hữu⁽²⁾
Tiêu diên đảo tướng từ vô thủy,
Chẳng nhọc nhiều kiếp được Pháp thân.
Nguyện nay đắc quả thành Chánh Giác,
Độ thoát chúng sanh như Hằng sa.
Hết lòng phụng sự vô số cõi,
Thế mới gọi là đền ơn Phật,
Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho,
Ngũ trước ác thế nguyện vào trước,
Nếu một chúng sanh chưa thành Phật,

(1): Trong lặng vạn năng chẳng động tịnh.

Tại sao “*Diệu tràm tổng trì bất động tôn*” dịch là “*Trong lặng vạn năng chẳng động tịnh?*”.

Chữ “*Trạm*” nghĩa là trong lặng chẳng động, nhưng chưa phải là “*Diệu Trạm*”; Chẳng động chẳng tịnh cũng chẳng trụ nơi chẳng động tịnh, mới được gọi là “*Diệu Trạm*”.

Tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa, tổng trì tất cả pháp nghĩa, nên nói là “*Vạn Năng*” vậy.

(2): LĂNG NGHIÊM ĐẠI ĐỊNH đời hy hữu:

Tại sao “*Thủ Lăng Nghiêm Vương*” dịch là “*Lăng Nghiêm Đại Định?*” VÌ THỦ LĂNG NGHIÊM chỉ là tên của Kinh, Kinh đã phổ biến trên đời thì chẳng phải là hy hữu, cần phải theo đó tu chứng được Đại Định mới là hy hữu.

Có nhập định, xuất định, chưa phải là “*Đại Định*”, “*Đại Định*” thì chẳng có xuất nhập, lúc đang náo động vẫn là ĐỊNH, nên gọi là ĐẠI ĐỊNH, vậy mới được làm vua trong tất cả định (*Thủ Lăng Nghiêm Vương*).

*Quyết chẳng tự mình chứng Niết Bàn,
Đại Hùng đại lực đại từ bi,
Mong dứt trừ tập khí vi tế.
Khiến con mau đến Vô Thượng Giác,
Mười phương thế giới tọa đạo tràng.
Dầu cho hư không bị tiêu mất,
Bỏ tâm kiên cố chẳng lay động.*

HẾT QUYỂN BA

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN BỐN

*L*úc bấy giờ, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử ở trong chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo tay phải, quỳ gối chân phải, chắp tay cung kính bạch Phật rằng:

- Thế Tôn có oai đức lớn, khéo vì chúng sanh hiển bày đệ nhất nghĩa đế của Như Lai. Thế Tôn thường khen con là bậc nhất trong những người thuyết pháp, mà nay con nghe pháp âm nhiệm mầu của Như Lai, cũng như người điếc, cách xa trăm bước mà nghe tiếng muỗi bay, vốn chẳng thể thấy, huống là được nghe! Phật dù chỉ rõ, khiến con dứt trừ lỗi lầm, nhưng con còn chưa thấu suốt chỗ chẳng nghi hoặc của nghĩa này.

- Thế Tôn, hàng hữu lậu như A Nan, dù được khai ngộ, nhưng chưa dứt tập khí phiền não, còn chúng con là bậc vô lậu trong hội này, nay nghe pháp âm của Như Lai còn mắc phải những điều nghi ngờ.

- Thế Tôn, nếu tất cả các thứ Căn, Trần, Âm, Xứ, Giới v.v... của thế gian đều là Như Lai Tạng, Bản Tính vốn trong sạch, sao lại bỗng sanh các tướng hữu vi như núi sông, đất đai, thành rồi hoại, hoại rồi thành, thành hoại chẳng ngừng?

Lại Như Lai nói Địa, Thủy, Hỏa, Phong, bản tánh viên dung, cùng khắp pháp giới, trạm nhiên thường trụ. Thế Tôn, nếu tánh Địa cùng khắp, thì làm sao dung nạp được Thủy? Nếu tánh Thủy cùng khắp thì Hỏa chẳng thể sanh; Sao lại nói hai tánh Thủy và Hỏa đều cùng khắp hư không, chẳng đoạt mất nhau?

- Thế Tôn, tánh Địa thì ngăn ngại, tánh Không thì trống rỗng, làm sao hai tánh ấy đều cùng khắp pháp giới? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, xin Phật từ bi, khai mở lòng mê muội của con và đại chúng.

Nói xong, năm vóc gieo sát đất, kính mong lời dạy Vô Thượng của Như Lai.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phú Lô Na và hàng A La Hán lậu tận vô học trong Hội rằng:

- Hôm nay, Như Lai vì cả chúng trong Hội này hiển bày tánh Chơn Thắng Nghĩa trong thắng nghĩa, khiến hàng định tánh Thanh Văn và tất cả A La Hán chưa được Nhị Không (*Nhân ngã không và pháp ngã không*), phát tâm hướng về thượng thừa, đều được chỗ tu hành chơn chánh, thiết thực chẳng xao động của cảnh giới tịch diệt nhất thừa, các người hãy chú ý nghe.

Phú Lô Na và đại chúng kính vâng pháp âm của Phật, yên lặng ngồi nghe.

Phật bảo:

- Phú Lô Na, như lời Người nói, Bản Tánh trong sạch, sao lại bỗng sanh núi sông đất đai. Người chẳng thường nghe Như Lai dạy rằng: Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu hay sao?

LƯỢC GIẢI

Tức diêu thường minh mà chẳng lập sở minh, cũng chẳng phải bất minh, nên nói diêu minh, tức minh thường diêu, mà chẳng bị kẹt nơi minh, nên nói Minh Diêu. Nếu chấp thật cho là giác minh, bèn lọt vào tình thức, thành ra lìa giác chẳng minh, thì đâu thể nói là diêu, nên Kinh nói: “Do giác minh thành lỗi lầm” vậy.

- Bạch Thế Tôn, vâng ạ, con thường nghe Phật khai thị nghĩa này.

Phật bảo:

- Người nói giác minh, là do tánh minh được gọi là Giác; Hay là cái giác bất minh, gọi là Minh Giác?

Phú Lô Na nói:

- Nếu cái bất minh này gọi là giác, thì chẳng có sở minh.

Phật bảo:

- Nếu chẳng có sở minh thì chẳng có minh giác, có sở chẳng phải là giác, không sở chẳng phải là minh, chẳng minh lại chẳng phải tánh trạm nhiên sáng tỏ của Bản Giác. Vì tánh giác ắt minh, vọng cho là minh giác, Bản Giác chẳng phải sở minh, do chấp sự minh nên lập sở minh, sở minh đã vọng lập, thì sanh cái năng minh hư vọng của Người.

Ở trong chẳng đồng dị, vọng chấp thành dị, khác với cái dị này, do sự dị mà lập sự đồng, tương đồng dị đã sanh, từ đó lại lập ra cái chẳng đồng chẳng dị. Nhiều loạn như thế, đối đãi nhau sanh ra mỗi một,

mỗi lâu thành trần, tự hỗn tạp lẫn nhau, do đó sanh ra trần lao phiền não, khởi dậy thành thế giới, tịch lặng thành hư không; Hư không là đồng, thế giới là dị, do đồng dị lập ra chẳng đồng chẳng dị, ấy là pháp hữu vi, cái vốn chẳng đồng dị của Bản Giác, mới thật là pháp vô vi.

Bản giác tánh không, chẳng minh chẳng vô minh, tùy theo nghiệp thức biến hiện nên vô minh bắt đầu; Một niệm vô minh bỗng khởi, thì Bản Giác là tánh không mà sanh vọng minh, tánh không cũng là Bản Giác mà sanh ám muội. Bản Giác sanh vọng minh thì phát ra thức, chỗ trong lặng chẳng lay động của thức tinh (*Nguồn gốc của thức*) tức là THỦY, tánh “Không” sanh ám muội, kết tụ thành sắc, tức là ĐỊA (Trái đất), ĐỊA và THỦY nhiễu loạn nhau thành PHONG (Bầu khí quyển bao phủ trái đất). Vì tánh “Không” bị ám muội, cố chấp cái năng minh thành chướng ngại, nên vọng cho Bản Giác là sở minh, năng sở nhiễu loạn, nên có tánh biến hóa của HỎA, ngọn HỎA xông lên, nên có hơi THỦY khắp cả mười phương hư không. HỎA bốc lên, THỦY chảy xuống, giao lộn vọng lập thì THỦY ướt thành biển cả, đất khô thành lục địa. Do nghĩa này, nên trong biển cả HỎA thường phun lên, trong lục địa sông ngòi thường chảy. Thế THỦY kém thế HỎA thì kết thành núi, nên khi đập đá núi thì có tia lửa; Thế ĐỊA kém thế THỦY thì mọc lên thành cỏ cây, nên đốt cỏ cây thì thành đất, vắt ra thì có nước. Tứ đại giao lộn lẫn nhau vọng sanh nhân quả, do nhân duyên này nên thế giới tương tục.

LƯỢC GIẢI

Theo lý thuyết Ngũ Hành là sáng lập từ Trung Quốc, người Ấn Độ thì chẳng biết học thuyết này. Nên các Kinh Phật chỉ nói Tứ Đại, Ngũ Uẩn, Lục Nhập, Thập Nhị Xứ, Thập Bát Giới, cho đến Thất Đại, đoạn này từ tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán, mà dịch giả mượn ngũ hành để sáng tỏ nghĩa Kinh, lý thuyết ngũ hành người xưa còn có thể hiểu được, đời nay thì ít người thấu suốt. Cho nên độc giả đời nay cảm thấy rất khó hiểu, nếu không hiểu được thì đánh mất tác dụng của lời kinh. Vì Phật thuyết pháp, hay dùng những sự vật của chúng sanh đã hiểu biết, để chứng tỏ tri kiến của chúng sanh chẳng đúng. Do đó, nên chúng tôi lược bỏ phần ngũ hành, chỉ dựa theo tứ đại mà dịch đoạn kinh này, xin độc giả từ bi hoan hỷ cho.

- Lại nữa, Phú Lâu Na, cái minh hư vọng này chẳng phải gì khác, do giác minh thành lỗi lầm; Sở minh đã vọng lập, thành lý minh có ngằn mé. Vì vậy, nên nghe chẳng ra ngoài tiếng, thấy chẳng vượt khỏi sắc, sáu thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đã vọng lập, do đó chia ra KIẾN, VĂN, GIÁC, TRI. Cộng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà có hợp, ly, thành, hóa; Do kiến chấp của sở minh nên sanh khởi sắc tướng, do năng minh của kiến chấp thì thành tư tưởng, ý kiến khác với mình thì thành ghét, tư tưởng đồng với mình thì thành yêu, gieo cái yêu thành hạt giống, thu nạp tư tưởng thành cái thai, giao cấu phát sanh, hấp dẫn cộng nghiệp, nên có nhân duyên sanh ra bào thai.

- Các loài thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, tùy theo sự cảm ứng mà thành: Noãn do tưởng niệm mà sanh, thai do ái tình mà có, thấp sanh do hợp mà cảm ứng, hóa sanh do tách ly mà hiện. Tình, tưởng, hợp, ly thay đổi lẫn nhau, các loài thọ nghiệp theo đó mà thăng trầm, do nhân duyên này nên chúng sanh tương tục.

- Phú Lâu Na, do tư tưởng thương yêu liên kết thành nghiệp, yêu mãi không rời thì những cha mẹ con cháu trong thế gian sanh nhau chẳng ngừng, ấy đều từ gốc DỤC THAM sanh khởi.

- Lòng tham ái giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không thôi thì các loại thai, noãn, thấp, hóa trong thế gian, tùy sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau, ấy là đều từ gốc SÁT THAM sanh khởi.

- Người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến mười loại chúng sanh, chết sống sống chết, ăn nuốt lẫn nhau, ác nghiệp lan tràn cùng tội đời vị lai, ấy đều từ gốc ĐẠO THAM (*Trộm cắp*) sanh khởi.

- Người nợ mạng ta, ta trả nợ người, do nhân duyên này trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong dòng sanh tử; Người yêu tâm ta, ta ưa sắc người, do nhân duyên này trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong dòng ràng buộc, ấy đều từ gốc SÁT, ĐẠO, DÂM sanh khởi. Do nhân duyên này nên nghiệp quả tương tục.

Phú Lâu Na, ba thứ điên đảo kể trên tương tục như vậy, đều do sự lỗi lầm của giác minh, cho là có tánh liễu tri của năng minh rồi biến hiện sắc tướng, từ vọng kiến đó sanh khởi các tướng hữu vi như núi sông đất đai, theo thứ tự dời đổi, vì hư vọng này nên xoay chuyển chẳng ngừng.

Phú Lâu Na nói:

- Thế Tôn! Nếu Diệu Giác này vốn nhiệm mầu sáng tỏ, cùng với tâm Như Lai chẳng thêm, chẳng bớt, khi không bỗng sanh các tướng hữu vi như núi sông, đất đai; Nay Như Lai đã chứng Diệu Giác, làm sao núi sông đất đai và các tập khí hữu lậu còn được sanh trở lại?

Phật bảo Phú Lâu Na:

- Ví như người mê ở một xóm làng, nhận lầm phương Nam thành phương Bắc, vậy sự mê lầm này từ mê ra hay từ ngộ ra?

Phú Lâu Na đáp:

- Người mê như vậy chẳng từ mê ra, cũng chẳng từ ngộ ra? Tại sao? Mê vốn chẳng gốc, làm sao từ mê ra? Ngộ chẳng sanh mê, sao nói từ ngộ ra?

Phật nói:

- Người mê kia đang trong lúc mê, bỗng có người ngộ chỉ thị cho ngộ, Phú Lâu Na, ý người thế nào? Người ấy dẫn mê, đối với xóm làng này, còn mê lại nữa chăng?

- Bạch Thế Tôn, không ạ!

- Phú Lâu Na, mười phương Như Lai cũng như vậy, sự mê này vốn chẳng có gốc, tánh tất cánh là không, xưa vốn chẳng mê, do vọng chấp nên tựa như có mê có giác, giác được cái mê thì mê liền diệt, giác chẳng sanh mê.

Cũng như người nhắm thấy hoa đốm trên không, nếu trừ được bệnh nhắm thì hoa đốm nơi không liền diệt. Bỗng có người ngu ở chỗ hư không mà hoa đốm đã diệt kia, mong đợi hoa đốm sanh nữa, người xét người này là ngu hay trí?

Phú Lâu Na đáp:

- Hư không vốn chẳng có hoa đốm, vọng thấy có sanh diệt, thấy hoa đốm diệt đã là điên đảo rồi, lại còn muốn hoa đốm sanh nữa, thì thật là điên đại, làm sao còn gọi người điên như vậy là ngu hay trí!

Phật bảo:

- Theo như người hiểu, sao lại còn hỏi Diệu Giác của chư Phật lại sanh núi sông đất đai nữa! Cũng như quặng vàng, đất cát lộn với vàng ròng, khi quặng đã luyện thành vàng ròng thì chẳng trở lại thành quặng nữa; Như cây đã đốt thành tro, thì chẳng trở lại thành cây nữa. Bồ Đề Niết Bàn của chư Phật cũng như vậy.

- Phú Lô Na, Người còn hỏi về Bản Tánh viên dung, cùng khắp pháp giới của ĐỊA, THỦY, HỎA, PHONG nghi rằng tánh THỦY và HỎA sao chẳng đoạt mất nhau, và hỏi sao hư không và tánh ĐỊA đều khắp pháp giới, lẽ ra chẳng dung nạp nhau.

- Phú Lô Na, ví như hư không chẳng phải các tướng, cũng chẳng ngăn ngại các tướng phát huy. Tại sao? Phú Lô Na, ở nơi hư không, mặt trời chiếu thì sáng, mây che thì tối, gió thổi thì động, trời tạnh thì trong, sương mù thì đục, bụi nổi thì mờ, nước lạnh thì lỏng lách, ý Người thế nào? Các tướng hữu vi khác nhau như vậy, là tự sanh hay từ hư không ra? Phú Lô Na, nếu mỗi mỗi tự sanh, khi lúc mặt trời chiếu, đã là mặt trời chiếu sáng, thì mười phương hư không đều thành màu sắc của mặt trời, tại sao lại còn thấy mặt trời trên không? Nếu hư không tự sáng, thì hư không phải tự chiếu sáng, tại sao lúc giữa đêm mây mù lại chẳng thấy sáng? Nên biết cái sáng như vậy chẳng phải mặt trời, chẳng phải hư không, cũng chẳng ngoài mặt trời và hư không. Xét các tướng ấy vốn là hư vọng, chẳng thể chỉ bày, cũng như muốn hoa đốm trên không kết thành quả hư không, làm sao còn hỏi cái nghĩa chẳng đoạt mất nhau? Diệu Tâm sáng tỏ, vốn chẳng phải Thủy, Hỏa, tại sao lại còn hỏi về nghĩa chẳng dung nạp nhau?

- Tánh sáng tỏ của Diệu Tâm cũng vậy, nếu Người phát minh cái hư không thì hư không hiện ra; Địa, Thủy, Hỏa, Phong mỗi mỗi phát minh thì mỗi mỗi hiện ra, nếu cùng phát minh thì cùng hiện ra.

- Thế nào là cùng hiện? Phú Lô Na, như trong một dòng nước, hiện ra bóng mặt trời, hai người cùng xem bóng đó, rồi người đi phương Đông, người đi phương Tây, mỗi người đều thấy mặt trời theo mình, một cái đi về phương Đông, một cái đi về phương Tây, chẳng có nhất định. Không nên hỏi rằng: Mặt trời là một, sao lại mỗi cái đi theo mỗi người? Bóng mặt trời trong nước đã thành hai, tại sao trên trời chỉ có một? Sự hư vọng quanh lộn như thế chẳng có căn cứ.

- Phú Lô Na, Người cho tướng Sắc, Không đoạt mất lẫn nhau nơi Như Lai Tạng, thì Như Lai Tạng tùy theo sắc không cùng khắp pháp giới, nên ở trong đó, gió thổi thì động, hư không thì lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối, chúng sanh mê muội, trái giác tánh, hợp cảnh trần, phát khởi trần lao, nên có tướng thế gian.

- Ta dùng Tánh chẳng sanh diệt của Diệu Tâm sáng tỏ hợp với Như Lai Tạng, thì Như Lai Tạng chỉ duy nhất một Diệu Tâm sáng tỏ, tròn đầy chiếu khắp pháp giới, nên ở trong đó, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ, đạo tràng chẳng động mà khắp mười phương thế giới,

thân thể bao hàm vô tận hư không, nơi đầu một mảy lông hiện ra cõi Phật, ngồi trong vi trần chuyển đại pháp luân, nghịch cảnh trần, hợp giác tánh, nên hiện ra tánh Chơn Như sáng tỏ của Diệu Tâm.

- Cái Diệu Tâm sáng tỏ này, phi tâm, phi không, phi Địa, Thủy, Hỏa, Phong; Phi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; Phi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; Phi nhãn thức giới cho đến phi ý thức giới; Phi minh, phi vô minh, phi vô minh tận, như thế cho đến phi lão phi tử, phi lão tử tận; Phi khổ, tập, diệt, đạo; Phi trí, phi đắc, phi bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ; Phi đến bờ bên kia, cho đến phi Như Lai, phi Ứng Cúng, phi chánh Biến Tri; Phi Đại Niết Bàn, phi thường đức, lạc đức, ngã đức, tịnh đức, (*Tứ đức của Niết Bàn*), cho đến các pháp thế gian và xuất thế gian đều phi cả.

- Cái Diệu Tâm sáng tỏ này tức Tâm, tức Không, tức Địa, Thủy, Hỏa, Phong; Tức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; Tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; Tức nhãn thức giới, cho đến tức ý thức giới; Tức minh, tức vô minh, tức minh vô minh tận; Cho đến tức lão, tức tử, tức lão tử tận, tức khổ, tập, diệt, đạo; Tức trí, tức đắc; Tức bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ; Tức đến bờ bên kia, cho đến tức Như Lai, tức Ứng Cúng, tức Chánh Biến Tri; Tức Đại Niết Bàn, tức thường đức, lạc đức, ngã đức, tịnh đức; Cho đến các pháp thế gian và xuất thế gian đều tức như thế cả.

- Cái Diệu Tâm sáng tỏ này là TỨC là PHI, cũng TỨC cũng PHI TỨC, tại sao chúng sanh tam giới của thế gian và các hàng Thanh Văn, Duyên Giác của xuất thế gian muốn dùng cái tâm sở tri để suy lường Vô Thượng Bồ Đề của Như Lai; Muốn dùng lời nói của thế gian để nhập Tri Kiến Phật, đâu có thể được!

- Ví như những cây đàn: Cầm sắt, tỳ bà, dù có diệu âm, nếu chẳng có sự khéo léo của ngón tay, thì diệu âm chẳng thể phát ra. Cũng vậy, cái Diệu Tâm chơn thật của người và chúng sanh mỗi mỗi vốn sẵn đầy đủ. Nhưng nơi ta khi búng tay thì hải ấn phát ra ánh sáng, (*Hải ấn là: Lâu đài bồng hiện trên mặt biển, dụ cho sức dụng vô biên của tự tánh tự hiện*), còn nơi các người, vừa móng tâm thì trần lao đã khởi; Ấy là do chẳng cầu vô thượng Bồ Đề, ham thích Tiểu Thừa, được ít cho là đủ.

Phú Lô Na nói:

- Diệu tâm sáng tỏ của con và Như Lai đều viên mãn không hai. Nơi con, vì xưa kia mắc phải vọng tưởng từ vô thủy, chịu luân hồi đã lâu, nay dù chứng được Thánh quả, nhưng chưa đến chỗ rốt ráo. Nơi Thế Tôn thì tất cả vọng tưởng đều diệt, chỉ Diệu Tâm Chơn Thường Hiện Hành. Vậy xin hỏi Như Lai: Tất cả chúng sanh vì sao có vọng, tự che khuất Diệu Tâm, cam chịu chìm đắm?

Phật bảo Phú Lô Na:

- Người dù trừ được lòng nghi, nhưng còn có mê hoặc chưa dứt sạch, nay Ta đem những việc của thế gian hỏi Người. Người há chẳng nghe trong thành Thất La Phiệt, có ông Diễn Nhã Đạt Đa, buổi sáng lấy gương soi mặt, nhìn thấy mặt mày, bỗng ưa cái đầu trong gương, rồi tự trách đầu mình sao chẳng tự thấy mặt mũi, cho là yêu mị, khi không phát điên bỏ chạy. Ý Người thế nào? Người ấy vì sao khi không bỏ chạy?

Phú Lô Na đáp: Người ấy tâm điên, chứ chẳng do gì khác.

Phật nói: Diệu tâm vốn tròn đầy sáng tỏ, đã gọi là vọng, làm sao có nhân? Nếu có cái nhân, sao còn gọi là vọng? Chỉ do các vọng tưởng xoay vần, tự làm nhân cho nhau, từ mê thêm mê, trải qua vô lượng kiếp, dù được Phật phát minh đại nghĩa, còn chẳng chịu quay về. Cái nhân mê như vậy, do mê tự có, biết cái mê vô nhân thì vọng chẳng chỗ dựa; Sanh còn chẳng có, lấy gì để diệt?

- Người đắc đạo Bồ Đề, như người tỉnh giấc nói việc trong chiêm bao; Tâm dù rõ ràng, làm sao lấy được những vật trong chiêm bao ra? Huống là vô nhân, vốn chẳng có gì! Như Diễn Nhã Đạt Đa, đâu có nhân duyên gì mà tự sợ đầu mình bỏ chạy. Nếu bỗng nhiên hết điên, cái đầu đâu phải từ ngoài mà được; Dù chưa hết điên, đầu cũng chẳng mất. Phú Lô Na, tánh vọng như thế, làm sao có nhân?

Nếu Người chẳng duyên theo thế gian, nghiệp quả, chúng sanh, ba thứ phân biệt này xoay chuyển liên tục, ba duyên đã diệt thì ba nhân chẳng sanh, tánh điền của Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm người tự dứt, dứt tức là Bồ Đề. Vậy Diệu Tâm sáng tỏ vốn khắp pháp giới, chẳng từ người khác mà được, chẳng nhờ nhọc nhằn tu chứng mà có.

- Ví như có người, nơi áo mình có hạt châu như ý mà chẳng tự biết, nghèo nàn rách rưới, ăn xin nơi phương xa. Người ấy dù nghèo, hạt châu chưa từng mất, bỗng được người trí chỉ ra hạt châu, liền thành giàu sang tùy theo ý muốn, mới ngộ bảo châu chẳng từ bên ngoài mà có.

- Tức thời, A Nan ở trong chúng đánh lễ chân Phật, bạch Phật rằng:

- Nay Thế Tôn, nói ba nghiệp SÁT, ĐẠO, DÂM diệt rồi thì ba nhân chẳng sanh, và tánh điền của Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm tự dứt, dứt tức là Bồ Đề, chẳng từ người khác mà được. Thế thì rõ ràng là nhân duyên rồi, làm sao Như Lai bác bỏ nghĩa nhân duyên? Chính con do nhân duyên mà tâm được khai ngộ.

- Thế Tôn! Nghĩa này chẳng những hàng Thanh Văn hữu học trẻ tuổi như chúng con, cả Đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề trong hội này, đều từ nơi ông lão Phạm Chí nghe cái thuyết nhân duyên của Phật, tâm được khai ngộ, thành quả vô lậu.

Nay Phật nói Bồ Đề chẳng do nhân duyên, vậy thì cái thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo Câu Xá Ly lại thành đệ nhất nghĩa sao? Xin Phật đại bi, khai phá chỗ mê muội cho chúng con.

Phật bảo A Nan:

- Như Diễn Nhã Đạt Đa, nếu diệt trừ được cái nhân duyên phát điên, thì tánh chẳng điên tự nhiên hiện ra, lý cùng tột của nhân duyên và tự nhiên là vậy.

- A Nan! Nếu đầu của Diễn Nhã Đạt Đa vốn tự nhiên, đã là tự nhiên, thì tại sao sợ đầu bỏ chạy? Ấy là do nhân duyên nào?

- Nếu đầu tự nhiên do nhân duyên nên phát điên, tại sao chẳng tự nhiên do nhân duyên mà mất đi? Đầu vốn chẳng mất, tại sao vẫn còn vọng sanh điên sợ? Thế thì đâu phải nhờ nhân duyên?

- Nếu Bản Tánh vốn tự nhiên có điên sợ, vậy khi chưa điên, cái điên ẩn núp ở chỗ nào? Nếu tánh chẳng điên là tự nhiên, đầu vốn chẳng vọng, sao lại bỏ chạy?

- Nếu ngộ được cái đầu vốn chẳng mất, tánh điên cuồng vốn vọng sanh, thì nhân duyên và tự nhiên đều là hý luận.

- Cho nên Ta nói ba duyên diệt rồi tức là tâm Bồ Đề. Tâm Bồ Đề sanh, thì tâm sanh diệt được diệt, ấy cũng là sanh diệt; Khi sanh và diệt đều sạch, mới gọi là vô công dụng đạo.

- Nếu có sự chẳng sanh, chẳng diệt gọi là tự nhiên, thì tâm tự nhiên này là do sanh diệt đã sạch mà hiện, ấy cũng là pháp sanh diệt, chẳng phải Bồ Đề. Cái lý chẳng sanh diệt kia gọi là tự nhiên, cũng như các tướng lẫn lộn thành một thể của thế gian, gọi là tánh hòa hợp; Cái chẳng hòa hợp thì gọi là tự nhiên. Tự nhiên chẳng phải tự nhiên, hòa hợp chẳng phải hòa hợp, tự nhiên và hòa hợp đều lìa, có lìa có hợp đều sai, đến chỗ này mới được gọi là pháp chẳng hý luận.

Nếu dựa vào chỗ này để thử chứng Vô Thượng Bồ Đề và Niết Bàn thì quả Phật vẫn còn cách xa lắm. Tại sao? Vì chấp do dụng công tu chứng mà có sở đắc vậy. Kỳ thật, Bồ Đề Niết Bàn vốn sẵn đầy đủ, chỉ có thể sát na ngộ nhập, chẳng do nhiều kiếp siêng năng tu chứng mà được, dấu cho nhớ hết diệu lý thanh tịnh như cát sông Hằng trong mười hai bộ Kinh của mười phương Như Lai, chỉ càng thêm hý luận.

- Người dù nói lý nhân duyên, tự nhiên chắc chắn rõ ràng, người đời khen Người đa văn bậc nhất, với cái huân tập đa văn nhiều kiếp này, chẳng thể tránh khỏi nạn Ma Đăng Già, phải nhờ thần chú của Ta, làm cho Ma Đăng Già dập tắt lửa dâm, sông ái khô cạn, chứng quả A Na Hàm, nơi pháp Ta thành tựu tinh tấn, khiến Người giải thoát. A Nan, Người dù nhiều kiếp ghi nhớ những lời bí mật nhiệm mầu của Như Lai, chẳng bằng một ngày tu nghiệp vô lậu, xa lìa hai khổ yêu, ghét của thế gian. Như Ma Đăng Già xưa kia là dâm nữ, do sức thần chú, tiêu diệt lòng ái dục,

nay trong pháp Ta gọi là TÁNH Tỳ Kheo Ni với Gia Du Đà La (*Mẹ của La Hầu La*), cùng ngộ nhân xưa, biết được nhân duyên nhiều kiếp, đều do tham ái làm khổ, chỉ một niệm huân tu pháp vô lậu thiện, nay người thì ra khỏi ràng buộc, người thì được Phật thọ ký, sao Người còn tự dối, kệt nơi thấy nghe?

A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, nghi hoặc tiêu trừ, tâm ngộ thật tướng, thân ý khinh an, được pháp chưa từng có, rơi lệ đánh lễ chân Phật, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng:

- Lòng trong sạch vô thượng đại bi của Phật, khéo khai ngộ cho tâm chúng con, dùng đủ thứ nhân duyên và phương tiện dịu dặt kẻ chìm đắm ra khỏi biển khổ. Thế Tôn, nay con dù được nghe pháp âm như thế, nhận biết Diệu Tâm sáng tỏ khắp mười phương thế giới, trùm chứa các cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm trong mười phương quốc độ. Như Lai lại trách con đa văn vô ích, chẳng bằng tu tập, nay con như người phiêu bạt, bỗng được Thiên Vương ban cho cái nhà sang, dù được nhà lớn, nhưng phải biết chỗ cửa vào. Vậy xin Như Lai từ bi khai thị cho những kẻ mê muội trong hội này, lìa bỏ Tiểu Thừa, đều được bước lên con đường đã phát tâm từ xưa nay, thẳng đến Vô Dư Niết Bàn của Như Lai, khiến hàng hữu lậu biết cách uốn dẹp tâm phan duyên từ lâu đời, được pháp tổng trì, chứng nhập Tri Kiến Phật.

Nói xong, năm vóc gieo sát đất, cả chúng trong hội một lòng mong đợi lời dạy của Phật.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn thương xót hàng Thanh Văn, Duyên Giác trong hội chưa được tự tại nơi tâm Bồ Đề, và những chúng sanh phát tâm Bồ Đề trong đời mạt pháp, khai thị pháp tu nhiệm mầu của Vô Thượng Thừa, bảo A Nan và đại chúng rằng:

- Các Người quyết định phát tâm Bồ Đề, đối với pháp Tam Ma Đề nhiệm mầu của chư Phật, chẳng sanh mỗi mảy, trước hết nên biết hai nghĩa quyết định trong lúc mới phát tâm.

- Thế nào là hai nghĩa quyết định lúc mới phát tâm?

* A Nan! Nghĩa thứ nhất: Nếu các Người muốn lìa bỏ Thanh Văn, tu Bồ Tát Thừa, nhập Tri Kiến Phật, thì nên xét kỹ chỗ phát tâm của nhân địa, với chỗ giác ngộ của quả địa là đồng hay là khác? A Nan, nếu ở nơi nhân địa, dùng tâm sanh diệt làm cái nhân tu hành, để cầu cho được quả chẳng sanh diệt của Phật thừa thì chẳng đúng.

- Do nghĩa này, Người nên xét kỹ vạn vật trên thế gian, các pháp có thể tạo ra đều phải biến diệt. A Nan, người hãy xem các pháp có thể tạo ra, có cái nào chẳng hoại chẳng? Nhưng chẳng bao giờ nghe nói hư không biến hoại. Tại sao? Vì hư không chẳng phải là vật sở tạo, cho nên chẳng thể biến hoại.

- Vậy thì trong thân Người, tánh cứng là ĐỊA, ướt nhuận là THỦY, hơi ấm là HỎA, lay động là PHONG, do tứ đại ràng buộc, mà chia cái Diệu Tâm sáng tỏ của Người ra thành KIẾN, VĂN, GIÁC, TRI từ vô thi, tạo thành năm lớp ô trược.

- Sao gọi là trược? A Nan, ví như nước trong, bản tánh thanh khiết, và những thứ bụi, đất, tro, cát, bản chất ngăn ngại, thể tánh vốn khác nhau. Bỗng có người lấy đất cát bỏ vào nước trong, làm cho đất mất ngăn ngại, nước mất thanh khiết, thành tướng vẩn đục, nên gọi là trược. Năm lớp ô trược của Người cũng vậy.

- A Nan! Người thấy hư không khắp mười phương thế giới, hư không và kiến tinh chẳng thể phân ra rõ ràng; Hư không thì chẳng có bản thể, tức là ngoan không; Kiến tinh thì chẳng có bản giác, tức là vô minh, cả hai giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ nhất, gọi là KIẾP TRƯỚC.

- Kiến, Văn, Giác, Tri vốn chẳng ngăn ngại, vì kẹt nơi tứ đại nên thành ngăn ngại; Địa, Thủy, Hỏa, Phong vốn chẳng giác tri, vì xoay chuyển theo lục căn thành có giác tri, các điều đó giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ hai, gọi là KIẾN TRƯỚC.

- Lại trong tâm Người, tánh tướng nhớ học tập phát ra tri kiến, dung nạp lục trần, là trần thì chẳng có tướng, là giác thì chẳng có tánh, từ đó giao kết lẫn nhau vọng thành lớp thứ ba gọi là PHIỀN NÃO TRƯỚC.

- Lại tâm niệm của Người ngày đêm sanh diệt chẳng ngừng, tri kiến thì muốn ở mãi trên thế gian, nhưng nghiệp báo xoay vần lại thường dời đổi trong lục đạo, những điều ấy giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ tư, gọi là CHÚNG SANH TRƯỚC.

- Tánh kiến văn của các Người vốn chẳng khác biệt, do lục trần ngăn cách, bỗng thành khác biệt, tánh biết thì đồng, sử dụng thì khác, đồng và khác chẳng định, từ đó giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ năm, gọi là MỆNH TRƯỚC.

- A Nan! Nay Người muốn cho KIẾN, VĂN, GIÁC, TRI khế hợp với tứ đức THƯỜNG, LẠC, NGÃ, TỊNH của Như Lai, trước hết phải lọc bỏ cội gốc sanh tử, dựa theo tánh trong lặng chẳng sanh diệt của Diệu Tâm, để xoay các thứ sanh diệt hư vọng trở về Bản Giác. Được tánh chẳng sanh diệt của Bản Giác làm cái tâm nhân địa, rồi mới viên thành sự tu chứng của quả địa. Như lắng nước đục trong đồ đựng nước, để yên mãi chẳng lay động, đất cát tự chìm và nước trong hiện ra, ấy gọi là bắt đầu uốn dẹp được khách trần phiền não; Gạn bùn hết sạch, chỉ còn nước trong, gọi là dứt hẳn căn bản vô minh, tướng minh thuần nhất thì tất cả biến hiện đều chẳng gây ra phiền não, và đều hợp với diệu đức trong sạch của Niết Bàn.

* Nghĩa thứ hai: Các Người nếu muốn phát tâm Bồ Đề nơi Bồ Tát Thừa, sanh lòng đại dũng mãnh, quyết định lìa bỏ các tướng hữu vi, nên suy xét kỹ cái cội gốc phiền não của nhuận (*Nhuận*) nghiệp vô minh và nhuận sanh vô minh từ vô thủy này là ai làm, ai chịu?

LƯỢC GIẢI

Xét kỹ chỗ phát tâm của nhân địa là để hợp cái Chơn; Xét kỹ cội gốc của phiền não là để tuyệt cái Vọng, vọng đã chẳng vọng thì tức vọng tức chơn.

Cội gốc của phiền não có hai: Một là Nhuận Nghiệp Vô Minh (Nhuận là thấm nhuận), tức là phiền não của những kiếp quá khứ; Hai là Nhuận Sanh Vô Minh, tức là khi đầu thai, nơi tình thức sanh khởi yêu, ghét đối với cha mẹ. Hai thứ phiền não này vốn chẳng tự tánh, nếu ngộ biết chẳng tự tánh thì chẳng có kẻ làm, chẳng có kẻ chịu, ngay đó “Không tịch”, còn ai phiền não? Người Tiểu Thừa chẳng lìa công dụng hữu vi, cho thật có phiền não cần phải phá trừ, ấy do chẳng biết căn trần là hư vọng. Người Đại Thừa thì khác, thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề, chỉ cần xét kỹ nơi căn trần ai làm ai chịu, bỗng được khám phá, thì căn bản vô minh tức thời tan rã.

- A Nan! Người tu đạo Bồ Đề, nếu chẳng suy xét cội gốc phiền não, thì chẳng thể biết căn trần hư vọng đó diên đảo ở chỗ nào; Chỗ còn chẳng biết thì làm sao uốn dẹp được nó, để chứng nhập quả vị của Như Lai?

- Cũng như người thế gian, khi muốn mở cái thất kết, nếu chẳng thấy cái chỗ thất kết thì làm sao biết mở? Nhưng chưa từng nghe nói hư không bị người ta phá hủy. Tại sao? Vì hư không chẳng hình tướng, chẳng thể thất và mở. Vậy thì hiện tiền lục căn của Người làm mai mối cho giấc, tự cướp của báu trong nhà, vọng thành sự thất kết (Phiền não). Do sự thất kết này nên thế giới chúng sanh tự sanh ràng buộc từ vô thủy, chẳng thể ra khỏi thế gian vậy.

- A Nan! Sao gọi là thế giới chúng sanh? Thế là dời đổi, Giới là phương vị, nên biết: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương trên phương dưới là giới; Quá khứ, hiện tại, vị lai là Thế. Về phương vị của không gian có mười, về sự lưu chuyển của thời gian có ba. Không gian, thời gian cùng với sự dời đổi trong thân của tất cả chúng sanh giao lộn lẫn nhau, nên thành thế giới chúng sanh. Tánh giới (*Không gian*) dù thiết lập thành mười phương, nhưng phương vị nhất định mà người thế gian có thể rõ được, chỉ có Đông, Tây, Nam, Bắc tứ phương, còn phương trên, phương dưới và chính giữa thì chẳng có vị trí nhất định.

- Tứ phương nhân với tam thế, thành số mười hai, rồi nhân với lớp thứ ba, thành $12 \times 100 = 1200$ (*Nguyên văn có nêu ra 4 lớp: 1, 10, 100, 1000*). Tổng quát lại, trong lục căn mỗi mỗi có đến một ngàn hai trăm công đức.

- A Nan! Người nên ở trong lục căn xác định chỗ hơn kém của mỗi căn.

- Như NHÃN CĂN chỉ thấy phía trước, chẳng thấy phía sau, ngó qua hai bên thì ba phần chỉ thấy được hai. Tóm lại, công đức của nhãn căn chỉ được hai phần ba, vậy biết nhãn căn chỉ có tám trăm công đức.

- Như NHĨ CĂN nghe khắp mười phương chẳng sót, lúc động thì tựa như có xa gần, lúc tĩnh thì chẳng bờ bến. Vậy biết nhĩ căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

- Như TỶ CĂN ngủi biết khi thở ra hít vào, có ra có vào, mà sót khoảng giữa khi ra vào giao tiếp, vậy ba phần thiếu một, nên biết Tỷ Căn chỉ có tám trăm công đức.

- Như THIẾT CĂN tuyên dương cùng tột trí thế gian và xuất thế gian; Lời nói dù có chùng ngắn, nhưng nghĩa lý thì vô cùng, vậy biết thiết căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

- Như THÂN CĂN ở nơi thuận nghịch sanh ra xúc giác; Khi hợp thì năng giác (*Có xúc giác*), khi lìa thì bất tri (*Chẳng xúc giác*), lìa chỉ có một, hợp thì thành hai, (*Khi lìa chỉ có một năng hoặc một sở chẳng định, khi hợp thì gồm đủ năng sở thành có hai*), vậy ba phần thiếu một, nên biết thân căn chỉ có tám trăm công đức.

- Như Ý CĂN thâm lặng mà cùng khắp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian trong mười phương tam thế, cùng tột Thánh Phàm, đều bao gồm trong đó, vậy biết ý căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.

- A Nan! Nay Người muốn ngược dòng sanh tử, trở về nguồn gốc của lưu chuyển, đến chỗ chẳng sanh diệt, thì nên xét kỹ sự thọ dụng của lục căn này, cái nào hợp, cái nào lìa; Cái nào sâu, cái nào cạn; Cái nào viên thông, cái nào chẳng viên thông. Nếu Người ngay nơi những căn này ngộ được căn nào viên thông, nương theo căn viên thông đó mà xoay ngược dòng nghiệp hư vọng từ vô thủy thì so với các căn khác, hiệu quả gấp nhiều lần, một ngày bằng một kiếp.

- Nay Ta đã hiển bày một số công đức của lục căn như vậy, tùy người lựa chọn căn nào để nhập, thì Ta sẽ phát minh, khiến Người được thêm tinh tấn. Mười phương Như Lai nơi Thập Bát Giới, mỗi người mỗi chọn một giới theo đó mà tu hành, đều được Vô thượng Bồ Đề, trong đó vốn chẳng hơn kém. Vì Người nay còn thấp kém, chưa thể phát huy trí huệ tự tại, nên Ta khai thị căn viên thông, khiến Người từ một cửa đi vào. Vào sâu một cửa đến chỗ chẳng vọng, thì tất cả lục căn đều nhất thời trong sạch.

- Bạch Thế Tôn, tại sao ngược dòng sanh tử đi sâu vào một căn, có thể khiến lục căn đều nhất thời trong sạch?

Phật bảo A Nan:

- Nay Người đã được quả Tu Đà Hoàn, diệt được kiến hoặc của chúng sanh ba cõi trên thế gian, nhưng còn chưa biết những tập khí hư vọng đã tích chứa trong căn từ vô thủy, tập khí ấy phải nhờ tu đạo mới được dứt trừ. Khi đã dứt trừ, tức là đến bậc vô học, chẳng những biết được quá trình dời đổi của sanh, trụ, dị, diệt nơi một chúng sanh, mà còn biết được những hành tướng vi tế, niệm niệm dời đổi của tất cả chúng sanh trong đại thiên thế giới.

Nay Người hãy xét lục căn này là nhất hay lục? A Nan, nếu cho là nhất, thì tại sao chẳng thấy, mắt sao chẳng nghe, đầu sao chẳng đi, chân sao chẳng nói? Nếu cho là lục, như Ta nay ở trong hội vì Người chỉ dạy pháp môn nhiệm mầu, vậy lục căn của Người căn nào lãnh thọ?

A Nan đáp: Con dùng tai nghe.

Phật nói:

- Tai Người tự nghe, có liên quan gì đến thân miệng, mà miệng thì hỏi đạo, thân tỏ cung kính? Vậy biết phi nhất thành lục, phi lục thành nhất; Kỳ thật căn Người chẳng phải vốn nhất vốn lục. A Nan nên biết cái căn phi nhất phi lục này, vì vọng chấp điên đảo, chìm nổi từ vô thủy, nên ở nơi Bản Tánh viên thông, sanh ra cái nghĩa nhất lục. Người là bậc Tu Đà Hoàn, dù được tiêu lục, nhưng chưa diệt nhất, ví như hư không đặt vào nhiều khuôn hình, do khuôn hình khác nhau nên nói hư không có khác, nếu trừ bỏ khuôn hình, xem lại hư không thì nói hư không là một, hư không làm sao lại vì Người mà thành đồng hay dị, hướng chi còn gọi là Một hay Chẳng Phải Một! Vậy biết, sự thọ dụng của lục căn cũng như vậy.

LƯỢC GIẢI

A Nan nghi: Sao một căn sâu vào có thể khiến lục căn đều nhất thời trong sạch?

Phật giải thích rằng: Giả sử lục căn vốn một, vốn tự trong sạch, thì chẳng cần nói chi “Lục tặc”, giả sử lục căn vốn lục, chẳng hỗ dụng nhau, làm sao có thể nhất thời trong sạch? Như hư không vốn chẳng khác biệt, do đặt nhiều khuôn hình thành có khác biệt; Vì khuôn hình khác biệt, bèn cho hư không cũng khác biệt, nên nói sáu chẳng phải một, nếu trừ bỏ khuôn hình, xem lại hư không, thì nói hư không là một,

tức là sáu tiêu một còn, đây là dụ cho sanh ra nghĩa nhất lục. Thật ra, hư không và khuôn hình chẳng thể hòa hợp, tất nhiên chẳng có đồng dị, đã chẳng đồng dị thì có chỗ nào để gán cái tên nhất lục ư? Đây là dụ cho vốn chẳng nhất lục. Thấy được chỗ vốn chẳng nhất lục, thì tánh viên thông thường tịch hiện tiền, đâu còn chỗ nào chẳng trong sạch!

Tu Đà Hoàn gọi là “Nhập lưu”, mà chẳng có sở nhập, chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tức là lục tiêu, nhưng còn chấp thật có Niết Bàn, nên chưa diệt nhất. Kỳ thật, NHẤT từ đâu đến, KHÔNG từ đâu khởi? Chỗ này cần phải tham cứu đến tự ngộ mới được rõ.

- Nhãn căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ sáng và tối tỏ bày lẫn nhau, dính bụi thành cái thấy; Cái thấy gặp sắc trần, kết sắc trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là Bản Thể con mắt như trái nho tươi. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo sắc trần, tạo đủ thứ nghiệp.

- Nhĩ căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ động và tịnh đối chọi lẫn nhau dính bụi thành cái nghe, cái nghe gặp thanh trần, cuốn thanh trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại gọi là Bản Thể lỗ tai như lá cây cuốn. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo thanh trần tạo đủ thứ nghiệp.

- Tỷ căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ thông và nghẽn phát hiện lẫn nhau, dính bụi thành cái ngửi, cái ngửi gặp hương trần, thu nạp hương trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là Bản Thể cái mũi như hai móng tay rũ xuống. Phù căn Tứ trần lưu chuyển theo hương trần, tạo đủ thứ nghiệp.

- Thiệt căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ lạt và vị xen lộn lẫn nhau, dính bụi thành cái nếm, cái nếm gặp vị trần, thu hút vị trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là Bản Thể cái lưỡi như trắng lưỡi liềm. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo vị trần, tạo đủ thứ nghiệp.

- Thân căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ ly và hợp xoa nhau, dính bụi thành xúc giác, xúc giác gặp xúc trần, nắm xúc trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là Bản Thể cái thân như dáng trống cơm. Phù Căn Tứ Trần lưu chuyển theo xúc trần, tạo đủ thứ nghiệp.

- Ý căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ sanh và diệt tương tục lẫn nhau, dính bụi thành cái biết; Cái biết gặp pháp trần, ôm pháp trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là cái ý suy tư như sự thấy trong phòng tối. Phù Căn Tứ Trần lưu chuyển theo pháp trần tạo đủ thứ nghiệp.

- A Nan! Lục căn như thế, do giác minh kia có năng minh để minh cái giác, thì đánh mất cái tinh minh liễu triệt ấy (*Tự tánh*), thành ra dính mắc nơi hư vọng, rồi phát ra ánh sáng (*Cái ánh sáng do hư vọng phát ra, thì sáng chẳng phải sáng thật*). Cho nên Người hôm nay, là tối là sáng thì chẳng có cái thấy; Là động là tịnh thì vốn chẳng cái nghe; Không thông không nghẽn thì cái tánh ngữ chẳng sanh; Không vị không lạt thì sự nếm chẳng ra; Bất ly bất hợp thì xúc giác vốn chẳng có; Không sanh không diệt thì sự liễu tri đặt ở chỗ nào?

- Người chỉ cần chẳng duyên theo sự động tịnh, hợp ly, vị lạt, thông nghẽn, sanh diệt, sáng tối, mười hai tướng hữu vi này, tùy tiện nhổ ra một căn, thoát khỏi sự dính mắc, trở về Bản Tánh chân thật, hiện ra sự chiếu soi của tự tánh. Tánh chiếu soi phát ra ánh sáng, thì sự dính mắc của ngũ căn kia liền cùng được giải thoát và tri kiến khởi lên, chẳng do cảnh trần. Chiếu soi chẳng duyên theo lục căn, mà nhờ lục căn phát ra ánh sáng, do đó, sự dụng của lục căn dung thông lẫn nhau.

LƯỢC GIẢI

Bản tánh diệu viên trong lặng, gặp sắc trần thì thành cái thấy, gặp thanh trần thì thành cái nghe v.v... nên gọi là diệu viên. Nước trong lặng vốn chẳng dính mắc, do bụi trần lọt vào thành có dính mắc. Tánh của Địa, Thủy, Hỏa, Phong vốn đều không tịch,

nên gọi là thanh tịnh tứ đại, gốc căn ẩn bên trong, trần phù bên ngoài, nên gọi là phù căn, tướng của Địa, Thủy, Hỏa, Phong vốn đều lay động, nên gọi là tứ trần. Nếu như sự thấy trong phòng tối thì đâu thể có phù căn tứ trần? Vì tánh “Không” là Bản Giác thành ám muội, cái ám muội này kết với tối đen thành sắc trần; Tối đen và sắc trần xen lộn với vọng tưởng, lay động bên trong thành có đen tối để thấy, cũng có thể gọi là phù căn tứ trần vậy, nên nói như sự thấy trong phòng tối.

Thanh tịnh tứ đại là một danh từ để tỏ rõ cái nghĩa của thắng-nghĩa-căn, hai chữ Thắng Nghĩa là để hiển bày cái nghĩa lý siêu việt hơn nghĩa lý thông thường. Vì hay chiếu soi cảnh trần, phát ra cái thức phân biệt, cũng gọi là tịnh-sắc-căn (Gốc căn chẳng có hình sắc để đối với mắt, nên gọi tịnh-sắc-căn). Phù căn tứ trần là một danh từ để tỏ rõ cái nghĩa của phù-trần-căn, vì hay lưu chuyển theo cảnh trần, tạo đủ thứ nghiệp vậy.

- A Nan! Người há chẳng biết hiện trong hội này, A Na Luật Đà chẳng mắt mà thấy; Rong Bạt Nan Đà chẳng tai mà nghe; Thần nữ Căng Già chẳng mũi mà ngửi hương; Kiều Phạm Bát Đề lưỡi trâu mà biết vị; Thần Thuấn Nhã Đa bản chất là gió, vốn chẳng tự thể, do ánh sáng tự tánh, tạm hiện hình bóng, nên chẳng có thân mà biết xúc; Các hàng Thanh văn được diệt tận định trong hội này như Ma Ha Ca Diếp, ý căn đã diệt từ lâu mà vẫn rõ biết khắp nơi, chẳng do tâm niệm.

- A Nan! Nếu các căn của Người đều đã được giải thoát, thì sự dụng của Tự Tánh tự hiện, như trong lạng mà phát ra ánh sáng, vậy phù trần và các tướng biến hóa trong thế gian đều tiêu, như nước sôi làm tan băng đá, ngay đó liền hóa thành Vô Thượng Tri Giác.

- A Nan! Như người thế gian cho sự thấy do con mắt, nếu bỗng nhắm mắt lại thì tướng tối hiện ra, lục căn mịt mù, đầu và chân giống nhau. Người ấy dùng tay sờ thân người khác, mắt dù chẳng thấy, nhưng vẫn phân biệt được đầu và chân, vậy sáng tối dù khác, tánh biết vẫn đồng. Nếu duyên sáng mới có thấy thì khi tối thành chẳng thấy, nếu chẳng duyên sáng mà phát ra tánh thấy, thì các tướng tối chẳng thể làm mờ được. Căn trần đã tiêu, thì tánh giác minh đâu thể chẳng thành diệu viên?

A Nan bạch Phật rằng:

- Như lời Phật dạy, nếu muốn cầu được quả thường trụ, thì chỗ phát tâm của nhân địa và quả địa phải cân xứng với nhau. Thế Tôn, trong quả vị Như Lai, bảy thứ: Bồ Đề, Niết Bàn, Chơn Như, Phật tánh, Am Ma La Thức, Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí, tên gọi dù khác, nhưng thể tánh trong sạch viên mãn kiên cố như Kim Cang Vương, thường trụ chẳng hoại.

- Nếu cái thấy nghe này là những tướng sáng tối, động tịnh, thông nghẽn vốn chẳng tự thể; Cũng như tâm niệm là nơi tiền trần vốn chẳng có gì cả, thì tại sao lại có thể đem sự đoạn diệt này làm nhân tu, mà mong cầu bả quả thường trụ của Như Lai.

- Thế Tôn, nếu là sáng tối thì cái thấy thành không có; Nếu chẳng có tiền trần thì tâm niệm tịch diệt, nghĩ tới nghĩ lui, suy xét tỉ mỉ, vốn chẳng có cái tâm và tâm sở của con, vậy lấy gì làm nhân để cầu quả Vô Thượng Giác? Như Lai trước kia đã nói tánh giác trạm nhiên thường trụ, vậy lời nói trái với lẽ thường thì chỉ thành hý luận, làm sao nhận được lời nói của Như Lai là chơn thật? Xin Phật từ bi khai mở chỗ mê muội của con.

Phật bảo A Nan:

- Người chỉ học rộng nghe nhiều, chưa dứt sạch tập khí phiền não, trong tâm dù biết rõ cái nhân điên đảo, mà điên đảo thật hiện tiền thì chẳng biết, e rằng Người còn chưa thiết lòng tín phục, nay Ta thử đem những việc trần thế để phá trừ cái nghi của Người.

Tức thời, Như Lai bảo La Hầu La đánh một tiếng chuông, hỏi A Nan: - Nay Người nghe chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: - Có nghe!

Khi tiếng chuông dứt rồi, Phật lại hỏi:

- Các Người nghe chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: - Chẳng nghe!

Khi đó La Hầu La lại đánh thêm một tiếng, Phật lại hỏi: - Các người nghe chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: - Có nghe!

Phật hỏi A Nan: - Người cho thế nào là có nghe, thế nào là chẳng nghe?

A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng:

- Khi tiếng chuông đánh lên thì chúng con được nghe. Khi tiếng chuông ngưng rồi, âm vang đều dứt thì chẳng nghe.

Như Lai lại bảo La Hầu La đánh chuông, rồi hỏi A Nan: - Nay có tiếng chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: - Có tiếng.

Ít lâu tiếng ngưng, Phật lại hỏi:

- Nay có tiếng chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: - Không tiếng.

Lát sau, La Hầu La lại đánh một tiếng chuông, Phật lại hỏi: - Nay có tiếng chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp: - Có tiếng.

Phật hỏi A Nan:

Người cho thế nào là có tiếng, thế nào là chẳng có tiếng?

A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng:

- Khi tiếng chuông đánh lên thì gọi là có tiếng, khi tiếng chuông ngưng rồi, âm vang đều dứt, thì gọi là chẳng có tiếng.

Phật bảo A Nan và đại chúng:

- Lời nói các Người sao tự càn loạn với nhau!

Đại chúng và A Nan đồng thời bạch Phật:

- Sao gọi chúng con là càn loạn?

Phật nói:

- Ta hỏi về nghe thì các Người nói nghe, Ta hỏi về tiếng thì Người nói tiếng, cái nghe và tiếng trả lời chẳng định như thế, không phải càn loạn là gì?

- A Nan! Tiếng dứt chẳng âm vang thì Người nói là chẳng nghe, nếu thật chẳng nghe thì tánh nghe phải diệt, đồng như cây khô, khi tiếng chuông lại đánh lên, thì Người làm sao biết được? Biết có biết không ấy là thanh trần, hoặc có hoặc không đâu phải tánh nghe vì Người mà thành có thành không? Nếu tánh nghe thật không thì ai biết không nghe?

- A Nan! Thanh trần ở trong tánh nghe tự có sanh diệt, chẳng phải tánh nghe của Người theo thanh trần sanh diệt khiến tánh nghe thành có thành không. Người còn điên đảo nhận lầm thanh trần là tánh nghe, lạ gì chẳng mê muội cho Thường là Đoạn? Tóm lại, chẳng nên cho rằng lìa các tướng động, tịnh, thông, nghẽn, nói chẳng có tánh nghe.

Như người đang ngủ mê trên giường, trong nhà có người giã gạo, người ấy trong chiêm bao nghe tiếng giã gạo, tưởng thành tiếng khác, hoặc cho là tiếng trống, hoặc cho là tiếng chuông, trong chiêm bao liền lấy làm lạ, sao tiếng chuông lại như tiếng cây đập vào đá, khi chợt tỉnh dậy nghe tiếng chày, bảo với người nhà rằng, trong lúc chiêm bao đã lầm tiếng chày cho là tiếng trống. A Nan, người đó trong chiêm bao đâu nhớ những sự động, tịnh, thông, nghẽn. Thân hình dù ngủ, nhưng tánh nghe chẳng mất, vậy dầu cho hình tướng tiêu tan, thân mạng dời đổi, làm sao tánh nghe này lại vì Người mà tiêu diệt.


Do các chúng sanh từ vô thủy, nương theo sắc thanh, đuổi theo vọng niệm mà lưu chuyển, chưa từng khai ngộ Bản Tánh trong sạch thường trụ, chẳng theo tánh chơn thường, lại đuổi theo sanh diệt, do đó đời đời bị xoay vần trong vòng tạp nhiễm.

Nếu bỏ sanh diệt, giữ tánh chơn thường, thì ánh sáng của CHƠN THƯỜNG tự hiện; Căn, trần, tâm thức, ngay đó liền tiêu; Tướng vọng tưởng là trần, tánh phân biệt là cấu, cả hai đều xa lìa, thì pháp nhãn của Người liền được trong suốt, làm sao lại chẳng thành Vô Thượng Tri Giác?

HẾT QUYỂN BỐN

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN NĂM

 Nan bạch Phật rằng:

- Như Lai dù đã khai thị nghĩa thứ hai, nhưng con xét những người mở thất kết, nếu chẳng biết cái gốc của thất kết, thì con tin chắc người ấy chẳng bao giờ mở được. Thế Tôn, con và hàng hữu học Thanh Văn trong hội cũng như vậy; Chúng con với vô minh cùng sanh cùng diệt từ vô thủy, dù được thiện căn đa văn, mang tiếng là xuất gia, mà sự tu như người sốt rét cách nhật, lúc có lúc không. Xin Phật từ bi thương xót kẻ chìm đắm, khai thị thế nào là cái thất kết của thân tâm hiện hữu này, làm sao được mở, cũng khiến chúng sanh khổ não đời vị lai được ra khỏi luân hồi.

Nói xong, cùng đại chúng năm vóc gieo sát đất, cung kính rơi lệ, mong đợi lời khai thị vô thượng của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn thương xót A Nan và hàng hữu học trong hội, đồng thời làm nhân xuất thế gian, chỉ đường cho tất cả chúng sanh đời vị lai, lấy tay xoa đầu A Nan.

Liên đó, sáu thứ rung động khắp mười phương thế giới, vô số Như Lai trong các cõi ấy, mỗi mỗi đều từ đỉnh đầu phóng ra hào quang, đồng thời chiếu đến rừng Kỳ Đà, rọi vào đỉnh đầu Như Lai, cả chúng đều được pháp chưa từng có.

Lúc ấy, A Nan và đại chúng đều nghe mười phương Như Lai đồng thanh bảo A Nan rằng:

- Lành thay A Nan! Người muốn biết cái Câu Sinh Vô Minh (*Căn bản vô minh*), là gốc thắt kết khiến Người lưu chuyển trong vòng sanh tử, ấy chính là lục căn của Người chứ chẳng phải vật khác; Người lại muốn biết đạo Vô Thượng Bồ Đề khiến Người mau chứng quả tự tại giải thoát, tịch lặng thường trụ ấy, cũng chính là lục căn của Người chứ chẳng phải vật khác.

A Nan! Dù được nghe pháp âm như vậy, tâm còn chưa rõ, cúi đầu bạch Phật:

- Tại sao khiến con bị sanh tử luân hồi và được tự tại giải thoát đều là lục căn, chẳng phải vật khác?

Phật bảo A Nan:

- Căn trần cùng gốc, thắt mở chẳng hai, tánh thức hư vọng như hoa đốm trên không. A Nan, do trần phát tri, vì căn kiến tướng; Kiến và tướng chẳng có tự tánh, như những cây gậy gác vào nhau, cho nên Người nay lập tri kiến thành tri, tức là căn bản của vô minh, nếu đối với tri kiến chẳng chấp là tri kiến, ấy tức là Niết Bàn trong sạch vô lậu, làm sao trong đó còn có thể dung nạp vật khác.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa trên, bèn nói kệ rằng:

**Chơn tánh hữu vi không,
Duyên sanh cố như huyễn.
Vô vi vô khởi diệt,
Bất thật như không hoa.
Ngôn vọng hiển chư chơn,
Vọng chơn đồng nhị vọng.
Do phi chơn phi chơn,
Vân hà kiến sở kiến?
Trung gian vô thật tánh,
Thị cố nhược giao lô.
Kết giải đồng sở nhân,
Thánh phạm vô nhị lộ.
Nhữ quán giao trung tánh,
Không hữu nhị câu phi.
Mê hối tức vô minh,
Phát minh tiện giải thoát.
Giải kết nhân thứ đệ,
Lục giải nhất diệt vong.
Căn tuyển trạch viên thông,
Nhập lưu thành Chánh Giác.
Đà Na vi tế thức,**

Tập khí thành bạo lưu.
Chơn phi chơn khủng mê,
Ngã thường bất khai diễn.
Tự tâm thủ tự tâm,
Phi huyễn thành huyễn pháp.
Bất thủ vô phi huyễn,
Phi huyễn thượng bất sanh.
Huuyễn pháp vân hà lập?
Thị danh Diệu Liên Hoa,
Kim Cang Vương Bửu Giác.
Như huyễn Tam Ma Đề,
Đồn chỉ siêu vô học.
Thử A Tỳ Đạt Ma,
Thập phương Bạt Già Phạm,
Nhất lộ Niết Bàn môn.

Dịch nghĩa:

*Tánh hữu vi vốn không,
Duyên sanh nên như huyễn.
Vô vi không sanh diệt,
Chẳng thật như hoa đốm.
Nói vọng để hiển chơn,
Vọng chơn là hai vọng.*

*Phi chơn phi bất chơn,
Làm sao kiến sở kiến?
Trong đó chẳng thật tánh,
Nên như sậy gác nhau.
Thất, mở đồng một nhân,
Thánh phàm chẳng hai đường,
Người xem tánh gác nhau,
Không, Hữu thấy đều sai.
Mê muội tức vô minh,
Phát minh liền giải thoát.
Mở, thất theo thứ tự,
Lục mở nhất cũng tiêu
Chọn căn nào viên thông,
Nhập lưu thành Chánh Giác.
Đà Na (Thức thứ tám) thức vi tế,
Tập khí như nước dốc.
Sợ chấp Chơn phi chơn,
Nên Ta chẳng khai giảng.
Tự tâm chấp tự tâm,
Phi huyễn thành pháp huyễn.
Chẳng chấp chẳng phi huyễn,
Phi huyễn còn chẳng sanh,
Pháp huyễn làm sao lập?*

*Đây gọi Diệu Liên Hoa,
 Bửu giác như Kim Cang.
 Tu theo Tam Ma Đề,
 Búng tay siêu vô học.
 Pháp này chẳng gì bằng,
 Mười phương chư Như Lai,
 Chỉ một cửa Niết Bàn.*

LƯỢC GIẢI

Trước kia, A Nan hỏi Phật những phương tiện đầu tiên về ba thứ Thiền Quán: Sa Ma Tha, Tam Ma và Thiền Na, mà mười phương Như Lai đã tu được thành Chánh Giác. Nay mười phương Như Lai đồng thanh đáp lại A Nan rằng: “Người muốn biết cái Câu Sinh Vô Minh, là gốc thất kết khiến Người lưu chuyển trong vòng sanh tử, ấy chính là lục căn của Người chứ chẳng phải vật khác; Người lại muốn biết Đạo Vô Thượng Bồ Đề, khiến Người mau chứng quả tự tại giải thoát, tịch lặng thường trụ ấy, cũng chính là lục căn của Người, chứ chẳng phải vật khác”.

Cũng như lời thí dụ băng nước kể trên, nước đóng thì thành băng, đâu thể cho lộn vật khác mà thành băng; Băng tan thì thành nước, đâu thể cho lộn vật khác mà thành nước.

Lục căn làm mai mối cho giấc, tự cướp của báu trong nhà, ấy là lục căn; Lục mở nhất tiêu, mau chứng Chánh Giác, cũng là lục căn. Vậy tức vọng tức chơn, tức chơn tức vọng, chỗ này cần phải có diệu ngộ mới được, chữ DIỆU này lời nói chẳng thể diễn tả, ắt phải chuyển thức thành trí, khế hợp với Diệu Tâm sáng tỏ, mới có thể nói là Vô Thượng Bồ Đề.

Bửu Giác như Kim Cang: Tánh Kim Cang hay phá hủy tất cả, Thập Địa đều gọi là Tâm Kim Cang, như phá hủy sơ địa lên nhị địa, phá hủy nhị địa lên tam địa v.v... Nếu Bửu Giác này được hiện ra, chẳng những căn bản vô minh liền tiêu, cả Tri Kiến Bồ Tát và Tri Kiến Phật cũng không còn.

Ba thứ Thiên Quán Sa Ma Tha, Tam Ma và Thiên Na chỉ cần tự ngộ, hễ ngộ thì liền đến địa vị Phật, nên trong búng ngón tay siêu việt bậc vô học của nhị thừa. Bậc vô học vì còn chấp vô kiến, tức còn lọt vào công dụng, đây chơn tánh hiện tiền, hữu vô đều là, một cửa sâu vào, chẳng phải nhờ công dụng, nên gọi là cửa Đốn Ngộ vậy (Chẳng nhờ công dụng là chẳng phải chẳng cần công phu).

A Nan và đại chúng nghe lời dạy vô thượng và bài tụng tinh túy, diệu lý trong suốt của Phật, tâm được sáng tỏ, tán thán pháp chưa từng có. A Nan chấp tay đánh lễ bạch Phật:

- Nay con dù nghe pháp tánh chơn thật, vì diệu trong sạch của Phật, nhưng tâm còn chưa thấu nghĩa *“Lục mở nhất tiêu”* theo thứ tự của mở thắt, xin Phật rửa lòng từ bi, thương xót cả hội này và chúng sanh đời vị lai, bố thí pháp âm và rửa sạch trần cấu cho chúng con.

Tức thời, Như Lai từ nơi tòa sư tử, chỉnh áo trong và sửa đại y, dựa vào ghế thất bảo, lấy cái khăn bông của cõi Trời Dạ Ma cúng dường ở trước mặt đại chúng thắt một cái kết, rồi hỏi A Nan: Đây gọi là gì? A Nan và đại chúng đều đáp: Gọi là thắt kết.

Như Lai thắt thêm một kết nữa, lại hỏi A Nan: Đây gọi là gì?

A Nan và đại chúng lại đáp: Đây cũng gọi là thắt kết.

Phật tuần tự thắt sáu cái kết trên khăn, mỗi khi thắt xong một cái đều lấy cái kết vừa thắt hỏi A Nan: Đây gọi là gì? A Nan và đại chúng cũng tuần tự đáp lại Phật: Đây gọi là thắt kết.

Phật bảo A Nan: Khi Ta mới thắt cái khăn thì Người gọi là thắt kết, khăn bông này vốn chỉ có một, tại sao lần thứ hai, lần thứ ba các Người cũng gọi là thắt kết?

A Nan bạch Phật: Khăn này dù chỉ có một theo con nghĩ: Như Lai thắt một lần thì được gọi là một cái kết, nếu thắt đến trăm lần thì phải gọi là trăm cái kết,

hướng là khăn này chỉ có sáu kết, không lên đến bảy, cũng không ngưng ở năm, tại sao Như Lai chỉ cho cái đầu tiên được gọi là thất kết, còn cái thứ hai, thứ ba thì chẳng gọi là thất kết?

Phật bảo A Nan:

- Người biết khăn bông này vốn chỉ là một, khi Ta thất sáu lần thì gọi là sáu kết. Người hãy xét kỹ, bản thể của khăn là đồng, do thất kết mà thành khác. Ý Người thế nào? Cái thất kết đầu tiên thì gọi là kết thứ nhất, như vậy cho đến cái kết thứ sáu, nay Ta muốn gọi cái kết thứ sáu thành kết thứ nhất, có được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Sáu kết nếu còn thì cái thứ sáu chẳng thể gọi là cái thứ nhất, dầu cho con dùng hết biện tài nhiều kiếp để sáng tỏ nghĩa lý, cũng chẳng thể khiến sáu thất kết lộn tên được.

Phật nói: - Đúng thế! Sáu kết chẳng đồng chỉ do một khăn tạo ra, nhưng muốn làm cho sáu kết đảo lộn tên gọi thì chẳng thể được. Lục căn của Người cũng như vậy, trong tất cánh đồng, sanh tất cánh khác, Người ắt chê sự khác nhau của sáu kết, mà mong muốn thành đồng một thì phải làm sao mới được.

A Nan đáp:

- Thất kết nếu còn thì thị phi mống khởi, trong đó tự sanh phân biệt kết này chẳng phải kết kia, kết kia chẳng phải kết này. Nếu hôm nay Như Lai giải tỏa tất cả, thất kết chẳng sanh nữa thì không có bỉ thử, nhất còn chẳng có, làm sao thành lục?

Phật bảo:

- Cái nghĩa “*Lục mở nhất tiêu*” cũng như thế, do tâm Người cuồng loạn từ vô thủy, vọng sanh tri kiến, sanh mãi không thôi, như con mắt ngó lâu mỗi một phát ra cảnh trần, thì có hoa đốm lảng xảng vọng khởi nơi tánh trong lặng, các tướng thế gian như núi sông, đất đai, sanh tử, Niết Bàn v.v... tất cả đều là tướng hoa đốm điên đảo do mỗi một mà phát sanh.

A Nan hỏi:

- Cái mỗi một này cũng như cái thắt kết kia, làm sao mở được?

Như Lai lấy tay cầm khăn đã thắt, kéo riêng mỗi bên trái, rồi hỏi A Nan:

- Thế này có mở được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ. Phật lại lấy tay kéo riêng mỗi bên phải, hỏi A Nan:

- Thế này có mở được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ.

Phật bảo A Nan:

- Nay Ta lấy tay kéo mỗi hai bên mà chẳng mở được, vậy Người có cách nào để mở chăng?

- Bạch Thế Tôn! Nên mở nơi trung tâm thắt kết thì tan rã ngay.

Phật nói:

- Đúng thế! Đúng thế! Muốn giải tỏa thất kết thì phải mở nơi trung tâm thất kết. A Nan, Ta thuyết pháp từ nhân duyên sanh, chẳng phải lấy tướng thô hòa hợp của thế gian. Như Lai phát minh pháp thế gian và xuất thế gian, đều biết rõ bản nhân của nó theo sở duyên gì mà sanh; Cho đến quá trình dời đổi của một giọt mưa ở ngoài hàng sa thế giới, trước mắt các thứ tùng thẳng, gai cong, cò trắng, quạ đen v.v.. đều rõ nguyên do.

A Nan! Nay tùy Người lựa chọn một căn nơi lục căn, nếu giải tỏa được gốc căn thì tướng trần tự diệt, vọng tưởng liền tiêu, vậy chẳng phải chơn là gì?

A Nan! Ta lại hỏi Người:

- Cái khăn sáu kết này nếu cùng một lượt mở ra, có được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ! Kết này khi thắt có thứ tự, nay mở ra cũng phải theo thứ tự. Sáu kết dù đồng thể, nhưng thắt chẳng cùng thời, thì làm sao có thể mở cùng một lượt?

Phật nói:

- Giải tỏa lục căn cũng như vậy, căn này vừa bắt đầu giải tỏa thì được Nhân Ngã Không, nếu tánh Không sáng tỏ, thì Pháp Ngã giải thoát, thành tựu pháp giải thoát xong, cả hai thứ Không đều chẳng sanh, ấy gọi là từ Tam Ma Địa, chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn của Bồ Tát.

A Nan và đại chúng nghe Phật khai thị huệ giác viên thông, chẳng còn nghi hoặc, bèn chấp tay đánh lễ, bạch Phật rằng:

- Nay chúng con thân tâm rõ ràng vô ngại, dù đã ngộ cái nghĩa “*Nhất lục đều tiêu*”, nhưng còn chưa thấu đạt nguồn gốc của viên thông. Thế Tôn, chúng con bị trôi lăn lẻ loi từ nhiều kiếp, ngờ đâu lại được làm con của Phật, như đứa bé khát sữa bỗng được gặp mẹ, nếu nhân cơ hội này mà thành đạo, được mật ngôn của Phật, đồng với bốn ngộ của con, thì mới tự rõ: Nghe và chưa nghe chẳng có sai biệt. Xin Phật rủ lòng từ bi ban cho bí nghiêm để con được thành tựu lời khai thị cuối cùng của Như Lai. Nói xong, nắm vốc gieo sát đất, lui về chỗ ẩn mật, mong Phật âm thầm mật thọ.

LƯỢC GIẢI

Phật khai thị “Huệ giác viên thông” tức “Lục mở nhất tiêu” và đắc Vô Sanh Pháp Nhãn kể trên, do “Lục mở” nên thân được vô ngại; Do “Nhất tiêu” nên tâm được vô ngại, dù chưa đến nơi lục căn thanh tịnh, nhưng nhờ nhất thì lục tiêu, lục tiêu thì nhất diệt, đã rõ ràng chẳng còn nghi hoặc, nhưng A Nan còn chưa ngộ nguồn gốc của viên thông ở đâu; Căn nào viên thông nhất; Dựa theo căn nào sâu vào mới mau chứng được viên thông.

Sự dựa theo căn viên thông, chứng quả viên thông, nơi A Nan thì do đó thành đạo, nơi Như Lai thì là lời khai thị cuối cùng, nên A Nan mong Phật chẳng tiếc bí nghiêm (Pháp vi diệu nhiệm mầu), mà âm thầm mật thọ. Nếu nói về căn viên thông thì có thể hiển bày, so sánh căn nào viên thông nhất để dựa theo đó vào Tam Ma Địa còn có thể được; Nếu muốn ngay đó chứng ngộ thì phải mỗi mỗi tự tu tự chứng, đâu thể nhờ lời nói mà đến được! Lời nói còn chẳng thể đến thì làm sao có thể mật thọ?

Nhưng theo ý của A Nan, mong Phật mật thọ, tức là Phật chẳng dùng lời nói để nói, gọi là Mật Ngôn; A Nan chẳng dùng cái nghe để nghe, gọi là Bốn Ngộ, nên nói “Được mật ngôn của Phật, tức đồng bốn ngộ của con”, có nghe đồng như chưa nghe, thường nghe khi chưa nghe, gọi là Chơn Nghe, nên lui về chỗ ẩn mật mà mong cầu mật thọ.

Giả sử Phật có thể truyền thọ, A Nan có thể đắc được, thì chẳng phải là bí mật rồi, nếu do đó mà được chứng viên thông thì chẳng phải viên thông rồi. Sự chứng ngộ phải do tự ngộ, đâu thể do người khác ban cho mà được!

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo khắp chư Đại Bồ Tát và hàng vô lậu Đại A La Hán trong chúng rằng:

- Các Người là hàng Bồ Tát và A La Hán trong pháp Ta, đã chứng quả vô học, nay Ta hỏi các Người: Trong lúc mới phát tâm, nơi Thập Bát Giới, ở giới nào mà ngộ được viên thông, và do phương tiện gì được vào Tam Ma Địa.

Kiều Trần Như trong nhóm năm vị Tỳ Kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật mà bạch rằng:

- Con ở Lộc Uyển và Kê Viên được lời dạy của Phật khi mới thành đạo, do âm thanh Phật ngộ Tứ Thánh Đế. Khi đó, Phật hỏi các Tỳ Kheo, con là người ngộ giải trước tiên, Như Lai ấn chứng cho con tên là A Nhã Đa (*Ngộ giải*), được diệu âm mật viên. Con do âm thanh mà đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì ÂM THANH là hơn cả.

Ưu Ba Ni Sa Đà liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con cũng được lời dạy của Phật khi mới thành đạo, con quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhàm chán, ngộ các tánh sắc đều là bất tịnh như xác chết, xương cốt thúi mục hóa ra vi trần, rồi cuối cùng trở thành hư không. Sắc và Không cả hai vốn chẳng có nên thành đạo vô học. Như Lai ấn chứng cho con tên là Ni Sa Đà (*Tánh không*), tướng trần đã sạch, thì diệu sắc mật viên. Con do sắc tướng mà đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì SẮC TƯỚNG là hơn cả.

Hương Nghiêm Đồng Tử liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con nghe Như Lai dạy quán các tướng hữu vi, khi về trai đường tĩnh tọa, đang lúc thiền quán, thấy các Tỳ Kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương lặng lẽ bay vào lỗ mũi. Con quán mùi hương này phi gỗ phi không, phi khói phi lửa, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, do đó, ý căn tiêu diệt, phát minh vô lậu, Như Lai ấn chứng cho con hiệu là Hương Nghiêm, hương trần đã diệt thì diệu hương mật viên. Con do hương nghiêm đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì HUƠNG TRẦN là hơn cả.

Hai vị Pháp Vương Tử Dược Vương và Dược Thượng, cùng với năm trăm Phạm Thiên trong hội, liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con làm lương y nơi thế gian nhiều kiếp từ vô thủy, trong miệng từng nếm những cỏ cây, kim thạch trong cõi Ta Bà này, đến mười vạn tám ngàn thứ, nên biết hết các vị đắng, chua, mặn, lạt, ngọt, cay v.v... và sự biến đổi của các vật hòa hợp hay tự sanh, là tánh thuốc nóng hay mát, có độc hay chẳng độc, thấy đều biết cả.

- Từ khi phụng sự Như Lai, rõ biết tánh vị phi không phi hữu, phi tức thân tâm, phi lìa thân tâm, do phân biệt bản nhân của vị trần mà khai ngộ,

được Phật ấn chứng cho anh em chúng con cái danh hiệu Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát; Nay ở trong hội này, làm Pháp Vương Tử. Chúng con do vị trần mà giác ngộ, lên bậc Bồ Tát, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của chúng con, thì VỊ TRẦN là hơn cả.

Bạt Đà Bà La cùng các bạn mười sáu Đại Sĩ liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con trước kia ở nơi Phật Oai Âm Vương nghe pháp xuất gia, đến giờ tắm, chúng con theo lệ vào phòng tắm, bỗng ngộ tánh nước đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, khoảng giữa an nhiên, vốn vô sở đắc. Cho đến hôm nay theo Phật xuất gia, vì sự huân tập từ xưa chẳng quên, khiến đắc quả vô học, Như Lai đặt tên con là Bạt Đà Bà La (*Hiền hộ*) do phát minh diệu xúc, thành Pháp Vương Tử, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì XÚC TRẦN là hơn cả.

Ma Ha Ca Diếp và Tử Kim Quang Tỳ Kheo Ni liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Kiếp xưa, trong cõi này có Phật Nhật Nguyệt Đăng ra đời, con được thân cận nghe pháp tu học, sau khi Phật diệt độ, con thấp đèn liên tục cúng dường Xá Lợi, lại lấy vàng Tử Kim Quang tô thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, đời đời kiếp kiếp, thân thể thường viên mãn sáng ngời như vàng Tử Kim Quang. Tử Kim Quang Tỳ Kheo Ni này, tức quyến thuộc cùng phát tâm khi xưa của con.

- Con quán thế gian, lục trần đều biến hoại, chỉ y theo Pháp Không Tịch, tu Diệt Tận Định, thì thân tâm mới có thể trải qua trăm ngàn kiếp như búng ngón tay. Con do quán Pháp Không, đắc quả A La Hán. Thế Tôn khen con tu hạnh đầu đà bậc nhất, diệu pháp sáng tỏ, tiêu diệt phiền não, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì PHÁP TRẦN là hơn cả.

A Na Luật Đà liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Lúc con mới xuất gia, thường ham nằm ngủ. Như Lai quả con là loài súc sinh, nghe lời Phật quả, con khóc lóc tự trách suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai con mắt. Thế Tôn dạy con tu pháp “*Lạc Kiến Chiếu Minh Kim Cang Tam Muội*” chẳng nhờ con mắt, xem thấy mười phương rộng suốt như trái cây trong bàn tay; Như Lai ấn chứng cho con đắc quả A La Hán. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì XOAY CÁI THẤY TRỞ VỀ BẢN TÁNH là hơn cả.

Châu Lợi Bàn Đạc Ca liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con kém trí nhớ, chẳng thể tụng trì, khi mới gặp Phật, nghe Pháp rồi xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai, trong một trăm ngày mà chẳng thuộc lòng, hề nhớ trước thì quên sau, nhớ sau thì quên trước, Phật thương xót con ngu muội, dạy con an cư, tu Sở Túc Quán. Con quán hơi thở đến chỗ cùng tận, thấy các hành tướng vi tế dời đổi từng sát na

nơi sanh, trụ, di, diệt, tâm con bỗng ngộ, được đại vô ngại cho đến phiền não dứt sạch, đắc quả A La Hán, trước pháp tọa của Phật, được ấn chứng thành bậc vô học. Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con thì XOAY HƠI THỞ TRỞ VỀ TÁNH KHÔNG là hơn cả.

Kiều Phạm Bạt Đề liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con có khẩu nghiệp khinh rẻ Sa Môn trong kiếp quá khứ, nên đời đời mắc bệnh nhai như trâu. Như Lai dạy con pháp môn: *“Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa”*. Con quán tánh biết vị chẳng phải thân thể, chẳng phải ngoại vật, ngay đó được siêu thoát những tập khí thế gian, bên trong giải thoát thân tâm, bên ngoài lìa bỏ thế giới, xa lìa tam giới như chim sổ lồng, lìa cầu tiêu trần, pháp nhãn thanh tịnh, đắc quả A La Hán. Như Lai ấn chứng cho con lên bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì XOAY CÁI BIẾT VỊ TRỞ VỀ TỰ TÁNH là hơn cả.

Tất Lăng Già Bà Ta liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Khi con mới phát tâm theo Phật, thường nghe Như Lai dạy về những việc chẳng vui trong thế gian. Lúc đi khát thực trong thành, đang suy nghĩ pháp môn, bất giác bị gai độc đâm vào chân, cả thân đau đớn, con nghĩ: Có cái năng biết mới biết sự đau đớn này;

Dù biết đau đớn, nhưng Bản Giác trong sạch, vốn chẳng có năng đau và sở đau. Con lại suy nghĩ: Một thân đâu thể có hai giác? (*Năng giác và sở giác*). Nhiếp niệm chưa bao lâu, thân tâm bỗng thành không tịch, trong 21 ngày, các tập khí phiền não đều dứt sạch, đắc quả A La Hán. Như Lai ấn chứng cho con lên bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì QUÊN THÂN THUẦN GIÁC là hơn cả.

Tu Bồ Đề liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con từ nhiều kiếp đến nay, tâm được vô ngại, tự nhớ thọ sanh nhiều đời như hằng sa; Lúc còn trong thai đã biết tánh Không Tịch, cũng khiến chúng sanh chúng được tánh Không, như thế cho đến mười phương đều thành tánh Không. Nhờ Như Lai phát minh Giác Tánh Chơn Không, nên tánh Không được sáng tỏ, đắc quả A La Hán, đón nhập TÁNH KHÔNG sáng tỏ của BIỂN GIÁC, đồng TRI KIẾN PHẬT, được ấn chứng thành bậc vô học, về giải thoát tánh Không, con là bậc nhất, Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con thì chư tướng phi tướng, cả năng phi và sở phi đều sạch, XOAY PHÁP VỀ TÁNH KHÔNG là hơn cả.

Xá Lợi Phất liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con từ nhiều kiếp đến nay, TÁNH KIẾN của Bản Tâm trong sạch, thọ sanh nhiều đời như hằng sa, đối với các pháp biến hóa của thế gian và xuất thế gian,

hể thấy liền thông suốt, được chẳng ngăn ngại. Con ở giữa đường gặp anh em Ca Diếp Ba thuyết nghĩa nhân duyên, ngộ tâm chẳng bờ bến. Con theo Phật xuất gia, giác ngộ TÁNH KIẾN sáng tỏ, được đại vô úy, đắc quả A La Hán, do pháp âm của Như Lai hóa sanh, làm trưởng tử của Phật, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì TÁNH KIẾN CỦA BẢN TÂM SÁNG TỎ, SỰ SÁNG TỎ ĐẾN CHỖ CÙNG CỰC, ĐỒNG TRI KIẾN PHẬT là hơn cả.

Phổ Hiền Bồ Tát liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con đã từng làm Pháp Vương Tử cho hàng sa Như Lai, mười phương Như Lai dạy những đệ tử có căn cơ Bồ Tát, tu hạnh Phổ Hiền, hạnh đó theo con mà lập tên. Thế Tôn, con dùng TÁNH VĂN của Bản Tâm, phân biệt tất cả tri kiến của chúng sanh. Nếu ở phương khác, ngoài hàng sa thế giới, mỗi thế giới đều có chúng sanh phát tâm theo hạnh Phổ Hiền, thì liền trong lúc đó con cỡi voi sáu ngà, phân thân thành trăm ngàn, đồng thời đến mọi nơi, dẫn cho họ nghiệp chướng còn sâu, chưa thấy được con, con cũng thầm xoa đầu họ, ủng hộ an ủi, khiến cho họ được thành tựu hạnh nguyện. Phật hỏi về viên thông, nơi Bản Nhân của con thì TÁNH VĂN CỦA BẢN TÂM SÁNG TỎ, PHÂN BIỆT TỰ TẠI là hơn cả.

Tôn Đà La Nan Đà liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Lúc con mới theo Phật xuất gia, dù giữ đủ giới luật, nhưng với pháp Tam Ma Địa, tâm thường tán loạn, chưa được vô lậu. Thế Tôn dạy con và Câu Si La quán nơi chót mũi, lúc con mới bắt đầu tu quán này, trải qua 21 ngày, thấy hơi thở ra vào như khói, thân tâm sáng tỏ, chiếu khắp thế giới thành rỗng không, trong sạch như lưu ly; Tướng khói dần dần tiêu tan, hơi thở hóa thành màu trắng, tâm được khai ngộ, tập khí dứt sạch, những hơi thở ra vào hóa thành ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, đắc quả A La Hán. Thế Tôn thọ ký cho con sẽ được Bồ Đề. Phật hỏi về viên thông, con do QUÁN SỔ TỨC, TIÊU DIỆT HƠI THỞ QUÁN LÂU PHÁT MINH SÁNG TỎ, DỨT SẠCH PHIỀN NÃO là hơn cả.

Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con từ nhiều kiếp đến nay, được biện tài vô ngại, thuyết pháp KHỔ KHÔNG, thông đạt thật tướng, như thế cho đến pháp môn bí mật của hàng sa Như Lai, đều vi diệu khai thị cho chúng sanh được sức vô úy. Thế Tôn biết con có biện tài lớn, dạy con dùng âm thanh giúp Phật chuyển pháp luân, hoằng dương Chánh Pháp. Con do thuyết pháp, đắc quả A La Hán. Thế Tôn ấn chứng cho con thuyết pháp bậc nhất. Phật hỏi về viên thông, con dùng PHÁP ÂM HÀNG PHỤC TÀ MA NGOẠI ĐẠO, TIÊU DIỆT TẬP KHÍ PHIỀN NÃO là hơn cả.

Ưu Ba Ly liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con theo Phật, vượt thành xuất gia. Như Lai sáu năm khổ hạnh, hàng phục tà ma, chế phục ngoại đạo, giải thoát tham dục phiền não của thế gian, tất cả con đều đích thân được thấy. Phật dạy con trì giới, cho đến ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, các Tánh Nghiệp và Giá Nghiệp thấy đều trong sạch, thân tâm tịch diệt, đắc quả A La Hán. Con là người điều hành kỷ luật trong chúng. Thế Tôn ấn chứng cho con tu thân trì giới bậc nhất. Phật hỏi về viên thông, con DO TRÌ THÂN, THÌ THÂN ĐƯỢC TỰ TẠI, LẦN ĐẾN TRÌ TÂM, TÂM ĐƯỢC THÔNG SUỐT, RỒI CẢ THÂN TÂM ĐỀU THÔNG TRIỆT là hơn cả.

Đại Mục Kiền Liên liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Trước kia con khất thực giữa đường, gặp ba anh em Ca Diếp Ba là: Ưu Lâu Tần Loa, Già Gia, và Na Đề, giảng về nghĩa nhân duyên thâm sâu của Như Lai, con liền phát tâm, được đại thông đạt. Như Lai ban cho con áo cà sa đắp trên mình, râu tóc tự rụng, con đi khắp mười phương được chẳng ngăn ngại, phát ra thần thông là bậc nhất, đắc quả A La Hán. Chẳng những Thế Tôn, cả mười phương Như Lai đều khen thần lực con sáng tỏ trong sạch, tự tại vô úy. Phật hỏi về viên thông, con do XOAY Ý THỨC LĂNG XÃNG, TRỞ VỀ TỊCH LẶNG, NÊN DIỆU TÂM SÁNG TỎ, như lắng nước đục lâu thành trong sáng là hơn cả.

Ô Xô Sắt Ma chấp tay đánh lễ bạch Phật:

- Con thường nhớ những kiếp xưa, tánh hay tham dục. Lúc ấy có Phật Không Vương ra đời, nói người đa dâm như đồng lửa hồng, dạy con quán khắp hơi lạnh và nóng trong cơ thể, ánh sáng tự tánh lặng đứng nơi trong, hóa tâm đa dâm thành lửa trí huệ, từ đó chư Phật đều gọi con là Hỏa Đầu. Con nhờ sức “*Hỏa Quang Tam Muội*”, đắc quả A La Hán; Trong tâm phát đại nguyện, chư Phật thành đạo, con sẽ làm lực sĩ, uốn dẹp bọn tà ma. Phật hỏi về viên thông, con do QUÁN HƠI ẤM NƠI THÂN TÂM LƯU THÔNG CHẴNG NGẠI, PHIỀN NÃO DỨT SẠCH, SANH LỬA TRÍ HUỆ, CHỨNG VÔ THƯỢNG GIÁC là hơn cả.

Trì Địa Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ kiếp xưa, khi Phật Phổ Quang ra đời, con làm Tỳ Kheo, thường hay sửa sang những đoạn đường, bến nước, nơi gặp ghềnh, lồi lõm làm cản trở xe cộ, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát, siêng năng chịu cực, trải qua nhiều đời Phật. Hoặc có chúng sanh ở nơi chợ búa cần người mang đồ, con liền mang giúp đến nơi đến chốn mà chẳng lấy tiền.

- Khi Phật Tỳ Xá Phù ra đời, nhằm lúc đói kém, con cống giúp người, chẳng kể xa gần, chỉ lấy một xu; Hoặc có xe trâu bị sa xuống bùn lầy, con dùng thần lực xô kéo, khiến ra khỏi khổ não. Thuở đó, vua thiết trai cúng dường Phật, con bèn sửa đường, chờ Phật đi qua,

Tỳ Xá Như Lai xoa đỉnh đầu con và bảo rằng: *“Nên bình tâm địa, thì tất cả địa trên thế giới đều bình”*. Con liền khai ngộ, thấu vi trần của thân thể với tất cả vi trần tạo thành thế giới đều chẳng sai biệt; Vi trần tự tánh không, nên mỗi mỗi chẳng đụng chạm nhau, cho đến binh lính giao chiến cũng chẳng đụng chạm. Con do pháp tánh ngộ Vô Sanh Nhân, đắc quả A La Hán, hồi tâm hướng Đại Thừa, vào ngôi vị Bồ Tát, nghe chư Phật khai diễn Diệu Pháp Liên Hoa, nhập Tri Kiến Phật, con được chứng minh là bậc thượng thủ. Phật hỏi về viên thông, con do QUÁN THÂN THỂ VÀ THẾ GIỚI HAI THỨ VI TRẦN CHẴNG SAI BIỆT, VỐN LÀ NHƯ LAI TẠNG, DO HƯ VỌNG PHÁT SANH RA CẢNH TRẦN; TRẦN TIÊU THÌ TRÍ HIỆN, THÀNH VÔ THƯỢNG ĐẠO là hơn cả.

Nguyệt Quang Đồng Tử liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ hàng sa kiếp trước, có Phật Thủy Thiên ra đời, dạy chư Bồ Tát tu tập Thủy Quán, vào Tam Ma Địa. Con quán tánh thủy trong thân từ nước mũi, nước bọt, cho đến các thứ dịch vị, tinh huyết, đại tiểu tiện, lưu chuyển trong thân, đều đồng một tánh thủy, thấy nước trong thân cùng nước các bể Hương Thủy của Liên Hoa Tạng Thế Giới đều chẳng khác.

- Khi con mới tu hành quán này, tuy được thấy nước, chưa được quên thân. Lúc ấy, con là Tỳ Kheo tọa thiền trong phòng, đệ tử con từ cửa sổ nhìn vào, thấy nước trong đầy khắp phòng, nó nhỏ dại không biết, liền lấy một miếng ngói ném vào nước phát ra tiếng, thích thú bỏ đi, khi con xuất định, liền thấy đau tim như Xá Lợi Phất bị quỷ Vi Hại đập. Con tự nghĩ: Nay con đã đắc quả A La Hán, là khỏi bệnh duyên đã lâu, sao bỗng bị đau tim, chẳng lẽ đã bị lui sụt chăng? Lúc bấy giờ, đệ tử đến kể lại việc trên, con mới bảo nó sau này nếu lại thấy nước thì nên mở cửa vào lấy miếng ngói ra. Đệ tử vâng lời, khi con nhập định, nó lại thấy nước với miếng ngói rõ ràng, liền mở cửa lấy ra, sau đó con xuất định thì thân thể lại được như cũ.

- Con trải qua nhiều đời, gặp vô số Phật, đến đời Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, thì con mới được quên thân. Từ đó, cả thân đều hóa thành nước, cùng với nước các bể Hương Thủy nơi mười phương thế giới đồng một tánh Chơn Không, chẳng hai chẳng khác; Nay ở nơi Như Lai, được danh hiệu là Đồng Chơn, dự hội Bồ Tát. Phật hỏi về viên thông, con do QUÁN TÁNH NƯỚC MỘT MỤC LƯU THÔNG, ĐƯỢC VÔ SANH NHÂN, BỒ ĐỀ VIÊN MÃN là hơn cả.

Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ hàng sa kiếp trước, có Phật Vô Lượng Quang ra đời, khai thị Bản Giác Diệu Minh cho hàng Bồ Tát, dạy quán thế giới và thân chúng sanh đều theo sức gió của vọng duyên xoay chuyển.

- Bây giờ, con quán sự an lập của không gian, sự động chuyển của thời gian, hành động của thân thể, sự động tịnh của tâm niệm, những cái động ấy đều chẳng hai chẳng khác. Lúc đó, con liền giác ngộ tánh của những thứ động ấy, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, mười phương vô số diên đảo chúng sanh đều đồng một hư vọng, như vậy cho đến tất cả chúng sanh trong một tam thiên đại thiên thế giới, giống như hàng trăm con muỗi đứng trong bình, vo ve kêu ầm, ở nơi nhỏ hẹp phát ra náo loạn. Con gặp Phật chưa bao lâu, được Vô Sanh Nhẫn, lúc bấy giờ khai ngộ, thấy cõi Phật Đông Phương Bất Động, làm Pháp Vương Tử, phụng sự mười phương Phật, thân tâm phát ra ánh sáng, thấu triệt chẳng ngại. Phật hỏi về viên thông, con do QUÁN SỨC GIÓ CHẴNG NƠI NƯƠNG TỰA, NGỘ TÂM BỒ ĐỀ, VÀO TAM MA ĐỊA, KHẾ HỢP VỚI DIỆU TÂM CỦA MƯỜI PHƯƠNG PHẬT là hơn cả.

Hư Không Tạng Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con cùng Như Lai chứng vô biên thân nơi Phật Định Quang. Lúc ấy, tay con cầm bốn hạt châu lớn, chiếu sáng mười phương vô số Phật Sát đều hóa thành hư không, lại ở nơi tự tâm hiện Đại Viên Cảnh, phóng ra mười thứ hào quang vi diệu, soi khắp Liên Hoa Tạng Thế Giới và tận mười phương hư không, đều vào trong Viên Cảnh, xen nhập thân con, như xen vào hư không, chẳng ngăn ngại nhau. Thân con hay vào vô số quốc độ, tùy thuận đại thần lực, rộng làm Phật sự. Con quán tứ đại chẳng nơi nương tựa, vọng tưởng, sanh diệt, với hư không và cõi Phật vốn đồng, do phát minh tánh đồng, đặc Vô Sanh Nhẫn. Phật hỏi về viên thông, con do QUÁN HƯ KHÔNG VÔ BIÊN, VÀO TAM MA ĐỊA, DIỆU LỰC sáng tỏ là hơn cả.

Di Lạc Bồ Tát liền đứng dậy, đảnh lễ bạch Phật:

- Con nhớ vô số kiếp trước, có Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ra đời, con dù theo Phật xuất gia, còn ham danh dự thế gian, ưa giao du với các quý tộc. Lúc ấy, Thế Tôn dạy con tu tập Duy Tâm Thức Định, vào Tam Ma Địa. Từ nhiều kiếp đến nay, dùng Tam Ma Địa này phụng sự hăng sa chư Phật, sự ham cầu danh dự đã dứt sạch. Đến đời Phật Nhiên Đăng, con mới được thành “*Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội*”, ngộ các pháp dơ, sạch, có, không, nơi tất cả cõi Phật, đều do tâm thức biến hiện.

- Thế Tôn! Vì con ngộ Duy Tâm thức như thế, nên từ tánh thức hiện ra vô số Như Lai, nay được thọ ký sẽ thừa kế ngôi Phật ở cõi này. Phật hỏi về viên thông, con QUÁN MƯỜI PHƯƠNG DUY THỨC, TÂM THỨC SÁNG TỔ, CHỨNG NHẬP VIÊN THÀNH THẬT, XA LÌA TÁNH Y THA KHỞI VÀ BIẾN KẾ CHẤP, ĐẮC VÔ SANH NHÃN là hơn cả.

LƯỢC GIẢI

Từ bắt đầu tu tập Duy Tâm Thức Định, đến khi thành “Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội”, tức là đã chuyển Thức thành Trí, nên nói vào Viên Thành Thật. Khi chưa chuyển thức, còn bị cảnh buộc, gọi là Biến Kế Chấp; Phá được Biến Kế Chấp, còn bị pháp buộc, gọi là chấp Y Tha Khởi.

Ham danh dự thế gian, thích giao du với quý tộc, là cái tướng Biến Kế Chấp: Sự ham cầu danh dự của thế gian đã dứt sạch, là cái tướng Chấp Y Tha Khởi. Đến khi liễu ngộ tất cả duy tâm thức, nên thức tánh hiện ra vô số Như Lai, ấy là tướng Viên Thành Thật vậy.

Kinh Giải Thâm Mật có nói: Người mắt nhắm như Biến Kế Chấp, hiện màu xanh, vàng như Y Tha Khởi, con mắt trong sáng như Viên Thành Thật vậy.

Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với 52 vị Bồ Tát đồng tu, liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ hàng sa kiếp trước, có Phật Vô Lượng Quang ra đời, thuở đó, mười hai vị Như Lai kế nhau thành Phật trong một kiếp. Vị Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhứt Nguyệt Quang, dạy con tu “*Niệm Phật Tam Muội*”, ví như có người thì chuyên nhớ, người thì chuyên quên, nếu hai người ấy nhớ nhau, không kể gặp hay chẳng gặp, thấy mặt hay chẳng thấy; Cứ nhớ mãi sâu vào tâm niệm, cho đến đời này, đời khác, thì như hình với bóng, chẳng cách xa nhau.

- Mười phương Như Lai tưởng nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh thì dù nhớ cũng chẳng làm gì được; Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con chẳng xa cách. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, thì hiện nay hay về sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa, chẳng nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ, như người ướp hương thì thân có mùi thơm, ấy gọi là Hương Quang Trang Nghiêm. Bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật, đắc vô sanh nhẫn, nay ở cõi này tiếp dẫn người niệm Phật về cõi Tịnh Độ. Phật hỏi con về viên thông, con do NHIẾP CẢ LỤC CĂN, TỊNH NIỆM TƯƠNG TỤC VÀO TAM MA ĐỊA là hơn cả.

LƯỢC GIẢI

Người niệm Phật chẳng có một sát na niệm ngũ dục của thế gian, mới được gọi là tịnh niệm (Tâm niệm trong sạch). Tịnh niệm tương tục như con nhớ mẹ, là miệng niệm tâm nhớ, oai nghi nghiêm chỉnh, nhiếp cả lục căn, là nhãn chẳng thấy tướng xấu đẹp, nhĩ chẳng nghe tiếng khen chê, tỷ chẳng ngửi mùi thơm thối, thiệt chẳng nếm vị ngon dở, thân chẳng tiếp xúc lạnh, ấm, ý chẳng phân biệt buồn vui, ấy mới được gọi là nhiếp cả lục căn, cho đến nhất tâm bất loạn, như thế trong Tam Ma Địa,ắt phải thấy Phật.

Nói chẳng nhờ tu tập, tự được khai ngộ, như người ướp hương, chẳng mong mùi hương mà tự có mùi hương, ấy là nguyện lực bất khả tư nghì của Phật Di Đà. Dù nói nhờ nguyện lực của Phật Di Đà, nhưng cần phải có đại nguyện của chính mình để tương ứng với đại nguyện của Phật thì mới được thành tựu.

Đại nguyện nếu chỉ dùng tâm nghĩ miệng nói ấy là nguyện suông, cần phải thực hành đúng theo đại nguyện của chính mình phát ra, mới là nguyện chơn thật, và mới có thể tương ứng với đại nguyện của Phật.

HẾT QUYỂN NĂM

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN SÁU

*L*úc bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ khi xưa, từ vô số hằng sa kiếp trước có Phật Quán Thế Âm ra đời, con phát tâm Bồ Đề nơi Phật ấy, Phật dạy con từ VĂN, TƯ, TU nhập Tam Ma Địa (VĂN, TƯ, TU là Văn nơi Tai, Tư nơi Tâm, Tu nơi Hạnh).

- Bước đầu ở trong sự nghe được nhập lưu (*Chẳng chạy theo lục trần*) mà quên cái sở nghe (*Vong, sở: Vong nghĩa là Quên*). Sở nhập (*Nhập lưu*) đã tịch thì hai tướng động và tịnh chẳng sanh, như thế dần dần tiến thêm, thì năng nghe và sở nghe đều hết; Sự hết năng sở của nghe cũng chẳng trụ. Còn biết chẳng trụ thì còn năng giác và sở giác, nên phải KHÔNG cái năng giác sở giác, thì sự KHÔNG giác ấy mới cực viên tròn; Năng giác sở giác được KHÔNG đến cùng tột, là nhập vào chỗ KHÔNG, nhập vào chỗ KHÔNG thì còn trụ nơi KHÔNG, nên năng không sở không cũng phải diệt.

Năng sở của KHÔNG diệt rồi thì tất cả sự sanh và diệt đều hết, sanh diệt đã diệt, thì tịch diệt hiện tiền, thành linh siêu việt thế gian và xuất thế gian. Đến đây, khắp mười phương pháp giới đều sáng tỏ, được hai thứ thù thắng tròn đầy sáng tỏ:

1. Trên khế hợp với giác tâm vốn huyền diệu của mười phương chư Phật, với Như Lai đồng một Từ Lực (*Phật độ chúng sanh - cho vui - nhưng không có năng độ, gọi là Vô Duyên Từ*).

2. Dưới khế hợp với tất cả mười phương chúng sanh lục đạo, với tất cả chúng sanh đồng một Bi Ngưỡng (*Chúng sanh cầu Phật độ - lìa khổ, nhưng không có sở độ, gọi là Đồng Thể Bi*).

- Thế Tôn! Do con cúng dường Quán Âm Như Lai, Phật dạy con y tánh Văn như huyền, huân tu Kim Cang Tam Muội. Vì với chư Phật đồng một TỪ LỰC, nên khiến con được thành tựu 32 ứng thân vào các quốc độ.

1. Thế Tôn! Nếu chư Bồ Tát vào Tam Ma Địa tu pháp vô lậu, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Phật, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.

2. Nếu có hàng hữu học được tịch tịnh diệu minh, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Độc Giác, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.

3. Nếu có hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên được thắng tánh hiện tiền, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Duyên Giác, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.

4. Nếu có hàng hữu học tu Đạo Nhập Diệt, được pháp KHÔNG của Tứ Thánh Đế, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Thanh Văn, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.

5. Nếu có chúng sanh, muốn tâm minh ngộ, chẳng phạm dục trần, muốn thân trong sạch, thì con hiện thân Phạm Vương, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.

6. Nếu có chúng sanh, muốn làm thiên chủ, lãnh đạo chư thiên, thì con hiện thân Đế Thích, thuyết pháp cho họ khiến được thành tựu.

7. Nếu có chúng sanh, muốn thân được tự tại, đi khắp mười phương, thì con hiện thân Tự Tại Thiên, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

8. Nếu có chúng sanh, muốn thân được tự tại, bay khắp hư không, thì con hiện thân Đại Tự Tại Thiên, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

9. Nếu có chúng sanh, muốn thống lãnh quỷ thần, cứu giúp quốc độ, thì con hiện thân Thiên Đại Tướng Quân, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

10. Nếu có chúng sanh, thích thống lãnh thế giới, bảo vệ chúng sanh, thì con hiện thân Tứ Thiên Vương, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

11. Nếu có chúng sanh, muốn sanh nơi thiên cung, sai khiến quỷ thần, thì con hiện thân Thái Tử của Tứ Thiên Vương, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

12. Nếu có chúng sanh, muốn làm vua cõi người, thì con hiện thân vua, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

13. Nếu có chúng sanh, thích làm chủ các dòng quý tộc, mọi người cung kính, thì con hiện thân trưởng giả, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

14. Nếu có chúng sanh, thích đàm luận những lời hay giữ mình trong sạch, thì con hiện thân Cư Sĩ, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

15. Nếu có chúng sanh, thích cai trị việc nước, trông coi các ban ấp, thì con hiện thân Tể quan, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

16. Nếu có chúng sanh, thích các số thuật, tự nhiếp tâm giữ thân, thì con hiện thân Bà La Môn, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

17. Nếu có thiện nam tử, ham học pháp xuất gia, giữ gìn giới luật, thì con hiện thân Tỳ Kheo, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

18. Nếu có thiện nữ nhân, ham học pháp xuất gia, trì các giới cấm, thì con hiện thân Tỳ Kheo Ni, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

19. Nếu có thiện nam tử, thích giữ ngũ giới, thì con hiện thân Ưu Bà Tắc, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

20. Nếu có thiện nữ nhân, tự giữ ngũ giới, thì con hiện thân Ưu Bà Di, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

21. Nếu có thiện nữ nhân, lập thân trong cung vua, chủ việc nội chính, giúp việc nước nhà, thì con hiện thân nữ chủ (*Hoàng hậu*), hay phu nhân, mệnh phụ, đại gia (*Nữ giáo sư của hoàng hậu và các cung phi*), thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

22. Nếu có con trai, chẳng hoại trinh nam, thì con hiện thân đồng nam, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

23. Nếu có con gái, muốn giữ trinh nữ, chẳng cầu sự xâm bạo, thì con hiện thân đồng nữ, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

24. Nếu có chư Thiên, muốn ra khỏi loài trời, thì con hiện thân chư Thiên, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

25. Nếu có con Rồng, muốn ra khỏi loài rồng, thì con hiện thân rồng, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

26. Nếu có Dược Xoa⁽¹⁾ muốn ra khỏi loài mình, thì con hiện thân Dược Xoa, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

(1): Dược xoa (*Nhẹ nhàng, nhanh chóng*), có ba loại:

- Địa Dược Xoa: Dùng tài thí nên chẳng thể bay.

- Không Dược Xoa, Thiên Dược Xoa: Dùng xe cộ bố thí nên bay được.

Khi Phật chuyển pháp luân. Địa Dược Xoa ca ngợi, Không Dược Xoa nghe. Thiên Dược Xoa ca ngợi. Tứ Thiên Vương cho đến Phạm Thiên nghe.

27. Nếu có Càn Thát Bà⁽²⁾ muốn ra khỏi loài mình, thì con hiện thân Càn Thát Bà, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

28. Nếu có A Tu La, muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân A Tu La, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

29. Nếu có Khẩn Na La⁽³⁾, muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân Khẩn Na La, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

30. Nếu có Ma Hầu La Già⁽⁴⁾ muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân Ma Hầu La Già, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

31. Nếu có chúng sanh thích làm người, tu nghiệp người, thì con hiện thân người, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

32. Nếu có loài phi nhân, hoặc có hình, hoặc vô hình, hoặc có tướng, hoặc vô tướng, muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân như họ, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

- Ấy gọi là 32 ứng thân nhiệm mầu vào các quốc độ, những thân ấy đều do vô tác diệu lực của sự huân tu tam muội tự tại thành tựu.

(2): Càn Thát Bà (Tìm mùi hương): Nhạc thần của Đế Thích.

(3): Khẩn Na La: Phi nhân, giống như người mà đầu có sừng.

(4): Ma Hầu La Già: Đại mạng xà, bụng lớn.

- Thế Tôn! Con lại dùng vô tác diệu lực của sự huân tu Kim Cang Tam Muội này, cùng với tất cả chúng sanh lục đạo trong mười phương tam thế đồng một BI NGUỖNG, nên khiến các chúng sanh nơi thân tâm con được 14 thứ công đức vô úy:

1. Do con chẳng quán âm thanh, tự quán kẻ quán, khiến chúng sanh khổ não mười phương tự quán âm thanh, liền được giải thoát.

2. Xoay tri kiến về Bản Tri, khiến chúng sanh dù vào đông lửa, lửa chẳng thể cháy.

3. Xoay cái nghe về Bản Văn, khiến chúng sanh bị nước cuốn trôi mà chẳng chìm đắm.

4. Vọng tưởng dứt sạch, tâm chẳng sát hại, khiến chúng sanh vào xứ quỷ, quỷ chẳng thể hại.

5. Huân tập cái nghe thành Bản Văn, tiêu cả lực căn thành một tánh Văn, khiến chúng sanh đang lúc bị giết hại, dao gậy từng đoạn, các binh khí chạm vào thân người, như cắt dòng nước, như thổi ánh sáng, mà Bản Tánh chẳng lay động.

6. Huân tập tánh VĂN thuần nhất sáng tỏ, chiếu khắp pháp giới, dẹp tan tối tăm, khiến chúng sanh dù gặp các loài Dục Xoa, La Sát, yêu mị, quỷ thần ở gần bên cạnh mắt họ chẳng thể nhìn thấy.

7. Âm thanh tiêu sạch, tánh nghe trở vào, thoát khỏi trần vọng, khiến chúng sanh gặp những thứ gông, cùm, xiềng, xích đều chẳng thể trói buộc.

8. Âm thanh tiêu diệt, tánh VẮN viên mãn, TỪ LỰC khắp nơi, khiến chúng sanh đi qua chỗ nguy hiểm, chẳng bị giặc cướp.

9. Huân tu tánh VẮN, xa lìa cảnh trần, sắc dục chẳng thể lôi kéo, khiến tất cả chúng sanh đa dâm xa lìa tham dục.

10. Thuần âm vô trần, căn trần viên dung, chẳng năng sở đối đãi, khiến tất cả chúng sanh hay giận dữ lìa bỏ sân hận.

11. Xoay minh tiêu trần, trở về Bản Tánh, cả pháp giới, thân tâm đều như lưu ly, thấu triệt vô ngại, khiến những kẻ ngu muội chẳng tin Phật pháp, xa lìa hẳn sự si mê ám muội.

12. Tiêu dung hình thể, trở về bản VẮN, ngồi bất động đạo tràng, vào thế gian mà chẳng hoại pháp thế gian, đi khắp mười phương, cúng dường vô số Như Lai, nơi mỗi Như Lai làm Pháp Vương Tử, khi pháp giới chúng sanh cầu sanh con trai, được con trai có phước đức trí huệ.

13. Lục căn viên thông, sáng và soi không hai, khắp mười phương thế giới, lập Đại Viên Cảnh, Không Như Lai Tạng, thừa nhận pháp môn bí mật của vô số Như Lai, chẳng có thiếu sót, khiến pháp giới chúng sanh cầu sanh con gái, được con gái có tướng tốt, đoan chính, phước đức, dịu dàng, được mọi người yêu mến.

14. Trăm ức nhứt nguyệt chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới này, trong đó có 62 hằng sa pháp vương tử đang trụ trì nơi thế gian, tu chánh pháp, làm mô phạm, mỗi mỗi dùng phương tiện và trí huệ chẳng đồng, tùy thuận căn tánh mọi người để giáo hóa chúng sanh.

- Do con được NHĨ CĂN viên thông, phát ra diệu dụng, nên thân tâm vi diệu, cùng khắp pháp giới, khiến chúng sanh người trì danh hiệu con, với người trì danh hiệu của 62 hằng sa Pháp Vương Tử, hai người được phước đức bằng nhau.

- Thế Tôn! Sở dĩ một danh hiệu của con cân xứng với nhiều danh hiệu kia, là do con tu tập đặc chơn viên thông, ấy gọi là mười bốn thứ sức vô úy, khiến cho chúng sanh phước đức đầy đủ.

- Thế Tôn! Do con tu chứng Vô Thượng Đạo, được căn viên thông này, nên khéo được bốn thứ diệu đức vô tác bất khả tư nghì:

1. Do con được BẢN VĂN huyền diệu, tâm diệu là văn: Kiến, Văn, Giác, Tri thành một bửu giác viên dung trong sạch, chẳng thể chia cách, nên hay hiện nhiều dung mạo vi diệu, thuyết vô biên bí mật thần chú, trong đó từ một đến tám vạn bốn ngàn cái đầu và hai mắt, hai tay, cho đến bốn vạn tám ngàn con mắt và cánh tay, tùy nghi thị hiện, hoặc từ hoặc oai, hoặc định hoặc huệ, cứu giúp chúng sanh được đại tự tại.

2. Do sự VẤN TỬ của con thoát khỏi lục trần, như âm thanh vượt qua bức tường, chẳng bị ngăn ngại, nên con khéo hiện mỗi mỗi hình, tụng mỗi mỗi chú, những hình những chú, đều hay thí cho chúng sanh được sức vô úy. Vì thế, mười phương vô số quốc độ đều gọi con là người Thí Vô Úy.

3. Do con tu tập NHĨ CĂN trong sạch, được Diệu Tâm viên thông, nên đi khắp thế giới, đều có thể khiến chúng sanh xả bỏ thân mạng và châu báu cầu con thương xót.

4. Con được ngộ tâm Phật, chứng nơi cứu cánh, hay dùng các thứ châu báu cúng dường mười phương Như Lai, cho đến chúng sanh lục đạo trong pháp giới, cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu sống lâu được sống lâu, cầu chánh định được chánh định, như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn được Đại Niết Bàn.

- Phật nói về viên thông, con từ NHĨ CĂN VÀO VIÊN CHIẾU TAM MUỘI, TÙY TÂM TỰ TẠI, TỪ SỰ NGHE NHẬP LƯU, CHO ĐẾN ĐẮC TAM MA ĐỊA, THÀNH TỰU BỒ ĐỀ là hơn cả.

- Thế Tôn! Như Lai khen con khéo được pháp môn viên thông, ở trong hội thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm, do con quán âm sáng tỏ mười phương, nên danh hiệu QUÁN ÂM khắp mười phương thế giới.

Bấy giờ, Thế Tôn nơi tòa Sư Tử, từ ngũ thể cùng phóng hào quang, chiếu soi đỉnh đầu của mười phương vô số Như Lai, với các Pháp Vương Tử và chư Bồ Tát; Các Như Lai ấy cũng trong ngũ thể cùng phóng hào quang, từ mọi nơi chiếu đến đỉnh đầu của Phật, với chư Đại Bồ Tát và A La Hán trong hội. Rừng cây, ao hồ đều diễn pháp âm, hào quang giao xen như lưới báu, đại chúng được pháp chưa từng có, tất cả đều được Kim Cang Tam Muội. Túc thời, trời mưa bách bửu liên hoa, xanh, vàng, đỏ, trắng, xen lộn lẫn nhau; Mười phương hư không hóa thành màu sắc thất bửu, núi sông, đất đai nơi cõi Ta Bà này đều ẩn mất, chỉ thấy mười phương vô số quốc độ hợp thành một cõi, ca nhạc vang lừng, tự nhiên hòa tấu.

Lúc đó, Như Lai bảo Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử rằng: - Người hãy xem 25 vị vô học Đại Bồ Tát và A La Hán này, mỗi mỗi trình bày phương tiện thành đạo lúc ban đầu, đều nói tu tập viên thông chơn thật, lối tu của họ thật chẳng hơn kém và chẳng trước sau sai biệt. Nay Ta muốn khiến A Nan khai ngộ, trong 25 lối tu, lối nào thích hợp, và sau khi Ta diệt độ, chúng sanh trong cõi này muốn vào Bồ Tát Thừa, cầu đạo Vô Thượng, từ cửa phương tiện nào để được thành tựu?

Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử vâng theo ý chỉ của Phật, liền đứng dậy đánh lễ chân Phật, thừa oai thần của Phật, nói kệ đáp rằng:

CHÁNH VĂN

- Giác hải tánh trường viên,
Viên trường giác nguyên diệu,
Nguyên minh chiếu sanh sở,
Sở lập chiếu tánh vong.
- Mê vọng hữu hư không,
Y Không lập thế giới,
Tưởng trường thành quốc độ,
Tri giác nãi chúng sanh.
- Không sanh Đại Giác trung,
Như hải nhất âu phát.
Hữu lậu vi trần quốc,
Giai y KHÔNG sở sanh.
Âu diệt Không bốn vô,
Huống phục chư tam hữu.
- Qui nguyên tánh vô nhị,
Phương tiện hữu đa môn,
Thánh tánh vô bất thông,
Thuận nghịch giai phương tiện.
Sơ tâm nhập tam muội,
Trì tốc bất đồng luân.
- SẮC tướng kết thành trần,
Tinh liễu bất năng triệt.
Như hà bất minh triệt,
Ư thị hoạch viên thông?
- Âm THANH tạp ngữ ngôn,

DỊCH NGHĨA

- Biển giác tánh trong lặng,
Vốn đầy đủ vi diệu,
Chấp sáng sanh sở chiếu,
Sở lập tánh chiếu mất.
- Mê vọng có hư không.
Do Không lập thế giới,
Tưởng lặng thành Quốc Độ,
Tri giác là chúng sanh.
- Không sanh nơi Đại Giác
Như biển nổi một bọt.
Vô số nước hữu lậu,
Đều từ KHÔNG sanh khởi,
Bọt bể Không đã diệt
Đâu còn thể tam giới.
- Về cội tánh chẳng hai,
Phương tiện có nhiều lối,
Bậc Thánh chẳng ngăn ngại,
Thuận nghịch đều tùy nghi.
Sơ cơ vào chánh định,
Nhanh chậm chẳng đồng nhau.
- Quán SẮC thành nội trần,
Tinh vi chẳng thấu triệt.
Nếu đã chẳng thấu triệt,
Làm sao được viên thông?
- Âm THANH lộn ngữ ngôn,

Đản y danh cú vị.

Nhất phi hàm nhất thiết,

Vân hà hoạch viên thông?

- HƯƠNG dĩ hiệp trung tri,

Ly tắc nguyên vô hữu.

Bất hằng kỳ sở giác,

Vân hà hoạch viên thông?

- Vị tánh phi bốn nhiên,

Yếu dĩ vị thời hữu,

Kỷ giác bất hằng nhất,

Vân hà hoạch viên thông?

- XÚC dĩ sở xúc minh,

Vô sở bất minh xúc,

Hợp ly tánh phi định,

Vân hà hoạch viên thông?

- PHÁP xưng vị nội trần,

Bằng trần tất hữu sở.

Năng sở phi biến thiệp,

Vân hà hoạch viên thông?

- KIẾN tánh tuy động nhiên,

Minh tiền bất minh hậu,

Tứ duy khuy nhất bán,

Vân hà hoạch viên thông?

- TỶ tức xuất nhập thông,

Hiện tiền vô giao khí,

Chỉ nương tựa lời Phật.

Một chẳng gồm tất cả,

Làm sao được viên thông?

- HƯƠNG do hợp mới biết,

Ly thì chẳng có mùi.

Hợp ly tánh chẳng thường,

Làm sao được viên thông?

- Mùi vị chẳng tự sanh,

Đợi khi nếm mới có,

Vị giác chẳng thường còn,

Làm sao được viên thông?

- XÚC phải có sở xúc,

Chẳng sở thì chẳng xúc,

Hợp ly tánh chẳng định.

Làm sao được viên thông?

- PHÁP gọi là nội trần,

Nương trần ắt có sở.

Năng sở chẳng cùng khắp,

Làm sao được viên thông?

- Tánh KIẾN dù rõ ràng,

Thấy trước chẳng thấy sau,

Bốn phía thiếu một nửa,

Làm sao được viên thông?

- HƠI THỞ thông ra vào,

Quán đến chẳng giao khí

(Giống như nín thở)

Chi ly phi thiệp nhập,
 Vân hà hoạch viên thông?
 - THIỆT phi nhập vô đoan,
 Nhân vị sanh giác liễu,
 Vị vong liễu vô hữu,
 Vân hà hoạch viên thông?
 - THÂN dữ sở xúc đồng,
 Các phi viên giác quán,
 Nhai lượng bất minh hội,
 Vân hà hoạch viên thông?
 - TRI căn tạp loạn tư,
 Trạm liễu chung vô kiến,
 Tưởng niệm bất khả thoát,
 Vân hà hoạch viên thông?
 - THỨC kiến tạp tam hòa,
 Cật bốn xứng phi tướng,
 Tự thể tiến vô định,
 Vân hà hoạch viên thông?
 - TÂM VĂN động thập phương,
 Sanh ư đại nhân lực,
 Sơ tâm bất năng nhập,
 Vân hà hoạch viên thông?

Là thở chẳng ngộ nhập,
 Làm sao được viên thông?
 - THIỆT nhập chẳng vô có,
 Do vị sanh giác tri,
 Vị mất giác cũng mất,
 Làm sao được viên thông?
 - THÂN với xúc đồng nhau,⁽⁵⁾
 Chẳng phải Viên Giác Quán,
 Chẳng hội không ngăn mé,
 Làm sao được viên thông?
 - Ý căn lộn vọng tưởng,
 Chẳng thấy tánh trong lặng,
 Tưởng niệm chẳng giải thoát
 Làm sao được viên thông?
 - KIẾN, TƯỚNG, THỨC hòa hợp,
 Cả ba vốn chẳng tướng,
 Tự thể đã chẳng định,
 Làm sao được viên thông?
 - TÂM VĂN khắp mười phương,
 Sanh nơi đại nguyện lực,
 Sơ cơ, chẳng thể vào,
 Làm sao được viên thông?

(5): Thân với xúc đồng nhau, chẳng phải viên giác quán:

Sự xúc giác rõ ràng, chỉ có thân mới biết, quên thân thuần giác, cũng chẳng phải viên giác, phải như Viên Giác Quán, thân tâm đều siêu việt, chẳng có ngăn mé, mới có thể chẳng nhờ thân biết mà thâm hội (Ngộ) vạn pháp. Nay có thân có xúc, thì sự biết có ngăn mé, chẳng phải viên thông vậy.

- TỶ TƯỚNG bốn quyền cơ,

Chỉ linh nhiếp tâm trụ,

Trụ thành tâm sở trụ,

Vân hà hoạch viên thông?

- THUYẾT PHÁP lộng âm văn,

Khai ngộ tiên thành giả,

Danh cú phi vô lậu,

Vân hà hoạch viên thông?

- TRÌ PHẠM dẫn thúc thân,

Phi thân vô sở thúc,

Nguyên phi biến nhất thiết,

Vân hà hoạch viên thông?

- THẦN THÔNG bốn túc nhân,

Hà quan pháp phân biệt,

Niệm duyên phi ly vật,

Vân hà hoạch viên thông?

- Nhược dĩ ĐỊA tánh quán,

Kiên ngại phi thông đạt,

Hữu vi phi thánh tánh,

Vân hà hoạch viên thông?

- Nhược dĩ THỦY tánh quán,

Tưởng niệm phi chơn thật,

- QUÁN MŨI là phương tiện,

Chỉ khiến nhiếp tâm trụ,

Trụ thành tâm sở trụ,⁽⁶⁾

Làm sao được viên thông?

- THUYẾT PHÁP dùng âm thanh,

Khai ngộ người đã thành,

Lời nói chẳng vô lậu,

Làm sao được viên thông?

- TRÌ PHẠM chỉ trối thân,

Phi thân chẳng thể trối,

Vốn chẳng khắp tất cả,

Làm sao được viên thông?

- THẦN THÔNG vốn sẵn đủ,

Chẳng do luyện mới có,

Tác ý không lìa vật,

Làm sao được viên thông?

- Nếu quán theo tánh ĐỊA,

Ngăn ngại chẳng thông suốt,

Hữu vi chẳng phải thánh,

Làm sao được viên thông?

- Nếu quán theo tánh THỦY,

Niệm tưởng chẳng chơn thật,

(6): Trụ thành chấp sở trụ, làm sao được viên thông.

Sự nhiếp tâm thật là khó, trước kia tán loạn chỉ e chẳng trụ, sau được tịch tịnh, lại thành sở trụ của tâm. Trụ và chẳng trụ đều chẳng phải bản thể của vô trụ, nên chẳng được viên thông.

Như như phi giác quán,
 Vân hà hoạch viên thông?
 - Nhược dĩ HỎA tánh quán,
 Yểm hữu phi chơn ly,

Phi sơ tâm phương tiện,
 Vân hà hoạch viên thông?
 - Nhược dĩ PHONG tánh quán,
 Động tịch phi vô đối,
 Đối phi vô thượng giác,
 Vân hà hoạch viên thông?
 - Nhược dĩ KHÔNG tánh quán,
 Hỗn độn tiên phi giác,
 Vô giác dị Bồ Đề,
 Vân hà hoạch viên thông?
 - Nhược dĩ THỨC tánh quán,
 Quán thức phi thường trụ,
 Tồn tâm nãi hư vọng,
 Vân hà hoạch viên thông?
 - Chư hạnh thị vô thường,
 Niệm tánh nguyên sanh diệt,
 Nhân quả kim thù cảm,
 Vân hà hoạch viên thông?
 - Ngã kim bạch Thế Tôn,
 Phật xuất Ta Bà giới,
 Thử phương chơn giáo thể,

Giác quán chẳng như như,
 Làm sao được viên thông?
 - Nếu quán theo tánh HỎA,
 Có chán chẳng phải chơn,
(Chơn giải thoát)

Chẳng thích hợp sơ cơ,
 Làm sao được viên thông?
 - Nếu quán theo tánh PHONG,
 Động tịch là đối đãi,
 Chẳng phải vô thượng giác,
 Làm sao được viên thông?
 - Nếu quán theo tánh KHÔNG
 Ngoan không chẳng phải giác,
 Chẳng giác nghịch Bồ Đề,
 Làm sao được viên thông?
 - Nếu quán theo tánh THỨC,
 Sanh diệt chẳng thường trụ,
 Trăm nhiên vẫn hư vọng,
 Làm sao được viên thông?
 - Các hạnh là vô thường,
 Tánh niệm vốn sanh diệt,
 Nhân với quả khác nhau,
 Làm sao được viên thông?
 - Nay con bạch Thế Tôn,
 Phật hiện cõi Ta Bà,
 Giáo thể ở cõi này,

Thanh tịnh tại âm văn,
 Dục thủ Tam Ma Đề,
 Thiết dĩ VĂN trung nhập,
 Ly khổ đắc giải thoát,
 Lương tai Quán Thế Âm,
 Ư hăng sa kiếp trung,
 Nhập vi trần Phật quốc,
 Đắc đại tự tại lực,
 Vô úy thí chúng sanh,
 Diệu âm Quán Thế Âm,
 Phạm âm hải triều âm,
 Cứu thế tất an ninh,
 Xuất thế hoạch thường trụ.

- Ngã kim khái Như Lai,
 Như Quán Âm sở thuyết,
 Thí như nhân tịnh cư,
 Thập phương cụ kích cổ,
 Thập xứ nhất thời văn,
 Thử tác viên chơn thật.
 - Mục phi quán chướng ngại,
 Khẩu tử diệc phục nhiên,
 Thân dĩ hiệp phương tri,
 Tâm niệm phân vô tự.
 Cách viên thính âm hưởng,
 Hà nhĩ câu khả văn,
 Ngũ căn sở bất tề,

Âm văn trong sạch nhất,
 Muốn đắc Tam Ma Địa,
 Nên từ VĂN mà vào,
 Lìa khổ được giải thoát,
 Lành thay Quán Thế Âm,
 Trải qua hằng sa kiếp,
 Vào vô số cõi Phật,
 Dùng sức đại tự tại,
 Thí chúng sanh vô úy,
 Diệu âm Quán Thế Âm,
 Phạm âm hải triều âm,
 Cứu thế đều an lành,
 Xuất thế được thường trụ.
 - Nay xin bạch Như Lai,
 Theo lời Quán Âm nói,
 Như người đang yên tịnh,
 Mười phương đồng đánh trống,
 Mười chỗ nghe một lượt,
 Là viên thông chơn thật.
 - Mắt chẳng thấu chướng ngại,
 Miệng mũi cũng như thế,
 Thân xúc hợp mới biết,
 Tâm niệm thì lắng vắng.
 Cách tường nghe âm vang,
 Xa gần đều nghe được,
 Ngũ căn chẳng thể bằng,

Thị tắc thông chơn thật.
- Âm thanh tánh động tịnh,
Văn trung vi hữu vô,
Vô thanh hiệu vô văn,
Phi thật văn vô tánh.
Thanh vô ký vô diệt,
Thanh hữu diệt phi sanh.
Sanh diệt nhị viên ly,
Thị tắc thường chơn thật,
Túng linh tại mộng tưởng,
Bất vi bất tư vô,
Giác quán xuất tư duy,
Thân tâm bất năng cập.
Kim tử Ta Bà Quốc,
Thanh luận đắc tuyên minh.
Chúng sanh mê bốn văn,
Tuần thanh cố lưu chuyển,
A Nan túng cường ký,
Bất miễn lạc tà tư.
Khởi phi tùy sở luân,
Triển lưu hoạch vô vọng,
A Nan ngữ đế thính,
Ngã thừa Phật oai lực,
Tuyên thuyết Kim Cang Vương,
Như huyễn bất tư nghi,
Phật mẫu chơn tam muội.

Là viên thông chơn thật.
 - Âm thanh có động tịnh,
 Nơi nghe thành có không,
 Tiếng dứt gọi chẳng nghe,
 Đầu phải dứt tánh nghe.
 Chẳng tiếng nghe chẳng diệt.
 Có tiếng, nghe chẳng sanh.
 Sanh diệt thấy đều lìa,
 Ấy là thường chơn thật,
 Dầu lúc đang nằm mơ,
 Không tưởng nghe vẫn còn,
 Giác quán vượt suy tư,
 Thân tâm chẳng thể đến.
 Nay cõi Ta Bà này,
 Thanh giáo được giảng rõ.
 Chúng sanh mê Bản Văn,
 Đuổi theo tiếng lưu chuyển,
 A Nan dù nhớ hay,
 Chẳng khỏi kẹt tà tưởng.
 Theo vật bị chìm đắm,
 Phản vẫn được lìa vọng,
 A Nan hãy lắng nghe,
 Ta thừa oai thần Phật,
 Khai giảng pháp Kim Cang,
 Chánh định sanh chư Phật,
 Như huyễn bất tư nghi.

- Ngữ văn vi trần Phật,
 Nhất thiết bí mật môn.
 Dục lậu bất tiên trừ,
 Súc văn thành quá ngộ,
 Tương văn tri Phật Phật,
 Hà bất tự văn văn?
 - Văn phi tự nhiên sanh,
 Nhân thanh hữu danh tự,
 Triển văn dữ thanh thoát,
 Năng thoát dục thù danh?
 - Nhất căn ký phản nguyên,
 Lục căn thành giải thoát,
 Kiến văn như huyền ế,
 Tam giới nhược không hoa.
 Văn phục ế căn trừ,
 Trần tiêu giác viên tịnh,
 Tịnh cực quang thông đạt,
 Tịch chiếu hàm hư không.
 Khước lai quán thế gian,
 Do như mộng trung sự.
 Ma Đăng Già tại mộng,
 Thù năng lưu nhữ hình!
 - Như thế xảo huyền sư,
 Huyền tác chư nam nữ,
 Tuy kiến chư căn động,
 Yếu dĩ nhất cơ trừu.

- Người nghe vô số Phật,
 Tất cả pháp bí mật.
 Nếu chẳng trừ dục lậu,
 Chấp nghe thành lỗi lầm,
 Dùng nghe, chấp lời Phật,
 Đâu bằng nghe bản văn?
 - Nghe chẳng tự nhiên sanh,
 Do tiếng có tên “Nghe”,
 Xoay nghe thoát khỏi tiếng,
 Đặt tên “Nghe” cho ai?
 - Nhất căn trở về cội,
 Lục căn thành giải thoát,
 Kiến văn như bệnh nhăm,
 Tam giới như hoa đốm.
 Phản văn bệnh nhăm trừ,
 Trần tiêu, giác trong sạch,
 Cực trong sáng thông suốt,
 Chiếu soi khắp hư không.
 Trở lại xem thế gian,
 Đều như việc trong mộng.
 Ma Đăng Già trong mộng,
 Sao nhiếp được thân người!
 - Như người khéo huyền thuật,
 Làm ra hình nam nữ,
 Dù thấy lục căn động,
 Do sợi dây điều khiển.

Tức cơ quy tịch nhiên,
Chư huyền thành vô tánh.
Lục căn diệt như thị,
Nguyên y nhất tinh minh,
Phân thành lục hòa hiệp,
Nhất xứ thành hựu phục.
Lục dụng giai bất thành.
Trần cấu ứng niệm tiêu,
Thành viên minh tịnh diệu.
Dư trần thượng chư học,
Minh cực tức Như Lai.
- Đại chúng cập A Nan,
Triển nữ đảo văn cơ.

Vì huyền vốn chẳng tánh,
 Dây ngưng thành vắng lặng.
 Lục căn cũng như vậy,
 Dựa nhất tâm sáng tỏ,
 Chia thành lục hòa hợp,
 Nhất căn đã về cội.
 Lục dụng đều chẳng thành.
 Trần cấu ngay đó tiêu,
 Thành sáng tỏ trong sạch.
 Ngôi học còn dính bụi,⁽⁷⁾
 Cực sáng tức Như Lai.
 - Đại chúng và A Nan,
 Xoay cái văn điên đảo.

(7): Ngôi học còn dính bụi, cực sáng tức Như Lai:

Theo Hoa Nghiêm Hợp Luận: Sơ tâm Bồ Tát vì lòng tin Chơn Như vững chắc, được thấy biết ít phần của thân Như Lai chẳng đoạn diệt, chẳng khứ lai, nhưng Bồ Tát này còn chưa thể lìa sự phân biệt vi tế, nên chỉ thấy thô dụng, chưa được vào ngôi pháp thân.

Tịnh tâm Bồ Tát còn thấy vi tế dụng, như thế dần dần tiến lên, cho đến bậc Bồ Tát cứu cánh, mới hết thấy vi tế dụng, gọi là thân thọ dụng.

Vì có nghiệp thức, mới có tâm thấy thọ dụng, nếu lìa nghiệp thức thì chẳng thể thấy. Tại sao? Vì tất cả Như Lai đều là pháp thân; Pháp thân chẳng có sắc tướng sai biệt để thấy nhau, nên chẳng thể thấy.

Tại sao hết thấy vi tế dụng, gọi là thân thọ dụng? Vì còn có thân thọ dụng để biết sự “Hết thấy”, vẫn là tướng vi tế của nghiệp thức. Các bậc hữu học và vô học còn dính mắc tướng vi tế này, như gương dính bụi, nên nói “Ngôi học còn dính bụi”.

Nếu nghiệp thức vi tế đã sạch, chẳng thấy có sự thọ dụng, gọi là pháp thân Như Lai. Vậy bụi sạch gương sáng tỏ, nên nói “Cực sáng tức Như Lai”.

Phản văn văn tự tánh,
Tánh thành vô thượng đạo,
Viên thông thật như thị.
- Thử thị vi trần Phật,
Nhất lộ Niết Bàn môn.
Quá khứ chư Như Lai,
Tư môn dĩ thành tựu,
Hiện tại chư Bồ Tát.
Kim các nhập viên minh,
Vị lai tu học nhân,
Đương y như thị pháp.
Ngã diệt tòng trung chứng,
Phi duy Quán Thế Âm,
- Thành như Phật Thế Tôn,
Tuân ngã chư phương tiện,
Dĩ cứu chư mạng kiếp,
Cầu xuất thế gian nhân,
Thành tựu Niết Bàn tâm,

Phản văn bản tánh văn,⁽⁸⁾
 Mới thành vô thượng đạo,
 Viên thông thật như thế.
 - Đây là vô số Phật,
 Một cửa vào Niết Bàn.
 Quá khứ chư Như Lai,
 Do cửa này thành tựu,
 Hiện tại chư Bồ Tát.
 Mỗi mỗi vào diệu minh,
 Người tu học vị lai,
 Nên y theo pháp này.
 Chẳng những Quán Thế Âm,
 Ta chứng cũng cửa này,
 - Đúng như lời Thế Tôn,
 Hỏi về các phương tiện,
 Để cứu độ mạng kiếp,
 Người cầu pháp xuất thế,
 Thành tựu tâm Niết Bàn,

(8): Phản văn bản tánh văn:

Nếu chấp cái nghe là thật, thì không nghe ngoài phải nghe trong, không nghe động phải nghe tịnh. Nghe trong, ngoài, động, tịnh, đều là bỏ gốc theo ngọn, nên gọi là cái nghe điên đảo. Xoay cái nghe điên đảo này về chánh, chánh thì chẳng có năng văn, sở văn, vậy mới gọi là BẢN VĂN, cũng là BẢN TÁNH VĂN; Nghịch cảnh trần, hợp giác tánh, nên gọi là chánh. Đã trở về Bản Tánh Văn, tức thấy Bản Lai Diện Mục, cũng là tánh Văn này, liền thành vô thượng Bồ Đề.

Quán Thế Âm vi tối.

- Tự dư chư phương tiện,
Giai thị Phật oai thần,
Tức sự xả trần lao,
Phi thị thường tu học,
Thiểu thâm đồng thuyết pháp.

- Đánh lễ Như Lai tạng.
Vô lậu bất tư nghi,
Nguyện gia bị vị lai,
Ư thử môn vô hoặc,
Phương tiện dị thành tựu,
Khâm dĩ giáo A Nan,
Cấp mật kiếp trầm luân,
Đản dĩ thử căn tu,
Viên thông siêu dư giả,
Chơn thật tâm như thị.

Quán Thế Âm hơn cả.

- Ngoài ra phương tiện khác,
Đều là oai thần Phật,
Sâu cạn tùy cơ thuyết,
Khiến xả bỏ trần lao.
Chẳng phải lối tu chánh.

- Đánh lễ Như Lai tạng,
Vô lậu bất tư nghi,
Nguyện giúp đỡ đời sau,
Chẳng lầm nơi cửa này,
Phương tiện để thành tựu,
Để dạy cho A Nan,
Và chúng sanh mật kiếp,
Cứ theo căn này tu,
Viên thông hơn pháp khác,
Thế là tâm chơn thật.

A Nan cùng đại chúng được khai thị lớn, thân tâm sáng suốt, rõ biết đạo Bồ Đề và Đại Niết Bàn, cũng như có người đi xa, dù chưa được trở về, nhưng đã biết rõ con đường về nhà. Đại chúng trong hội với Thiên Long Bát Bộ, hàng nhị thừa hữu học và tất cả Bồ Tát mới phát tâm, gấp mười lần hằng sa, đều nhận được Bản Tâm, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn trong sạch. Tánh Tỳ Kheo Ni nghe bài kệ xong, liền đắc quả A La Hán, vô số chúng sanh đều phát tâm Vô Đẳng Đẳng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

A Nan ở trong chúng sửa áo chỉnh tề, chấp tay đánh lễ, nơi tâm sáng tỏ, lòng bi hoan hỷ. Vì muốn lợi ích cho chúng sanh vị lai, cúi đầu bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nay con đã ngộ pháp môn thành Phật, theo đó tu hành, chẳng còn nghi hoặc. Con thường nghe Như Lai nói: Tự mình chưa độ mà độ người khác trước, ấy là chỗ phát tâm của Bồ Tát; Tự Giác đã trọn, hay giác ngộ người khác, ấy là sự độ thế của Như Lai. Con dù chưa được độ, nhưng nguyện độ tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp. Thế Tôn, những chúng sanh này cách Phật ngày càng xa, bọn tà sư thuyết pháp như hằng sa, muốn nhiếp tâm họ nhập Tam Ma Địa, thì nên khiến họ dựng lập đạo tràng như thế nào để xa lìa các ma sự, được chẳng lui sụt nơi tâm Bồ Đề?

Bấy giờ, Thế Tôn ở trong chúng khen ngợi A Nan:

- Lành thay! Lành thay! Như Người hỏi về pháp an lập đạo tràng, cứu giúp chúng sanh chìm đắm trong đời mạt pháp, Người hãy lắng nghe, Ta sẽ vì Người mà nói.

A Nan và đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.

Phật bảo A Nan: Người thường nghe Ta khai giảng ba nghĩa quyết định của sự tu hành trong Luật Tạng, ấy là: Nhiếp tâm thành giới, từ giới sanh định, từ định phát huệ, gọi là ba vô lậu học.

- A Nan! Làm sao nhiếp tâm gọi là Giới?

- Nếu chúng sanh lục đạo trong thế giới, tâm chẳng dâm dục, thì chẳng theo dòng sanh tử tương tục.

- Người tu chánh định, cốt để ra khỏi trần lao, nếu tâm dâm dục chẳng trừ thì chẳng thể ra khỏi, dầu cho có nhiều trí huệ thiên định hiện tiền, nếu chẳng đoạn dâm, ắt phải lạc vào ma đạo, hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng dưới thành ma nữ. Bọn ma kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng đã thành đạo vô thượng, sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt pháp, bọn ma dân này sôi nổi trên thế gian, thịnh hành tham dâm, tự xưng là Thiện tri thức, khiến chúng sanh sa vào hầm ái kiến, lạc mất đạo Bồ Đề.

- Người dạy người đời tu Tam Ma Địa, trước nhất phải dứt dâm dục, ấy là lời dạy bảo rõ ràng trong sạch, gọi là nghĩa quyết định thứ nhất của chư Phật.

- A Nan! Nếu chẳng dứt dâm dục mà tu thiên định, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dù trải qua trăm ngàn kiếp, cũng chỉ là cát nóng. Tại sao? Vì cát vốn chẳng phải là cơm vậy. Nếu lấy thân dâm mà cầu diệu quả của Phật, dầu được khai ngộ cũng chỉ là gốc dâm; Cội gốc đã thành dâm thì phải trôi lăn trong tam ác đạo, chẳng thể thoát khỏi, vậy làm sao có thể tu chứng đạo Niết Bàn! Ắt phải khiến thân tâm đều dứt hết sự dâm, cả cái dứt cũng chẳng có, thì mới có thể hy vọng chứng quả Bồ Đề.

- Như lời Ta thuyết gọi là Phật thuyết, chẳng thuyết như thế là tà ma thuyết.

- A Nan! Lại chúng sanh lục đạo trong thế giới, nếu tâm chẳng sát hại thì chẳng theo dòng sanh tử tương tục.

- Người tu chánh định, cốt để ra khỏi trần lao, nếu tâm sát hại chẳng trừ, thì chẳng thể ra khỏi, dẫu có nhiều trí huệ thiền định hiện tiền, mà chẳng dứt sát hại, ắt phải lạc vào đạo quỷ thần. Hạng trên thành đại lực quỷ, hạng giữa thành phi hành dạ xoa và các loại quỷ soái, hạng dưới thành địa hành la sát. Các loài quỷ thần kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng đã thành đạo vô thượng, sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt pháp, loại quỷ thần này sôi nổi trên thế gian, tự nói ăn thịt cũng được đạo Bồ Đề.

- A Nan! Sở dĩ Ta tạm cho hàng Tỳ Kheo ăn Ngũ Tịnh Nhục, việc này đều do thần lực của Ta hóa thành, vốn chẳng có sinh mạng. Vì xứ Bà La Môn đất đai phần nhiều ẩm ướt, lại thêm cát đá, rau cỏ chẳng sanh, nên Ta dùng sức đại bi tạm thời hóa ra, giả danh là thịt, cho các người được ăn. Nhưng tiếc thay, sau khi Như Lai diệt độ, người mang tên Phật tử lại ăn thịt chúng sanh!

- Các Người nên biết, những người ăn thịt, dù được khai ngộ tựa như Tam Ma Địa, nhưng đều là giống La Sát, khi hết phước báu, ắt phải chìm đắm trong biển khổ, chẳng phải đệ tử Phật. Những người như thế, giết nhau nuốt nhau, ăn nhau không thôi, làm sao được ra khỏi luân hồi!

- Người dạy người đời tu Tam Ma Địa, phải dứt trừ sát sanh, ấy là lời dạy rõ ràng trong sạch, gọi là nghĩa quyết định thứ hai của chư Phật!

- A Nan! Nếu chẳng dứt sát hại mà tu thiên định, cũng như có người tự bịt lỗ tai, lớn tiếng kêu to mà mong người khác chẳng nghe, bọn này gọi là muốn giấu mà càng lộ. Hàng Tỳ Kheo trong sạch và chư Bồ Tát, đi trong đường tẻ còn chẳng dẫm trên cỏ, huống là nhỏ cỏ. Làm sao người có lòng đại bi lại ăn thịt chúng sanh?

- Nếu Tỳ Kheo chẳng mặc tơ lụa, chẳng mang giày dép da cừu, chẳng ăn những tô lạc đề hồ... thuộc bộ phận thân thể của chúng sanh, thì Tỳ Kheo này nơi thế gian gọi là chơn giải thoát, khi nợ xưa trả sạch thì chẳng sanh vào tam giới. Tại sao? Vì dùng những bộ phận thân thể của chúng sanh để ăn mặc, thì phải trả nợ chúng sanh. Như người ăn lúa thóc từ đất mọc thì chân chẳng lìa đất. Cũng vậy, người mà đối với thân thể của chúng sanh đều chẳng ăn chẳng mặc, Ta nói người này là chơn giải thoát.

- Như lời Ta thuyết, gọi là Phật thuyết chẳng thuyết như thế tức là ma thuyết.

- A Nan! Lại như chúng sanh lục đạo trong thế giới, tâm chẳng trộm cắp thì chẳng theo dòng sanh tử tương tục.

- Người tu chánh định, cốt ra khỏi trần lao, nếu tâm trộm cắp chẳng trừ thì chẳng thể ra khỏi, dầu có nhiều trí thiền định hiện tiền, mà chẳng dứt tâm trộm cắp, ắt phải lạc vào tà đạo. Hạng trên thành tinh linh, hạng giữa thành yêu mị, hạng dưới thành kẻ tà. Bọn tà đạo kia cũng có đồ chúng mỗi mỗi tự xưng đã thành đạo vô thượng. Sau khi Ta diệt độ, trong đời mạt pháp, bọn tà ma kia sôi nổi trong thế gian, che giấu sự gian dối, tự xưng là thiện tri thức, đã được pháp Thượng Nhân, lừa gạt kẻ không biết, khiến lạc mất Bản Tâm. Hễ họ đến chỗ nào thì người chỗ đó gia tài bị tiêu tan.

- Ta dạy các Tỳ Kheo tùy nghi khát thực, xả bỏ lòng tham, mới thành đạo Bồ Đề. Các Tỳ Kheo chẳng tự nấu ăn, huyền thân tạm gởi nơi tam giới, thị hiện một đời sanh tử, đi rồi chẳng về (*Giải thoát sanh tử thì ra khỏi luân hồi, chẳng về tam giới*). Tại sao bọn giặc mặc áo đạo Phật, giả mạo Tỳ Kheo buôn bán Như Lai, tạo đủ thứ nghiệp đều nói là Phật pháp! Kỳ thật, họ chẳng phải người chánh thức xuất gia, có thọ giới Tỳ Kheo của đạo Tiểu Thừa. Do vậy, khiến vô số chúng sanh mắc phải nghi lầm, đọa địa ngục A Tỳ.

- Sau khi Ta diệt độ, nếu có Tỳ Kheo phát tâm quyết định tu Tam Ma Địa, ở trước hình tượng Phật đốt một lông tay hay đốt một liều trên thân, Ta nói người ấy, những nợ xưa từ vô thủy đều sẽ được nhất thời

trả hết, từ già thế gian, thoát hẳn phiền não, dù chưa được ngộ đạo vô thượng, nhưng đối với Phật pháp đã có lòng tin quyết định. Nếu chẳng làm cái nhân xả thân nhỏ mọn này, thì dẫu thành vô vi, ắt phải còn sanh cõi người, trả các nợ xưa, như quả báo Mã Mạch của ta chẳng có sai khác (*Mã Mạch: Lúa mì để cho ngựa ăn*).

LƯỢC GIẢI

Kinh Hưng Khởi Hành nói: Vua nước Tùy La Nhiên thỉnh Phật và 500 vị Tỳ Kheo về nước kiết hạ, vua đích thân cúng dường vừa được sáu ngày thì bị thiên ma mê hoặc, khiến trở về cung vua chìm đắm ngũ dục, quên sự cúng dường. Các Tỳ Kheo phải đi khát thực, mà liên tiếp ba ngày đều chẳng khát được món ăn nào cả.

Lúc đó, có người nuôi ngựa nói với các Tỳ Kheo rằng: “Nay con có mã mạch, quý Thầy ăn được chăng? Nếu ăn được thì con sẽ cúng dường”. Từ đó ăn mã mạch cho đến mãn hạ.

Phật bảo: “Trong quá khứ đời Phật Tỳ Bà Diếp, Ta làm Bà La Môn, thông đạt Tứ Vệ Đà Kinh, có dạy 500 đồng tử trên núi Phạn Chí. Khi ấy, vua thiết hội cúng dường Phật Tỳ Bà Diếp, có một Tỳ Kheo mắc bệnh chẳng đi được. Phật và đại chúng ăn xong, rồi thỉnh thực cho Tỳ Kheo mắc bệnh. Khi đi ngang núi Phạn Chí, Bà La Môn ấy ngửi được mùi cơm rất thơm, nói rằng: “Bọn Sa Môn trọc đầu nên ăn mã mạch, chẳng nên ăn cơm này”.

Các đồng tử cũng nói: “Bọn thầy trò này phải ăn mã mạch mới đúng!”.

Bà La Môn thuở đó tức là Ta, 500 đồng tử tức 500 Tỳ Kheo theo Ta kiết hạ đây; Tỳ Kheo mắc bệnh tức là Di Lặc. Do nhân duyên này, vào địa ngục trải qua vô số kiếp, nay dù đã đắc đạo, vẫn còn phải chịu quả báo, ăn mã mạch ba tháng.

Theo nhân quả kể trên, Phật đã từng xả máu thịt cho điều hâu ăn, xả thân mạng cho cạp ăn, mà còn phải chịu quả báo mã mạch. Vậy đâu thể do đốt tay và đốt liều trên thân mà trả hết nợ xưa từ vô thủy được!

Sự đốt tay, đốt liều là để tăng cường lòng chánh tín, quên thân vì đạo. Cần phải quên thân hành đạo, cuối cùng mới tự nhiên trả hết nợ xưa, trọn thành Phật Đạo.

- Người dạy người đời tu Tam Ma Địa, phải dứt tâm trộm cắp, ấy là lời dạy rõ ràng trong sạch, gọi là nghĩa quyết định thứ ba của chư Phật.

- A Nan! Nếu chẳng dứt tâm trộm cắp, mà tu Thiên Định, cũng như người lấy nước rót vào bình chảy, mong cho đầy bình, dù trải qua vô số kiếp, cũng không thể đầy.

- Nếu hàng Tỳ Kheo ngoài y bát ra, mảy may không tích trữ, xin ăn có dư, bố thí cho kẻ đói, giữa nơi nhóm họp, chấp tay đánh lễ chúng, có người đánh mắng, đồng như khen ngợi, quyết định xả bỏ thân tâm, với tất cả chúng sanh cộng chung một da thịt xương máu. Chẳng lấy thuyết bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ hiểu của mình, rồi dạy lầm mà hại cho kẻ sơ học, thì Phật ấn chứng người ấy được chơn tam muội.

- Như lời Ta thuyết gọi là Phật thuyết, chẳng thuyết như thế tức là ma thuyết.

- A Nan! Chúng sanh lục đạo trên thế giới, dù nơi thân tâm chẳng còn SÁT, ĐẠO, DÂM, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì với Tam Ma Địa chẳng được trong sạch, thành giống ma ái kiến, lạc mất giống Phật. Chưa đắc quả nói đã đắc, chưa chứng ngộ nói đã chứng; Như bảo người khác rằng: Nay tôi đã được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, cho đến Bồ Tát Thập Địa; Hoặc vì cầu sự thù thắng bậc nhất nơi thế gian, hoặc vì tham sự cúng dường, bảo hộ lễ sám. Bọn Nhất Xiển Đề này tiêu diệt giống Phật, như người lấy dao chặt cây Đa La (*Cây này hề gãy thì chẳng sống được nữa*), Phật thọ ký người ấy mất hẳn thiện căn, chẳng có Chánh kiến, chìm đắm trong tam ác đạo, chẳng thể thành tựu chánh định.

- Ta phó chúc các Bồ Tát và A La Hán, sau khi Ta diệt độ, nên ứng thân trong thời mạt pháp, hiện đủ thứ hình tướng, cứu độ chúng sanh bị luân chuyển. Hoặc làm Sa Môn, Bạch Y Cư Sĩ, vua, chúa, quan lại, đồng nam, đồng nữ, như thế cho đến người dân nữ, quả phụ, kẻ gian dối, trộm cắp, đồ tể v.v... cộng sự với họ, khen ngợi Phật Thừa, khiến thân tâm họ được vào Tam Ma Địa. Trọn chẳng tự nói ta là Chơn Bồ Tát, chơn A La Hán, tiết lộ mật nhân của Phật để khinh kẻ hậu học, chỉ trừ đến khi lâm chung, cần có sự phó chúc cho người nối pháp làm sao người ấy lại mê hoặc chúng sanh, tự tạo tội, thành đại vọng ngữ, để vào ngục A Tỳ!

- Người dạy người đời tu Tam Ma Địa, sau cùng phải dứt trừ đại vọng ngữ, ấy là lời dạy rõ ràng trong sạch, gọi là nghĩa quyết định thứ tư của chư Phật.

- A Nan! Nếu chẳng dứt đại vọng ngữ, cũng như lấy phấn người khắc hình cây Chiên Đàn, muốn được mùi thơm thì chẳng có chỗ đứng.

- Ta dạy Tỳ Kheo TRỰC TÂM là đạo tràng, tất cả hạnh nơi tứ oai nghi còn chẳng giả dối, làm sao lại tự xưng đã được pháp Thượng Nhân, ví như người nghèo vọng xưng là vua chỉ tự cầu tội chém, hướng là trộm cắp danh hiệu của Pháp Vương!

- Cần phải biết, nhân địa chẳng chơn thì chiêu quả quanh co, nếu như thế mà cầu đạo Bồ Đề, cũng như người muốn tự cắn rốn mình, đâu thể thành tựu!

- Nếu các Tỳ Kheo, tâm ngay thẳng như dây đàn, tất cả chơn thật, vào Tam Ma Địa, hẳn không kẹt ma sự, Ta ấn chứng người ấy thành tựu Bồ Tát vô thượng tri giác.

Như lời Ta thuyết gọi là Phật thuyết, chẳng thuyết như thế tức tà ma thuyết.

HẾT QUYỂN SÁU

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN BẢY

A Nan! Người hỏi cách nhiếp tâm, trước Ta đã nói về pháp môn vi diệu, tu tập Tam Ma Địa. Người cầu đạo Bồ Đề trước tiên phải giữ bốn thứ luật nghi kể trên, trong sáng như băng tuyết để làm căn bản, tự nhiên chẳng sanh tất cả nhánh lá; Nhờ đó, ba ý nghiệp và bốn khẩu nghiệp ắt chẳng có nhân để sanh khởi. A Nan, nếu giữ kỹ bốn giới chẳng bỏ sót, tâm còn chẳng duyên theo Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, thì tất cả ma sự làm sao còn sanh khởi được?

- Nếu có tập khí xưa chẳng thể diệt trừ, người dạy người ấy nhất tâm tụng trì “*Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát Đa (Thuần trắng chẳng ô nhiễm) Vô Thượng Thân Chú*” của Ta, ấy là cái tâm chú do Vô Kiến Đảnh Tướng Như Lai, từ nơi đánh dấu hiện ra Vô Vi Tâm Phật, ngồi trên bửu liên hoa mà thuyết.

- Người và Ma Đăng Già, do tập khí ân ái từ nhiều kiếp, Ta vừa tuyên thuyết thần chú, liền khiến Ma Đăng Già thoát hẳn lòng yêu, đặc quả A La Hán.

Nàng kia là dân nữ, chẳng có tâm tu hành, nhờ thần lực thăm giúp, được mau chứng vô học, huống là hàng Thanh Văn các người trong hội, cầu tối Thượng Thừa, nhất định thành Phật, cũng như bụi bay theo chiều gió, đâu có ngăn ngại gì?

- Nếu người đời mạt pháp muốn ngồi đạo tràng, trước tiên phải giữ giới cấm trong sạch của Tỳ Kheo, cần phải lựa chọn vị Sa Môn giữ giới trong sạch bậc nhất để làm thầy mình, nếu chẳng gặp vị tăng thật trong sạch, thì giới luật của người ấy ắt chẳng thành tựu.

- Khi giới đã thành tựu, nên mặc y áo sạch sẽ, đốt hương an cư, tụng 108 biến thần chú do tâm Phật sở thuyết, rồi kết giới dựng lập đạo tràng, cầu xin Vô Thượng Như Lai hiện ở các quốc độ mười phương, phóng hào quang đại bi đến chiếu soi đánh dấu mình.

- A Nan! Trong đời mạt pháp, những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Bạch Y, đàn việt, tâm diệt tham dâm, giữ giới trong sạch, phát nguyện Bồ Tát, khi ra vào nơi đạo tràng, đều tắm rửa sạch sẽ, sáu thời hành đạo chẳng ngủ, đến 21 ngày, Ta tự hiện thân trước người ấy, xoa đánh an ủi, khiến được khai ngộ.

A Nan bạch Phật:

- Con nhờ lời từ bi dạy bảo vô thượng của Như Lai, tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành đạo vô học. Nhưng người tu hành đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, cần kết giới thế nào, cho hợp với quy tắc trong sạch của chư Phật?

Phật bảo A Nan:

- Nếu người đời mật pháp muốn lập đạo tràng, trước tiên phải lấy phân nhuyễn mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn, hòa với đất vàng và mười thứ thảo mộc thơm như Chiên Đàn, trầm hương v.v... để làm nền đạo tràng; Nơi đất bằng đào sâu 5 thước, xây đàn hình bát giác, chu vi rộng 16 thước, chính giữa đàn chưng một hoa sen bằng kim loại trong hoa sen để một bát đựng nước sương mù tháng tám, trong nước để nhiều lá sen; Chung quanh bát sen đặt 8 cái gương tròn nơi 8 góc, bên ngoài gương đựng 16 bông sen, xen với 16 lư hương, trong lư đốt bột trầm hương và dùng các thứ đồ ăn quý làm bánh sữa, đựng 16 chén để cúng dường chư Phật và Đại Bồ Tát. Trước đàn để một lư than nhỏ, đến mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm, dùng mật ong và tô lạc đổ vào lư than, đốt lên cúng dường Phật Bồ Tát.

- Bốn phía bên ngoài treo phướn hoa, bốn vách trong đàn treo hình tượng của Chư Phật Bồ Tát, hai bên cửa treo tượng Hộ Pháp Long Thiên, lại lấy 8 cái gương treo trên hư không, chiếu thẳng vào 8 gương tròn trong đàn, khiến thành hình bóng nhiều lớp xen nhau, trùng trùng vô tận.

- Trong thất đầu, chí thành đánh lễ chư Phật Đại Bồ Tát và A La Hán, sáu thời nhiều đàn tụng chú, chí tâm hành đạo; Thất thứ hai, chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát chẳng gián đoạn; Thất thứ ba, mười hai thời

luôn luôn trì chú, đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai cùng hiện trong ánh sáng gương, được Phật xoa đầu, liền nơi đạo tràng vào Tam Ma Địa. Người đời mật pháp tu học như thế, thì được thân tâm sáng tỏ, trong sạch như lưu ly.

- A Nan! Nếu bốn sư truyền giới của Tỳ Kheo này và mười Tỳ Kheo đồng tu trong đàn, trong đó có một người giữ giới chẳng được trong sạch, thì đạo tràng này chẳng thể thành tựu.

- Sau thất thứ ba, tĩnh tọa an cư trải qua 100 ngày, nếu người lợi căn, có thể ngay đó chứng sơ quả, dầu cho thân tâm chưa thành chánh quả, nhưng được tự biết nhất định sẽ thành Phật chẳng sai. Người hỏi cách kiến lập đạo tràng là như thế.

A Nan đành lễ chân Phật và bạch rằng:

- Từ khi xuất gia, con ý lại nơi lòng thương của Phật, ham cầu đa văn, chưa chứng quả vô vi, nên bị kẹt vào tà thuật của Phạm Thiên, tâm dù rõ ràng, nhưng sức chẳng tự do, nhờ gặp Văn Thù, khiến con được giải thoát. Dù thâm nhờ sức thần chú của Như Lai, nhưng con chưa nghe chú ấy, xin nguyện Đức Thế Tôn Đại Từ tuyên thuyết lại cho, thương xót cứu giúp các hàng tu hành trong hội này và những người đời sau còn trong luân hồi, nhờ mật âm của Phật mà thân tâm được giải thoát.

Bấy giờ, đại chúng trong hội thảy đều đánh lễ, chờ nghe thần chú bí mật của Phật.

Khi ấy, Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng ra trăm thứ hào quang, trong hào quang hiện ra bửu liên hoa ngàn cánh có hóa thân Phật ngồi trong liên hoa, trên đánh phóng ra mười tia ánh sáng, trong mỗi tia đều hiện ra mười hàng sa Hộ Pháp Kim Cang, đội núi, cầm chày, khắp cõi hư không. Đại chúng ngó thấy đều kính mến, cầu Phật gia hộ, một lòng nghe Phóng Quang Như Lai nơi Vô Kiến Đảnh Tướng của Phật tuyên thuyết thần chú:

CHÚ LĂNG NGHIÊM (Lược qua)

- A Nan! Những câu vi diệu, bí mật của “*Phật Đảnh Quang Tụ, thuần trắng chẳng ô nhiễm*” này, sanh ra tất cả chư Phật:

- Mười phương Như Lai do tâm chú này, được thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.

- Mười phương Như Lai trì tâm chú này, uốn dẹp tà ma, chế phục ngoại đạo.

- Mười phương Như Lai vận tâm chú này, ngồi bửu liên hoa, ứng hiện trong vô số quốc độ.

- Mười phương Như Lai dùng tâm chú này, nơi vô số quốc độ, chuyển đại pháp luân.

- Mười phương Như Lai trì tâm chú này, hay ở nơi mười phương xoa đánh thọ ký cho hàng Bồ Tát, Thanh Văn, cho đến người chưa chứng quả vị.

- Mười phương Như Lai nương tâm chú này, hay ở nơi mười phương cứu vớt các khổ như: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đui, điếc, ngọng, câm và bát khổ, những tai nạn lớn nhỏ đồng thời được giải thoát; Các nạn: Giặc, binh, vua, ngục, bão, lụt, lửa, nước cho đến đói khát nghèo nàn, ngay đó tiêu tan.

- Mười phương Như Lai tùy theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương phụng sự thiện tri thức, trong tứ oai nghi được cúng dường như ý; Nơi pháp hội của hằng sa Như Lai, được suy tôn là Đại Pháp Vương Tử.

- Mười phương Như Lai hành theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương nhiếp thọ người có nhân duyên, khiến hàng Tiểu Thừa nghe tạng bí mật, chẳng sanh kinh sợ.

- Mười phương Như Lai tụng tâm chú này, thành Vô Thượng Giác, ngồi dưới cây Bồ Đề vào Đại Niết Bàn.

- Mười phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ, phó chúc Phật Pháp, trụ trì cứu cánh, nghiêm tịnh giới luật, thấy đều trong sạch.

- Như Ta thuyết chú “*Phật Đảnh Quang tự chẳng ô nhiễm*” này, từ sáng đến tối chẳng dứt tiếng, trong đó những chữ và câu cũng chẳng trùng điệp, nếu từ đây ngộ nhập, mới biết tất cả hữu tình vô tình cũng thường thuyết chú này, nên gọi “*Đảnh Như Lai*” vậy.

- Hàng hữu học các Người chưa ra khỏi luân hồi phát tâm chí thành tu chứng quả A La Hán, nếu chẳng trì chú này mà ngồi đạo tràng, muốn khiến thân tâm xa lìa các ma sự thì chẳng có chỗ đúng.

- A Nan! Nếu có chúng sanh trong các thế giới, tùy theo vật dụng trong đất nước, hoặc lá, giấy, vải trắng để biên chép chú này, đựng trong túi nhỏ, nếu người ấy ngu muội chẳng thể tụng nhớ thì đeo trên mình, hoặc để trong nhà, nên biết người ấy trọn đời chẳng bị các thứ độc hại.

- A Nan! Nay Ta vì Người thuyết chú này, cứu giúp thế gian được đại vô úy, thành tựu trí xuất thế gian cho chúng sanh.

- Sau khi Ta diệt độ, chúng sanh trong đời mạt pháp, có người biết tự trì tụng, hoặc dạy người khác trì tụng chú này, nên biết những chúng sanh trì tụng như thế, lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể chìm, độc chẳng thể hại, cho đến tất cả ác chú của các Thiên Long, quỷ thần, yêu tinh, ma mị đều chẳng thể dính mắc, tâm được chánh thọ, tất cả bùa chú, yểm cổ, kim ngân độc dược, cỏ, cây, sâu, rắn, độc khí muôn loài, vào miệng người ấy đều thành cam lồ. Tất cả ác tinh, quỷ thần, dù có độc tâm hại người, đối với người ấy cũng chẳng thể khởi ác; Các ác quỷ vương Tần Na, Dạ Ca (*Đầu heo mũi voi*) cùng các quyền thuộc, đều thọ ơn Phật, thường gia hộ người ấy.

- A Nan nên biết! Chú này thường có tám vạn bốn ngàn vô số chủng tộc Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương, mỗi mỗi đều có quyền thuộc, ngày đêm hộ vệ. Giả sử có chúng sanh nơi tâm tán loạn, chẳng thể vào Tam Ma Địa, miệng niệm tâm trì, thì các vị Kim Cang Vương thường theo ủng hộ thiện nam tử ấy, hướng là người có tâm quyết định vào Đạo Bồ Đề, các vị Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương này, khiến người ấy phát ra thần thức, thân tâm tinh tấn, ngay đó được nhớ lại những việc từ tám vạn bốn ngàn hằng sa kiếp đến nay, đều rõ ràng chẳng có nghi hoặc. Từ kiếp thứ nhất cho đến thân cuối cùng, đời đời chẳng sanh vào các loài Dục Xoa, La Sát, quỷ bệnh tật, quỷ thú, quỷ yểm mị, quỷ hút tinh khí, cùng các loài ngạ quỷ có hình vô hình, có tướng vô tướng, và những xứ ác độc.

- Thiện tri thức ấy, hoặc đọc tụng, biên chép, hoặc đeo giữ và cúng dường tâm chú này thì kiếp kiếp chẳng sanh vào những nơi nghèo nàn hèn hạ và chỗ chẳng an lành.

- Các chúng sanh này, dẫu cho tự thân chẳng làm phước nghiệp, mười phương Như Lai cũng ban công đức cho họ, do đó được trong vô số kiếp thường với chư Phật đồng sanh một chỗ, vô lượng công đức như chùm quả ác xoa, đồng một chỗ huân tu, trọn chẳng chia cách. Cho nên, Tâm chú này hay khiến người đã phá giới được giới căn trong sạch, người chưa đắc giới khiến cho đắc giới, người chẳng tinh tấn, chẳng trí huệ, chẳng trong sạch, chẳng trai giới, thấy đều thành tựu.

- A Nan! Thiện nam tử ấy, giả sử trước kia có phạm giới cấm, thì sau khi trì chú, các tội phá giới chẳng kể nặng nhẹ, đều được tiêu diệt, dù đã uống rượu, ăn ngũ tân, và các thứ bất tịnh, tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cang, Thiên Tiên, quỷ thần, chẳng cho là có lỗi; Dù mặc y áo rách rưới, khi đi khi đứng, đồng như trong sạch; Dù chẳng lập đàn, chẳng vào đạo tràng, cũng chẳng hành đạo, mà trì tụng chú này, với công đức vào đàn, hành đạo, chẳng có sai khác.

- Nếu trước kia tạo các tội nặng ngũ nghịch, vô gián, những tội Tứ khí, Bát khí của Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni (*Bằng như tử hình của người đời*), thì khi tụng chú này rồi, cũng như gió mạnh thổi tan đông cát, những nghiệp nặng như vậy đều trừ sạch, chẳng còn mây may.

- A Nan! Nếu có chúng sanh từ vô số kiếp đến nay, có tất cả những tội chướng nặng nhẹ, tuy trong các đời trước chưa kịp sám hối, nay nếu biết đọc tụng, biên chép chú này, giữ đeo trên mình hay để nơi chỗ ở, thì những nghiệp tích chứa từ trước, đều tiêu như nước sôi làm tan băng tuyết, chẳng bao lâu sẽ được vô sanh nhĩn.

- Lại nữa A Nan! Nếu có người đàn bà chưa có con, mong cầu có thai, chí tâm tưởng niệm, hoặc đeo chú này, thì được sanh những đứa con trai gái có phước đức

trí huệ, người cầu sống lâu được sống lâu, cầu phước báo được phước báo, cho đến cầu thân mạng sức mạnh đều được như thế. Sau khi chết, tùy nguyện vãng sanh trong mười phương quốc độ, chắc chắn chẳng sanh nơi biên địa, dòng hạ tiện, hướng là các tạp hình!

- A Nan! Nếu các quốc độ, châu huyện, làng xóm bị nạn đói kém, ôn dịch; Hoặc những nơi bị binh loạn, giặc cướp đánh nhau và tất cả những nơi có tai nạn khác, viết thần chú này dán nơi bốn cửa thành, và những tháp miếu hoặc trên các tràng phan, khiến chúng sanh trong nước thừa phụng chú này, cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường; Khiến nhân dân mỗi mỗi đeo chú trong mình, hoặc để nơi chỗ ở, thì tất cả tai nạn thấy đều tiêu diệt.

- A Nan! Nếu chúng sanh nơi các quốc độ, hễ chỗ nào có chú này, thì Thiên Long vui mừng, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa, dân chúng an vui; Những tai chướng do tất cả ác tinh biến quái ở mọi nơi, đều chẳng sanh khởi, người chẳng chết yếu, gông, cùm, xiềng, xích, chẳng dính vào mình, ngày đêm ngủ yên, thường chẳng ác mộng.

- A Nan! Cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến ác tinh, do 28 đại ác tinh làm thượng thủ; Lại có 8 đại ác tinh làm chủ, xuất hiện trên đời với nhiều hình dạng, hay gây các tai họa kỳ lạ cho chúng sanh. Hễ có chú này thì thấy đều tiêu diệt, trong phạm vi 12 do tuần, các tai biến hung dữ, trọn chẳng thể xâm nhập.

- Cho nên Như Lai thuyết chú này, bảo hộ người tu hành sơ học đời vị lai, vào Tam Ma Địa, thân tâm thư thái, được đại yên ổn chẳng bị tất cả tà ma, quỷ thần, và những oán thù, nghiệp cũ nợ xưa từ vô thủy đến quấy hại.

- Người và hàng hữu học trong chúng, với người tu hành đời vị lai, y pháp trì giới trong đạo tràng, được vị thầy truyền giới trong sạch, đối với tâm chú này chẳng sanh nghi hoặc, thì cái thân do cha mẹ sanh của người này, nếu chẳng được tâm thông, mười phương Như Lai bèn thành vọng ngữ.

Nói xong, vô số Kim Cang đều nhất thời đánh lễ bạch Phật:

- Như lời Phật dạy, chúng con xin thành tâm bảo hộ người tu đạo Bồ Đề.

Bấy giờ, Phạm Vương và Đế Thích, Tứ Thiên Vương cũng đồng thời đánh lễ bạch Phật:

- Nếu có người tu học như thế, chúng con xin hết lòng bảo hộ, khiến họ suốt đời việc làm thỏa nguyện.

Còn có vô số Quỷ Vương chấp tay đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con cũng thệ nguyện hộ trì cho người ấy, khiến tâm Bồ Đề mau được viên mãn.

Còn có vô số Nhật Nguyệt Thiên tử, Phong Sư, Vũ Sư, Văn Sư, Lôi Sư, cùng với Điện Sư, Tuần Quan, Chư Tinh và quynh thuộc đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy an lập đạo tràng, được vô sở úy.

Còn có vô số Sơn Thần, Hải Thần, Phong Thần, cõi Trời Vô Sắc, tất cả tinh kỳ trên mặt đất, dưới nước và trên không, đồng thời đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy được thành Bồ Đề, trọn chẳng ma sự.

Khi ấy, tám vạn bốn ngàn ức hằng sa Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương trong hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Như chúng con tu thành Bồ Đề đã lâu, mà chẳng thủ chứng Niết Bàn, thường theo chú này, cứu giúp những người chơn tu Tam Ma Địa trong đời mạt pháp. Thế Tôn, những người tu tâm cầu chánh định như thế, dù ở đạo tràng hay lúc kinh hành, cho đến lúc đi dạo chơi, con và đồ chúng thường theo hộ vệ người ấy. Dẫu cho Ma Vương, Đại Tự Tại Thiên muốn tìm cách quấy phá, trọn chẳng thể được. Các quỷ thần nhỏ phải cách xa người ấy ngoài mười do tuần, chỉ trừ khi họ đã phát tâm tu thiền chánh pháp thì mới được gần người ấy. Thế Tôn, nếu những ác ma hay quyến thuộc ma, muốn đến xâm nhiễu người ấy, thì con dùng chày Kim Cang đập nát đầu họ như vi trần, khiến người ấy việc làm thỏa nguyện.

LƯỢC GIẢI

Tâm tức là Chú, Chú tức là Tâm, Tâm và Chú bất nhị, nên gọi là Tâm Chú. Người muốn nhờ thần lực của Tâm Chú, trước tiên phải giữ giới trong sạch, chẳng khởi một niệm tham cầu, tức là quên cả sự đang tụng chú và sự nhờ cậy chú lực, như thế mới gọi là “Tâm niệm trong sạch, thuần trắng chẳng ô nhiễm”, được đến chỗ bất nhị của Tâm chú. Lúc ấy, sự diệu dụng của tự tánh (Tâm chú) tự hiện, thì tất cả đều được thành tựu như lời kinh nói; Nếu chẳng làm như thế, lại có thể trở thành tai họa, vì chư Hộ Pháp Long Thiên, tánh hay kính mến người thiện và trừng phạt kẻ ác vậy.

A Nan liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con ngu độn, ham được đa văn, chưa cầu thoát ly nơi tâm phiền não, nhờ Phật từ bi dạy bảo, tu theo chánh pháp, được lợi ích lớn, thân tâm an lạc. Thế Tôn! Nếu tu chứng pháp Tam Ma Địa, chưa đến Niết Bàn, thì thế nào gọi là chỗ Càn Huệ? Nơi 44 tâm, được tu đến cấp bậc nào và đến chỗ nào mới gọi là Nhập Sơ Địa? Thế nào gọi là Đẳng Giác Bồ Tát?

Nói xong, nắm vốc gieo sát đất, đại chúng đều nhất tâm chăm chú, mong đợi từ âm của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn khen A Nan rằng:

- Lành thay! Lành thay! Các Người lại biết vì cả chúng trong hội này và tất cả chúng sanh tu Tam Ma Địa, cầu pháp Đại Thừa trong đời mạt pháp, xin Ta chỉ rõ lối tu vô thượng chơn chánh, từ phạm phu đến Đại Niết Bàn. Nay các Người hãy lắng nghe, Ta sẽ vì các Người mà nói.

A Nan và đại chúng chấp tay lắng lòng, yên lặng thọ giáo.

Phật bảo:

- A Nan nên biết! Diệu tâm sáng tỏ, lìa những danh tướng, vốn chẳng có thế giới chúng sanh. Do vọng có sanh, do sanh có diệt, sanh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chơn, ấy tức là Vô Thượng Bồ Đề và Đại Niết Bàn, cũng là hai hiệu chuyển y của Như Lai (*Chuyển vọng giác thành Bồ Đề; Chuyển Sanh Diệt thành Niết Bàn, gọi là hai hiệu chuyển y*).

- A Nan! Nay Người muốn tu chơn Tam Ma Địa, thẳng đến Đại Niết Bàn, trước hết phải biết hai nhân duyên đảo của thế giới và chúng sanh; Nếu duyên đảo chẳng sanh tức là chơn Tam Ma Địa của Như Lai.

- A Nan! Sao gọi là Chúng Sanh Duyên Đảo?

- Do tánh sáng tỏ nơi Tâm, vì chấp tánh sáng tỏ, nên từ sáng tỏ ấy phát ra vọng tánh; Tánh vọng thì kiến chấp sanh khởi, từ tất cánh vô, thành hữu cánh hữu. Cái năng hữu sở hữu này, chẳng có tướng năng nhân sở nhân và năng trụ sở trụ, trọn chẳng nguồn gốc. Từ chỗ vô trụ này, kiến lập thế giới và chúng sanh.

- Vì mê cái Bản Tâm sáng tỏ, nên sanh ra hư vọng, tánh vọng chẳng tự thể, chẳng có chỗ nương tựa; Toan muốn trở về chơn, thì cái “*Muốn chơn*” ấy, đã chẳng phải là chơn tánh của Chơn Như. Chẳng chơn mà cầu trở về chơn, rõ ràng thành phi tướng, phi sanh phi trụ, phi tâm phi pháp, xoay vần phát sanh, sanh mãi không thôi, huân tập thành nghiệp, đồng nghiệp cảm nhau, do sự cảm nghiệp, nên có tướng diệt tướng sanh, do đó thành chúng sanh điên đảo.

- A Nan! Sao gọi là Thế Giới Diên Đảo?

- Do năng hữu sở hữu phân đoạn vọng sanh (*Phân đoạn sanh tử*), từ đó an lập Giới (*Không gian*); Từ chỗ chấp năng nhân sở nhân, năng trụ sở trụ, dời đổi chẳng ngừng, nên vọng lập Thế (*Thời gian*). Tam Thế tứ phương hòa hợp lẫn nhau, chúng sanh biến hóa thành 12 loài.

- Vì giác tri của chúng sanh, nên trong thế giới, do động có thanh, do thanh có sắc, do sắc có hương, do hương có xúc, do xúc có vị, do vị biết pháp, sáu thứ vọng tưởng nhiều loạn thành nghiệp tánh, nương theo tướng diên đảo luân chuyển này mà có 12 loài: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, hoặc phi hữu sắc, hoặc phi vô sắc, hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng, lưu chuyển chẳng ngừng.

1. A Nan! Bởi do thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động, hòa hợp thành khối, vọng tưởng thăng trầm, vì thế nên có loài noãn sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài cá, chim, rùa, rắn, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

2. Bởi do thế giới có tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về dục, hòa hợp thành sanh, vọng tưởng ngang dọc, vì thế nên có loài thai sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như người, súc, rồng, tiên, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

3. Bởi do thế giới có chấp trước luân hồi, hướng về điên đảo, hòa hợp thành noãn (*Hơi ấm*), vọng tưởng lăng xăng, vì thế nên có loài thấp sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài côn trùng, sâu bọ, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

4. Bởi do thế giới có biến dịch luân hồi, điên đảo về giả, hòa hợp thành xúc, vọng tưởng mới cũ, vì thế nên có loài hóa sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thối xác phi hành, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

5. Bởi do thế giới có ngăn ngại luân hồi, điên đảo về chướng, hòa hợp thành trước, vọng tưởng tinh diệu, vì thế nên có loài hữu sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như tất cả thần vật tinh sáng, đều hay dự đoán sự kiết hung, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

6. Bởi do thế giới có tiêu tán luân hồi, diên đảo về mê hoặc, hòa hợp thành ám (*Ám muội*), vọng tưởng u ẩn, vì thế nên có loài vô sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như cõi vô Sắc và Thần Hư Không, cho đến quỷ mị u ẩn, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

7. Bởi do thế giới có mừng tượng luân hồi, diên đảo về ảnh, hòa hợp thành nhớ, vọng tưởng thâm kết, vì thế nên loài hữu tướng lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thần quỷ tinh linh, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

8. Bởi do thế giới có ngu độn luân hồi, diên đảo về si, hòa hợp thành ngu, vọng tưởng khô khan, vì thế nên có loài vô tướng lưu chuyển nơi quốc độ, tinh thần hóa ra đất, gỗ, kim thạch, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

9. Bởi do thế giới có đối đãi luân hồi, diên đảo về nguy, hòa hợp thành nhiễm, vọng tưởng ỷ nhờ, vì thế nên có loài phi hữu sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thủy mẫu, lấy tôm làm mắt, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

10. Bởi do thế giới có dẫn dụ luân hồi, diên đảo về tánh, hòa hợp thành chú, vọng tưởng kêu gọi, vì thế nên có loài phi vô sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như loài chú nguyên rửa, yêu mị, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

11. Bởi do thế giới có hợp vọng luân hồi, diên đảo về mừng tượng, hòa hợp thành dị, vọng tưởng xoay vòng, vì thế nên có loài phi hữu tướng lưu chuyển nơi quốc độ, như loài tò vò, hay bắt con vật khác làm con mình, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

12. Bởi do thế giới có oán hại luân hồi, diên đảo về sát (*Hại*), hòa hợp thành quái, vọng tưởng ăn thịt cha mẹ, vì thế nên có loài phi vô tướng lưu chuyển nơi quốc độ, như con thỏ cứu và chim phá kính, ôm trái cây độc làm con, khi con lớn lên thì ăn luôn cả cha mẹ, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Ấy gọi là mười hai loại chúng sanh.

HẾT QUYỂN BẢY

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN TÁM

Nan! Như vậy chúng sanh trong mỗi loài, đều gồm đủ 12 thứ điên đảo, cũng như dụi mắt thấy hoa đốm lăng xăng; Thấy đều từ Diệu Tâm sáng tỏ vọng sanh điên đảo, nên có đủ thứ tư tưởng hư vọng tán loạn như thế. Nay người tu chứng Tam Ma Địa, đối với Bản Nhân của tư tưởng tán loạn ấy, phải lập ba tiệm thứ mới có thể diệt trừ, cũng như muốn trừ mật độc trong bình để đựng cam lồ thì phải dùng nước sôi và tro rửa sạch cái bình, rồi mới đựng cam lồ.

- Thế nào gọi là ba tiệm thứ? Một là tu tập trừ các trợ nhân; Hai là chơn tu, nạo sạch chánh tánh (*Tánh tâm dục*); Ba là tinh tấn, xoay ngược hiện nghiệp.

1. Sao gọi là trợ nhân?

- A Nan! 12 loại chúng sanh trong thế giới chẳng thể tự sống, phải nhờ bốn cách ăn để nuôi dưỡng, ấy là: Ăn bằng cách nhai xé như con người; Ăn bằng ngửi mùi hơi như quỷ thần; Ăn bằng niệm tưởng như cõi Tứ thiên và ăn bằng ý thức như cõi Tứ Không, cho nên Phật nói tất cả chúng sanh đều nhờ sự ăn mà tồn tại.

- A Nan! Tất cả chúng sanh, ăn ngọt thì sống, ăn độc thì chết. Vậy chúng sanh cầu Tam Ma Địa, nên dứt bỏ ngũ tân của thế gian, ngũ tân này hề ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì thêm sân hận. Những người ăn ngũ tân, dù biết giảng giải mười hai bộ kinh, nhưng mười phương thiên tiên đều chê mùi hôi thối ấy mà tránh xa; Các loài ma quỷ, thừa lúc đang ăn ngũ tân, liếm môi của họ, người ấy thường ở chung với quỷ, phước đức ngày càng tiêu mòn, chẳng được lợi ích.

- Người ăn ngũ tân mà tu Tam Ma Địa thì Bồ Tát, Thiên Tiên, mười phương thiện thần chẳng đến hộ vệ. Đại lực ma vương có cơ hội hiện ra thân Phật, thuyết pháp cho họ, chê bai giới cấm, tán thán dâm dục và sân si. Người ấy chết thành quyến thuộc ma, khi hết phước báo của ma, liền đọa ngục A Tỳ.

- A Nan! Người tu đạo Bồ Đề phải dứt hẳn ngũ tân, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ nhất.

2. Sao gọi là Chánh Tánh?

- A Nan! Chúng sanh muốn vào Tam Ma Địa, trước tiên phải giữ giới trong sạch, dứt hẳn lòng dâm, chẳng dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ nấu chín, chẳng ăn đồ sống.

- A Nan! Người tu hành nếu chẳng dứt dâm dục và sát sanh, mà muốn ra khỏi ba cõi thì chẳng có chỗ đứng. Nên phải xem sự dâm dục như rắn độc, như kẻ thù.

- Trước tiên phải giữ gìn Tứ khí, Bát khí của giới Thanh Văn, trì thân chẳng động, sau hành theo luật nghi trong sạch của Bồ Tát, trì tâm chẳng khởi. Giới cấm đã thành tựu, đối với thế gian, trọn chẳng còn những nghiệp tương sanh tương sát; Đã chẳng trộm cắp thì chẳng mắc nợ nhau và khỏi phải trả nợ của thế gian.

Người trong sạch ấy tu Tam Ma Địa, với cái thân của cha mẹ sanh, chẳng cần thiên nhân, tự nhiên thấy được mười phương thế giới, gặp Phật nghe pháp, vâng lãnh thánh chỉ, được đại thần thông, dạo khắp cõi mười phương, túc mạng trong sạch, chẳng còn những điều khó khăn nguy hiểm, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ hai.

3. Sao gọi là Hiện Nghiệp?

- A Nan! Người giữ giới trong sạch như thế, tâm chẳng tham dâm thì chẳng rong ruổi, theo lục trần bên ngoài, do sự chẳng rong ruổi tự xoay về bản tánh; Đã chẳng duyên theo cảnh trần thì lục căn chẳng chỗ nương tựa, ngược dòng về Nhất, lục dục chẳng thành mười phương quốc độ sáng suốt trong sạch, ví như lưu ly, bên trong có trăng sáng (*Tự chiếu vô năng sở*), thân tâm an lạc, diệu viên bình đẳng, được đại yên ổn, tất cả mật viên tịnh diệu của Như Lai đều hiện trong đó người ấy liền được vô sanh pháp nhẫn. Từ đó dần dần tùy theo cấp bậc tu chứng an lập thánh vị, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ ba.

- A Nan! Thiện nam tử ấy, dục ái khô cạn căn và cảnh chẳng duyên nhau, cái báo thân hiện tiền này chẳng còn tiếp tục sanh nữa, giữ tâm rộng sáng, thuần là trí huệ; Tánh trí huệ sáng suốt, chiếu mười phương cõi. Chỉ có cái huệ khô cạn ấy gọi là Càn Huệ Địa.

THẬP TÍN

1. Tập khí tham dục mới cạn, chưa nổi được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, tánh viên diệu được mở mang, từ chỗ chơn diệu viên lại phát ra chơn diệu, diệu tin thường trú, tất cả vọng tưởng đều dứt sạch, trung đạo thuần chơn, gọi là TÍN TÂM TRỤ.



LƯỢC GIẢI

Khi tham dục mới cạn, chưa nổi được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, chẳng nghiêng bên không, chẳng nghiêng bên giả, cũng chẳng trụ nơi trung đạo, từ đây khởi quán, không, giả, trung, tam đế viên dung, gọi là VIÊN DIỆU; Ở đây tâm thức có thể đến. Khi giác quán đã thành, từ chơn phát diệu, kế hợp lý viên, thì gọi là DIỆU VIÊN, chỗ này tâm thức chẳng thể đến. Nếu trung đạo nương theo chơn, thì sự diệu chưa phải chơn; Từ chơn phát diệu, diệu ấy mới là CHÂN DIỆU.

Diệu chưa phải chơn, nên chẳng thể thường trụ, trung đạo thuần chơn, nên diệu được thường trụ. Diệu đã thường trụ thì tất cả vọng tưởng chẳng có chỗ dựa. Nói “DIỆU” là tự cảm thấy bất khả tư nghì, chẳng thể dùng ngôn ngữ tỏ bày, lòng tin tự tâm rất chơn thật, nên gọi TÍN TÂM TRỤ.

2. Chơn tính sáng tỏ, tất cả viên thông, ba thứ ấm, xứ, giới chẳng thể ngăn ngại, như thế cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai, tất cả tập khí xả thân, thọ thân thấy đều hiện ra trước mắt và ghi nhớ chẳng quên, gọi là NIỆM TÂM TRỤ.

3. Thuần chơn diệu viên, tinh vi phát dụng, những tập khí từ vô thủy đều hóa thành một tâm chơn tịnh, gọi là TINH TẤN TÂM.

4. Tâm tinh tấn hiện tiền, thuần dùng trí huệ, gọi là HUỆ TÂM TRỤ.

5. Trí huệ sáng tỏ, tịch lặng cùng khắp, tịch diệu thường định, gọi là ĐỊNH TÂM TRỤ.

6. Từ định tâm phát ra ánh sáng, tánh sáng sâu vào, tiến tới chẳng lui, gọi là BÁT THỐI TÂM.

7. Tâm an nhiên tiến tới, duy trì chẳng mất giao tiếp với tinh thần của mười phương Như Lai, gọi là HỘ PHÁP TÂM.

8. Tánh sáng của Bốn giác được duy trì, hay dùng diệu lực xoay Từ Quang của Phật về tự tánh cũng như ánh sáng của hai gương đối nhau trong đó, các bóng nhiệm mầu trùng trùng vô tận, gọi là HỒI HƯỚNG TÂM.

9. Với Từ Quang của Bản Tâm miên mật, an trụ nơi vô vị, vô thượng trong sạch, thường trụ của Phật, chẳng thể lạc mất, gọi là GIỚI TÂM TRỤ.

10. Trụ giới tự tại, hay dạo khắp mười phương, ở đi tùy nguyện, gọi là NGUYỆN TÂM TRỤ.

THẬP TRỤ

1. A Nan! Thiện nam tử ấy, do chân phương tiện phát ra mười bất tín tâm kể trên, tâm tinh vi phát ra ánh sáng, mười thứ dụng xen lẫn nhau, viên dung thành một tâm, gọi là PHÁT TÂM TRỤ.

2. Trong tâm sáng suốt như lưu ly trong sạch, trong hiện vàng ròng tinh túy, dùng diệu tâm trước kia sửa sang thành đất địa để đi đứng (*Thực hành*) gọi là TRỊ ĐỊA TRỤ.

3. Tâm địa biết khắp, tất cả rõ ràng, đi khắp mười phương, được chẳng ngăn ngại, gọi là TU HÀNH TRỤ.

4. Hạnh đồng với Phật, thọ tinh thần Phật, như cái thân trung ấm tự tìm cha mẹ, trung ấm dung thông với lòng tin, thâm nhập vào giống Như Lai, gọi là SANH QUÝ TRỤ.

5. Đã vào đạo thai, nối dòng của Phật, như thai đã thành hình, tướng người đầy đủ, gọi là PHƯƠNG TIỆN CỤ TÚC TRỤ.

6. Dung mạo và tâm tướng đều đồng như Phật, gọi là CHÁNH TÂM TRỤ.

7. Thân tâm dung hợp, ngày càng tăng trưởng gọi là BẤT THỐI TRỤ.

8. Linh tướng của thập thân nhất thời đầy đủ, gọi là ĐỒNG CHƠN TRỤ.

9. Hình đã thành, ra khỏi thai, làm con của Phật, gọi là PHÁP VƯƠNG TỬ TRỤ.

10. Khi Pháp Vương Tử đã trưởng thành, ví như Thái Tử vua Sát Lợi đến tuổi trưởng thành, sẽ được phụ vương ủy nhiệm việc nước, nên làm lễ quán đảnh (*Lễ trưởng thành*), gọi là QUÁN ĐẢNH TRỤ.

THẬP HẠNH

1. A Nan! Thiện nam tử ấy, đã thành con Phật, đầy đủ vô lượng diệu đức của Như Lai, tùy thuận mười phương chúng sanh, phương tiện tiếp dẫn, gọi là HOAN HỖ HẠNH.

2. Hay lợi ích cho tất cả chúng sanh, gọi là NHIỀU ÍCH HẠNH.

3. Tự giác giác tha, được chẳng chống trái, gọi là VÔ SÂN HẬN HẠNH.

4. Tam thế bình đẳng, mười phương thông đạt, vì được “*Ý sanh thân*”, nên tùy mỗi loài chúng sanh mà hiện thân hóa độ cho đến cùng tột vị lai, gọi là **VÔ TẬN HẠNH**.

5. Nơi mỗi mỗi pháp môn, tất cả hòa đồng, được chẳng sai lầm, gọi là **LY SI LOẠN HẠNH**.

6. Nơi tướng đồng hiện ra nhiều tướng dị; Nơi những tướng dị, mỗi mỗi thấy đồng, gọi là **THIỆN HIỆN HẠNH**.

7. Như thế cho đến vi trần đầy khắp mười phương hư không, trong mỗi mỗi trần hiện mười phương cõi; Hiện trần hiện cõi, chẳng ngăn ngại nhau, gọi là **VÔ TRƯỚC HẠNH**.

8. Các thứ hiện tiền đều là Đệ Nhất Ba La Mật Đa, gọi là **TÔN TRỌNG HẠNH**.

9. Viên dung như thế, hay thành tựu quy tắc lợi sanh của mười phương chư Phật, gọi là **THIỆN PHÁP HẠNH**.

10. Mỗi mỗi đều trong sạch Vô Lậu; Nhất Chơn Vô Vị; Bản Tánh vốn như thế, gọi là **CHƠN THẬT HẠNH**.

THẬP HỒI HƯỚNG

1. A Nan! Thiện nam tử ấy, thần thông đầy đủ, Phật sự đã thành; Tự tánh tinh túy thuần chơn, xa lìa các lỗi lầm, ngay khi hóa độ chúng sanh mà diệt tướng năng độ, sở độ, hồi tâm vô vi hướng đạo Niết Bàn, gọi là **CỨU HỘ NHẤT THIẾT CHÚNG SANH, LY CHÚNG SANH TƯỚNG HỒI HƯỚNG**.

2. Hoại cái có thể hoại, tức xa lìa chúng sanh tướng, tướng xa lìa cũng phải lìa, vậy tướng hoại thì sở không, lìa cái lìa thì năng không; Năng sở đều không, bản giác bất hoại, gọi là **BẤT HOẠI HỒI HƯỚNG**.

3. Bản giác trạm nhiên, tâm giác đồng như Phật giác, gọi là **ĐẲNG NHẤT THIẾT PHẬT HỒI HƯỚNG**.

4. Tinh túy sáng tỏ, tâm địa đồng như Phật địa, gọi là **CHÍ NHẤT THIẾT XỨ HỒI HƯỚNG**.

5. Thế giới và Như Lai xen lộn lẫn nhau, được chẳng ngăn ngại, gọi là **VÔ TẬN CÔNG ĐỨC TẠNG HỒI HƯỚNG**.

6. Nơi đồng Phật địa, mỗi mỗi sanh ra cái nhân trong sạch, nường nhân ấy mà phát huy, vào đạo Niết Bàn, gọi là **TÙY THUẬN BÌNH ĐẲNG THIỆN CĂN HỒI HƯỚNG**.

7. Chơn thiện căn đã thành, thì mười phương chúng sanh đều là Bản Tánh của ta, thành tựu tánh tròn đầy, chẳng bỏ chúng sanh, gọi là **TÙY THUẬN ĐẲNG QUÁN NHẤT THIẾT CHÚNG SANH HỒI HƯỚNG**.

8. Tức nơi nhất thiết pháp, mà lìa nhất thiết tướng cái “*Tức*” cái “*Lìa*”, cả hai đều chẳng dính mắc, gọi là **CHƠN NHƯ TƯỚNG HỒI HƯỚNG**.

9. Thật đặc Chơn Như, mười phương vô ngại, gọi là **VÔ PHƯỚC GIẢI THOÁT HỒI HƯỚNG** (*Phước là Trói*).

10. Đức tánh viên mãn thành tựu, số lượng của pháp giới tiêu diệt, gọi là **PHÁP GIỚI VÔ LƯỢNG HỒI HƯỚNG**.

TỨ GIA HẠNH

- A Nan! Thiện nam tử ấy, đã tu xong 41 bậc tâm trong sạch, kế đó thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên:

1. Tức đem Phật giác, dụng làm tự tâm, cũng như dùi cây lấy lửa, cây chưa đốt cháy, lửa sắp ra mà chưa ra, gọi là NOÃN ĐỊA.

2. Lại dùng tâm mình thành chỗ hành của Phật cũng như người đứng trên chót núi, toàn thân đã vào hư không, nhưng dưới chân đôi khi còn hơi dính đất, như có chỗ nương mà chẳng phải nương, gọi là ĐẢNH ĐỊA.

3. Tâm với Phật đồng, khéo đắc trung đạo, như người hay nhẫn nại, niệm chẳng phân biệt, phi hoại (*Chẳng nhó*), phi xuất (*Chẳng quên*), chẳng thể nói ra, gọi là NHÃN ĐỊA.

4. Số lượng tiêu diệt, mê, giác và trung đạo đều chẳng thể gán tên, gọi là THỂ ĐỆ NHẤT ĐỊA.

THẬP ĐỊA

1. A Nan! Thiện nam tử ấy, khéo được thông đạt nơi Đại Bồ Đề, chỗ giác ngộ thông với Như Lai, cùng tốt cảnh giới của Phật, gọi là HOAN Hỷ ĐỊA.

2. Tánh dị nhập đồng, tánh đồng cũng diệt, gọi là LY CẤU ĐỊA.

3. Trong sạch thì phát ra ánh sáng, gọi là PHÁT QUANG ĐỊA.

4. Sáng tỏ thì giác tánh sung mãn, gọi là DIỆM HUỆ ĐỊA.

5. Tất cả đồng dị đều chẳng thể đến, gọi là NAN THẮNG ĐỊA.

6. Tánh trong sạch hiển lộ. Chơn Như vô vi gọi là HIỆN TIỀN ĐỊA.

7. Cùng tốt bờ bến của Chơn Như, gọi là VIÊN HÀNH ĐỊA.

8. Nhất tâm chơn như, gọi là BẤT ĐỘNG ĐỊA.

9. Chơn như phát dụng, gọi là THIỆN HUỆ ĐỊA.

10. A Nan, công hạnh tu tập của Bồ Tát từ trước đến đây, công đức viên mãn, cũng gọi địa này là Tu Tập Vị, tức dùng đám mây nhiệm mầu, đầy đủ từ bi trí huệ, che chở chúng sanh, khắp biển Niết Bàn, gọi là PHÁP VÂN ĐỊA.

ĐẲNG GIÁC

Như Lai ngược dòng từ quả vị trở lại nhân địa, cứu độ chúng sanh; Bồ Tát thuận hành từ chúng sanh tu đến quả Phật, thuận ngược đều giao tiếp nơi Bốn Giác, gọi là ĐẲNG GIÁC.

DIỆU GIÁC

- A Nan! Từ Càn Huệ Tâm đến bậc Đẳng Giác rồi, giác ấy mới được viên mãn nơi Tâm Kim Cang. Bắt đầu từ Càn Huệ Địa từng lớp tiến lên, trải qua 12 ngôi vị đơn và phúc⁽¹⁾ mới đến DIỆU GIÁC, thành Vô Thượng Đạo.

(1): Mười hai ngôi vị đơn và phúc:

- Năm ngôi vị phúc, mỗi ngôi vị gồm mười cấp bậc, tức Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng và Thập Địa.

- Bảy ngôi vị đơn là: Càn Huệ, Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất, Đẳng Giác và Diệu Giác.

- Mỗi mỗi địa ấy, đều lấy trí Kim Cang quan sát mười thứ ví dụ như huyền, dùng Xa Ma Tha (*Chỉ*) và Tỳ Bà Xá Na (*Quán*) của chư Như Lai tu chứng trong sạch lần lượt sâu vào.

- A Nan! Như thế đều dùng ba tiệm thứ tiến tu, nên khéo thành tựu 55 quả vị trong đạo Bồ Đề chơn thật. Quán như thế gọi là chánh quán, chẳng quán như thế gọi là tà quán.

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử ở trong chúng, liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Thế Tôn! Nên gọi Kinh này là Kinh gì, con và chúng sanh phải phụng trì như thế nào?

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi:

- Kinh này gọi là “*Đại Phật Đảnh Thuần Trắng Chẳng Ô Nhiễm, Vô Thượng Bảo Ấn, Mười Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhân*”, cũng gọi là “*Cứu Hộ Thân Nhân, Độ Thoát A Nan và Tánh Tỳ Kheo Ni trong hội này. Đắc Tâm Bồ Đề, Vào Biển Biến Tri*”, cũng gọi là “*Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa*”, cũng gọi là “*Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương, Mười Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú*”, cũng gọi là “*Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm*”, các người nên phụng trì.

Phật nói xong, tức thời A Nan và đại chúng nhờ Như Lai khai thị ý nghĩa “*Mật Ấn Chưởng Ô Nhiễm*” và được nghe những danh hiệu liễu nghĩa của Kinh này, đốn ngộ diệu lý của Thiền Na, tiến tu các Thánh Vị, tâm niệm rộng lặng, dứt trừ sáu phẩm phiền não vi tế trong tam giới.

A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

- Thế Tôn có oai đức lớn, từ âm vô ngại, khéo khai phá những mê hoặc vi tế của chúng sanh khiến con hôm nay thân tâm an lạc, được lợi ích lớn.

- Thế Tôn! Nếu Diệu Tâm sáng tỏ này vốn viên mãn cùng khắp, như thế cho đến đất đai, cỏ cây sâu bọ, hàm linh, Bản Tánh Chơn Như, tức là chơn thể thành Phật của Như Lai; Vậy Phật thể chơn thật, tại sao lại có các đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, loài người và trời? Thế Tôn, lục đạo này vốn tự có, hay là do tập khí hư vọng của chúng sanh mà sanh khởi?

- Thế Tôn! Như Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương trì giới bồ tát, lên hành dâm dục, vọng nói hành dâm, chẳng phải sát sanh và trộm cắp, chẳng có nghiệp báo. Nói xong, nơi nữ căn liền sanh ngọn lửa lớn, rồi từng đốt xương lại bị bùng cháy, đọa ngục A Tỳ.

- Như vua Lưu Ly, và Tỳ Kheo Thiện Tinh: Lưu Ly thì giết hại hết dòng họ Cù Đàm; Thiện Tinh thì vọng nói tất cả pháp đều Không (*Đoạn diệt không*) đang sống bị đọa vào ngục A Tỳ.

- Các địa ngục ấy, là có chỗ nhất định hay chẳng định? Mỗi người gây nghiệp nhân, mỗi mỗi tự chịu nghiệp quả, hay là tất cả tự nhiên?

- Xin Phật rủ lòng đại từ, khai phá ngu đại, khiến tất cả chúng sanh trì giới, nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ phụng hành, giữ gìn chẳng phạm.

Phật bảo A Nan:

- Lành thay câu hỏi này, khiến các chúng sanh chẳng mắc tà Kiến, nay Người hãy lắng nghe, Ta sẽ vì Người mà nói.

- A Nan! Bản Tánh của tất cả chúng sanh vốn chơn thật trong sạch, vì vọng kiến mà vọng sanh tập khí, do đó chia thành nội phần và ngoại phần.

- A Nan! Nội phần tức là phần trong của chúng sanh. Do lòng ái nhiễm phát khởi vọng tình, vọng tình tích chứa không thôi, sanh ra ái thủy, nên chúng sanh hễ nghĩ đến thức ăn ngon thì chảy nước miếng; Nhớ đến người xưa, hoặc thương hoặc giận, thì chảy nước mắt, tham cầu của báu, trong tâm ham muốn, cả mình đều thấm nhuần nước tham; Tâm tham dâm dục thì hai căn nam nữ tự nhiên chảy dịch. A Nan, những ái dục ấy dù khác, nhưng sự chảy nước là đồng, tánh nước thấm ướt chẳng lên được, tự nhiên sa đọa, gọi là Nội Phần.

- A Nan! Ngoại phần tức là phần ngoài của chúng sanh. Do lòng khao khát phát ra vọng tưởng, vọng tưởng chứa mãi không thôi, sanh ra thắng khí. Nên chúng sanh hễ tâm giữ giới cấm thì cả thân nhẹ nhàng; Tâm trì chú ấn thì cử chỉ hùng dũng, tâm muốn sanh cõi trời thì chiêm bao thấy bay lên, tâm nhớ cõi Phật, thì thắng cảnh thâm hiện, phụng sự Thiện Tri Thức thì tự khinh thân mạng. A Nan, những vọng tưởng dù khác, nhưng sự nhẹ nhàng bay lên là đồng, bay bổng chẳng chìm, tự nhiên vượt lên, gọi là Ngoại Phần.

- A Nan! Tất cả sanh tử tương tục trên thế gian, sống thì tùy thuận theo tập khí, chết thì biến đổi theo dòng nghiệp, đến lúc lâm chung, còn chút hơi ấm, các việc thiện ác của một đời đồng thời hiện ra, sống thì thuận, chết thì nghịch, hai tập khí giao xen lẫn nhau, thuần tưởng thì bay lên, ắt sanh cõi trời, nếu cái tâm bay ấy gồm cả phước đức, trí huệ và tịnh nguyện, thì tự nhiên tâm được mở mang, thấy tất cả tịnh độ với mười phương chư Phật, theo nguyện vãng sanh.

- Tình ít tưởng nhiều, nhẹ nhàng bay xa thì làm phi tiên, đại lực quỷ vương, phi hành dạ xoa, địa hành la sát, đạo khắp cõi trời, chẳng gì ngăn ngại. Trong đó nếu có thiện tâm thiện nguyện, hộ trì Phật pháp, hoặc hộ trì giới cấm và người trì giới; Hoặc hộ trì thần chú và người trì chú; Hoặc hộ trì thiền định, thành tựu pháp nhẫn, thì những hạng ấy được ở cạnh pháp tọa của Như Lai.

- Tình và tướng bằng nhau, chẳng bay chẳng chìm, sanh nơi cõi người; Tướng sáng suốt thì thông minh, tình ám muội thì ngu độn.

- Tình nhiều tướng ít, đọa vào súc sinh, nghiệp nặng thì làm loài có lông, nghiệp nhẹ thì làm loài có cánh.

- Bảy phần tình, ba phần tướng, thì chìm dưới thủy luân, sanh nơi hỏa luân, thân làm ngạ quỷ, thọ cái khổ của lửa hồng, thường bị đốt cháy, dầu được uống nước cũng hóa thành lửa, nên nói bị nước hại, trải qua trăm ngàn kiếp, chẳng thể ăn uống.

- Chín phần tình, một phần tướng, thì đọa dưới hỏa luân, thân vào giữa phong luân và hỏa luân, nghiệp nhẹ thì vào ngục Hữu Gián, nghiệp nặng thì vào ngục Vô Gián.

- Thuần tình thì chìm sâu vào ngục A Tỳ, nếu tâm chìm sâu ấy, có phỉ báng Đại thừa, phá giới cấm của Phật, cuồng vọng thuyết pháp, hư tiêu tín thí, lạm nhận cung kính, hoặc phạm ngũ nghịch, thập trọng cấm, thì lại phải sanh khắp ngục A Tỳ mười phương.

- Chúng sanh cùng tạo ác nghiệp thì phải chịu quả báo đồng phận, nhưng trong cộng nghiệp mỗi người đều có biệt nghiệp của mình, tùy theo ác nghiệp sở tạo, mỗi mỗi tự chuốc lấy quả báo khác nhau.

- A Nan! Những điều kể trên, đều do nghiệp của chúng sanh tự chiêu cảm, tạo Thập Tập Nhân, thọ Lục Giao Báo.

- Sao nói THẬP TẬP NHÂN?

- Một là DÂM TẬP giao tiếp, phát nơi cọ xát lẫn nhau, cọ mãi không thôi, thế nên trong đó phát ra ngọn lửa hồng, như người dùng hai tay cọ xát, thì tướng ấm hiện tiền. Hai tập khí đốt nhau mới sanh những việc giường sắt, trụ đồng. Mười phương Như Lai xem sự hành dâm đồng như dục hỏa, Bồ Tát xem dục như hầm lửa phải tránh.

- Hai là THAM TẬP giao kế (*So đo tham cầu*) phát nơi thu hút lẫn nhau, hút mãi không thôi, thế nên chứa hơi lạnh bên trong thành băng giá, như người hít hơi gió vào miệng thì có cảm xúc lạnh. Hai tập khí lẫn nhau, mới chịu những khổ của địa ngục Hàn Băng. Mười phương Như Lai xem việc tham cầu đồng như tham thủy, Bồ Tát xem tham cầu đồng như tham thủy, Bồ Tát xem tham như biển độc phải tránh.

- Ba là MẠN TẬP giao lăng (*Lấn ép nhau*), phát nơi ỷ thế, lấn áp không thôi; Thế nên có sự cãi vã tranh chấp, quấy nước thành sóng, như người tự liếm miệng lưỡi, chảy ra nước miếng. Hai tập khí chọi nhau, mới sanh những việc sông huyết, sông tro, cát nóng, biển độc, bắt uống nước đồng chảy v.v... Mười phương Như Lai xem sự ngã mạn như uống nước si, Bồ Tát xem ngã mạn như sự chìm đắm phải tránh.

- Bón là SÂN TẬP giao xung (*Xung đột nhau*) phát nơi chống đối chống mãi không thôi, tâm nóng nảy phát lửa, đúc khí thành kim loại, thế nên có những việc đao sơn, kiếm thụ, rìu, búa, thương, cưa, như người bị hàm oan thì sát khí nổi lên. Hai tập khí đụng nhau, mới sanh những việc thiện, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đánh, đập, v.v... Mười phương Như Lai xem sự sân hận như dao gươm bén, Bồ Tát xem sân hận như chém giết phải tránh.

- Năm là TRÁ TẬP giao dụ (*Dụ dỗ nhau*), phát nơi quyến rũ, lôi kéo chẳng thôi, thế nên có những việc dây, cây, thông lọng, căng nọc, như nước thấm ruộng thì cỏ cây sanh trưởng. Hai tập khí kéo nhau mới sanh những việc gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, đòn v.v... Mười phương Như Lai xem sự đối trá đồng như gian tặc, Bồ Tát xem đối trá như beo sói phải sợ.

- Sáu là CUỒNG TẬP giao khí (*Lừa gạt*), phát nơi phỉnh gạt, gạt mãi không thôi, buông tâm gian dối, thế nên có đất bùn, đại tiểu tiện, các thứ ô uế, như bụi theo gió, chẳng có chỗ thấy. Hai tập khí dìm nhau, mới sanh những việc chìm đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lăn v.v... Mười phương Như Lai xem sự lừa gạt đồng như cướp giết, Bồ Tát xem sự lừa gạt, như giẫm rấn độc.

- Bảy là Oán Tập giao hiềm (*Hiềm khích*), phát nơi sân hận, thế nên có sự quăng đá, ném gạch, hộp nhốt, củi nhốt, rọ nhốt, đẩy bực, như người hiềm độc ôm ấp điều dữ. Hai tập khí nuốt nhau, mới sanh những việc ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, tóm, siết v.v... Mười phương Như Lai xem sự thù oán, đồng như Quỷ Vi Hại, Bồ Tát xem thù oán như uống rượu độc.

- Tám là KIẾN TẬP giao minh (*Kẻ thông minh ham kiến chấp*), như năm thứ ác kiến và các nghiệp tà ngộ, vì kiến giải khác nhau nên chống trái lẫn nhau, ví như người lạ đi đường qua lại gặp nhau, cãi cọ thưa kiện, nên có các cấp quan lại, nắm giữ hồ sơ văn bản đối chứng. Hai tập khí giao xen, thế nên mới có Thiện Ác Đồng Tử tay cầm hồ sơ văn bản, điều tra bằng chứng cụ thể, khám hỏi, tra khảo, thẩm vấn v.v... Mười phương Như Lai xem những ác kiến đồng như hầm độc, Bồ Tát xem những kiến chấp hư vọng như vào hố độc.

- Chín là UỐNG TẬP (*Vu vạ*) giao xen, phát nơi vu khống phỉ báng; Thế nên có hợp sơn, hợp thạch, cối nghiền, cối xay, như kẻ gièm pha vu oan người lương thiện. Hai tập khí bài xích lẫn nhau, mới sanh những việc áp giải, đè đập, ép huyết v.v... Mười phương Như Lai xem sự vu vạ đồng như cọp gièm pha, Bồ Tát xem sự vu vạ như bị sấm sét.

- Mười là TỤNG TẬP giao thuyền (*Thưa kiện cãi vãi*), phát nơi che giấu tội lỗi; Thế nên có gương soi, đuốc chiếu, như đứng giữa mặt trời, chẳng thể giấu bóng. Hai tập khí phô bày lẫn nhau mới sanh ra những việc ác hữu, nghiệp kính, chiếu soi, hỏa châu, phơi bày nghiệp xưa, đối nghiệm v.v... Mười phương Như Lai xem sự che giấu đồng như hiểm tắc, Bồ Tát xem sự che giấu như đội núi cao đi trên biển cả.

Sao nói LỤC GIAO BÁO?

- A Nan! Tất cả chúng sanh, lục thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo, đều từ lục căn mà ra.

- Sao nói ác báo từ lục căn mà ra?

- Một là KIẾN BÁO chiêu cảm ác quả. Khi kiến nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy lửa hồng cháy khắp mười phương, thần thức người chết bay rơi theo khói, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là thấy sáng, khắp thấy mọi thứ hung dữ, sanh khiếp sợ vô cùng; Hai là thấy tối, mịt mù chẳng thấy gì, sanh hoảng hốt vô cùng.

- Như vậy, thấy lửa đốt thính giác thì thành chảo dầu sôi, nước đồng chảy; Đốt khứu giác thì thành khói đen, lửa đỏ; Đốt vị giác thì thành viên sắt cháy; Đốt xúc giác thì thành tro nóng, lò than; Đốt ý thức thì thành hoa lửa rơi khắp, rung động cả hư không.

- Hai là VĂN BÁO chiêu cảm ác quả. Khi văn nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất, thần thức người chết theo dòng nước

trôi vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là nghe rõ các tiếng ồn ào, tinh thần rối loạn; Hai là điếc hẳn, lặng lẽ chẳng nghe gì, thần thức chìm lìm.

- Như vậy, nghe sóng chảy vào thính giác, thì thành sự trách hỏi, chảy vào thị giác thì thành sấm sét và khí độc; Chảy vào khứu giác thì thành mưa và sương mù, rưới sâu độc vào đầy khắp cơ thể; Chảy vào vị giác thì thành mủ, huyết và các thứ nhơ nhớp; Chảy vào xúc giác thì thành súc sinh, ma quỷ và đại tiểu tiện; Chảy vào ý thức thì thành điện chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.

- Ba là KHỨU BÁO chiêu cảm ác quả. Khi khứu nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy hơi độc đầy dẫy xa gần, thần thức người chết từ dưới đất trào lên, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là ngửi thông bị các hơi độc xông vào, nhiễu loạn tâm thần; Hai là ghệt thở, hơi thở chẳng thông, làm chết giấc dưới đất.

- Như vậy, ngửi khí xông vào khứu giác thì thành thông, nghẽn; Xông vào thị giác thì thành lửa, đước; Xông vào thính giác thì thành chìm đắm, nước sôi; Xông vào vị giác thì thành mùi thiu, thúi; Xông vào xúc giác thì thành nứt, nát, thành núi thối lớn có trăm ngàn mắt, hút ăn không cùng; Xông vào ý thức thì thành tro, chường khí và cát đá bay, đập nát thân thể.

- Bốn là VỊ BÁO chiêu cảm ác quả. Khi vị nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt phát lửa bùng cháy, che khắp thế giới; Thần thức người chết sa đọa mắc lưới, treo ngược đầu xuống, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là hít hơi vào, kết thành băng giá, làm nứt nẻ thân thể, hai là thở hơi ra, bay thành lửa hồng đốt cháy xương tủy.

- Như vậy, ném mùi qua vị giác thì thành nhận chịu; Qua thị giác thì thành kim thạch nung đỏ; Qua thính giác thì thành binh khí sắc bén; Qua khứu giác thì thành lông sắt lớn, che khắp quốc độ; Qua xúc giác thì thành cung, tên, nỏ, súng; Qua ý thức thì thành sắt nóng, bay từ trên không rơi xuống như mưa.

- Năm là XÚC BÁO chiêu cảm ác nghiệp. Khi xúc nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn từ bốn phía hợp lại, chẳng còn đường ra; Thần thức người chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, cọp, sói, sư tử, ngục tốt (*Người gác ngục*) đầu trâu, la sát, đầu ngựa, tay cầm thương, xóc, lừa vào cửa thành, hướng về ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là hợp xúc, núi hợp lại ép thân, xương thịt tuôn máu; Hai là lia xúc, dao gươm đâm chém, tim gan bị cắt xẻ.

- Như vậy, hợp xúc qua xúc giác thì thành con đường địa ngục, gặp Diêm La Vương xử án; Qua thị giác thì thành đốt cháy, nung đỏ; Qua thính giác thì thành đánh, đập, đâm bắn; Qua khứu giác thì thành tóm, đưng, khảo, trói; Qua vị giác thì thành cây, kim, chém, chặt; Qua ý thức thì thành rơi, bay, nấu nướng.

- Sáu là TUỞNG BÁO chiêu cảm ác quả. Khi tướng nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió bão thổi nát quốc độ; Thần thức người chết bị thổi lên hư không, xoay rơi theo gió, đọa ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là chẳng giác, mê muội vô cùng, bỏ chạy không thôi; Hai là chẳng mê, hay biết các khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn khổ sở.

- Như vậy, tà tướng kết vào ý thức thì thành phương sở; Kết vào thị giác thì thành gương soi, bằng chứng; Kết vào thính giác thì thành đại hợp thạch, băng giá, sương mù, đất bùn; Kết vào khứu giác thì thành xe lửa, thuyền lửa, củi lửa; Kết vào vị giác thì thành tiếng la hét, than khóc; Kết vào xúc giác thì thành lớn nhỏ, nghiêng ngửa, muôn lần sống đi chết lại trong một ngày.

- A Nan! Thập Tập Nhân và Lục Giao Báo của địa ngục kể trên, đều do chúng sanh mê vọng tạo ra. Nếu chúng sanh lục căn đồng tạo ác nghiệp thì vào ngục A Tỳ, trải qua vô số kiếp, chịu khổ vô cùng; Nếu lục căn mỗi mỗi tạo riêng, với nghiệp sở tạo, gồm cả căn trần, thì người ấy vào 8 ngục A Tỳ; Nếu cả thân, khẩu, ý, tạo nghiệp sát, đạo, dâm, thì người ấy đọa vào 18 địa ngục; Nếu không gồm cả ba nghiệp, hoặc trong ấy chỉ tạo nghiệp sát hay nghiệp đạo, thì người ấy vào 36 địa ngục; Nếu chỉ có một căn riêng tạo một nghiệp, thì người ấy vào 108 địa ngục.

- Mỗi chúng sanh dù riêng tạo biệt nghiệp, nhưng cùng vào chỗ đồng phận trong thế giới, ấy đều do vọng tưởng sanh ra, chẳng phải vốn sẵn có.

- Lại nữa A Nan! Nếu các chúng sanh phá hủy luật nghi, phạm giới Bồ Tát, phỉ báng Niết Bàn và các nghiệp khác, thì trải qua nhiều kiếp bị đốt cháy, sau khi đền tội xong, thọ các hình quỷ.

- Nếu ở nơi bản thân, do tham vật tạo tội, người ấy khi đền tội xong, gặp vật thành hình, gọi là Quái Quỷ; do tham sắc tạo tội, khi đền tội xong, gặp gió thành hình, gọi là Bạt Quỷ; Do tham đối trá tạo tội, khi đền tội xong, gặp súc vật thành hình, gọi là Mỵ Quỷ; Do tham sân hận tạo tội, khi đền tội xong, gặp sâu bọ thành hình, gọi là Cổ Độc Quỷ; Do tham thù oán tạo tội, khi đền tội xong, gặp kẻ thù vận suy thành hình, gọi là Lệ Quỷ; Do tham ngạo mạn tạo tội, khi đền tội xong, gặp khí thành hình, gọi là Nga Quỷ; Do tham lừa gạt tạo tội, khi đền tội xong, gặp uẩn thành hình, gọi là Yểm Quỷ; Do tham minh ngộ tạo tội, khi đền tội xong, gặp tinh linh thành hình, gọi là Vong Lượng Quỷ; Do tham vu vạ tạo tội, khi đền tội xong, gặp linh hiển thành hình, gọi là Dịch Sử Quỷ; Do tham kết bè phái tạo tội khi đền tội xong, gặp con người thành hình, gọi là Truyền Tống Quỷ.

- A Nan! Loại này đều vì thuần tình mà sa đoạ, khi nghiệp lửa đốt cạn thì lên làm quỷ, ấy đều do vọng tưởng của tự mình chiêu cảm nghiệp quả, nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì nơi Diệu Tâm sáng tỏ, vốn chẳng có gì cả.

- Lại nữa A Nan! Khi hết nghiệp quỷ, tình và tưởng cả hai đều không, mới ở nơi thế gian, với người mắc nợ cũ oán đối gặp nhau, thân làm súc sinh để trả nợ xưa.

- Loài quái quỷ theo vật, khi vật tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim kêu.

- Bạt quỷ theo gió, khi gió tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cừu trùng (*Loài dự báo điềm xấu như chim cú, quạ...*)

- Mỵ quỷ theo súc, khi súc chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chồn.

- Cổ quỷ theo sâu, khi sâu diệt báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài độc hại.

- Lệ quỷ theo vận suy, khi suy tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun sán.

- Ngạ quỷ theo khí, khi khí tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài gia súc.

- Yểm quỷ theo u-ẩn, khi u-ẩn tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tầm, cừu, cung cấp đồ mặc.

- Vọng lượng quỷ theo tinh linh, khi tinh tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim mùa.

- Dịch sử quỷ theo linh hiển, khi linh diệt báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài hươu trùng (*Loài dự báo điềm tốt như phụng, lân*).

- Truyền tống quỷ theo người, khi người chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tùng phục bên người như chó, mèo.

- A Nan! Loại này đều vì nghiệp lửa đốt cạn, sanh vào loài súc, đền trả nợ xưa, ấy cũng là do vọng nghiệp chiêu cảm; Nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì các vọng duyên này, vốn chẳng có gì cả.

- Như Người hỏi về những quả báo ác nghiệp của Bửu Liên Hương, Lưu Ly Vương và Tỳ Kheo Thiện Tinh từ đâu ra? Phải biết mỗi mỗi đều tự tạo, chẳng phải từ trên trời xuống, từ dưới đất ra, hay người khác đưa đến. Tự tạo vọng nghiệp, tự chiêu ác quả, mà chẳng biết nơi tâm Bồ Đề, ấy đều do vọng tưởng giả dối kết tụ.

- Lại nữa A Nan! Những súc sinh ấy, đền trả nợ cũ, nếu trả quá nợ cũ, thì trở lại làm người, đòi lại phần thừa. Nếu người kia có sức mạnh, lại có phước đức, thì khỏi bỏ thân người mà vẫn hoàn lại phần thừa ấy được, còn nếu chẳng phước đức thì phải làm súc sinh để trả lại cái thiếu.

- A Nan nên biết! Nếu mắc nợ tiền tài hoặc sức lực của loài vật, khi đền đủ thì tự ngưng. Nếu ở trong đó có giết hại sinh mạng hoặc ăn thịt họ, như thế cho đến ăn nhau, giết nhau, trải qua vô số kiếp, như chuyển bánh xe, lúc cao lúc thấp, thay phiên nhau chẳng ngừng. Trừ khi gặp Phật ra đời, ngộ pháp Xa Ma Tha, nếu không thì nghiệp chẳng thể ngưng.

- Nay Người nên biết, loài chim kêu kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng ngoan cố.

- Loài cừu trung kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng quái dị.

- Loài chồn kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng ngu dại.

- Loài độc hại kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nham hiểm.

- Loài giun sán kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng hèn hạ.

- Loài gia súc kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nhu nhược.

- Loài tầm, cừu kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nghèo khổ.

- Loài chim mùa kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng văn hoa.

- Loài hươu trung kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông minh.

- Loài tùng phục bên người kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông thạo.

- A Nan! Loại này dù trả hết nợ cũ, trở lại làm người, đều do điên đảo tạo nghiệp, sanh nhau giết nhau từ vô thủy, chẳng gặp Như Lai, chẳng nghe chánh pháp, ở trong trần lao xoay vần mãi, bọn này gọi là thật đáng thương xót.

- A Nan! Lại có chúng sanh, trong cõi người chẳng theo Chánh giác tu Tam Ma Địa, mà tu theo vọng niệm, giữ tâm cứng cố hình hài, ẩn trong rừng núi, những chỗ vắng người, thành mười loại tiên.

1. A Nan! Những chúng sanh ấy, kiên cố dùng đồ bổ chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thực, gọi là ĐỊA HÀNH TIÊN.

2. Kiên cố dùng cỏ cây chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thuốc, gọi là PHI HÀNH TIÊN.

3. Kiên cố luyện đơn chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo hóa chất, gọi là DU HÀNH TIÊN.

4. Kiên cố luyện khí chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tinh khí, gọi là KHÔNG HÀNH TIÊN.

5. Kiên cố luyện tân dịch chẳng ngừng nghỉ, thành tựu nhuận đức, gọi là THIÊN HÀNH TIÊN.

6. Kiên cố hấp thụ tinh hoa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu sự hấp thụ, gọi là THÔNG HÀNH TIÊN.

7. Kiên cố luyện theo bùa chú chẳng ngừng nghỉ, thành tựu bùa phép, gọi là ĐẠO HÀNH TIÊN.

8. Kiên cố chuyên chú tâm niệm chẳng ngừng nghỉ, thành tựu niệm tưởng, gọi là CHIẾU HÀNH TIÊN.

9. Kiên cố về thủy hỏa giao cấu chẳng ngừng nghỉ, thành tựu sự cảm ứng, gọi là TINH HÀNH TIÊN.

10. Kiên cố biến hóa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tà ngộ, gọi là TUYỆT HÀNH TIÊN.

- A Nan! Loại này đều ở trong cõi người mà luyện tâm, chẳng tu chánh giác, xa cách người đời, thọ muôn ngàn tuổi, ẩn núp nơi núi sâu, hòn đảo, những chỗ vắng người; Ấy cũng là theo vọng tưởng mà luân hồi. Nếu chẳng tu tam muội, khi phước báo hết, phải trở lại trong lục đạo.

DỤC GIỚI

1. A Nan! Những người thế gian, chẳng cầu đạo thường trụ, chưa thể rời bỏ sự ân ái vợ chồng, nhưng tâm chẳng buông lung nơi tà dâm, do tâm đứng lặng phát ra sáng suốt. Sau khi chết, ở gần với nhật nguyệt, loại này gọi là TỬ THIÊN VƯƠNG THIÊN.

2. Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư, chưa hoàn toàn trong sạch. Sau khi chết, vượt ánh sáng nhật nguyệt, ở trên đánh cõi người, loại này gọi là ĐAO LỢI THIÊN.

3. Gặp dục tạm giao, qua rồi thì chẳng nhớ; Nơi cõi người động ít tịnh nhiều. Sau khi chết, an trụ nơi hư không, ánh sáng nhật nguyệt chẳng thể soi đến, hạng người ấy tự có ánh sáng, loại này gọi là TU DIỆM MA THIÊN.

4. Lúc nào cũng tịnh, nhưng khi tiếp xúc bỗng đến, chưa thể lìa bỏ. Sau khi chết, sanh lên cõi tinh vi, chẳng nối liền với những cõi Trời, người ở dưới; Khi kiếp hoại tam tai cũng chẳng thể đến, loại này gọi là ĐÀU SUẤT ĐÀ THIÊN.

5. Ta chẳng tâm dâm dục, chỉ đáp ứng với nhu cầu của người, xem sự dâm dục vô vị như ăn sấp. Sau khi chết, sanh lên cõi biến hóa, loại này gọi là LẠC BIẾN HÓA THIÊN.

6. Tâm chẳng trụ thế gian, mà thọ dụng cảnh dục đồng như thế gian; Đang lúc thọ dụng, rõ ràng siêu thoát. Sau khi chết, vượt lên tất cả cảnh biến hoá và chẳng biến hóa, loại này gọi là THA HÓA TỰ TẠI THIÊN.

- A Nan! Sáu cõi trời kể trên, hình dù khởi động mà tâm còn dính mắc, từ đây trở xuống, gọi là DỤC GIỚI.

HẾT QUYỂN TÁM

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN CHÍN

SẮC GIỚI

SƠ THIÊN

1. A Nan! Tất cả người tu tâm trong thế gian chẳng nhờ Thiên Na thì chẳng có trí huệ; Nếu được giữ thân chẳng dâm dục, khi đi khi ngồi, niệm tưởng đều không, ái nhiễm chẳng sanh, chẳng lưu luyến Dục Giới, làm bạn với Phạm Thiên, hạng này gọi là PHẠM CHÚNG THIÊN.

2. Dục lậu đã trừ, “*Tâm lìa dục*” hiện, ưa hành theo các luật nghi, đức hạnh trong sạch, hạng này gọi là PHẠM PHỤ THIÊN.

3. Thân tâm diệu viên, oai nghi đầy đủ, giới cấm trong sạch, lại có sự tỏ ngộ, được thống lãnh Phạm Chúng, làm Đại Phạm Vương, hạng này gọi là ĐẠI PHẠM THIÊN.

- A Nan! Ba bậc này tất cả khổ não chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, dục lậu chẳng thể lay động, gọi là SƠ THIÊN.

NHỊ THIÊN

1. A Nan! Hàng Phạm Thiên thống lãnh Phạm chúng, đầy đủ phạm hạnh, lắng tâm chẳng động; do tịch lặng sanh ra ánh sáng; Hạng này gọi là THIẾU QUANG THIÊN.

2. Ánh sáng chói lợi, chiếu soi vô cùng, chiếu khắp mười phương cõi đều như lưu ly; Hạng này gọi là VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN.

3. Hào quang đồng như âm thanh, thành tựu giáo thể, phát ra sự giáo hóa trong sạch, ứng dụng vô cùng; Hạng này gọi là QUANG ÂM THIÊN.

A Nan! Ba bậc này tất cả lo buồn chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, những phiền não thô động đã uốn dẹp, gọi là NHỊ THIÊN.

TAM THIÊN

1. A Nan! Hào quang thành âm, dùng âm thanh tỏ bày diệu lý, thành hạnh tinh tấn, thông với sự vui tịch diệt, hạng này gọi là THIẾU TỊNH THIÊN.

2. Cảnh “*Tịnh Không*” hiện tiền, chẳng có bờ bến, thân tâm nhẹ nhàng, thành sự vui tịch diệt, hạng này gọi là VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN.

3. Thế giới và thân tâm, tất cả đều trong sạch, thành tựu đức tánh trong sạch, thắng cảnh hiện tiền, qui về cái vui tịch diệt, hạng này gọi là BIẾN TỊNH THIÊN.

- A Nan! Ba bậc này đầy đủ công hạnh đại tùy thuận, thân tâm yên ổn, được sự vui vô lượng, dù chẳng phải thật đắc chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm yên ổn trọn đủ sự hoan hỷ, gọi là TAM THIÊN.

TỨ THIÊN

1. Lại nữa A Nan! Cõi Trời này, thân tâm chẳng bị bức bách, nhân khổ đã hết, biết sự vui chẳng thường trụ, lâu ắt biến hoại, hai tâm khổ vui nhất thời cùng xả, tướng thô đã diệt, tánh phước được sanh, hạng này gọi là PHƯỚC SANH THIÊN.

2. Tâm xả viên dung, thắng giải trong sạch, được sự tùy thuận nhiệm mầu, cùng tốt vị lai, tánh phước chẳng ngăn ngại, hạng này gọi là PHƯỚC ÁI THIÊN.

3. A Nan! Từ cõi Trời này tẻ ra hai đường: Nếu dùng tâm sáng tỏ đầy đủ phước đức trước kia để tu chứng an trụ, hạng này gọi là QUẢNG QUẢ THIÊN.

4. Nếu nơi tâm trước kia, nhàm chán cả khổ vui, lại nghiền ngẫm cái tâm xả chẳng gián đoạn, trợn thành đạo xả, thân tâm tiêu diệt, lẳng tâm bất tướng, trải qua năm trăm kiếp. Nhưng vì người ấy đã lấy cái sanh diệt làm nhân, thì chẳng thể phát minh tánh chẳng sanh diệt, nên nửa kiếp đầu thì diệt, nửa kiếp sau lại sanh, hạng này gọi là VÔ TƯỚNG THIÊN.

- A Nan! Bốn bậc này tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể lay động, dù chẳng phải là chỗ chơn bất động của đạo vô vi, nhưng nơi tâm có sở đắc, công dụng thuần thực, gọi là TỨ THIÊN.

NGŨ TỊNH CƯ THIÊN

Ở đây, còn có năm bậc BÁT HOÀN THIÊN, đã dứt sạch chín phẩm tập khí của cõi dưới, khổ vui đều hết, chẳng định cư ở cõi dưới, nên an lập chỗ ở nơi tâm xả của đồng phạm chúng sanh.

1. Vậy, khổ vui đã diệt, ưa ghét chẳng sanh, hạng này gọi là VÔ PHIỀN THIÊN.

2. Tự tại phóng xả, chẳng có năng sở, tâm chẳng đối đãi, hạng này gọi là VÔ NHIỆT THIÊN.

3. Mười phương thế giới, diện kiến trong lặng, chẳng còn tất cả cấu nhiễm của cảnh trần, hạng này gọi là THIỆN KIẾN THIÊN.

4. Diệu kiến hiện tiền, biến tạo vô ngại, hạng này gọi là THIỆN HIỆN THIÊN.

5. Sắc trần từ tướng lằng xằng đến chỗ cứu cánh chẳng động, cùng tột tánh sắc chẳng có bờ bến, hạng này gọi là SẮC CỨU CẢNH THIÊN.

- A Nan! Với các cõi BÁT HOÀN THIÊN này, chỉ riêng bốn vị Thiên Vương cõi TỬ THIÊN mới được nghe biết, nhưng chẳng thể thấy biết. Như nay trong thế gian, nơi núi sâu rừng thẳm, những đạo tràng của bậc Thánh, đều có các vị A La Hán trụ trì, mà người thế tục chẳng thể thấy.

- A Nan! Mười tám cõi trời kể trên, dù thoát khỏi cảnh dục, nhưng chưa thoát khỏi sắc thân, gọi là Sắc Giới.

VÔ SẮC GIỚI

- Lại nữa A Nan! Từ trên danh của Sắc Giới, lại tẽ ra hai đường:

- Nếu nơi tâm xả, phát minh trí huệ, sáng suốt viên thông, bèn ra cõi trần, thành A La Hán, vào Bồ Tát Thừa, hạng này gọi là Hồi Tâm Đại A La Hán.

- Nếu nơi tâm xả được thành tựu, thấy thân chướng ngại, tiêu ngại vào không, hạng này gọi là KHÔNG XỨ.

- Chướng ngại đã tiêu, vô ngại vô diệt, trong đó chỉ còn A Lại Da Thức và nửa phần vi tế của Mạt Na Thức; Hạng này gọi là THỨC XỨ.

- Sắc và Không đã tiêu, tâm thức đều diệt, mười phương tịch lặng, chẳng có chỗ đến; Hạng này gọi là VÔ SỞ HỮU XỨ.

- Dùng tánh thức chẳng động để diệt sự nghiêng ngả, thành ra ở nơi vô tận lại tỏ bày tánh tận, như còn mà chẳng còn, tận mà chẳng tận, hạng này gọi là PHI TƯỚNG PHI PHI TƯỚNG XỨ.

- Hạng này xét cùng cái Không, nhưng chẳng tột lý Không; Nếu từ thánh đạo BÁT HOÀN THIÊN mà xét cùng, hạng này gọi là Bát Hồi Tâm Độn A La Hán. Nếu từ VÔ TƯỚNG THIÊN của ngoại đạo mà chấp thật Không, chẳng biết quày đầu, mê muội hữu lậu, chẳng nghe chánh pháp, bèn vào luân hồi.

- A Nan! Những cõi trời kể trên, mỗi mỗi đều là phạm phu đền trả nghiệp quả, khi nghiệp quả trả hết bèn vào luân hồi. Thiên Vương các cõi ấy, đều là Bồ Tát tu Tam Ma Địa, lần lượt tiến lên, hướng về đường tu của Bạc Thánh.

- A Nan! Cõi Tứ Không này, thân tâm dứt sạch, tánh định hiện tiền, chẳng có sắc thân của nghiệp quả; từ đây đến cùng, gọi là VÔ SẮC GIỚI.

- Ấy đều do chẳng rõ Diệu Tâm sáng tỏ, tích chứa vọng tưởng, chấp thân trung ấm, tùy loại thọ sanh, vọng có tam giới, nên vọng theo bảy loài mà chìm đắm.

A TU LA

- Lại nữa A Nan! Trong tam giới còn có 4 loại A Tu La:

1. Nếu từ loài quỷ, dùng sức hộ pháp, nhờ thần thông vào trong hư không; Loại A Tu La này là noãn sanh, thuộc về loài quỷ.

2. Nếu từ cõi Trời, thất đức bị đọa, chỗ ở gần với nhứt nguyệt; Loại A Tu La này là thai sanh, thuộc về loài người.

3. Có vua Tu La, thống lãnh tất cả A Tu La trên thế giới, sức mạnh vô úy, có thể tranh quyền với Phạm Vương Đế Thích và Tứ Thiên Vương, loại A Tu La này là hóa sanh, thuộc về loài Trời.

4. A Nan, riêng có một số A Tu La thấp kém sanh ở đáy biển, lặn dưới hang nước, ban ngày dạo trên hư không, ban đêm về ngủ dưới nước; Loại A Tu La này là thấp sanh, thuộc về loài súc.

- A Nan! Bảy loài Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Cõi Người, Thần Tiên, Cõi Trời và A Tu La kể trên, đều là những tướng hữu vi hôn trầm, vọng tưởng tùy nghiệp thọ sanh. Thật ra thấy đều như hoa đốm trên không, vọng hiện nơi Bản Tâm vô tác sáng tỏ, vốn vô sở đắc, chỉ một hư vọng, chẳng có cội gốc.

- A Nan! Những chúng sanh này, chẳng nhận được Bản Tâm, bị luân hồi trải qua vô số kiếp, chẳng được chơn tánh trong sạch, ấy đều do tùy thuận ba nghiệp sát, đạo, dâm; Hoặc ngược lại ba thứ đó, thành không sát, đạo, dâm; Vọng thấy “Có” thì là loài quỷ, vọng thấy “Không” thì là loài Trời; Có và Không thay phiên nhau, phát khởi tánh luân hồi.

- Nếu ngộ pháp Tam Ma Địa, thì Diệu Tâm thường tịch, hữu vô bất nhị, bất nhị cũng diệt, những việc không sát, đạo, dâm còn chẳng có, hướng là thuận theo sát, đạo, dâm.

- A Nan, chẳng dứt ba nghiệp thì chúng sanh mỗi mỗi đều có nghiệp riêng, do nghiệp riêng ấy, trong đồng phận của chúng sanh, chẳng phải là không có chỗ nhất định. Đó là do tự tạo vọng nghiệp, vọng vốn chẳng nhân, chẳng thể truy cứu cội gốc.

- Người khuyên người tu hành, muốn đắc đạo Bồ Đề, phải trừ dứt ba nghiệp. Nếu ba nghiệp chẳng dứt, dẫu được thần thông, cũng đều là những công dụng

hữu vi của thế gian, tập khí chẳng diệt thì lạc vào ma đạo, dù muốn trừ vọng, càng thêm giả dối. Như Lai nói là kẻ đáng thương xót.

- Vậy, vọng do người tự tạo, chẳng phải lỗi của Bồ Đề, thuyết như thế gọi là chánh thuyết, chẳng thuyết như thế tức là tà thuyết. Liền đó, Như Lai sắp xuống pháp tòa, nơi tòa sư tử, dựa ghế thất bửu mà bảo khắp đại chúng và A Nan rằng:

MA NGŨ ẤM

- Nay Ta đã thuyết pháp chơn tu, các Người còn chưa hiểu những ma sự vi tế, cảnh ma hiện tiền, các Người cũng chẳng biết, vì tâm chẳng chánh, lọt vào tà kiến, nên bị ma ngũ ấm, hoặc thiên ma, hoặc quỷ thần, hoặc yêu ma xâm nhập, trong tâm chẳng biết, nhận giặc làm con. Những người nhị thừa, được ít lại cho là đủ, như Tỳ Kheo Vô Văn, tu đến tứ thiên mà vọng nói đã chứng Thánh quả, đến khi hết phước báo cõi Trời, đọa địa ngục A Tỳ. Nay các Người hãy chú ý nghe:

- Các Người phải biết, cái tâm thể Bản Giác của mười phương chúng sanh vốn viên mãn Diệu Minh, cùng với mười phương chư Phật chẳng hai chẳng khác, vì do vọng tưởng của các người mê chấp đạo lý mới thành lỗi lầm, từ đó sanh ra si ái, si ái sanh trưởng khắp nơi, nên có tánh hư không, sự mê chấp tiến hóa không ngừng, nên sanh ra thế giới, vậy thì mười phương vô số quốc độ đều do vọng tưởng kiến lập. Phải biết:

Hư không sanh khởi trong tâm các Người như đám mây ở giữa hư không, hướng là các thế giới đều ở trong hư không. Trong các Người có một người kiến tánh, thì mười phương hư không đều tiêu diệt ngay, làm sao những quốc độ trong hư không chẳng bị tan nát!

- Các Người tu thiền đến nơi chánh định, cũng như mười phương Bồ Tát và Đại A La Hán, chơn tâm dung thông, ngay đó trạm nhiên. Khi ấy, tất cả ma vương và quỷ thần, thấy cung điện của mình khi không sụp đổ, đều cảm thấy kinh khủng, họ đều được năm thứ thần thông (*Chỉ trừ ra Lưu Tận Thông*), ham thích trần lao, đầu thế để cho người tu chánh pháp làm sụp đổ xứ sở của họ, cho nên đang lúc người tu được chánh định, những thiên ma, yêu tinh, quỷ thần đều tụ lại để quấy phá, nhưng họ ở trong trần lao, người tu ở trong Diệu Giác, dù họ hung dữ cách mấy cũng hại chẳng được; Ví như gió thổi ánh sáng, hoặc dùng dao cắt nước, chẳng ăn nhằm gì. Họ như băng đá, người tu như nước nóng, nước nóng làm tan rã băng đá. Họ ỷ lại sức thần thông, nhưng chỉ là khách, người tu là chủ, nếu chủ mê thì khách được thành tựu sự quấy phá của họ, nếu người tu ngay đó giác ngộ chẳng mê, thì ma sự của họ chẳng làm gì được mình.

I. MA SẮC ẤM

- A Nan nên biết, Người tọa đạo tràng, vọng niệm nếu hết thì ngay cái là niệm ấy tắt cả sáng tỏ, động tịnh chẳng dời, nhớ quên như một, nên trụ nơi này mà nhập chánh định. Như người mắt sáng ở chỗ đen tối, chơn tánh trong sạch, trong tâm chưa phát ánh sáng, đây gọi là phạm vi của SẮC ẤM. Nếu con mắt sáng tỏ, thì mười phương khai mở, chẳng còn đen tối, gọi là Sắc Ấm hết, thì người ấy được siêu việt Kiếp Trước. Nhưng quán xét nguyên nhân là bởi KIÊN CỐ VỌNG TƯỚNG⁽¹⁾ làm gốc.

1. A Nan, đang trong lúc tham cứu Diệu Minh, quên cả tứ đại, bỗng sắc thân ra vào các vật chất đều chẳng chướng ngại, ấy gọi là sự sáng tỏ tràn ra trước mắt. Sự việc ấy chỉ là công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng Thánh; Chẳng tự cho là Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là Thánh, liền lọt vào tà ma.

2. Trong lúc tham cứu Diệu Minh, thân như lưu ly, bỗng trong thân lấy ra các loài giun sán mà thân vẫn y nguyên, chẳng bị thương tổn, ấy gọi là sự sáng tỏ tràn ra hình thể, đây chỉ là do tu hành tinh tấn tạm được như thế, chẳng phải chứng Thánh; Chẳng tự cho là Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là Thánh, liền lọt vào tà ma.

(1): Kiên cố vọng tưởng và kiếp trước: Sắc Ấm tại sao gọi là Kiên Cố Vọng Tưởng? Vì do vọng tưởng của cha mẹ và vọng tưởng của mình giao kết mà thành cái sắc thân kiên cố này, nên gọi là Kiên Cố Vọng Tưởng. Do Sắc Ấm và tri kiến giao tranh lẫn nhau, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Kiếp Trước.

3. Trong lúc tham cứu Diệu Minh, khi ấy, ngoài sắc thân ra, hồn phách, ý chí, tinh thần dung hòa lẫn nhau, bỗng trong hư không nghe tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương chư Phật cùng diễn mật nghĩa, đây gọi là hồn phách, ý chí thay phiên nhau làm chủ khách, ly hợp lẫn nhau, thành tựu thiện chủng, tạm được như thế, chẳng phải chứng Thánh; Chẳng tự cho là Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là Thánh, liền lọt vào tà ma.

4. Trong lúc tham cứu Diệu Minh, trong tâm sáng tỏ, phát ra ánh sáng, chiếu khắp mười phương thành màu sắc Diêm Phù Đề, tất cả các loài đều hóa thành Như Lai. Bỗng thấy Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài Thiên Quang, ngàn Phật vây quanh, trăm ức cõi Phật cùng hoa sen đồng thời hiện ra. Ấy gọi là việc sở nhiệm của tâm hồn linh ngộ, ánh sáng của tâm chiếu soi các thế giới, tạm được như vậy, chẳng phải chứng Thánh; Chẳng tự cho là Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là Thánh, liền lọt vào tà ma.

5. Trong lúc tham cứu Diệu Minh, quan sát chẳng ngừng, sức đè nén hàng phục quá mức, bỗng trong hư không thành màu sắc bách bảo, xanh, vàng, đỏ, trắng đồng thời cùng khắp mười phương mà chẳng chướng ngại nhau. Ấy gọi là sự dụng công đè nén quá mức tạm được như thế, chẳng phải chứng Thánh; Chẳng tự cho là Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là Thánh, liền lọt vào tà ma.

6. Trong lúc tham cứu Diệu Minh, trong sáng chẳng loạn, bỗng lúc nửa đêm, ở trong nhà đèn tối, thấy rõ các vật chẳng khác ban ngày, ấy gọi là tâm dụng đến chỗ vi tế, cái năng thấy trong như lưu ly, cái sở thấy thấu qua đèn tối, tạm được như thế, chẳng phải chứng Thánh; Chẳng tự cho là Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là Thánh, liền lọt vào tà ma.

7. Trong lúc tham cứu Diệu Minh, toàn tâm dụng hòa với hư không, bỗng thân thể đồng như cây cỏ, lửa đốt, dao chém chẳng có cảm giác, thiêu chẳng thấy nóng, chém chẳng thấy đau, ấy gọi là tâm và trần dung hợp thành một, tạm được như thế, chẳng phải chứng Thánh; Chẳng tự cho là Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là Thánh, liền lọt vào tà ma.

8. Trong lúc tham cứu Diệu Minh, dụng công đến chỗ thanh tịnh, bỗng thấy núi sông, đất đai mười phương đều thành cõi Phật đầy đủ thất bảo, ánh sáng chiếu khắp, lại thấy hàng sa chú Phật, cung điện trang nghiêm, cùng khắp thế giới, thấy khắp thiên đàng địa ngục đều chẳng ngăn ngại, ấy gọi là tập trung tư tưởng ngày càng sâu đậm, lâu ngày hóa thành, chẳng phải chứng Thánh; Chẳng tự cho là Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là Thánh, liền lọt vào tà ma.

9. Trong lúc tham cứu Diệu Minh, đến chỗ sâu xa, bỗng ở nửa đêm, thấy được các đường phố và bà con phương xa, nghe được tiếng nói của họ, ấy gọi là tâm bức bách quá mức bay ra, nên cái thấy thấu qua vật chất, chẳng phải chứng Thánh; Chẳng tự cho là Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là Thánh, liền lọt vào tà ma.

10. Trong lúc tham cứu Diệu Minh, thấy hình thể của thiện tri thức, trong giây lát hiện ra đủ thứ biến đổi, ấy gọi là tâm tà bị yêu mị, hoặc thiên ma xâm nhập, thành linh thuyết pháp, thông đạt diệu nghĩa, chẳng phải chứng Thánh; Chẳng tự cho là Thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là Thánh, liền lọt vào tà ma.

- A Nan! Mười thứ cảnh giới thiện định trên, đều do SẮC ẤM và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra. Chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng Thánh thành đại vọng ngữ, đọa địa ngục A Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các Người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

II. MA THỌ ẤM

- A Nan! Người tu thiên định, khi dứt được SẮC ẤM, tâm thấy chư Phật như bóng hiện trong gương, dường như có sự chứng đắc, nhưng chưa được thọ dụng.

Cũng như người bị bóng đè, tay chân vẫn còn, thấy nghe rõ ràng, vì tâm bị tà bên ngoài xâm nhập, chẳng thể cử động được, ấy gọi là phạm vi của THỌ ẤM. Nếu bóng đè hết tâm lìa sắc thân, được tự thấy mặt mình, ở đi tự do vô ngại, gọi là THỌ ẤM hết, thì lúc ấy được siêu việt Kiến Trước. Nhưng quán xét nguyên nhân là do HƯ MINH VỌNG TƯỚNG⁽²⁾ làm gốc.

1. A Nan! Đang lúc thiền định, thấy ánh sáng chói rọi, trong tâm ức chế quá mức, bỗng sanh lòng buồn bã, cho đến thấy các loài ruồi muỗi như con của mình, thương xót rơi lệ, ấy gọi là dụng công đè nén quá mức. Ngộ biết đó là vọng tưởng chẳng phải chứng Thánh, chẳng mê chẳng chấp, lâu tự tiêu diệt; Nếu cho là Thánh, thì bị Ma Bi xâm nhập, hễ gặp người thì than khóc không xiết, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

2. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, thảng cảnh hiện tiền, kích động quá phần, bỗng trong đó sanh lòng dừng mãi, phản chí sánh bằng chư Phật, cho là một niệm có thể siêu việt ba A Tăng Kỳ kiếp, ấy gọi là dụng công lấn tiến quá mức. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng Thánh, chẳng mê

(2): Hư Minh Vọng Tướng và Kiến Trước:

Thọ Ấm tại sao gọi là Hư Minh Vọng Tướng? Vì Hư thì năng thọ, Minh thì năng nhận, như bóng tượng hiện trong gương sáng. Theo bản thể, hư minh là tâm Phật, tại sao nói là vọng tưởng? Vì hễ mống lên một niệm chấp trước, muốn được sự chứng đắc, thì liền bị thọ ấm che khuất, nên gọi là Hư Minh Vọng Tướng.

Kiến Trước là do tri kiến thọ nhận các cảnh rồi giao tranh lẫn nhau, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Kiến Trước.

chẳng chấp lâu tự tiêu diệt, nếu cho là Thánh thì bị Ma Cuồng xâm nhập, hễ gặp người thì khoe khoang kiêu căng, ngã mạn tăng trưởng, cho đến trên chẳng thấy có chư Phật, dưới chẳng thấy có người, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

3. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, tiến đến trước chẳng có chứng đắc mới, lui về sau lại mất chỗ cũ, sức trí kém mòn, giữa chừng bị lạc, chẳng có sở thấy, trong tâm bỗng sanh khô khan, luôn luôn nhớ mãi không tan, lại cho là tinh tấn, ấy gọi là tu tâm mà chẳng huệ. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng Thánh; Nếu cho là Thánh, thì bị Ma Nhớ xâm nhập, ngày đêm trối tâm vào một chỗ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

4. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, sức huệ mạnh hơn sức định, tâm chấp các việc thù thắng, tự tưởng là Phật Lô Xá Na, được ít cho là đủ, ấy gọi là dụng tâm quên mất quán chiếu, đọa vào tri kiến. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng Thánh; Nếu cho là Thánh, thì bị Ma Hèn Hạ Dể Biết Đủ xâm nhập, hễ gặp người thì tự xưng ta được Vô Thượng Đệ Nhất Nghĩa Đế, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

5. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, chưa được chứng mới, lại mất chỗ cũ, tiến lui đều chẳng được, cảm thấy khó khăn, bỗng sanh lòng lo âu, tâm chẳng muốn sống, mong cầu người khác

sát hại thân này để mau được giải thoát, ấy gọi là tu hành lạc mất phương tiện. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng Thánh; Nếu cho là Thánh, thì bị Ma Hay Lo Rầu xâm nhập, tự cầm dao kiếm chém cắt thịt mình, thích bỏ thọ mạng, hoặc thường lo rầu, trốn vào rừng núi, sợ bị người thấy, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

6. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, ở nơi thanh tịnh, tâm được an nhàn, bỗng trong lòng vui mừng vô cùng, chẳng thể kèm chế được, ấy gọi là khinh an mà chẳng có trí huệ tự ngăn. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng Thánh; Nếu cho là Thánh, thì bị Ma Ham Vui xâm nhập, hễ gặp người thì cười, múa hát ngoài đường, tự cho mình đã được giải thoát vô ngại, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

7. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, tự cho sự tu của mình đã đầy đủ, bỗng tâm sanh đại ngã mạn, hoặc khinh mạn người, hoặc ngạo mạn mình hơn người, hoặc tăng thượng mạn, hoặc ty liệt mạn (*Khinh người hơn mình*), đồng thời phát ra. Đã dám khinh chê mười phương chư Phật, hướng là các bậc Thanh Văn, Duyên Giác! Ấy gọi là kiến chấp quá cao, không có trí huệ tự cứu. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng Thánh; Nếu cho là Thánh, thì bị Ma Đại Ngã Mạn xâm nhập, không lễ chùa tháp,

phá hủy kinh tượng, nói với Phật tử rằng: *“Tượng Phật là loại vàng đồng, đồ gỗ, kinh sách là lá cây, giấy lụa, cái thân này đã là chơn thường, sao chẳng cung kính cúng dường mà đi sùng bái loại cây loại gỗ, thật là điên đảo”*. Khiến những người tin theo lời họ, hủy hoại tượng Phật, kinh sách, làm lầm chúng sanh đọa ngục A Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

8. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, ở nơi sáng tỏ tự ngộ chơn lý, được sự thuận lợi, trong lòng bỗng sanh khinh an vô cùng, tự nói chứng Thánh, được đại tự tại, ấy gọi là do huệ mà được khinh an. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng Thánh; Nếu cho là Thánh, thì bị Ma Khinh An xâm nhập, tự cho là đủ, chẳng cầu tiến thêm, cũng như Tỳ Kheo Vô Văn, làm lầm chúng sanh đọa ngục A Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

9. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, trong chỗ tỏ ngộ, được tánh hư minh, bỗng trong đó sanh lòng đoạn diệt, bác bỏ nhân quả, luôn luôn chấp không. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng Thánh, nếu cho là Thánh, thì bị Ma Rỗng Không xâm nhập, chê báng người trì giới là Tiểu Thừa, cho bậc Bồ Tát hể ngộ được Tánh Không thì chẳng có trì phạm, thường ở nơi đàn việt tín tâm,

rượu thịt, dâm uế. Vì được sức ma nhiếp trì, nên chẳng sanh nghi ngờ, tâm ma xâm nhập lâu ngày, hoặc ăn những đồ nhơ nhớp, đại tiểu tiện, cho là chẳng khác rượu thịt, phá hoại giới luật, khiến người tạo tội, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

10. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dút, thọ ấm rõ ràng, ham đắm sự hư minh, bỗng sanh lòng yêu vô hạn, yêu quá phát điên, liền thành tham dục, ấy gọi là trong định ham chấp sự an ổn, không có trí huệ tự chế, lầm vào ái dục. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng Thánh; Nếu cho là Thánh thì bị Ma Dục xâm nhập, vọng nói dâm dục là đạo Bồ Đề, người hành dâm gọi là Trì Pháp Tử, dạy người thế gian làm việc dâm dục. Nhờ sức ma nhiếp trì, những kẻ ngu mê tin theo trong thời mạt pháp chẳng phải ít, đến lúc ma sanh lòng chán rời khỏi thân thể, người ấy mất hết uy đức, bị sa vào lưới pháp luật, khiến chúng sanh bị lầm lạc, đọa địa ngục A Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

- Mười thứ cảnh giới thiền định trên, đều do thọ ấm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng Thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị cho người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

III. MA TƯỚNG ẤM

- A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được thọ ấm, dù chưa dứt hết tập khí, nhưng tâm đã được rời khỏi thân thể, như chim ra khỏi lồng, đã được thành tựu từ thân phàm trở lên, trải qua 60 cấp bậc Thánh vị Bồ Tát, được Ý - SANH - THÂN, đi ở vô ngại. Ví như có người ngủ say nói mơ, người ấy dù không hay biết gì, nhưng lời nói của họ đã làm cho người thức nghe biết, ấy gọi là phạm vi của TƯỚNG ẤM. Nếu động niệm và vọng tưởng dứt trừ, trong tâm sáng tỏ như gương sạch hết nhơ bụi, được sự chiếu soi, chẳng thấy có tướng sanh tử, gọi là tướng ấm hết, thì lúc ấy được siêu việt Phiền Não Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi DUNG THÔNG VỌNG TƯỚNG⁽³⁾ làm gốc.

1. A Nan! Trong lúc thiền định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham đắm sự hư minh, tham cầu sự khéo léo, khi ấy thiên ma được dịp nhập vào thân người khác để thuyết pháp; Người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến nơi người cầu khéo léo, thuyết pháp cho họ, hoặc hiện thân Tỳ Kheo, hoặc Đế Thích, hoặc phụ nữ, hoặc Tỳ Kheo Ni, hoặc trong phòng tối thân phát

(3): Dung Thông Vọng Tưởng và Phiền Não Trược, Tướng Ấm tại sao gọi là Dung Thông Vọng Tưởng? Do tướng năng dung thông biến hóa, khiến Tâm theo cảnh, khiến cảnh theo Tâm. Vì cái Tâm chấp dung thông chưa được hóa giải, nên ma mới được dịp thừa cái chấp ấy mà mê hoặc người, nên gọi là Dung Thông Vọng Tưởng. Tất cả phiền não đều do tướng niệm mà có, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Phiền Não Trược.

ánh sáng, người ấy ngu mê chẳng biết cho là Bồ Tát, tin theo lời dạy của họ, tín tâm lay chuyển, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói những việc biến đổi của tội phước, hoặc nói Như Lai sẽ ra đời chỗ này chỗ kia, hoặc nói những điềm kiếp hỏa, binh loạn, hăm dọa người ta, làm cho gia tài người ta vô cơ bị tiêu tan, ấy gọi là Quái Quỷ (*Quỷ tham lam*) tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời bỏ người ấy, lúc đó đệ tử lẫn thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị dọa ngục A Tỳ.

2. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham thích đi chơi, tham cầu sự du lịch. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp; Người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người tham cầu du lịch, thuyết pháp cho họ, người nghe pháp bỗng thấy thân mình ngồi trên bửu liên hoa, toàn thân hóa thành sắc vàng, cả chúng nghe pháp đều được như vậy chưa từng có, ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ham dâm dục, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói việc chư Phật ra đời; Hoặc nói người này người kia, chỗ này chỗ nọ là Phật Bồ Tát hóa thân đến đây, khiến người nghe thấy vậy, sanh lòng ham mộ, tà kiến khởi lên, làm mất chủng trí, đây gọi là

Bạt Quỷ (*Quỷ dâm dục*), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ mới khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

3. Trong lúc thiền định, thọ ấm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm tham cầu sự luôn luôn khế hợp. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu khế hợp thuyết pháp cho họ, khiến người nghe chưa nghe pháp đã được tỏ ngộ, niệm niệm dời đổi, hoặc được túc mạng thông, hoặc được tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết các việc tốt xấu của thế gian, hoặc nói kệ, hoặc tự tụng kinh, mỗi mỗi đều vui vẻ, được chưa từng có, người ấy ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát tâm ham ái dục, phá hoại giới luật, lên làm việc tham dục. Ma ưa nói Phật có lớn nhỏ trước sau, có chơn giả, có nam Phật, nữ Phật, Bồ Tát cũng vậy; Người nghe thấy vậy lạc mất Bản Tâm, dễ lọt vào tà ngộ. Đây gọi là Mỵ Quỷ (*Quỷ gian dối*), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc đó đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

4. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham thích suy xét căn bản, phân tích cội gốc cùng tột của sự vật. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu phân tích cội gốc thuyết pháp cho họ, ma có uy thần thuyết phục các người, khiến chưa nghe pháp, tự nhiên tâm đã hàng phục, nói Bồ Đề Niết Bàn, pháp thân thường trụ tức là cái sắc thân hiện hữu này, cha con đời đời tương sanh với nhau tức là pháp thân thường trụ chẳng dứt, cái trước mắt đã là cõi Phật, chẳng có cõi Tịnh Độ và Đức Phật nào khác. Người nghe tin nhận, quên mất bản tâm, đem cả thân mạng quy y, được chưa từng có, ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ham suy xét, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói nhân, nhĩ, tử, thiết đều là Tịnh Độ, nam nữ nhị căn là nơi chơn thật của Bồ Đề Niết Bàn, người mê chẳng biết, tin lời ô uế ấy. Đây gọi là Cổ Độc Yểm Thắng Ác Quỷ (*Quỷ cuông*), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc đó đệ tử lẫn thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

5. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham cầu sự tiên tri cảm ứng. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu cảm ứng, thuyết pháp cho họ. Ma khiến người nghe tạm thấy thân họ như trăm ngàn tuổi, lòng sanh yêu mến, chẳng muốn rời bỏ, chịu làm đầy tớ cúng dường đủ thứ mà chẳng biết mệt mỏi, lại khiến đồ chúng của mỗi người trong tâm đều biết họ là tiên sư, là thiện tri thức, sanh lòng yêu mến, thiết tha như keo sơn, được chưa từng có, người ấy ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ưa thân cận, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói kiếp trước người này người kia là anh em, là vợ của ta, nay đến để độ họ, cùng nhau đi đến cõi này cõi kia để cúng dường Phật này Phật nọ; Hoặc nói có cõi trời Đại Quang Minh kia, chư Phật đều nghỉ tại đó, người mê chẳng biết, tin lời cuồng vọng ấy. Đây gọi là Lệ Quỷ (*Quỷ sân si*), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lẫn thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

6. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bông trong tâm ham cầu tĩnh tịch, khắc khổ siêng tu, ưa thích chỗ vắng lặng. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu tĩnh lặng thuyết pháp cho họ. Ma khiến người nghe mỗi mỗi đều biết nghiệp báo của mình, hoặc nói với một người nào rằng: *“Người nay dù chưa chết, nhưng đã làm súc sinh”*. Rồi bảo người khác đến sau lưng họ làm dạng đập đuôi, liền khiến người ấy đứng dậy chẳng được, làm cho tất cả đều hết lòng khâm phục, có người móng tâm lên, ma liền biết ý. Ngoài luật nghi của Phật ra, nó càng thêm khắc khổ, phỉ báng Tỳ Kheo, chửi mắng đồ chúng, phơ bày việc người, chẳng tránh hiềm khích, ưa nói việc tội phước của tương lai mà mảy may không sai. Đây gọi là Đại Lực Quỷ (*Quỷ ngạo mạn*), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lẫn thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

7. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham muốn tri kiến, siêng năng nghiên cứu, tham cầu túc mệnh. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp; Người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu tri kiến, thuyết pháp cho họ. Người ấy khi không ở nơi nghe pháp được hòn ngọc báu, có lúc ma lại hóa thành súc sinh, miệng ngậm hạt châu và các châu báu, sách, bùa, các vật quý lạ, trước tiên đem hiến cho người ấy, sau nhập xác họ, hoặc bảo với họ là dưới đất nơi đó có hạt châu chiếu sáng, khiến các người nghe, được chưa từng có.

Do sức ma nhiếp trì, thường ăn cây thuốc chứ chẳng ăn cơm, hoặc hằng ngày chỉ ăn một hột mè hoặc một hột lúa mà thân vẫn béo mạnh; Phỉ báng Tỳ Kheo, chửi mắng đồ chúng, chẳng tránh hiềm khích; Uả nói kho báu nơi tha phương hoặc chỗ ẩn cư của bậc Thánh hiền mười phương, những người theo sau thường thấy có kẻ kỳ lạ. Đây gọi là loại quỷ thần sơn lâm, thổ địa, thành hoàng sông núi, tuổi già thành ma, hoặc kêu gọi làm việc dâm dục, phá hoại giới luật, cùng với người vâng theo lên làm sự ngũ dục; Hoặc chỉ ăn cây cỏ cho là tinh tấn, những việc làm không có nhất định, nhiễu loạn người ấy, đến khi

ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thấy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

8. Trong lúc thiên định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham cầu thần thông biến hóa. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu thần thông, thuyết pháp cho họ. Người ấy hoặc tay cầm ngọn lửa để trên đầu tứ chúng, lửa cháy sáng vài thước mà chẳng thấy nóng hay bị cháy, hoặc đi trên mặt nước như đi trên đất bằng, hoặc an tọa ở giữa hư không, hoặc vào trong bình hay trong túi, xuyên qua bức tường đều chẳng chướng ngại, chỉ đối với quân binh giao trận là không được tự tại thôi. Tự nói là Phật, thân mặc bạch y, nhận lễ lạy của bậc Tỳ Kheo, phỉ báng thiên luật, chửi mắng đồ chúng, phơ bày việc người mà chẳng tránh hiềm khích, ưa nói thần thông tự tại, hoặc khiến người thấy cõi Phật ở kế bên; Dùng sức quỷ mê hoặc người, chẳng phải có thật, khen ngợi sự dâm dục, chẳng bỏ thô hạnh, đem những việc ô uế cho là truyền pháp. Đây gọi là loại Sơn Tinh, Hải Tinh, Phong Tinh, Hà Tinh, Thổ Tinh, tất cả cây cỏ trên trời đất lâu năm lụy kiếp thành tinh, hoặc là Long (*Rồng*) my, hoặc loại tiên

chết rồi sống lại thành my, hoặc loại tiên chết rồi hình thể chưa tan, quỷ quái khác nhập vào, tuổi già thành ma, nhiễu loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

9. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham muốn nhập diệt, tham cầu đi sâu vào cái rỗng không. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu rỗng không, thuyết pháp cho họ. Trước mặt đại chúng, thân ma bỗng biến mất, chúng không trông thấy, lại từ hư không thành linh hiện ra, ở đi tự tại, hoặc hiện thân như lưu ly, hoặc đuôi tay chân bay mùi chiên đàn, hoặc đại tiểu tiện như đường phèn cứng chắc, phỉ báng giới luật, khinh bỉ người xuất gia. Uả nói không có nhân quả, hễ chết rồi là diệt hẳn, chẳng có thân sau và nói các phạm Thánh dù đã được không tịch, nhưng vẫn còn lên hành tham dục, và người thọ sự dâm dục ấy cũng được Tâm Không. Đây gọi là loại kim ngọc, chi thảo, hoặc con lân, phụng, rùa, hạc, thu hút tinh khí của nhứt nguyệt, trải qua ngàn vạn năm chẳng chết thành tinh, tuổi già thành ma, nhiễu loạn người ấy,

đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

10. Trong lúc thiên định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham muốn sống lâu, vất vả nghiên cứu, tham cầu trường thọ chẳng diệt. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu trường thọ, thuyết pháp cho họ, hay nói đi lại từ nơi này đến nơi khác chẳng có ngăn ngại; Hoặc trong chốc lát từ muôn ngàn dặm đi liền trở lại, mang theo đồ vật của nơi đó; Hoặc ở trong nhà, cho người ấy đi vài bước từ vách tường bên đông sang bên tây, mà người ấy đi gấp suốt năm chẳng tới, khiến họ tin đó là Phật hiện tiền. Ma ưa nói tất cả mười phương chúng sanh đều là con ta, ta sanh ra chư Phật, sanh ra thế giới, là Phật nguyên thủy, tự nhiên ra đời, chẳng do tu được. Đây gọi là Tự Tại Thiên Ma ở đời, sai khiến những quyến thuộc chưa phát tâm (*Kẻ đã phát tâm thì hộ trì chánh pháp*), lợi dụng sự hư minh của họ, thu hút tinh khí của người. Người ấy hoặc không nhờ thầy mà tự mình thấy rõ, ma tự xưng là Thần Hộ Pháp

Kim Cang, cho người sống lâu; Hoặc hiện thân mỹ nữ, thịnh hành việc tham dục, khiến người ấy chưa đầy một năm gan não đã khô kiệt, hay nói lảm nhảm một mình, nghe như yêu mỵ mà người khác chẳng hiểu. Khi bị sa vào lưới pháp luật, chưa kịp xử hình thì đã chết khô, nhiều loạn người ấy đến chết mới thôi. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A Tỳ.

- A Nan phải biết! Nơi thời mạt pháp, mười thứ ma kể trên ở trong pháp Ta xuất gia tu hành; Hoặc nhập thân người khác, hoặc tự hiện hình, đều nói đã thành chánh biến tri, khen ngợi sự dâm dục, phá hoại giới luật. Ma và đệ tử họ truyền nhau làm việc dâm dục, tà ma như thế, mê hoặc tâm can người từ chín đời cho đến cả trăm đời, khiến người tu hành đều thành quyến thuộc của họ, sau khi chết tất cả sẽ trở thành dân ma, lạc mất chánh biến tri, đọa ngục A Tỳ.

- Nay các người dẫu đã được vô lậu, chưa nên sớm nhập Niết Bàn, phải nguyện ở lại, vào trong thời mạt pháp, khởi đại từ bi, cứu độ người phát chánh tâm tu hành, khiến đừng lạc vào tà ma, được chánh biến tri. Nay ta đã độ các người ra khỏi sanh tử, các người hãy theo lời Phật dạy mà hành gọi là Báo Ân Phật.

- A Nan! Mười thứ cảnh giới thiên định trên, đều do TUỞNG ẤM và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chúng Thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo như lời dạy bảo trên khai thị cho người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

HẾT QUYỂN CHÍN

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN MƯỜI

IV. MA HÀNH ẤM

- A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được Tướng Ấm, những mộng tưởng bình thường tiêu sạch, thức, ngủ thường như một, chẳng còn đuổi theo cảnh trần, cái giác minh vắng lặng như hư không, thấy các núi sông, đất đai của thế gian như bóng hiện trong gương, tùy duyên chiếu soi, ở đi đều chẳng dính mắc, biết hết các tập khí xưa, cái nguồn gốc của sanh diệt từ đây được hiển lộ, thấy khắp 12 loại chúng sanh trong mười phương, dù chưa thông suốt manh mối của từng loại, nhưng đều từ một nguồn gốc phát sanh ra, giống như bụi trần lắng xuống, ấy là chỗ căn cứ địa của ngũ căn, đây gọi là phạm vi của Hành Ấm. Nhưng tánh của Hành Ấm vốn chẳng lắng xuống, sở dĩ lưu chuyển chẳng ngừng là do tập khí của nhiều kiếp, nếu tánh ấy trở về vắng lặng, tập khí dứt sạch, tướng lưu chuyển hết, như làn sóng lặng trở về nước yên, gọi là Hành Ấm hết, thì lúc ấy được siêu việt Chúng Sanh Trược.

Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi U ẨN VỌNG TƯỚNG⁽¹⁾ làm gốc (*Hành Ấm lưu chuyển vi tế, động mà chẳng động nên gọi là U ẨN*).

1. A Nan nên biết! Trong lúc thiền định, khi được chánh tri, chánh tâm sáng suốt, mười loại thiên ma chẳng còn được dịp quấy phá, mới được truy cứu cùng tận cội gốc sanh diệt của các loài. Quán xét cái cội gốc đó mà khởi tâm so đo, thì người ấy bị đọa vào hai loại Vô Nhân Luận:

a) Thấy sự bắt đầu vô nhân. Tại sao vậy? Người ấy đã dứt được tướng sanh diệt, nhờ 800 công đức của Nhãn căn, thấy được tất cả chúng sanh từ 8 vạn kiếp, theo nghiệp xoay vòng, chết đây sống đó, luân chuyển không ngừng, còn ngoài 8 vạn kiếp thì mịt mù chẳng thể thấy được, bèn cho là từ 8 vạn kiếp đến nay, mười phương chúng sanh trên thế giới vô nhân mà tự có. Do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

(1): U Ẩn Vọng Tướng và Chúng Sanh Trước:

Hành Ấm tại sao gọi là U Ẩn Vọng Tướng? Vì cái vọng tướng của Hành Ấm u nhân ẩn mật, khó mà tự phát giác được, gọi là U Ẩn Vọng Tướng. Chúng Sanh Trước là sanh diệt chẳng ngừng, nghiệp báo thường lưu chuyển, luân hồi thành đủ thứ chúng sanh, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Chúng Sanh Trước.

b) Thấy sự cuối cùng vô nhân. Tại sao vậy? Người ấy đã biết được căn bản của sự sanh, như người sanh người, chim sanh chim, xưa nay con quạ vẫn đen, con cò vẫn trắng, trời người vẫn đứng thẳng, thú vật vẫn đứng ngang, trắng chẳng do tẩy mà thành, đen chẳng do nhuộm mà nên, từ 8 vạn kiếp nay vẫn không dời đổi, nay đến tận hết hình thể này cũng vẫn như thế. Bỏ lai của ta chẳng thấy Bồ Đề thì làm sao lại có sự tu thành Bồ Đề! Vì mê lầm cho tất cả sự vật đều vốn vô nhân, do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

Ấy gọi là ngoại đạo thứ nhất lập Vô Nhân Luận.

2. Trong lúc thiền định, chánh tâm sáng suốt, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, thấy luôn luôn như vậy chẳng biến đổi, ngay nơi đó khởi tâm so đo, chấp đó là thường, thì người ấy bị đọa vào bốn thứ Chấp Thường Luận:

a) Người ấy xét thấy cùng tột Bản Tánh của tâm và cảnh, hai nơi đều không có nhân, do tu tập biết được tất cả sự sanh diệt của mười phương chúng sanh, từ hai vạn kiếp đến nay vẫn lưu chuyển không hề tan mất, bèn chấp cho là thường.

b) Người ấy xét cùng tội cội gốc của tứ đại, bốn thứ tánh ấy thường trụ, do tu tập biết được tất cả. Sự sanh diệt của mười phương chúng sanh, từ bốn vạn kiếp đến nay cái thể vẫn thường còn, không hề tan mất, bèn chấp cho là thường.

c) Người ấy xét cùng tội cội gốc của lục căn, theo tánh chấp trụ của thức thứ bảy, trong Tâm - Ý - Thức, chỗ nguồn gốc căn bản, tánh thường như vậy. Do tu tập biết được tất cả chúng sanh từ tám vạn kiếp này, dù có luân hồi, vốn là thường trụ, cuối cùng chẳng mất Bản Tánh, nên chấp cho là thường.

d) Người ấy đã dứt được Tướng Ấm chẳng còn cái tướng sanh diệt cho là tâm sanh diệt, nay đã vĩnh diệt, tự nhiên thành chẳng sanh diệt, vì tâm so đo nên chấp cho là thường.

- Do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ hai lập VIÊN THƯỜNG LUẬN.

3. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tội cội gốc của sanh diệt, khởi tâm so đo giữa ta và người, người ấy bị đọa vào bốn thứ kiến chấp điên đảo, một phần vô thường, một phần chấp thường luận:

a) Người ấy quán tâm Diệu Minh khắp cõi mười phương cho là thần ngã chơn thật, từ đó sanh chấp, cho ta cùng khắp mười phương, trạm nhiên sáng suốt chẳng động, tất cả chúng sanh ở nơi tâm ta tự sanh tự diệt, vậy thì tâm tánh ta là thường, còn sự sanh diệt ấy là Chơn Vô Thường.

b) Người ấy chẳng quán tự tâm mà quán khắp mười phương hằng sa quốc độ, thấy chỗ kiếp hoại (*Từ cõi tam thiên trở xuống*) thì gọi là chủng tánh chơn vô thường, còn chỗ kiếp chẳng hoại được (*Từ cõi tứ thiên trở lên, kiếp hoại chẳng đến được*) thì gọi là Chơn Thường.

c) Người ấy chỉ quán riêng tâm mình, thấy tinh mật vi tế như vi trần, lưu chuyển mười phương, khiến thân này liền sanh liền diệt mà tâm tánh chẳng dời đổi, ngã tánh chẳng hoại, gọi ta là Tánh Thường, sanh tử của tất cả chúng sanh từ ta mà ra thì gọi là Tánh Vô Thường.

d) Người ấy đã dứt được Tướng Ấm, thấy hành ấm lưu chuyển thường xuyên, gọi là tánh thường: Sắc, thọ, tướng ấm nay đã diệt hết thì gọi là Vô Thường.

- Do so đo này, một phần vô thường, một phần là thường, nên bị lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ ba lập MỘT PHẦN THƯỜNG LUẬN.

4. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong phân vị⁽²⁾ khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bốn thứ Hữu Biên Luận:

a) Người ấy trong tâm so đo cái gốc sanh lưu chuyển chẳng ngừng, chấp quá khứ vị lai gọi là hữu biên, chấp tâm tương tục gọi là Vô Biên.

b) Người ấy quán tâm từ tám vạn kiếp đến nay thì thấy có chúng sanh, từ tám vạn kiếp trở về trước thì chẳng thấy chẳng nghe, bèn cho chỗ chẳng thể thấy nghe ấy gọi là vô biên, chỗ có chúng sanh gọi là Hữu Biên.

c) Người ấy chấp rằng ta biết cùng khắp, được tánh vô biên; Tất cả mọi người đang trong cái hay biết của ta, mà ta chẳng từng biết cái tánh biết của họ, ấy gọi là họ chẳng được cái tâm vô biên, chỉ được tánh hữu biên thôi.

d) Người ấy quán đến cùng tột Hành Ấm rồi không, so đo trong tâm cái sở thấy của mình, cho là ở trong một thân của tất cả chúng sanh đều là phân nửa sanh phân nửa diệt, cho đến tất cả hiện hữu trong thế giới này cũng đều phân nửa hữu biên, phân nửa vô biên.

(2): Phân Vị:

Luận về thường, vô thường, nói về tánh thì thuộc kiến phần; Biên vô biên. Nói về phân vị thì thuộc tướng phần. Bốn thứ Hữu Biên Luận nói về phân vị: Một là phân vị tam tế, quá khứ, hiện tại, vị lai, hai là phân vị kiến văn, ba là phân vị nhân ngã, bốn là phân vị sanh diệt, đều bị kẹt trong phân vị của Hành Ấm mà sanh ra vọng tâm so đo.

- Do so đo này, hữu biên vô biên, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ tư lập HỮU BIÊN LUẬN.

5. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi tri kiến khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bốn thứ: Điên đảo, bất tử, càn loạn, biến kế hư luận:

a) Người ấy quán xét cội gốc của sự biến hóa thấy chỗ lưu chuyển thì gọi là biến, thấy chỗ nối nhau thì gọi là thường, thấy chỗ thấy được thì gọi là sanh, thấy chỗ chẳng thấy được thì gọi là diệt, cái nhân nối nhau chẳng gián đoạn thì gọi là thêm, khi đang nối nhau, ở giữa có chỗ gián đoạn thì gọi là bớt, chỗ sanh của mọi vật thì gọi là hữu, chỗ diệt của mọi vật thì gọi là vô; Dùng lý quán xét thì thấy đồng, dùng tâm thì thấy khác. Có người đến câu pháp hỏi nghĩa thì đáp: *“Ta nay cũng sanh cũng diệt, cũng có cũng không, cũng thêm cũng bớt”*, bất cứ lúc nào đều nói đảo loạn như thế, khiến người nghe rồi cũng như không nghe.

b) Người ấy quán xét tâm họ đến chỗ VÔ, vì vậy nên chẳng có chứng đắc, hễ có người đến hỏi chỉ đáp một chữ “VÔ”, ngoài ra không nói gì cả.

c) Người ấy quán xét tâm họ đến chỗ HỮU, vì vậy mà có sự chứng đắc, hễ có người đến hỏi thì chỉ đáp một chữ “HỮU”, ngoài ra không nói gì cả.

d) Người ấy hữu vô cùng thấy, do cảnh rời rạc nên tâm cũng bị rối loạn, hễ có người đến hỏi thì đáp: *“Cũng có tức là cũng không, ở trong cũng không, chẳng phải cũng có”*. Tất cả càn loạn, chẳng thể hỏi ra kết quả.

- Do so đo này, hư vô càn loạn, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, đây gọi là ngoại đạo thứ năm chấp bốn thứ ĐIÊN ĐẢO, BẤT TỬ, CÀN LOẠN, BIẾN KẾ HƯ LUẬN.

6. Trong lúc thiên định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt vô tận khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết có tướng: Hoặc tự giữ cái sắc thân, cho sắc thân là ta; Hoặc thấy ta bao trùm khắp các cõi nước, thì cho ta có sắc; Hoặc thấy duyên cảnh xưa theo ta luân hồi thì cho sắc thuộc về ta; Hoặc thấy cái ta nương theo hành ấm mà tương tục, thì cho ta ở nơi sắc, xoay chuyển như vậy thành mười sáu tướng, từ đó sanh ra cái chấp *“Có phiền não thật”*, và *“Bồ Đề thật”*, hai tánh ấy đi song song mà chẳng đụng chạm nhau, do so đo này, chấp sau khi chết có tướng, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ sáu trong ngũ ấm chấp sau khi chết có tướng, lập TÂM ĐIÊN ĐẢO LUẬN.

7. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong những chỗ sắc, thọ, tưởng, đã diệt từ trước, khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết chẳng tướng. Thấy Sắc diệt rồi thì hình thể chẳng có nhân, thấy tướng diệt rồi thì tâm chẳng bó buộc, thấy thọ diệt rồi thì chẳng còn chỗ nối liền, tánh ấm tiêu tan, đâu có sự sanh mà chẳng có thọ, tưởng, đồng như cây cỏ, cái thể chất hiện hữu này còn bất khả đắc, hướng chi chết rồi thì đâu còn hình tướng nào! Theo đó suy lường, xoay chuyển thành tám thứ vô tướng, cho rằng nhân quả, Niết Bàn, tất cả đều không, chỉ có danh tự, cuối cùng đoạn diệt. Do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ bảy trong ngũ ấm chấp sau khi chết chẳng tướng, LẬP TÂM ĐIÊN ĐẢO LUẬN.

8. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong chỗ hành ấm còn mà thọ tướng đã diệt, cho “CÓ; KHÔNG” đồng thời cùng hiện nên tự thể phá nhau, người ấy bị đọa vào điên đảo luận, chấp sau khi chết chẳng phải “CÓ” cũng chẳng phải “KHÔNG”, trong sắc, thọ, tưởng, thấy có chẳng phải là có, nơi hành ấm lưu chuyển, thấy không chẳng phải là không, xoay chuyển như vậy cùng tận ấm giới, thành tám thứ tướng “*Chẳng phải có chẳng phải không*”,

dù gặp một duyên nào đều nói sau khi chết cũng có tướng cũng không tướng. Lại chấp hành ẩm tánh hay thay đổi, tâm phát thông ngộ, thấy “CÓ, KHÔNG” đều chẳng phải, hư và thật đều không chỗ căn cứ, do so đo này, làm cho mịt mù chẳng thể nói được, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ tám trong ngũ ấm chấp sau khi chết chẳng có cũng chẳng không, lập TÂM ĐIÊN ĐẢO LUẬN.

9. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi Hậu Hậu Vô⁽³⁾ khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bảy thứ Đoạn Diệt Luận: Hoặc chấp cái thân diệt, hoặc dục tận diệt, hoặc khổ tận diệt, hoặc cực lạc diệt, hoặc cực xả diệt, xoay chuyển như thế đến tận cùng bảy nơi, cái thân hiện tiền khi tiêu diệt rồi chẳng còn sanh nữa, do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ chín trong ngũ ấm chấp sau khi chết đoạn diệt, lập TÂM ĐIÊN ĐẢO LUẬN.

(3): Hậu Hậu Vô: Vì trước kia thấy có hành ẩm mà chẳng có thọ tướng, sau này hành ẩm cũng chẳng có; Trước kia thấy sau khi chết chẳng tướng là chỉ nói về một chỗ thân diệt mà thôi, nay truy cứu hết bảy chỗ tận diệt chẳng sanh nữa: Thân diệt thuộc dục giới, gồm cõi trời và cõi người, sắc dục diệt thuộc Sơ thiên, khổ diệt thuộc Nhị thiên, cực lạc diệt thuộc Tam Thiên, cực xả diệt thuộc Tứ Thiên, dù chỉ nói 5 chỗ diệt, kỳ thật gồm hai cõi Vô Sắc (*Không Vô Biên Xứ* và *Vô Sở Hữu Xứ*) là bảy chỗ diệt. Đây là lọt vào Vô Tướng Thiên ngoại đạo, giống như Tỷ Kheo Vô Văn, đồng một đoạn kiến, tự nói chứng quả, chẳng thọ sanh nữa, nên lập sau khi chết mới Đoạn - Diệt - Luận.

10. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi Hậu Hậu Hữu⁽⁴⁾ khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào năm thứ Niết Bàn Luận: Hoặc nhận dục giới là nơi Chánh Chuyển Y, vì thấy cảnh viên minh nên tâm sanh ái mộ, hoặc nhận sơ thiền vì tánh không còn lo, hoặc nhận nhị thiền, vì tâm không còn khổ, hoặc nhận tam thiền, vì rất vui đẹp, hoặc nhận tứ thiền vì khổ vui đều mất, chẳng bị luân hồi sanh diệt vậy. Mê lầm cõi trời hữu lậu cho là quả vô vi, nằm nơi an ổn ấy là nơi Thắng Tịnh Y, xoay chuyển ở năm chỗ này, cho là cứu cánh, do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ mười trong ngũ ấm chấp năm thứ Niết Bàn, lập TÂM ĐIÊN ĐẢO LUẬN.

- A Nan! Mười thứ thiền định cuồng giải trên đều do HÀNH ẤM và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này, mà chẳng tự biết, nhận sự mê lầm cho là giải thoát, tự nói chứng Thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A Tỳ.

(4): Hậu Hậu Hữu: Trước đã nói là Hậu Hậu Vô, rồi nay tại sao lại nói Hậu Hậu Hữu?

Bởi vì cái cội gốc sanh diệt lăng xăng này là chẳng thể diệt được vì chưa đến chỗ chơn tịch diệt, mà vọng thấy chỗ diệt có sự chứng đắc, nên nói Hậu Hậu Hữu. Vì Hành Ấm được tạm ngưng sát na tánh viên minh hơi hiện, bèn cho là chẳng sanh diệt, tức là Niết Bàn, do so đo thành có năm chỗ Niết Bàn vậy.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, nơi thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị khắp tất cả chúng sanh, khiến đều tỏ ngộ nghĩa này, chớ cho tâm ma tự khởi nghiệp chướng, hộ trì cho họ dứt bỏ tà kiến, khiến thân tâm được mở mang, giác ngộ nghĩa chơn thật, thành Vô Thượng Đạo, chẳng bị lạc đường, chẳng được ít cho là đủ, làm bia chỉ đường giải thoát của Phật.

V. MA THỨC ẤM

- A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được HÀNH ẤM, các tính sanh diệt lăng xăng chuyển động của thế gian bỗng được tan rã, các nghiệp báo luân hồi, sự cảm ứng vi tế như chỉ tơ gàn được đoạn dứt, sắp được minh ngộ nơi cõi Niết Bàn, như gà gáy lần chót, trời bắt đầu rạng đông. Lục căn hư tịch, chẳng còn rong ruổi cảnh trần, trong ngoài trập nhiên sáng suốt, cho đến nhập vô sở nhập: Thấu suốt cội gốc thọ mạng của 12 loại chúng sanh trong mười phương, chấp vào cái cội gốc đó, các loài chẳng đến với nhau, mà ở nơi mười phương đều đồng một cội gốc, sự phát hiện chỗ ẩn bí đó, như trời gần sáng mà chưa sáng, rạng đông kéo dài, đây gọi là phạm vi của THỨC ẤM. Nếu ở chỗ đồng ấy, nhờ sức thiền định mài giũa lục căn, đến thấy nghe thông nhau, sự dụng của lục căn muốn hợp lại

hay tách ra đều được tự do thành tựu, trong ngoài sáng suốt như lưu ly, gọi là thức ấm hết, thì lúc ấy được siêu việt Mệnh Trước. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi VÕNG TƯỢNG (*Mường tượng*) HƯ VÔ, ĐIÊN ĐẢO VỌNG TƯỢNG⁽⁵⁾ làm gốc.

1. A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được HÀNH ẤM, trở về chỗ cội gốc của THỨC ẤM, sanh diệt đã diệt mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, có thể khiến lục căn thông dụng lẫn nhau, cũng thông với cái giác tri của các loài trong mười phương, do sự thông dụng ấy mới được đi vào chỗ cội gốc của THỨC ẤM. Nếu ở chỗ trở về mà lập cái nhân Chơn Thường, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp “*Năng nhân, sở nhân*”, làm bạn với bọn ngoại đạo tóc vàng, nhận chỗ “*Căn bản của vô minh*” làm nơi sở quy, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật, ấy gọi là lập cái tâm sở đắc, thành cái quả sở quy, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống ngoại đạo thứ nhất.

(5): Điên Đảo Vọng Tượng và Mệnh Trước: Thức Ấm tại sao gọi là Điên Đảo Vọng Tượng? Vì chấp vông tượng hư vô, “Vông” thì giống như là không. “*Tượng*” thì giống như là có, như có như không, trở thành hư vô. Hư vô là thể của Chơn Như, chẳng sanh chẳng diệt, nay có vông tượng là bóng sanh diệt của thức thứ tám.

Nếu nương theo Chơn Như thì gọi là Chánh Giác, nếu nương theo thức thứ tám thì gọi là vọng giác, vì chấp cái vông tượng hư vô này, nên thành điên đảo vọng tượng. Sinh mệnh là do sự hô hấp, sức ấm của cơ thể và ý thức ba thứ hòa hợp mà thành, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Mệnh Trước.

2. Người tu thiền định, khi dứt được HÀNH ẤM, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở chỗ cội gốc của THỨC ẤM, ôm làm tự thể của mình, cho tất cả 12 loại chúng sanh khắp hư không đều phát xuất từ thân ta, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp “*Năng phi năng*”⁽⁶⁾, làm bạn với bọn ma dân hay hiện thân vô biên ở cõi Sắc giới, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật, ấy gọi là lập cái tâm năng vi, thành cái quả năng sự, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, sanh Đại Mạn Thiên, thành giống chấp ngã thiên viên thứ hai (*Thiên viên chưa được viên thông, chỉ có một nửa*).

3. Người tu thiền định, khi dứt được HÀNH ẤM, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi cội gốc của THỨC ẤM khởi tâm nương tựa, tự nghi thân tâm mình từ đó mà ra, mười phương hư không đều từ đó sanh khởi, bèn nhận chỗ đó là cái thể chơn thường, là nơi chẳng sanh diệt. Ở chỗ sanh diệt chấp là thường trụ, chẳng những chẳng thấy tánh chơn bất sanh diệt, mà còn nhận lầm tánh sanh diệt hiện tại, an trụ tại chỗ mê lầm này, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp “*Thường phi thường*”, làm bạn với bọn ở cõi trời Tự Tại Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề lạc mất tri kiến Phật.

(6): Năng Phi Năng: Chấp ta năng sanh tất cả chúng sanh (*Tâm năng vi*), nhưng sự thật thì chẳng có cái năng lực ấy (*Quả năng sự*).

Ấy gọi là lập cái tâm nhân y (*Cái nhân nương tựa*) thành cái quả vọng kế (*Vọng chấp thường trụ*), trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn thành giống điên đảo viên thông thứ ba (*Nói viên thông mà chưa được viên thông*).

4. Người tu thiền định, khi dứt được HÀNH ẤM, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi sở tri, kiến lập tri giải, cho các loài cây cỏ mười phương đều gọi là hữu tình, với người chẳng khác; Cây cỏ làm người, người chết rồi lại thành cây cỏ, cho đến loài vô tình đều có sự giác tri, hữu tình vô tình chẳng có phân biệt, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp “*Tri vô tri*”, làm bạn với hai thứ ngoại đạo Bà Tra và Tiện Ni, chấp tất cả đều có sự giác tri, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm viên tri, thành cái quả hư vọng, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống Điên Đảo Tri thứ tư.

5. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi lục căn dung thông lẫn nhau đã được tùy thuận vô ngại, rồi nương theo viên dung này, cho là tứ đại hay biến hóa tất cả, nên từ nơi tứ đại ham cầu tánh sáng suốt của hỏa; Thích tánh trong sạch của thủy; Uả tánh chu lưu của phong, quán tánh thành tựu của trần, mỗi mỗi đều tôn sùng, lấy các trần ấy nhận làm

Bản Nhân, chấp cho là thường trụ, thì bị đọa vào cái chấp “*Sanh vô Sanh*”, làm bạn với bọn ngoại đạo Ca Diếp Ba và Bà La Môn, siêng tâm ép xác, thờ lửa thờ nước để cầu được ra khỏi sanh tử, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp trước, thờ phụng, mê tâm theo vật, lập cái nhân vọng cầu, cầu cái quả vọng mong, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống của tạo hóa điên đảo thứ năm.

6. Người tu thiên định, khi dứt được HÀNH ẤM, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở trong viên minh chấp là hư vô, bác bỏ các sự tạo hóa, lấy cái vĩnh diệt làm chỗ quy y, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp “*Quy vô quy*” (*Cho vô quy là Quy*), làm bạn với bọn Thuấn Nhã Đa (*Thần hư không*) ở cõi Vô Tướng Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp cái tâm hư vô thành quả Không Vong, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống đoạn diệt thứ sáu.

7. Người tu thiên định, khi dứt được HÀNH ẤM, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi viên thường sanh lòng củng cố cái thân này, cho là thường trụ đồng với tánh ấy, mãi không tiêu diệt, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào

cái chấp “*Tham Phi Tham*”⁽⁷⁾, làm bạn với bọn A Tư Đà (*Chẳng ai bằng*), tham cầu trường thọ, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp trước mạng căn, lập cái nhân cố vọng (*Kiên cố cái vọng thân*), cầu quả thường trụ, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống vọng diên thứ bảy (*Vọng diên: Vọng muốn kéo dài*).

8. Người tu thiền định, khi dứt được HÀNH ẤM, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, xét THỨC ẤM là mạng căn của các loài dung thông lẫn nhau, bỗng sợ tiêu diệt, muốn giữ lại trần lao, bèn ở chỗ đó ngồi cung liên hoa, hóa ra rất nhiều châu báu và mỹ nữ, buông lung tâm mình, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp “*Chơn Vô Chơn*” (*Cho Vô Chơn là Chơn*), làm bạn với cội Tha Hóa Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là phát cái nhân tà tướng, lập quả trần lao hưng thịnh, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống thiên ma thứ tám.

9. Người tu thiền định, khi dứt được HÀNH ẤM, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông. Ở trong nguồn gốc của THỨC ẤM, khởi tâm phân biệt tinh, thô, chơn, ngụy, nhân quả trả nhau, chỉ cầu sự cảm ứng, trái ngược đạo thanh tịnh, chấp cái khổ, tập, diệt, đạo của Tứ Thánh Đế, cho là

(7): Tham Phi Tham: Thân vốn vô thường, chẳng thể tham được, nay khởi tâm chấp thật, tham cầu trường thọ, tham cái không thể tham gọi là tham phi tham.

đến chỗ diệt rồi là xong, chẳng cầu tiến thêm, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào định tánh Thanh Văn, làm bạn với kẻ tăng thượng mạn như Tỳ Kheo Vô Văn, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm cảm ứng tinh vi, thành quả tịch diệt, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống Triền Không thứ chín (*Triền Không: Bị ràng buộc ở chỗ Không*).

10. Người tu thiên định, khi dứt được HÀNH ẤM, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, ở nơi tánh giác minh, viên dung thanh tịnh, truy cứu sự thâm diệu, bèn chấp đó là Niết Bàn, chẳng cầu tiến thêm, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào định tánh Bích Chi, làm bạn với những người Duyên Giác và Độc Giác, chẳng biết hồi tâm hướng về Đại Thừa, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm âm thầm hợp với viên giác⁽⁸⁾, thành cái quả trạm minh, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, sanh cái giác viên minh, thành giống Bất Hóa Viên thứ mười (*Bất Hóa Viên: Chấp vào nơi viên mà chẳng thể hóa giải được*).

(8): Lập tâm viên giác thành cái quả trạm minh. Lấy cái giác làm viên minh: Cho là “Viên” thì bị kẹt ở nơi viên, cho là “Minh”, thì bị kẹt nơi minh. Là “Minh” thì chẳng mê ở nơi nhân quả cảm ứng; Là “Viên” nên chẳng mê vào chỗ “Diệt rồi là xong”, từ đó truy cứu sự thâm diệu, thâm lại càng thâm, chẳng đọa nơi hữu, diệu lại thêm diệu, chẳng đọa nơi Vô, thì ở chỗ “Phi hữu phi vô” này lập cái Niết Bàn chẳng sanh chẳng diệt, cố chấp không thể hóa giải được, nên chẳng cầu tiến thêm, thành quả định tánh Bích Chi.

- A Nan! Mười thứ cảnh giới thiên định trên, giữa chừng hóa điên, là do nương theo mê hoặc, ở nơi chưa cứu cánh chấp cho là đủ, ấy đều do THỨC ẤM với dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này hiện tiền, mỗi mỗi đều dùng tâm mê chấp những tập quán ưa thích cũ của mình, cho là cứu cánh mà ngừng nghỉ tại đó, tự nói đã đầy đủ đạo Vô Thượng Bồ Đề, thành đại vọng ngữ, lạc vào tà ma ngoại đạo, khi hết nghiệp báo chiêu cảm, bị dọa ngục A Tỳ, còn hàng Thanh Văn Duyên Giác thì chẳng cầu tiến thêm. Các người đã phát tâm theo đạo Như Lai, sau khi ta nhập diệt, nơi thời mạt pháp, phải đem pháp môn này truyền dạy cho đời sau, khiến tất cả chúng sanh đều rõ biết nghĩa này, chớ để cho kiến ma (*Tự chấp tri kiến của mình thành ma*), tạo nghiệp chìm đắm, hộ trì cho họ dứt bỏ tà duyên, khiến thân tâm họ nhập tri kiến Phật, từ bắt đầu đến khi thành tựu chẳng bị lạc đường.

- Chư Phật trong quá khứ hằng sa kiếp đều nhờ pháp môn này mà khai ngộ, thành đạo Vô Thượng. Nếu dứt được THỨC ẤM rồi thì lục căn của các người hỗ dụng lẫn nhau, do hỗ dụng này được vào cấp bậc Kim Cang Càn Huệ Bồ Tát, ở trong đó phát khởi chơn trí, trong suốt như mặt trăng ở trong ngọc lưu ly,

từ đó cho đến siêu việt Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Tứ Gia Hạnh và Kim Cang Thập Địa, Đăng Giác Viên Minh vào trong biển Diệu Trang Nghiêm của Như Lai, Bồ Đề viên mãn, quy về Vô Sở Đắc.

- Đây là những ma sự vi tế trong lúc tu tập thiền định mà chư Phật đã giác ngộ từ đời quá khứ, cảnh ma hiện tiền, các người nhận biết được liền tẩy trừ tâm cấu nhiễm của mình, chẳng lọt vào tà kiến, thì ấm ma tiêu diệt, thiên ma vỡ nát, đại lực quý thần hoảng sợ chạy trốn. Các loại yêu tinh ly my chẳng còn sanh ra, những căn hạ liệt cũng được tinh tấn, tâm chẳng mê lầm nơi Đại Niết Bàn, thẳng đến Bồ Đề, chẳng gì thiếu sót.

- Nếu các chúng sanh ngu độn trong đời mạt pháp chưa hiểu Thiên Na, chẳng biết Phật pháp mà ưa tu tam muội, e họ mắc phải tà kiến, nên một lòng khuyên họ trì chú Phật Đảnh Đà La Ni của Ta; Nếu chưa thể tụng trì, thì viết nơi thiền đường, hoặc đeo trong thân, như thế, tất cả tà ma đều chẳng động đến được. Người nên kính vâng lời dạy sau cùng về đường tu rốt ráo của mười phương Như Lai.

- A Nan nghe Phật dạy bảo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ kính vâng, ghi nhớ chẳng sót, lại bạch Phật rằng:

- Như lời Phật dạy, trong tướng Ngũ Ấm, năm thứ hư vọng vốn là Bản Tâm, chúng con bình thường chưa được Như Lai khai thị tỷ mỷ như thế. Lại Ngũ Ấm này là tiêu trừ một lượt hay theo thứ lớp mà diệt trừ? Năm lớp này đến đâu là bờ bến? Xin Như Lai phát lòng đại từ, khiến tâm và mắt của đại chúng được trong sáng, và làm đạo nhãn tương lai cho tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp.

Phật bảo A Nan:

- Diệu tâm sáng tỏ, bốn giác trong sạch, vốn chẳng có sanh tử và những trần cấu, tất cả chúng sanh, cho đến hư không, đều do vọng tưởng mà sanh khởi. Cái bốn giác vốn sáng tỏ trong sạch này, vọng sanh các tướng thế gian, như Diễm Nhã Đạt Đa mê đầu nhận bóng. Vọng vốn chẳng nhân, lại nơi vọng tưởng lập tánh nhân duyên, kẻ mê nhân duyên cho là tự nhiên, thật ra, tánh hư không còn là huyền hóa, nhân duyên và tự nhiên đều do vọng tâm của chúng sanh tạo thành. A Nan, biết chỗ vọng khởi, thì nói vọng duyên, nếu vọng vốn không, thì các vọng nhân duyên vốn chẳng thể có, huống là chẳng biết lại cho là tự nhiên. Vì thế, Như Lai phát minh: Bản nhân của Ngũ Ấm đều là vọng tưởng.

- Thân Người trước tiên, do niệm tưởng của cha mẹ sanh ra, tâm Người nếu chẳng có niệm tưởng thì chẳng thể đến hợp với tưởng của cha mẹ mà thọ sanh. Như trước Ta đã nói, tưởng tượng vị chua thì tiết ra nước miếng, tưởng tượng leo dốc thì lòng bàn chân ghê rợn, dốc cao chẳng có, vật chua chưa đến, thân Người nếu chẳng cùng loại với hư vọng thì làm sao nghe nói chua lại tiết ra nước miếng? Nên biết sắc thân hiện tiền của Người, gọi là KIÊN CỐ VỌNG TƯỚNG THỨ NHẤT.

- Như trên đã nói, tưởng tượng leo dốc thì khiến thân thật chịu ghê rợn; Vì cái nhân niệm tưởng cảm thọ, lay động sắc thân, nay trước mắt Người ham thuận chán nghịch, hai hiện tượng này giao tranh với nhau, gọi là HƯ MINH VỌNG TƯỚNG thứ hai.

- Bởi do niệm tưởng sai khiến sắc thân; Nếu sắc thân với niệm tưởng chẳng cùng loại, thì tại sao thân Người lại theo niệm tưởng sai khiến? Đủ thứ hiện tượng tương ứng với niệm tưởng, hễ tâm sanh thì thân nhận, lúc thức là niệm tưởng, lúc ngủ thành chiêm bao. Vậy thì niệm tưởng của Người lay động vọng tình, gọi là DUNG THÔNG VỌNG TƯỚNG thứ ba.

- Lý tạo hóa chẳng ngừng, âm thầm dời đổi, móng dài, tóc mọc, sức mòn, hình nhão, ngày đêm thay đổi mà không hề hay biết. A Nan, ấy nếu chẳng phải là Người thì tại sao thân Người lại dời đổi? Nếu ắt phải là Người thì sao Người lại chẳng hay biết? Vậy thì, hành ấm của Người niệm niệm chẳng ngừng, gọi là U ẨN VỌNG TƯỚNG thứ tư.

- Lại, chỗ tánh thức trong lặng chẳng lay động của người, cho là thường còn ấy, ở nơi thân Người chẳng ra ngoài Kiến, Văn, Giác, Tri, nếu cho là chơn thật, thì chẳng thể huân tập sự vọng, tại sao các Người đã từng xem một vật lạ từ năm xưa, trải qua nhiều năm, nhớ quên chẳng còn; Về sau bỗng thấy vật lạ đó, thì nhớ lại rõ ràng, chưa từng lạc mất?

- Vậy nơi tánh thức trong lặng chẳng lay động này, đâu có suy tính, mà niệm niệm chịu sự huân tập! A Nan nên biết, tánh trong lặng này chẳng thật, như dòng nước chảy gấp, trông như tịch lặng, ấy là vì chảy gấp mà chẳng thấy, chứ chẳng phải không chảy; Nếu chẳng phải là cội gốc của niệm tướng, thì đâu thể huân tập sự vọng? Nếu lục căn chưa được hồ dụng tự tại, thì vọng tướng này chẳng bao giờ diệt trừ được.

- Vậy nên hiện nay cái Kiến, Văn, Giác, Tri của Người, hòa hợp với tập khí vi tế, thành mười tám tướng hư vô nơi tánh Trăm Liễu, gọi là tướng vi tế của ĐIÊN ĐẢO VỌNG TƯỚNG thứ năm.

- A Nan! Ngũ ấm này do năm thứ vọng tưởng kể trên mà thành. Nay Người muốn biết bờ bến sâu cạn, thì Sắc với Không là bờ bến của Sắc Ấm; Xúc với Lìa là bờ bến của Thọ Ấm; Nhớ với Quên là bờ bến của Tưởng Ấm, Diệt với Sanh là bờ bến của Hành Ấm; Trạng nhập hợp Trạng, là bờ bến của Thức Ấm.

LƯỢC GIẢI

Trước kia, A Nan hỏi về Ngũ Ấm đến đâu là bờ bến, ở đây Phật giải thích kỹ càng, có nguyên nhân có bờ bến, từ cạn vào sâu.

Sắc chẳng tự Sắc, vì Không hiển Sắc, nên sắc với Không là bờ bến của Sắc Ấm. Thọ chẳng tự Thọ, vì Xúc có Thọ, nên Xúc với Lìa là bờ bến của Thọ Ấm; Tưởng chẳng phải Tưởng, vì ghi nhớ gọi là Tưởng, nên Nhớ và Quên là bờ bến của Tưởng Ấm; Hành chẳng phải Hành, vì sanh diệt chẳng ngừng, gọi là Hành, nên Sanh với Diệt là bờ bến của Hành Ấm; Thức gọi là Trạng Liễu (Trong lặng sáng suốt), là đã diệt sanh diệt, tánh Thức nhập vào chỗ cội gốc trong lặng, mà hợp với trạng nhiên, có nhập có hợp, tức là bờ bến của Thức Ấm.

Vì Trạng Nhập là Thức Ấm, Trạng Xuất là Hành Ấm. Chơn Tánh chẳng gọi là Trạng Nhập, là vì cùng khắp pháp giới, nên chẳng có xuất nhập, nay Trạng Nhập dần dần đi vào, cho đến nhập vô sở nhập, tức đến chỗ chẳng sanh diệt vậy.

- Cội gốc của Ngũ Ấm từng lớp sanh khởi; Sanh do thức mà có, diệt theo sắc mà trừ; Lý thì Đốn Ngộ, theo ngộ cùng tiêu. Sự chẳng thể bỗng diệt, phải dần dần mới được dứt sạch.

- Ta đã khai thị cho Người về thất kết của khăn bông, tại sao còn chẳng rõ mà lại hỏi nữa! Người đối với cội gốc vọng tưởng này, nơi tâm được khai ngộ, rồi mới có thể truyền dạy cho người tu hành trong đời mạt pháp, khiến họ biết sự hư vọng, tự sanh nhàm chán, biết có Niết Bàn, chẳng lưu luyến tam giới.

- A Nan! Nếu có người đem thất bảo chất đầy mười phương hư không để cúng dường vô số Phật, tâm chẳng buông lung, ý Người thế nào, người ấy do nhân duyên cúng dường Phật này, có được phước nhiều chăng?

A Nan đáp rằng:

- Hư không vô tận, thất bảo vô biên. Xưa kia có người cúng Phật bảy xu, còn được phước báo làm Chuyển Luân Vương, huống là dùng thất bảo đầy khắp hư không để cúng dường; Thất bảo ấy suốt kiếp đếm mãi còn chẳng thể hết, làm sao phước ấy lại có bờ bến!

Phật bảo A Nan:

- Lời nói của chư Phật chẳng có hư vọng, nếu có người gây các tội Tứ Trọng (*Sát, đạo, dâm, vọng*), Thập Ba La Di, phải trải qua địa ngục A Tỳ phương này phương kia, cho đến cùng tội các ngục A Tỳ mười phương trong sát na, chẳng nơi nào không trải qua, nếu người ấy dùng một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp, liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc được phước siêu việt hơn người cúng dường trước kia gấp trăm ngàn lần, ngàn vạn ức lần như thế cho đến toán số thí dụ đều chẳng thể tính đếm.

LƯỢC GIẢI

Theo đoạn trên nói, Phạm tội Tứ Trọng, Thập Ba La Di là cái tội cực ác, phải chịu cái quả báo cực khổ cho đến cùng tội tất cả địa ngục A Tỳ. Kẻ phạm tội như vậy tại sao chỉ cần dùng “Một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi An Lạc”. Vậy nếu thật như thế thành không có nhân quả sao? Nếu người hiểu lầm việc này thì cho là làm cái nhân cực ác cũng không sao! Vì chỉ cần biết thuyết pháp thì tội lớn đến mức nào cũng tiêu ngay lại còn được phước báo vô cùng tận.

Chúng Đạo Ca nói:

***“Liễu thì nghiệp chướng vốn là không,
Chưa liễu vẫn phải trả nợ xưa”.***

Liễu là liễu ngộ tức là ở trong chiêm bao thức tỉnh, thì nghiệp chướng ở trong chiêm bao tự tiêu diệt, còn chưa liễu thì còn ở trong chiêm bao phải chịu nghiệp báo trong chiêm bao không thể tiêu liền được. Kinh nói “Một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi An Lạc”, ấy là ám chỉ người liễu ngộ mới có thể liền tiêu nghiệp chướng “Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan”, độc giả hãy tự xem xét cho kỹ.

- A Nan! Nếu có chúng sanh hay tụng trì kinh này và chú này như Ta đã nói, thì phước báo cùng tội số kiếp cũng chẳng thể hết; Nếu nương theo lời dạy của Ta mà tu hành, thì thẳng đến Bồ Đề chẳng còn nghiệp ma.

Phật thuyết kinh này xong, các vị Tỳ Kheo; Tỳ Kheo Ni; Ưu Bà Tắc; Ưu Bà Di; Tất cả cõi Trời; Người; A Tu La trong thế gian, với các vị Bồ Tát; Nhị Thừa; Thần Tiên; Đồng Tử ở cõi khác, và đại lực quỷ thần mới phát tâm, đều rất vui mừng, đánh lễ ra về.

**KINH THỦ LĂNG NGHIÊM
HẾT**

MỤC LỤC

Lời dịch giả	05
Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Quyển Một	07
Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Quyển Hai	31
Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Quyển Ba	65
Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Quyển Bốn	101
Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Quyển Năm	135
Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Quyển Sáu	165
Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Quyển Bảy.....	197
Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Quyển Tám	215
Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Quyển Chín	245
Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Quyển Mười	275

KINH LĂNG NGHIÊM

Dịch và Lược giải : HT. THÍCH DUY LỰC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 024-37822845 - Fax: (024) 37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập

TS. Bùi Thanh Hà

Biên tập : Nguyễn Thị Thanh Thủy

Sửa bản in : HT. Thích Minh Hiền

Trình bày : Nhựt Thiện

Bìa : Nhựt Thiện

Đơn vị liên kết

Hòa Thượng. THÍCH GIÁC LIÊM

Tổ in ấn và Phát hành kinh sách

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - P8 - Q3 - TP. Hồ Chí Minh

Số lượng in: 1000 bản - Khổ 14x20cm

In tại: Công ty Cổ phần in Khuyến học phía Nam

Trụ sở: 128/7/7 Trần Quốc Thảo - Phường 7 - Quận 3 - TP. HCM

Số ĐKXB: 3518 - 2018/CXBIPH/03 - 169/TG

Mã ISBN: 978-604-61-5838-7

QĐXB: 403/QĐ-NXBTG ngày 31 tháng 10 năm 2018

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2018

